4770

NAM-PHONG TẠP-CHÍ

Directeur Rédacteur en chef
Chủ-nhiệm kiêm chủ-bút } PHẠM QUỲNH

Tome XVI

Nos 91-96

JANVIER - JUIN

1925

IN TẠI
ĐÔNG-KINH ẤN-QUÁN (Imprimerie Tonkinoise)
80-82, Rue du Chanvre. Hanoi,

1925

Số 93 — Mars 1925

Số trang

Thế-giới nhất-lãm. I 203
Pháp-du hành trình nhật-ký. XXV 220
Nói về nữ-quyền ở nước Nam ta 227
Cuộc đi chơi núi Sài-sơn 231
Khảo về học-thuyết Mặc-tử. II 253
Tuồng Nguyễn Trãi. V 261
Loài vật bay. III 272
Lược-sử cụ Nguyễn Công-Trứ 280
Văn-uyển 283
Thời-đàm 290

Số 94 — Avril 1295

Thế-giới nhất lãm. II 307
Pháp-du hành-trình nhật-ký. XXVI 319
Quan, hôn, tang, tế 327
Qua chơi mấy nơi cổ-tích đất Ninh-bình 349
Cuộc vui chơi hàng ngày của hạng thượng-lưu tri thức 365
Khoa-học tùng-đàm. Nghề chớp ảnh 377
Văn-uyển 384
Thời-đàm 391

Số 95 — Mai 1925

Nghĩa-vụ ngày nay 407
Pháp-du hành-trình nhật-ký XXVII 411
Người Mường 417
Cuộc thưởng kinh-nghĩa nôm 438
Tâm-lý-học IV 455
Lời khuyên con. III 462
Ôi ! thiếu niên (đoản-thiên tiểu-thuyết) 469
Mạn[illegible] văn giải-thích. XI 473
Văn-uyển 483
Thời-đàm 191

Số 96 — Juin 1925

Chơi Lạng-sơn Cao-bằng 507
Cụ Thân Trọng-Huề 516
Khảo về chế-độ Nhật-bản 517
Mấy bức gia-thư của Tăng Văn-Chính 533
Cảm-tưởng về vụ chấm thi Sơ-học yếu-lược 548
Cuộc chơi trăng sông Nhuệ 554
Lược-khảo về văn-học-sử nước Pháp. II 557
Nói về điện-tín. I 567
Tâm-lý-học. V 578
Văn-uyển 584
Thời-đàm 591

Nº 91 Janvier 1925

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

LUÂN-LÝ LÀ GÌ?

Nghĩa chữ *Luân-lý* rộng lắm. Muốn giải-thích cho hết nghĩa, phải phân-tách cho rõ-ràng và bàn nói cho lần-lượt.

Luân-lý trước hết là một bộ-phận riêng của triết-học, là một khoa-học kể cũng giống như các khoa số-học, lý-học, vân-vân, gồm với các bộ-phận khác của triết-học cùng các khoa-học khác làm thành ra cái nền học-thức của loài người, và cùng với các khoa kia cũng có bấy nhiêu tính-cách chung, như: nhân quan-sát các hiện-tượng riêng mà trừu-tượng thành phép-tắc chung; dùng các phương-pháp phân-tích cùng tổng-hợp, qui-nạp cùng suy-diễn; nhân sự sở-đắc về kinh-nghiệm mà dựng thành lý-thuyết có thống-hệ, vân-vân. Luân-lý theo nghĩa đó thời cũng có nghĩa rộng, có nghĩa hẹp; như luân-lý của cổ-nhân thời gồm nhiều vấn-đề ngày nay cho là thuộc về tâm-lý, về pháp-luật, về kinh-tế, vân-vân. Nhưng dù cái phạm-vi rộng hẹp thế nào mặc lòng, theo nghĩa thứ nhất đó thời luân-lý bao giờ cũng coi là một nền khoa-học, một nền triết-học; tức gọi là « luân-lý-triết-học » *(philosophie morale)* hay là « luân-lý-khoa-học » *(science morale)*.

Song ngoài triết-học, ngoài khoa-học, há không có luân-lý sao? Cố-nhiên là có. Như trong tôn-giáo nào cũng có luân-lý: có lắm dân-tộc ngày nay còn chỉ biết luân-lý ở trong tôn-giáo mà thôi. Lại phàm các đại-văn-chương, bao giờ cũng có luân-lý ở trong: như trong văn-chương nước Pháp có hẳn một phái văn-sĩ riêng, không chuyên về khoa-học, không chuyên về triết-học, mà gọi là « phái luân-lý » *(les moralistes)*, như La Fontaine, La Rochefoucauld, La Bruyère, Vauvenargues, vân-vân. Nay luân-lý theo nghĩa rộng như thế thời là thế nào? Tuy luân-lý phát-hiện ra có khi theo hình-thức của tôn-giáo, của văn-chương, có khi theo hình-thức của triết-học, của khoa-học, nhưng luân-lý chắc không phải là văn-chương hay tôn-giáo, triết-học hay khoa-học; nó cũng như các món kia, thuộc về một cái tổng-loại hiện chưa có một cái tên thông-dụng để chỉ cho rõ-ràng. Nếu có thể khoáng-trương được nghĩa những chữ như: *giáo-dục, văn-hóa*, để chỉ những sự ảnh-hưởng về tinh-thần có thể biến đổi được tính-tình người ta theo một cái lý-tưởng đã định, thời có thể giải nghĩa luân-lý là một cách giáo-dục, một cách giáo-hóa: tức gọi là « luân-lý-giáo-dục » *(éducation morale)*, « luân-lý-giáo-hóa » *(culture morale)*, của loài người bày ra để tự răn dạy mình bằng cái ngòi tôn-giáo, văn-chương hay triết-học.

Nhưng mà giáo-dục, giáo-hóa cũng giống như nghệ-thuật, cũng phải có một cái gốc sẵn thiên-nhiên rồi mới khai-thông và phát-siển ra, chứ không thể tự-nhiên thu-hoạch hay sáng-tạo được. Vậy thời trước khi thuộc về tôn-giáo, thuộc về văn-chương hay thuộc về triết-lý, luân-lý là thuộc về thiên-nhiên, là vốn sẵn của người ta đã; luân-lý xuất-hiện ra trong nhân-loại như một cái trạng-thái tự-nhiên của các năng-lực cố-hữu của loài người, như một cái hình-thức đặc-biệt và yếu-cần của sự sinh-hoạt của người ta. Xét theo nghĩa đó thời luân-lý tức

là « sự sinh-hoạt về đường đạo-đức » *(la vie morale)*, tức là cái «đạo-đức-tâm» *(la moralité)*, nó tùy hoàn-cảnh, tùy thời-đại, có khi còn giản - lược thô-bỉ, có khi đã phiền - phức tinh - vi, nhưng có lẽ bao giờ và ở đâu cũng do bấy nhiêu cái nguyên-tố gây-dựng lên.

Trong những nguyên-tố ấy thời có cái là những cái khuynh-hướng cùng cảm-tình thuộc về phần tình-cảm trong tâm-lý người ta ; có cái thời là những sự tín-ngưỡng cùng tư-tưởng thuộc về phần trí-tuệ. Bấy nhiêu cái gồm lại làm thành ra cái « lương-tri » *(le sens moral)* hay là « lương-tâm » *(conscience morale)* của người ta, tức là một thứ luân-lý tiềm-tàng mà phảng-phất, phần nhiều người không phải học-vấn hay giáo-dục gì cũng sẵn có mà cũng đủ dùng, và đối với sự sinh-hoạt về đường đạo - đức cũng tựa-tựa như cái « trí phổ-thông » *(le sens commun)* đối với sự sinh-hoạt về đường tri-thức vậy.

Như vậy thời ta xét ra luân-lý có khi là gồm những lý-tưởng, lý-thuyết (như triết-học-luân-lý và khoa-học-luân-lý), có khi là gồm những lời dạy lời răn (như luân-lý của tôn-giáo và luân-lý của văn-chương), có khi là gồm những tư-tưởng, cảm-tình (như luân-lý tự-nhiên của loài người).

Ba cái phương-diện của luân-lý đó có thể tổng-hợp lại làm một, vì rằng trong ba mặt đều có một phần cốt-yếu chung, tức là mấy cái lý-tưởng gốc về đạo-đức, lúc mới đầu nó còn mơ-màng phảng-phất, như bao-hàm trong những mối cảm-tình cùng sự khuynh-hướng tự-nhiên (luân-lý tự-nhiên), sau dần dần phân-minh rõ-rệt ra mà diễn-thành những câu châm-ngôn cách-ngôn (luân-lý của tôn-giáo và văn-chương), sau hết thời tới một cái trình-độ rất cao, sáng-sủa rõ-ràng, tiêu-biểu thành lý-thuyết, tổ-chức nên thống-hệ (triết-học và khoa-học-luân-lý).

Một nhà triết-học về phái PLATON hay phái HEGEL lại có thể tiến lên một tầng cao hơn nữa mà cho rằng những lý-tưởng ấy chẳng qua là biểu-hiệu của lẽ trời, vốn sẵn có tự-nhiên, không phải tự trí người quan-niệm, như thế thời lại thêm ra một cái phương-diện thứ tư về luân-lý nữa tiếp vào các phương-diện trên, tức là một cái phương-diện luân-lý tuyệt-đích, « luân-lý thuần-lý *(la morale en soi)*. Xét theo phương-diện ấy thời luân-lý vốn sẵn có tự lẽ trời, vĩnh-viễn tự-tại, nửa thuộc lý-tưởng, nửa thuộc thực-tế, tức cũng như các chân-lý về số-học ; luân-lý ấy là « luân-lý khách-quan » *(morale objective)*, vì vốn tự có, không phải người tô-tạo ra, còn các luân-lý kia là « luân-lý chủ-quan » *(morale subjective)* vì do cái trên mà phản-chiếu ra trong tâm-trí người ta.

Nay nếu sát-hạch lại cả các nghĩa chữ *luân - lý* như trên thời thấy trong bốn nghĩa ấy có thể thu lại làm một, vì bốn nghĩa đều có mật-thiết-quan-hệ với nhau.

Duy trong bốn thể luân-lý thời thể thuộc về triết-học và khoa-học là chủ nghiên-cứu và phát-minh cho rõ-rệt cả những cái nguyên-tố bao-hàm trong các thể khác, vậy thời ta xét trong bài này là cốt nhất xét về luân-lý coi như một khoa triết-học vậy.

Mục-đích của luân-lý từ xưa đến nay vẫn là nghiên-cứu về sự hành-vi cùng những tập-tục của người ta quan-hệ với những cái quan-niệm về nghĩa-vụ, về quyền-lợi, về điều thiện điều ác, về sự thành-đức, sự thất-đức thế nào ; nhưng mục-đích ấy có thể xét theo hai phương-diện khác nhau, hầu như phản-trái nhau mà các nhà triết-học thường không hay phân-biệt rõ-ràng.

Một phương-diện là coi sự đạo-đức trong loài người như một cái hiện-tượng, một cái sự-thực, và muốn nghiên-cứu theo phương-pháp của khoa-học.

Trên kia đã nói rằng sự đạo-đức là gồm những cái tư-tưởng, những sự tín-ngưỡng, những cái cảm-tình cùng cái khuynh-hướng tự-nhiên hay là tập-thành có thể khảo-sát mà biết được hình-trạng, nguyên-nhân cùng kết-quả thế nào. Giải như thế thì luân-lý là liền thuộc với tâm-lý-học và xã-hội-học. chủ phân-tích sự đạo-đức trong loài người và nghiên-cứu cái lịch-sử của nó thế nào, tức là một khoa « tâm-lý xã-hội-học về tập-tục của người ta » *(une psycho-sociologie des mœurs)*. Khoa-học đó thuần thuộc về thuyết-lý, không có chủ cải-lương chỉnh-đốn về phong-tục, chỉ chủ thuyết-minh giải-thích về phong-tục mà thôi. Không hề dạy người ta nên ăn ở trên đời thế nào; đã gọi là một khoa-học chân-chính thời không chủ sự nên chăng, chỉ chủ sự hiện có, không chủ sự lý-tưởng thường hay phảng-phất mơ-hồ mà chủ sự thực-tế hiện trông ngay thấy trước mắt. Hoặc cũng có lẽ nhân nghiên-cứu về lịch-sử sự đạo-đức trong nhân-loại xưa nay tiến-hóa thế nào mà dự biết được ít nhiều về sau sẽ thay đổi ra làm sao, nhưng dự-đoán như thế mà ta có quyền tự-do muốn theo hay không theo mặc lòng. Vả cai đó cũng không riêng gì về một khoa luân-lý. Các khoa-học khác cũng có thể bổ giúp được cho sự thực-hành như thế; những chủ-đích không phải là chỉ cốt mong đem ra ứng-dụng những cái lý-thuyết của mình đâu, sự ứng-dụng ấy tuyệt không quan-hệ gì với sự học cả.

Cái quan-niệm về luân-lý như trên đó, kể ra cũng không có mấy học-giả chủ-trương hẳn như thế. Duy có một phái ông Durkheim ở nước Pháp đời nay là muốn coi luân-lý như một khoa thực-nghiệm, chỉ nghiên-cứu sự thực, không có khái-luận gì về thuần-lý, không có chủ-trương gì về thực-hành. Còn thời ngay như phái ông Spencer cũng không hoàn-toàn thừa-nhận cái thuyết đó. Xét cho cùng thời những người chủ-trương cái thuyết đó, là cho rằng sự đạo-đức của người ta chẳng qua là tùy-thuộc cả ở cái hoàn-cảnh vật-lý; cái hoàn-cảnh xã-hội, như thế thời dạy người ta cách ăn ở cũng chẳng bổ-ích gì. Cho nên phái đó cho luân-lý-học không phải là « học luân-lý » mà chính là « học về luân-lý ».

Nay cái phương-châm của các nhà luân-lý đời xưa, và cả phần nhiều các nhà luân-lý đời nay, thời lại khác hẳn. Các nhà ấy cho rằng luân-lý dù đối với sự đạo-đức cố-hữu của loài người thế nào mặc lòng, cốt chủ cũng chỉ là chỉ-hoạch cho người ta cái chương-trình ở đời thế nào, dạy bảo người ta những phép-tắc ăn-ở làm sao; nghĩa là luân-lý cốt nhất là một khoa thực-tiễn, một « khoa mô-phạm » *(science normative)* theo như chữ của nhà tâm-lý-học nước Đức Wundt đã đặt ra; không những thế, lại là đứng đầu cả các khoa-học về loại đó, gồm được cả cái gốc của các khoa khác. Như thế thời cho luân-lý là một khoa-học như các khoa-học chân-chính khác, không chủ ở phương-pháp hành-vi mà chủ ở qui-tắc tạo-vật, không bằng ở lý-tưởng mà bằng ở thực-tế, là sai-lầm, quá-lạm vậy. Quan-niệm về luân-lý như thế là tuyệt-diệt luân-lý vậy.

Nhà triết-học nước Anh, Stuart Mill, trong một thiên sách « Lý-luận của các khoa-học về tinh-thần » *(La Logique des Sciences morales)* có nói rằng: « Thông-thường hiểu nghĩa chữ luân-lý là một sự học-vấn mà cái kết-quả nó không diễn theo « cách chỉ-thị » *(mode indicatif)* mà diễn theo « cách mệnh-lệnh » *(mode impératif)*. Nay « cách mệnh-lệnh » lại chính là một cách nói đặc-biệt của nghệ-thuật *(art)*, khác hẳn với khoa-học *(science)*. Phàm cái gì không phải chỉ phân-trần không, mà lại có ý giáo-huấn, có ý khuyến-giới về sự thực, là thuộc về nghệ-thuật; luân-lý chính là một phần trong nghệ-thuật đối với các khoa-học về

nhân - tâm, về xã - hội. » Nhưng ông STUART MILL lại nghiên-cứu một cách tinh-vi hơn nữa về thể-cách của nghệ-thuật, tức là cái thuật thực-hành cho khôn-khéo, thời ông thấy rằng luân-lý không những là một phần trong nghệ-thuật, mà lại chính là gốc của nghệ-thuật theo một cái ý-nghĩa rất bao-hàm vậy.

Ông nói rằng : « Phàm gọi là nghệ-thuật, tất phải do một cái nguyên-lý, một cái tiền-đề như sau này, không thuộc về khoa-học : là xướng lên một cái mục-đích mà ước-ao cho đạt tới được. Như nghề thợ nề là do cái nguyên-lý rằng nên có nhà cửa mà ở. Thuật kiến-trúc là do cái nguyên-lý rằng nên có nhà lầu cao rộng cho vui đẹp con mắt. Phép vệ-sinh, thuật chữa bệnh là do cái nguyên-lý rằng giữ gìn được sức khỏe hay là trị khỏi được bệnh-tật là hay. Những cái nguyên-lý đó không phải là nguyên-lý của khoa-học được. Khoa-học chỉ quyết rằng sự này có, sự này không. Nghệ-thuật thời không nói rằng có hay không, mà nói rằng nên hay chẳng, nên thời dạy phải làm, chẳng thời khuyên phải giữ. Một cái mệnh-đề mà diễn ra lời nói bằng những tiếng : *nên thế này, nên thế kia, có lẽ thế, không lẽ thế*, thời thật là khác hẳn một cái mệnh-đề diễn ra lời nói bằng những tiếng : *cái này hiện có hay không, cái kia sẽ có hay không*. Vẫn biết rằng cứ lấy nghĩa rộng mà xét thời cái mệnh-đề trên không phải là không quả-quyết một sự thực, nghĩa là quyết rằng cái việc nên làm ấy trong tâm trong trí người khuyên làm đã vui - vẻ thuận-nhận vậy. Song cái đó không thuộc về căn-bản sự-vật, vì sự thuận-nhận của người nói chưa đủ khiến cho người nghe phải theo, mà cũng chưa đủ khiến cho tự mình phải làm nữa. Nói về đường thực-hành thời mỗi người ưng-thuận việc gì phải có cái lẽ chính-đáng nên như thế, vậy thời phải có những điều đại-cương định những việc gì là nên, và đặt thứ-tự việc gì nên trước, việc gì nên sau.

« Những điều đại - cương ấy cùng những lời kết-luận do đó mà suy ra, gồm lại thành một cái thống - hệ, tức là cái đạo làm người, cái thuật ở đời (*l'art de la vie*). Thuật này là cái thuật đứng đầu hết thảy, các thuật khác đều phải phụ-thuộc, vì chính nó định cho cái cứu-cánh-mục-đích riêng của mỗi thuật là nên, là đáng, và trong cái trật-tự những sự nên sự đáng định cho đứng vào bậc nào. Như thế thời phàm nghệ-thuật là điều-hòa những phép-tắc của tạo-vật do khoa-học phát-minh ra với những nguyên - lý của cái học có thể gọi là học về mục-đích, học về cứu-cánh (*téléologie ou théorie des fins*), hay là theo danh-từ của các nhà triết-học Đức thì gọi là những nguyên-lý của cái lý-tính thực-tiễn (*la raison pratique*). »

Ông kết-luận nói rằng : « Vậy thời khoa-học có một cái căn-bản-triết-lý, nghệ-thuật cũng có một cái căn-bản-triết-lý, tiếng la-tinh là : *philosophia prima*. Không những sự tri-thức có nguyên-lý, mà sự cư-xử cũng có nguyên-lý vậy. » Luân-lý theo ý-nghĩa thật rộng chẳng qua là cái « căn-bản-triết-lý » riêng của nghệ - thuật, cái học về mục - đích, về cứu - cánh sự đời, nói tóm lại là cái thuật ở đời như ông STUART MILL đã giải-thích và phân-biệt một cách rất rõ-ràng như ở trên đó.

Vả ta xét ra hai cái quan-niệm về luân-lý đó, một cái cho luân-lý là một khoa tâm-lý-xã-hội-học về phong-tục (*psycho-sociologie des mœurs*), một cái cho luân-lý là một khoa cứu-cánh-mục-đích-học về phong-tục (*téléologie ou déontologie des mœurs*), vị-tất đã là phản-trái nhau hẳn. Hai cái có thể đồng-thời cộng-tồn được, mà lại có thể hỗ-tương-thuyết-minh, hỗ-tương-bổ-trợ cho nhau được ; song cứ như ý riêng của ký-giả thời chỉ có cái quan-

niệm thứ nhì mới thật là hoàn-toàn thích-hợp với nghĩa chữ *luân-lý*.

Cứ thực ra thì trong học-thuyết các nhà luân-lý cổ-kim vẫn thường điều-hòa dung-hợp hai cái quan-niệm ấy, hoặc là trước hết phân-tích sự đạo-đức trong loài người, kể thời phân-tích bằng phương-pháp chủ-quan, nghĩa là phương-pháp tâm-lý-học, kể thời bằng phương-pháp khách-quan, nghĩa là phương-pháp xã-hội-học, để nhân đó định phép cư-xử ở đời; hoặc là làm ngược lại, trước hết định cái cách cư-xử ở đời, kể thời theo một cái học-thuyết thuần-lý làm gốc, kể thời bằng ở sự kinh-nghiệm hằng ngày, rồi sau mới đem đối-chiếu cái phép-tắc cư-xử ấy cho thích-hợp với những khuynh-hướng chung của sự đạo-đức trong loài người.

Song, muốn nói cho hết lẽ thời còn có một cách quan-niệm cái thuật làm người, tuyệt không quan-hệ gì đến sự đạo-đức cả, tức là một cái « luân-lý ở ngoài đạo-đức » *(une morale sans moralité)*. Nay vì ta xét sự đạo-đức của loài người trong tâm-lý và trong lịch-sử, thấy nó như một cái hiện-tượng bất-thường, thường-thường biến-dịch, mỗi khi bày ra một trạng-thái khác nhau, mà có khi trái nhau, không biện-biệt được một cái phép-tắc chung làm tiêu-chuẩn cho những sự thay-đổi đó, như thế thời không thể nào nhân nghiên-cứu sự đạo-đức phất-phơ ấy mà định được phép-tắc cư-xử; đó là lời kết-luận của phái «hoài-nghi-luân-lý» *(scepticisme moral)*. Song dẫu giả-thiết như thế nữa, cũng vẫn có thể định được một cái thuật làm người, duy không thể căn-cứ nó ở sự đạo-đức mà thôi. Phái « ngụy-biện » *(sophiste)* ở Hi-lạp trước ông SOCRATE, phái « khoái-lạc » *(hédonisme)* của bọn ARISTIPPE DE CYRÈNE, phái « duy-lợi » *(les utilitaires)* ngày nay, tức là những phái dựng luân-lý ra ngoài cái phạm-vi sự đạo-đức cả.

Bởi vậy nên khó tìm được một cái định-nghĩa chữ luân-lý, — đây là chỉ nói luân-lý thuộc về triết-học mà thôi, — cho thích-hợp với khắp các trường-hợp, trừ chỉ dùng những câu giải nghĩa phiếm, như: luân-lý là cái *thuật làm người*, cái *phép cư-xử*, vân-vân, thì không kể. Nay nếu theo thói thường mà giải nghĩa luân-lý là *sự học về điều thiện, sự học về nghĩa-vụ, sự học về đạo-đức*, hay là *học về các cách làm thế nào cho được hạnh-phúc, cái thuật được sung-sướng ở đời*, vân-vân, thời bấy nhiêu nghĩa chắc là không hợp với tất cả các thuyết luân-lý, và tùy mỗi thuyết sẽ hiểu ra một cách riêng. Như những tiếng: *thiện-ác, nghĩa-vụ, đạo-đức*, chắc là đối với phái ông KANT và đối với phái ông BENTHAM hai đàng hiểu nghĩa không giống nhau, vì ông BENTHAM thời cho luân-lý là cái thuật được sung-sướng ở đời mà thôi, mà ông KANT thời cho luân-lý là gồm cả ở nghĩa-vụ, không quan-hệ gì với sự hạnh-phúc.

Song cũng vì các phương-diện trái nhau như thế cho nên phàm các học-thuyết luân-lý đều phải chia luân-lý ra hai phần, một phần thuyết-lý, một phần thực-tiễn, một phần nghiên-cứu về sự đạo-đức của loài người và dựng nên những nguyên-tắc về sự cư-xử, một phần nhân sự kết-luận của phần trên mà định các cách ăn-ở trên đời thế nào.

Muốn khảo về vấn-đề luân-lý cho tường-tận thì phải lược-thuật cả các học-thuyết luân-lý từ xưa đến nay duyên-cách thế nào, và lại phải xét luân-lý quan-hệ với các trạng-thái khác của thần-trí người ta thế nào, hoặc là điều-hòa, hoặc là phản-trái, như quan-hệ với tôn-giáo, với khoa-học chung và các khoa-học riêng (sinh-lý-học, bệnh-học, y-học, vệ-sinh-học, vân-vân), với các bộ-phận trong triết-học (thuần-lý-học, tâm-lý-học, luận-lý-học, thẩm-mĩ-học, vân-vân), với các khoa-học về

xã-hội (lịch-sử-học, kinh-tế-học, pháp-luật-học, chính-trị-học, vân-vân).

Nhưng những mối quan-hệ ấy, hiện nay các học-giả vẫn còn nghị-luận phân-vân lắm và bày ra lắm vấn-đề khó giải-quyết. Như vấn-đề sự quan-hệ của luân-lý với mĩ-thuật, sự quan-hệ của luân-lý với khoa-học và tôn-giáo, có thể nói rằng hằng ngày bày ra trong tâm-trí người ta một cách rất bách-thiết, nhất là từ cuối thế-kỷ thứ 19 và đầu thế-kỷ thứ 20 này, các bậc đại-trí ở Tây-phương có bụng về nhân-tâm thế-đạo đều băn-khoăn nghiên-cứu mà vẫn chưa giải-quyết được thỏa-đáng. Ấy cũng là một cái bi-kịch trong tư-tưởng-giới của Âu-Tây.

Song bài này chỉ chủ giải-nghĩa chữ luân-lý theo phương-pháp triết-học mà thôi, không thể bàn rộng ra cả các vấn-đề đó được.

Vả năm trước ký-giả đã có bài đăng trong bản-chí bàn chung về vấn-đề luân-lý, lược-thuật các luân-lý-học-thuyết của Thái-Tây, và xét qua về sự quan-hệ luân-lý với giáo-dục thế nào. Xin các độc-giả muốn nghiên-cứu về vấn-đề luân-lý xem lại các bài đã in trước (1).

THƯƠNG-CHI *biên-dịch*

PHÁP-DU HÀNH-TRÌNH NHẬT-KÝ(2)

XXIII

Thứ hai, 10 tháng 7.

Hôm nay là ngày tiệc tháng Hội Địa-dư. Hội có mời đến dự tiệc. Tiệc đúng 12 giờ trưa; người dự tiệc tới bảy tám mươi người, toàn là hội-viên Hội Địa-dư cả. Hội có mời quan Toàn-quyền Tây-Phi-châu MERLIN (3) làm chủ tọa. Nhưng đợi đến quá trưa không thấy lại, sau mới có thư đến kiếu, nói rằng hiện còn đương dở hội-thương với quan Thượng-thư ở Bộ Thuộc-địa không thể lại được. Bấy giờ các hội-viên mới vào bàn ăn tiệc, ông phó chủ Hội Địa-dư là quan sáu DE TRENTINIAN, làm chủ tọa thay quan Toàn-quyền MERLIN. Lúc ngồi đâu vào đấy rồi, một ông phần việc trong Hội đứng lên xướng tên cả các người dự tiệc, đó cũng là một cách giới-thiệu lẫn cho nhau biết. Tiệc vui-vẻ lắm, mình ngồi cạnh quan sáu DE TRENTINIAN và quan sáu LETURC, hai ông đã từng tòng-quân ở bên ta, còn nhớ nhiều việc về An-Nam lắm. Suốt bữa tiệc chỉ nói chuyện về bên ta. Lệ Hội hễ mỗi khi mời người khách nào dự tiệc, thời người ấy phải đứng lên diễn-thuyết chừng mươi lăm phút, muốn chọn đề gì cũng được. Tiệc gần tàn, sắp đến mình phải nói đây. Mình đã dự-bị sẵn, định nói về Hội Khai-Trí ở Hà-nội. Khi dọn đồ tráng miệng thì ông chủ tiệc đứng lên nói mấy lời chúc mừng. Rồi đến ông Tổng-Thư-ký Hội là ông HENRI LORIN, đứng lên giới-thiệu mình cho cử-tọa. Ông này vừa là chân nghị-viên, lại vừa làm giáo-thụ trường Đại-học thành *Bordeaux*, cũng là một tay học-thức và

---

(1) *Khảo về các Luân-lý học-thuyết của Thái Tây*. 3 bài, trong *N. P.* số 47, 49, 50 (Mai-Août 1921).

(2) Xem *N.-P.* từ số 58.

(3) Tức là quan Toàn-quyền Đông-Pháp bây giờ.

một tay ăn nói, không phải người vừa. Ông tặng cho mình những lời khen quá-đáng, song cũng là một cách lễ-phép đó mà thôi. Chỉ trách ông một điều, là ông lầm đến nỗi giới-thiệu mình cho đồng-nhân là một « vị quan to xứ Bắc-kỳ !» Chết nỗi ! Cái này giả các ngài trong quan-trường bên ta biết thì không khỏi buộc cho cái tội « lạm-xưng quan-tước, » có lẽ cũng nặng bằng tội « lạm đeo huy-chương » vậy. Nhưng nghĩ lại nếu trong luật có cái tội như thế, thì ở nước mình bây giờ biết bao nhiêu người mắc phải, mà còn đáng tội hơn mình biết bao nhiêu ! Ông nghị đây chẳng qua là xét lầm, trông thấy mình ăn - mặc sùng - sính. — vì những hôm đi như thế này vẫn giữ quốc - phục, không dám đổi Âu-trang, — tặng cho cái tên « quan », cho nó trang-trọng, cũng như cái tên « *caïd* », đối với người Ả-rập hay người Ma-lặc-kha, — nghĩa là vào hạng tù-trưởng dân thuộc-địa, — tưởng thế là danh-giá cho mình lắm, có biết đâu !... Vả lại cái tiếng « quan » ông nói đây nó có một cái nghĩa khác tiếng « quan » như người mình hiểu. Thôi thì ông đã hiểu sai mà tặng khống cho cái danh-hiệu hão-huyền đó, cũng tạm nhận vậy, không hại gì ; vả lúc này cũng không phải lúc nên « cải-chính ». — Đoạn rồi đến lượt mình đứng lên đọc một bài [illegible] ngắn nói về Hội Khai-Trí, cử-tọa cũng có ý lắng-lặng nghe xem « cái quan An-Nam » nói những chuyện gì, nghe xong chắc mới hiểu rằng « cái quan » đây chẳng có quyền cao chức trọng gì cả, chỉ là anh thư-ký Hội Khai-Trí mà thôi ! Nhưng các ông có lẽ cho Hội Khai-Trí là có địa-vị, có thế-lực to-tát lắm đấy. Nhất là đoạn mình nói về Hội Khai-Trí diễn-kịch MOLIÈRE, có câu rằng : « Người đóng vai toàn là những tay tài-tử An-Nam cả, và ăn-mặc theo kiểu y - phục của quí-quốc về thế - kỷ thứ 17 *(des amateurs annamites habillés à la mode du grand siècle)*, vân-vân.... », xem chừng các ông thích-chí lắm, tủm-tỉm cười mà vỗ tay ầm lên. Ý-giả cho cái giống người ăn-mặc lượt-mượt như thế này mà bắt-chước đóng tuồng MOLIÈRE được thì cũng lạ thật. — Tiệc xong chuyện-vãn ít lâu, làm quen với nhiều người, rồi về trọ, đã ngót ba giờ chiều .

Nơi đặt tiệc vừa rồi gọi là « Khách-sạn các hội học » *(Hôtel des Sociétés savantes)*, ở đường *Danton*, tức là một nhà công-quán để các hội học đến hội-đồng, họp-tập, đặt tiệc, diễn-thuyết, thường ngày ngày tối tối có đông người luôn, có khi hai ba hội họp nhau ở mỗi khu mỗi tầng. Ở *Marseille* thì có « nhà diễn-thuyết của thành-phố », ở *Paris* thì có nhà này ; đại-khái tỉnh-thành nào cũng có những nơi công-đồng để tiện cho các cuộc họp-hành về đường văn-hóa như thế. Ở Hà-nội ta có hội-quán Hội Trí-tri và Hội Khai-trí cũng hơi có cái tính-cách ấy, nhưng phải chỉnh-đốn cho hơn nữa mới được, và hiện nay chỉ hiếm hãy còn ít những cuộc họp-tập có ích, bất-quá thỉnh-thoảng có mấy hội « ái-hữu » mượn để họp bàu mấy ông trị-sự hay bàn mấy vấn-đề suông, cũng có lúc nói-năng to tiếng, cãi-cọ rậm lời, nhưng vẫn chưa khỏi cái lối « việc làng », nghĩa là ồn-ào lộn-xộn mà chẳng nên câu chuyện gì.

Thứ ba 11 tháng 7.

Trưa hôm nay ăn cơm ở nhà cụ ông cụ bà V.. Bữa này chỉ có một mình, không có khách nào lạ cả. Chuyện-trò rất vui-vẻ và thân-mật. Hai cụ thật có bụng quá yêu mà mình đối với hai cụ cũng một lòng kính-mến.

Buổi chiều ở trường Đại-học *Sorbonne* có lễ kỷ-niệm ông CHAMPOLLION. Có người quen cho giấy vào xem. Ông CHAMPOLLION là nhà bác-học nước Pháp đã tìm ra trước nhất phép đọc lối chữ tượng-hình cổ của Ai-cập. Năm 1822 là năm

ông làm được sự phát-minh đó, lại vừa chính là năm ở *Paris* mới lập ra Hội « Đông-phương nghiên-cứu Hội » (*Société asiatique*). Nên lễ kỷ-niệm hôm nay vừa là kỷ-niệm sự phát-minh của ông CHAMPOLLION, lại vừa là kỷ-niệm sự sáng-lập ra Hội Đông-phương. Chính quan Giám-quốc MILLERAND chủ-tọa. Lại các Chính-phủ, các hội bác-học, viện nghiên-cứu các nước cũng phái đại-biểu đến dự-lễ. Trông trên đàn cao về hàng thứ nhất, ở hai bên tả hữu quan Giám-quốc, toàn là đại-biểu của ngoại-quốc cả: người Anh, người Mĩ, người Ý, người Nhật-bản, người Ai-cập, vân-vân. Còn khắp trong nhà đại-diễn-đường *Sorbonne*, rộng mênh-mông như thế, mà người ngồi chật cả tầng trên tầng dưới, có tới ba bốn nghìn người. Lễ này xem ra trọng-thể lắm.— Lúc cử-tọa ngồi đâu vào đấy rồi, ông SENART là hội-trưởng Hội Đông-phương đứng lên đọc một bài diễn-văn thuật về lịch-sử Hội, và tán-dương cái công-nghiệp lớn-lao của ông CHAMPOLLION đối với môn khảo-cổ-học Ai-cập. Ông SENART là một nhà bác-học có tiếng, chuyên-trị về Ấn-độ-học, đã từng làm sách về đạo Phật, thứ nhất là một quyển về « Truyện huyền của ông Phật » (*La Légende du Bouddha*), nói rằng chữ Phật là một tên chung không phải tên riêng, và kỳ-thực không có ông Phật, sách này hồi mới xuất-bản thiên-hạ nghị-luận nhiều lắm. Ông có chân viện « Khảo-cổ bác-sĩ » (*Académie des Inscriptions et Belles-Lettres*), năm nay tuổi đã cao lắm. Tiếng ông nói nhỏ, giọng già yếu, nên ngồi xa không nghe được mấy câu rõ. Nói ở một nơi to rộng như thế này, phải người có tiếng mạnh, và nhiều dư-âm thời mới ba-cập ra khắp trong diễn-đường được. Đoạn đến ông Học-bộ-tổng-trưởng LÉON BÉRARD đứng lên diễn-thuyết, thay mặt Chính-phủ ngợi-khen cái công học-vấn của Hội Đông-phương và ông CHAMPOLLION. Ông Học-bộ này thì nói giỏi lắm, đã có tiếng ở Nghị-viện là một tay biện-thuyết có trí-tuệ và có văn-chương lắm. Chính ông hiện nay đương chủ-trương về sự khôi-phục cổ-học Hi-lạp La-mã ở các trường trung-học, xem chừng dư-luận trong quốc-dân có ý hoan-nghênh lắm. Người ta cho ông là thuộc về phái « nhà nho » chuộng cổ-học. Coi người ông cũng có cái vẻ nho-nhã lắm. Nhân nghĩ « nhà nho » Tây họ cũng có khác « nhà nho » mình: họ lanh-lợi, hoạt-bát, sắc-sảo, khôn-ngoan, biết đem cái cổ-học mà điểm vào cuộc đời nay cho có phong-vị nghĩa-lý, chứ không phải làm nô-lệ cổ-nhân; họ là «thông-nho», không phải là « tục-nho », « hủ-nho ». Nước ta bây giờ đương phải cần có những nhà nho như thế... Ông Thượng-thư nói rồi, đến đại-biểu các ngoại-quốc. Người Anh và người Mĩ toàn nói bằng tiếng Anh cả, mình chẳng hiểu một câu-cú gì, và tưởng nhiều người ngồi đây cũng như mình mà thôi. Đến đại-biểu nước Ý thời nói bằng tiếng Pháp, nói cũng dễ nghe lắm, và không có giọng gì là giọng ngoại-quốc cả. Thường người Ý-đại-lợi, người Tây-ban-nha, Bồ-đào-nha, học tiếng Pháp dễ hơn người các nước khác, và khi học đã thông thì nói không khác gì người Pháp mấy, vì mấy nước ấy cùng với Pháp là thuộc về dòng « La-tinh » cả, cho nên về đường ngôn-ngữ, tính-tình, phong-tục, xã-hội, đều có hơi-ho họ-hàng với nhau hết. Nhưng dòng « La-tinh » mà đối với dòng «Nhật-nhĩ-man» và dòng « Anh-cát-lợi » thì thật là cách-biệt nhau lắm, cứ một cái mô-dạng bề ngoài cũng đã khác lắm rồi, không nói đến tính-tình ngôn-ngữ nữa. Tuy vậy mà về đường chính-trị, dẫu cùng dòng cùng giống nhưng vị-tất đã cùng lợi cùng quyền, nên họ-hàng mà nhiều khi cũng xô-xát nhau hơn người ngoài vậy. Hiện nay sự giao-thiệp Pháp với Ý cũng chưa lấy gì làm tốt cho lắm. — Người Ý nói tiếng Pháp đã giỏi mà người Ai-cập nói lại giỏi nữa. Mới biết không cứ giống dòng, hễ học đến nơi thì tất phải giỏi.

Người Ai-cập vốn mến chuộng tiếng Pháp lắm, phàm người thượng-lưu học-thức trong nước, ai cũng thông tiếng Pháp cả. Khi ông đại-biểu Ai-cập, dầu đội cái « mũ ống » đỏ (*fez*), như mũ người Ấn-độ ở bên ta, đứng lên diễn-thuyết, ai nấy đều có ý để mắt nhìn, để tai nghe. Ông nói tiếng Pháp y như người Pháp vậy, mà lại có phần rõ-ràng dễ nghe hơn nhiều người Pháp. Đại-khái nói rằng ngày nay là ngày kỷ-niệm ông CHAMPOLLION, đối với người Ai-cập không khác gì như ngày giỗ một ông tiên-sư, nên cái nghĩa-vụ của Chính-phủ, của quốc-dân Ai-cập là phải phái người đến dự lễ để tỏ lòng thờ kính một bậc bác-học đã có công phát-minh ra cái lịch-sử vẻ-vang của nước Ai-cập, và nhân thể tỏ lòng mến yêu nước Pháp xưa nay vẫn giàu cái lòng hào-hiệp giúp-đỡ cho các dân-tộc nhỏ-yếu. Nói đến đấy, cử-tọa đều vỗ tay. Ông Ai-cập này nói không những rõ-ràng dễ nghe, mà lại có văn-chương, có ý-tứ, có cảm-động, có « ngoại-giao» lắm. Nghe đâu là một người trong chính-giới, chứ không phải trong học-giới, Chính-phủ Ai-cập đặc-phái sang để dự lễ kỷ-niệm này. — Đại-biểu các nước nói xong rồi, thời thấy lẳng-lặng cả như sắp xảy ra một sự gì quan-trọng, ai ai cũng chú-mục nhìn lên trên đàn cao chỗ các quan khách ngồi. Bấy giờ thấy quan Giám-quốc đứng dậy, cử-tọa cũng đều răm-rắp đứng dậy theo cả. Quan Giám-quốc diễn-thuyết, ai nấy đều cứ đứng như thế mà nghe, cho đến khi ngài nói xong mới ngồi xuống. Quan Giám-quốc nói thong-thả, mạnh-mẽ, trịnh-trọng, uy-nghi, như nện xuống từng chữ, uốn rõ từng vần, rõ ra cách người quyền-quí lắm. Đại-khái cũng là biểu-dương cái công của các nhà học-vấn thường cặm-cụi trong chốn thư-phòng, nơi học-viện mà sưu-tầm khảo-cứu, người đời nông-nổi không biết đến, nhưng thực là nhờ có những người ấy mới hiểu cái lẽ cao-thượng ở đời, mới biết đời người sở-dĩ làm sao mà không những đáng sống, lại đáng quí đáng chuộng nữa ; như thế thì nhân-loại đáng biết ơn những bậc ấy lắm mới phải. Những người ấy sinh-thời nhiều khi không được hưởng phú-quí như kẻ khác, nhưng tử-hậu đáng làm bia kỷ-niệm muôn đời. Trong lịch-sử học-thuật nước Pháp thật đã có nhiều những người như thế : ông CHAMPOLLION đây tức là vào hạng đó, và hội « Đông-phương nghiên-cứu » lại chính là một nơi lâm-tầu những bậc học-vấn yêm-bác đã làm vẻ-vang cho nước Pháp, cho cả loài người như vậy. — Quan Giám-quốc nói xong thời phường kèn của đội « Dân-quốc Vệ-bình » (*Garde républicaine*) thổi mấy khúc, thế là lễ xong.

Thứ tư, 12

Cả ngày hôm nay, đi chơi các phố, xem các cửa hàng, sắm ít đồ vặt. Xét ra đồ hàng bên này, nhiều thứ cũng chẳng rẻ gì hơn bên ta. Là bởi các cửa hàng đây, một khoản « tổng-phí » (*frais généraux*) nặng lắm. Như một cửa hàng vừa-vừa, hàng giầy, hàng mũ, hàng quần áo, v. v., mỗi năm phí về việc quảng-cáo cũng kể hàng chục vạn. Lại có hàng dùng cách quảng-cáo bằng điện, yết chữ bằng đèn điện ở giữa phố, xoay đi tứ phía được, và cứ khi lòe, khi tắt như đèn tháp bể, như thế thời phí-tổn biết bao nhiêu. Ấy một mục quảng-cáo như thế còn nhiều khoản phí khác nữa. Bấy nhiêu thứ phí rút lại cũng là đổ vào một người mua phải chịu cả, thành ra phải mua đắt. Nay các nhà buôn bên ta, — dù của người Pháp, dù của người Nam mặc lòng, — trực-tiếp mua được các hàng-hóa ở ngay chỗ chế-tạo, dầu có phải cái phí vận-tải tự Tây sang đây, nhưng không phải cái khoản « tổng-phí » nặng quá như ở *Paris*, có thể bán giá không đắt hơn gì bên Tây

mấy tí, và có có khi lại bán được rẻ hơn cũng có. Tôi nghiệm ra có mấy thứ đồ mua bên này đắt hơn bên ta, lấy làm lạ lắm, xét ra mới biết chỉ vì một cái khoản «tổng-phí» đó mà thôi.—Cứ thế mà suy ra thì cửa hàng bên ta đối với cửa hàng bên Tây như thế, cửa hàng ta ở bên ta đối với cửa hàng Tây ở bên ta cũng như thế. Nói riêng về những cửa hàng của người An-Nam buôn các hóa-hạng tây, muốn cho địch được với các hàng tây, chỉ mong ở cái « tổng-phí » của mình ít mà thôi. Người An-Nam mở một ngôi hàng, thường không phí-tổn lắm bằng người Tây, cách trang-hoàng bày-biện không cần phải sang-trọng cho lắm, tiền quảng-cáo, công người làm cũng không mất nhiều gì lắm ; lại khách mua hàng hầu hết là người đồng-bang, mình đã thuộc tính-tình, cách giao-thiệp cũng dễ. Chỉ phải một điều là mình ít vốn buôn không bằng người, — nhưng vốn ít thì buôn nhỏ, đây không nói sự to nhỏ, chỉ nói sự thua được thôi, — còn thời có nhiều cách tiện-lợi hơn người trong việc buôn-bán. Thế mà không mấy nhà buôn được phát-đạt là cớ làm sao? Chỉ thấy nay nhà này vỡ nợ, mai nhà kia đảo-trường, là nghĩa thế nào? Xét ra là người mình không biết chỗ ưu-điểm của mình, mà lại theo vào chỗ khuyết-điểm của người. Mình tranh buôn với người chỉ sở cậy ở cái « tổng-phí » của mình ít, thế mà ví có người nào nho-nhoe mở ngôi hàng thì có độ hai nghìn bạc vốn đã mất nghìn rưởi vào tiền trang-hoàng cái cửa hàng, làm cho « choáng » như cửa hàng tây, còn có năm trăm bạc buôn, thì buôn làm sao được. Nay đã thành thân ngôi hàng rồi, nếu cứ trần-lực chịu khó mà làm như người Tàu, nghĩa là ông chủ cũng mó tay vào làm, đừng lên mặt « ông chủ » vội, bớt những cái phí thuê mượn đi ; lại khéo chiều khách, bất-cứ kẻ sang người hèn, vào đến hàng mình cũng là chào hỏi tử-tế, đừng lên mặt « văn-minh » mà khinh người « nhà quê » ; lại đừng làm ra cách buôn-bán có giờ như các hàng Tây, từ 6 giờ sáng đến 10 giờ đêm, lúc nào cửa hàng cũng mở như các hiệu khách vậy ; lại trông thấy hàng đắt khách, có cơ phát-đạt thời đừng có tự-mãn tự-túc vội, cố làm cho đạt được cái thuật trí-phú ; như thế thì buôn-bán gì mà không thành. Nhưng khốn người mình nhiều khi lưng-vốn không bằng người Tây, mà lại muốn học-đòi cái lối buôn-bán « văn-minh » như người ta, — « văn-minh » đây chỉ là cái « văn-minh » tốn tiền mà thôi, cách buôn « văn-minh » chỉ là cái cách buôn nặng tiền « tổng-phí » mà thôi, — thì địch lại làm sao được. Thiết-tưởng cái nghề buôn ta phải bắt-chước người Tàu trước đã, vì phép buôn Âu-Tây chửa chắc đã là diệu, mà lại chưa hợp với tính-tình người mình...

Thứ năm, 13.

Cụ V. hôm nay đưa đến chơi ông De Nalèche, chủ nhà báo *Journal des Débats*, ở đường *Saint-Germain l'auxerrois*. Nhà báo này là một nhà báo cũ nhất ở *Paris*, lập ra đã tới hơn một trăm năm nay. Báo này chủ-nghĩa ôn-hòa, hơi có ý thủ-cựu một tí, nên những bọn tân-tiến không ưa, nhưng các phái lão-thành lại thích lắm. Báo này tức là cái báo của các nhà quan-[illegible] các ông giáo đại-học, các văn-sĩ đã thành-danh, các nhà tư-bản có nền-nếp, v. v., nghĩa là những người yên-ổn, đứng-đắn cả. Ai đọc báo này tất là những người không có cái tư-tưởng « cách-mệnh » được. *Les Débats*, hồi xưa có tiếng lắm, khi mới lập ra, những tay trợ-bút toàn là những bậc danh-sĩ nhất-thời, như Chateaubriand, như Sainte-Beuve. Bây giờ tuy vẫn giữ được cái giá-trị văn-chương — báo vẫn có tiếng là một tờ báo viết kỹ, có văn hơn cả, — nhưng cái thế-lực về đường ngôn-luận có kém trước, vì đời này là đời cấp-tiến, một

cái báo lấy chủ-nghĩa duy-trì, bảo-thủ, chắc là hơi có ý trái lại với những phong-trào đương thịnh-hành ngày nay, thiên-hạ không đậm lắm. — Ông DE NALÈCHE là chủ báo này, lại vừa là hội-trưởng Hội « Liên-hiệp các báo-quán thành Paris » (*Syndicat de la Presse parisienne*), cũng là một nhân-vật có thế-lực ở kinh-đô. Cụ V. muốn giới-thiệu cho mình được biết một ông « đồng-nghiệp » có danh-giá ở *Paris* thế nào. Nhân ông chủ còn có khách, cụ đưa đi xem khắp trong tòa soạn, đến một cái phòng lớn có một bức họa treo khắp cả tường, vẽ cái cảnh-tượng tòa soạn báo *Débats*, vào khoảng năm 1830-1840 gì đó, Cụ chỉ cho các người vẽ ở trong tranh đó, thì phần nhiều là những bậc đại-danh trong văn-chương nước Pháp cả. Báo-quán đây là một cái nhà cổ, có ý chật-hẹp lúc-xúc, không được nguy-nga rực-rỡ như các nhà báo *Le Journal* hay *Le Matin*, nhưng trong nhà chỗ nào cũng có cái kỷ-niệm về cổ-thời. Cụ V. trong ba bốn mươi năm vẫn có chân biên-tập ở báo này, nay đã giả nghỉ việc làm báo, vào đến đây trông thấy chỗ ăn làm cũ, xem ra có ý cảm-động. Mỗi lần nói đến nhà báo này thời cụ nói : « *cette chère maison des Débats* » (cái nhà báo quí-báu kia). Cụ cũng biết rằng báo giữ cái chủ-nghĩa bảo-thủ là không được hợp-thời lắm, nhưng cụ nói nhà báo có kỷ-cương ấy, một nhà báo có đã hơn trăm năm tất đã thành nền-nếp bất-dịch, khó lòng mà miễn-cưỡng thay đổi được, vả dữ-kỳ a-dua theo thời thà rằng giữ lấy bản-sắc còn hơn. Mình nghĩ bụng cũng cho lời nói ấy là phải lắm. Ông chủ vẫn chưa tiếp khách xong, Cụ lại đưa vào chơi ông thư-ký riêng của ông chủ báo. Nói đến tiếng « thư-ký riêng », mình tưởng là một bậc thanh-niên nhanh-nhẩu nào. Vào đến nơi thì ra một ông lão-nho, mà một ông lão-nho trước-thuật đã có tiếng: tức là ông ANTOINE ALBALAT. Ai học tiếng Pháp chắc đã từng biết tên và biết tiếng ông ALBALAT, làm những sách về phép làm văn, phép đọc sách rất có giá-trị (*L'art d'écrire ; Comment lire les vieux auteurs*, v. v....), mỗi quyển trùng-bản tới mấy chục lần. Người lễ-độ và khiêm-tốn lắm, nghe mình nói rằng sách của ông đến bên An-Nam cũng có người đọc, có ý lấy làm lạ. — Ông chủ báo thời ra dáng một tay giao-thiệp. Tiếp chuyện đến hai-mươi phút đồng-hồ, ông có ý hỏi-han về tình-hình kinh-tế chính-trị bên ta. — Đến gần trưa mới ra về. Ra đến ngoài trông lại thì nhà báo này thật là một cái nhà cổ cũ-kỹ, mà xóm này cũng là một xóm cổ cũ-kỹ ở thành *Paris*. Cái hoàn-cảnh bề ngoài cũ-kỹ như thế, không trách cái tôn-chỉ ở trong cũng là cái tôn-chỉ duy-trì bảo-thủ. Nhưng duy-trì những cái nên duy-trì, bảo-thủ những cái nên bảo-thủ, thì duy-trì bảo-thủ cũng không phải là không hay. Vả lại thành *Paris* này như một cái thế-giới : Về đường hình-thức thời vừa có những kiểu nhà rất mới lạ, những đường phố rất khang-trang, lại vừa có những ngõ hẻm đường cong, tường rêu đá mốc, đi tự bên hữu-ngạn sông *Seine* sang bên tả-ngạn thấy hai cái cảnh mới cũ rất là khác nhau, mà nhiều khi cảnh mới chưa ắt đã là đẹp, cảnh cũ không phải không hứng-thú ; về đường tinh-thần thời biết bao nhiêu những phong-trào tư-tưởng cũ mới giao-tập nhau, xung-đột nhau, có khi điều-hòa nhau mà cũng nhiều khi công-kích nhau, như nói riêng về một mặt ngôn-luận, một khoản báo-quán thì còn gì trái nhau, ngược nhau bằng báo *Humanité* là cơ-quan của đảng cộng-sản quá-khích, với báo *Action française* là cơ-quan của đảng quân-chủ-chuyên-chế nữa không ? vậy mà các báo ấy vẫn đồng-sinh cộng-tồn ở dưới cái cảnh trời xanh nước biếc chốn danh-đô cả, khác nào như các phương-diện khác nhau của một cái văn-minh phồn-tạp, phương-diện nào có lẽ cũng là cần cả, vì họp cả lại mới gây ra cái văn-minh

kia, và bấy nhiêu phương - diện đều là chế lại lẫn nhau, rút lại cũng không hại gì đến cái thế quân-bình của toàn-thể. Người nào quan-sát không tới nơi, chỉ xem một phương-diện thời xét đoán tất sai lầm. Duy cái văn-minh của Tây-phương nó phồn-tạp quá, các « phương-diện » nhiều quá, muốn bao-quát cho được hết mà thu gồm lấy cái toàn-thể, toàn-bức, thật là khó lắm. Phải có một cái sức học, một cái trí khôn, một con mắt sáng khác thường, mới có thể xét không sai mà đoán không lầm được. Cho nên còn lâu năm nữa, cái văn-minh Tây-phương vẫn còn ngộ - hoặc người đời nhiều lắm. Hiện nay thời nó làm vạ cho người đời cũng đã nhiều ; vẫn biết rằng không phải lỗi tại nó, lỗi tại người đời hiểu lầm mà thôi, nhưng cờ chi nó can-thiệp đến người đời làm chi, mà làm cho lói-thói da-sự như thế, khiến cho khách thế-giới muốn phẩm - bình cho đích-đáng, thật không biết luận công luận tội ra thế nào. Âu cũng là cái trò chơi oan-nghiệt của ông Hóa-công bày ra để ghẹo cợt loài người, mà ghẹo cợt ngay người Tây-phương trước nhất, — vì chính họ sản ra cái báu ma-quái ấy mà tự họ xem ra cũng chẳng sung-sướng gì, — rồi mới lan dần ra các phương cầu khác. Ta nay là đương giữa lúc làm cái trò đùa cho ông Hóa-công đây, cho nên đảo-điên điên-đảo như cái quay bùng giữa trên đời vậy. Nhưng ông đùa lắm rồi ông cũng chán, ta đã là một giống « già sóc », nay ta cứ « gan lì », cũng không đến vỡ đầu sứt tai đâu mà sợ...

P. Q.

(Còn nữa)

L'Europe a son passé, sa force gît dans son histoire propre. Nous, pareillement, nous devons former notre esprit à la pensée que nous ne devons pas emprunter aux autres peuples leur histoire et que si nous étouffons la nôtre, nous commettrons un suicide.

R. TAGORE

Âu-châu có lịch-sử của Âu-châu, mà Âu-châu được cường mạnh cũng là vì cái lịch - sử của mình. Ta cũng vậy, ta phải uốn trí ta cho hiểu rằng ta không nên mượn lịch-sử của các dân-tộc khác, và nếu ta làm tắt mất cái lịch-sử của ta, thời là ta phạm tội tự-diệt vậy.

.·.

Nous souffrons d'un paupérisme intellectuel et moral aussi affligeant que le paupérisme matériel.

PAUL CROUZET

Ta đã phải cái nạn nghèo-khó về đường vật-chất, lại phải cái nạn nghèo-khó về đường trí-thức tinh-thần, cũng thảm bằng.

Cuộc thi kiểu nhà của Hội Khai-Trí mở

Kiểu được giải nhất của ông Đỗ Văn-Y

THỜI-CỤC NƯỚC TÀU (1)

Thưa các Ngài,

Hôm nay tôi xin nói truyện hầu các ngài nghe về thời-cục nước. Cái thời-cục nước Tàu ngày nay có lẽ khắp cả hoàn-cầu đều chú-ý đến, huống nước ta là nước láng giềng với nước Tàu. Nói vậy hình như quên hẳn mình đi, và lại chẳng hiến thêm một trò cười cho thiên-hạ ư ? Nhưng không, dẫu ta ở vào địa-vị nào mặc lòng, việc thế-giới ngày nay hình như nó bách ai ai cũng phải biết tới, mà việc nước Tàu ngay trước cửa ngõ ta, ta xem xét đến lại càng thú-vị lắm.

Tôi xin nói về cái thời-cục nước Tàu từ khi nhà Thanh đổ cho đến hồi lập dân-chủ tới nay. Nước Tàu là một nước văn-minh sớm nhất, mà lại là một nước quân-chủ chuyên-chế tối-cổ, nay thốt-nhiên biến thành một nước dân-trị thì cũng ngạc-nhiên thật, khiến cho dư-luận thiên-hạ cũng có người lo rằng hai chữ « dân-quốc » tốt đẹp kia dễ thường cũng có khi không đứng vững được ở nước Tàu. Dư-luận ấy có ảnh-hưởng gì đến vận-mệnh Trung-quốc không, thì cũng không biết trước đâu được, nhưng ý tôi tưởng cái sự lo ấy dường như xa lăng-lắc và hình như một cái tiếng vang âm lên rồi lại dần-dần tắt đi thôi.

Nước Tàu sở-dĩ lập thành chính-thể dân-quốc, chẳng qua là tại nhà Thanh độc-ác, tham-lam, mà lại vụng-về quá, nên mới khiến lòng dân khiếp-sợ, chán-ngán về đường chuyên-chế đến như thế. Ví-dụ nhà Thanh, vốn người khác giống đến chiếm-đoạt đất-cát người ta, lại khôn-ngoan, cai-trị cho có tình-nghĩa một chút, thì dễ thường cũng chưa có cái cuộc cách-mệnh ngày nay. Ta phải biết là chưa có thôi, chứ cái lý tất-nhiên thì thế nào cũng phải có, chẳng sớm thì muộn nhà Minh cũng phải đánh lấy lại nước. Nhưng lấy lại nước rồi có lẽ cũng phục lại ngôi vua nhà Minh, chế thành quân-chủ hiến-pháp, chứ không đến nỗi khổ-hại mà cố lập lấy nền dân-quốc như bây giờ. Nhưng, tôi xin nhắc lại, nhà Thanh độc-ác quá, hà-hiếp dân-sự, thuế-khóa đánh nặng, những danh-vị lại dành cả lấy cho giòng-giống mình, cấp bổng-lộc cho họ-hàng mình, phân-biệt hẳn người Minh ra, coi hình như một loài da khác kém hèn, tôi-tớ mình. Ấy những nỗi tham-lam, độc-ác, vụng-về ấy mà nung-nấu lên cái ngòi cách-mệnh khắp trong nước. Cái ngòi ấy cứ ngấm-ngầm, chỉ chờ những cơn gió con-con đưa lại, là bật lên. Những cơn gió ấy là những trận nha-phiến chiến-tranh vào năm 1842, trận Anh-Pháp liên-binh vào năm 1860, trận Trung-Nhật chiến-tranh vào năm 1893 và đến hồi Nga-Nhật chiến-tranh vào năm 1903 thì thật có ảnh-hưởng đến nước Tàu mạnh quá, làm cho người Tàu bừng mắt ra mà vùng dậy.

Tôi xin nói qua ra đây những nông-nổi gây nên các cuộc chiến-tranh kia nó đã làm cho xấu-sa và thiệt-thòi cho nước Tàu không biết là chừng nào :

1° — Trận nha-phiến chiến-tranh năm 1842.

Nguyên người Anh vẫn ngấp-nghé vào nước Tàu, đôi ba lần sai sứ sang sính-vấn, nhưng vì người Tàu hủ-lậu tự-cao tự-đại, biết thế-giới là chi chi, cứ đóng cửa nghênh-ngang trong xó nhà, có chịu giao-du tiếp-đãi ai. Người Anh

(1) Diễn-thuyết tại Hội Tri-tri Hà-nội ngày thứ năm 26 Février 1925.

cứ phất-phới đi lại buôn-bán, đem món cơm đen sang đánh bả cho anh Tàu, anh Tàu nếm vào lấy làm khoái, phi-phèo nằm chéo-kheo, ngẫm-nghĩ sự đời, tưởng chừng ở trên thế-gian này không còn cái gì thú-vị bằng hút thuốc phiện. Thành ra anh Tàu càng ngày càng nghiện vào, càng nghiện anh Anh càng chế, càng bán được nhiều. Tuy vậy người Anh cũng phải bán giấu-diếm thôi, rồi lâu dần Triều-đình nước Tàu thấy món cơm đen là món hại, mới hạ-chỉ cấm cả người bán lẫn mua. Bởi có lệnh ấy nên các quan Tàu bắt-bớ người Anh lôi-thôi, gây nên cuộc nha-phiến-chiến-tranh này. Kết-cục thì Tàu thua Anh được, lập điều-ước ở Nam-Kinh, cắt đất Hương-cảng cho người Anh, bồi-thường binh-phí và bắt phải để các nước khác đến thông-thương ở Tàu được đặt lãnh-sự mà giám-đốc bảo-hộ lấy quyền-lợi của họ. Trận ấy làm cho nước Tàu được tiếp-xúc với ngoài là lần đầu, mà tiếp-xúc một cách khổ-nhục như thế, thực là Thanh-triều đắc-tội lắm vậy.

2º — Đã vậy mà từ đấy trở đi ngoài mặt ra ý Triều-đình cũng mở cửa quan tiếp-đãi các nước, trong lòng thì vẫn lấy làm căm-tím lắm, nào đã biết đến việc thế-giới là gì? đã biết đến khoa ngoại-giao là gì? Bởi vậy năm 1856 mới xảy ra một việc viên Tổng-đốc Quảng-đông tra soát giặc biển, xung-đột vào thuyền Anh tự-tiện bắt một bọn thủy-thủ. Viên đề-đốc Anh liền đưa thư trách và bắt đền thì viên Tổng-đốc Tàu chẳng đáp-từ gì cả. Anh mới tức, cùng người Pháp là người bạn thân ở Tàu bấy giờ, cũng có quyền-lợi vào đấy, mới hợp-binh đánh lấy tỉnh Quảng-đông, bắt viên Tổng-đốc Tàu làm tù. Triều-đình thấy vậy, vội-vàng cầu-hòa, hai nước Pháp Anh mới kéo nhau lên Bắc-kinh để lập điều-ước. Nhưng mới đến Thiên-tân thì quân Tàu lại giữ không cho vào, hai nước lại phải ra tay một trận, làm cho thiên-triều hết vía, xin ra lập hòa-ước, bằng lòng để các việc buôn-bán và truyền-giáo của ngoại-quốc được tự-do, và hai nước Anh Pháp sẽ lập ngay sứ-quán tại Bắc-kinh. Song khi sứ-thần hai nước sắp-sửa mũ áo lên trình ủy-trạng của mình thì Triều-đình lại hẹn hãng cứ lui về Thượng-hải chờ khi Thiên-tử cho phép với mới sẽ được đến bệ-kiến. Hai nước Âu-châu không lấy thế làm hợp-lễ và xứng-đáng với việc thắng-trận của mình, bèn rủ nhau cứ kéo ùa quân lên bách để vào cho được, nhưng bị quân Tàu nhiều quá, đánh thua phải lui về Thượng-hải. Trận ấy quân Âu chết hại cũng nhiều, tưởng cũng là một bài học hay cho cả hai bên vậy. Khi hai Chính-phủ Pháp Anh được tin ấy, bèn cấp đại-đội binh-mã sang vấn-tội Trung-hoa. Trung-hoa thua, Anh Pháp tiến Kinh lập điều-ước, nên gọi là Bắc-kinh-điều-ước. Ấy là lần thứ hai người Tàu được tiếp-xúc với Âu-châu vậy.

3º — Cái lịch-sử nước Tàu bị bách-cưỡng giao-du với Tây-phương là thế, còn ở cõi trời Đông này thì cái địa-vị nước Tàu ra sao? Đem cái bản-đồ ra mà ngắm, lấy cái lịch-sử văn-minh ra mà xét, thì cơ-hồ ở góc trời Đông này, nước Tàu đứng làm chúa-tể muôn đời vậy. Ấy thế mà ba mặt Đông, Tây, Bắc, tiếp-giáp với Nga, cứ bị Nga lấn-lấp đến tận cửa Lữ-thuận. Cái thuật ngoại-giao của Nga thì đã có tiếng hơn hết hoàn-cầu, nên chỉ êm-ái, bạn-bè, nay mặt-ước, mai mặt-ước, mà đất Mãn-châu thành-thử gần như đất bảo-hộ của Nga. Điều ấy thì cái anh to đầu mà dại, quyết-nhiên là khó tránh được, duy chỉ buồn cười cái giống Nụy-nô là giống người lùn ở ba cái đảo con-con nơi Đông-hải kia cũng sấn vào bóp cổ anh Tàu lè lưỡi ra mới thật lạ chứ! Ấy là tôi muốn nói về người Nhật-bản vậy. Tại sao mà Nhật đánh Tàu, tôi xin kể ra đây.

Từ khi Nhật tỉnh sớm, biết suy-xét

thời-thế, hấp-thụ lấy cái văn-minh Âu Mĩ, rước thầy Âu Mĩ về hết sức học-tập, nghe trong mình đã hơi đắc-đạo, những muốn đem thử cái sức học của mình, mới xem chừng đè mặt ngay anh láng-giềng bị thịt một phen, thành-hiệu rồi càng ngày càng phấn-khởi mãi lên cho đến khi đánh đổ được cả anh Nga, mà chen chân vào đám đại-liệt-cường.

Nguyên năm 1893 ở Triều-tiên (Cao-ly) có nội-biến, — Triều-tiên là một nước phiên-thuộc của Tàu, mà lại ở ngay cửa ngõ anh Nhật, — Tàu đem binh đến dẹp, thì tự-dưng cũng thấy binh của Nhật kéo sang, Tàu lấy lẽ phần-trần không êm, điên tiết đánh Nhất, thì ra chính là gãi phải chỗ ngứa của Nhật, nên Tàu thua mà Nhật được. Thanh-triều phải sai Lý Hồng-Chương sang tận Đông-kinh thỉnh-hòa, lập điều-ước cắt đất Liêu-đông và đất Đài-loan cho Nhật, cũng là đãi người Nhật cũng bằng-đẳng với người Âu Mĩ, tức là hạng đàn-anh Tàu vậy. Cực thay! xưa thì vẫn để Nhật vào đuôi con mắt, cho là giống thấp hèn có bận chi! Nhưng sau liệt-cường thấy Nhật ức Tàu quá thế, mới đứng vào điều-đình hộ chò Tàu, chỉ phải mất đất Đài-loan thôi. Điều ấy có nhà bàn rằng vị liệt-cường lo-lắng cho sự hòa-bình ở Á-Đông này, nên mới can-thiệp vào mà giảng-giải như thế. Nhưng tôi thiết-tưởng sự-tất đã lẽ phải, chẳng qua các nước Âu-châu thấy nước Tàu béo, dễ rút, thì họp lại giữ phần cho nhau, không muốn cho một nước nào ở phương Đông chấm mút vào đấy lắm. Mà Nhật hẳn cũng hiểu ý ấy, chỉ vì xét kỹ mình, — lúc bấy giờ chưa là lúc thử sức với Nga, — mới đành phải nghe đấy thôi; vả chủ-tâm chỉ là một cuộc thí-nghiệm của mình mà đã thấy kết-quả như thế thì cũng đã lấy làm mãn-nguyện rồi. Ấy là kết-liễu cuộc Nhật - Trung-giao-chiến vậy. Nhật được Trung thua, Nhật phấn-trần thò mặt ra với hoàn-cầu từ bấy giờ, Trung thì cũng từ đấy trở đi, dân mới nhao-nhao công-nhận cái học-thuật Âu Mĩ là cần-thiết cho sự sinh-tồn của mình.

4o—Nhất là cách 10 năm sau nữa, tức là năm 1903, Nhật Nga giao-chiến, mà Nga thua Nhật được, thì nước Tàu mới hoảng người. Rồi trong nước sinh ra đảng nọ đảng kia, đảng thì phù-hoàng cứu-quốc, bọn ông Khang Hữu-Vi đứng đầu, đảng thì bài-ngoại hưng-dân, tức là cái loạn Quyền-phỉ mà nay Tàu còn mang nợ đó, đảng thì diệt-Mãn cải-quốc, bọn ông Tôn Dật-Tiên khởi - xướng. Trong ba bọn ấy, thì bọn thứ nhì tuy cũng có cái tinh-thần ái-quốc riêng, thấy nước bị ngoài ức-hiếp quá, thì đem lòng bài-ngoại, nhưng thế không phải là đạo ở đời bây giờ, vả không xét mình, có thể nào đem côn-quyền ra mà chọi được với súng ống? Âu cũng là một việc dại, không đáng kể ra. Duy còn hai bọn, thì bọn thứ nhất dùng cái chủ-nghĩa phù-hoàng, tức là cứ để nhà Mãn-Thanh mà lập ra quân-chủ hiến-pháp, như nước Anh, nước Nhật, nước Ý, nước Bồ. Cái tôn-chỉ ấy hay lắm mà không thành là do hai cớ sau này: một là bọn quan-lại nhà Thanh phần nhiều đồ công-thần công-tử, hủ-lậu đốt-nát cả, quen cậy quyền cậy thế ức-hiếp dân-gian, nay nhất-thiết làm mất lộc, mất vị họ, họ không nghe, tức cũng như bọn kỳ-hào ta bây giờ, chỉ vì miếng thịt miếng xôi mà phản-đối việc cải-lương hương-tục vậy; cớ thứ hai là vì lòng dân căm-tím, chán-ngán nhà Thanh quá, chỉ nhất-quyết tống-khứ được đi mới hả dạ, nên không xu-hướng về cái chủ-nghĩa ông Khang Hữu-Vi, thành làm cho bọn ông bị lũ quyền-quan quật-lại hãm-hại, người thì phải chết, người thì phải trốn. Ấy là vận nước Tàu suy, mà đất nhà Thanh đã hết vậy.

Tổng-chung còn bọn ông Tôn Dật-Tiên là hợp lòng dân, càng ngày càng lan rộng ra khắp trong nước, cho đến dân kiều-cư ở ngoài cũng một lòng xu-

hưởng, gửi tiền-của về cho ông vận-động. Đảng ông lấy tên là Quốc-Dân-đảng, chủ-nghĩa hưng Hán diệt Mãn, cải chính-thể quân-chủ-chuyên-chế ra chính-thể Dân-quốc-cộng-hòa như nước Pháp.

Nhưng nước Pháp là một nước văn-minh vào bậc nhất ở Âu-châu, mà cũng lận-đận đôi ba phen mới lập thành nền dân-chủ vững-vàng như ngày nay, huống nước Tàu là một nước văn-minh cổ ở Á-Đông, muốn học lấy cái tinh-thần lập-quốc Thái-Tây thì có lẽ nào là một việc dễ-dàng được? Bởi vậy ông tổ cách-mệnh nước Tàu là ông Tôn Dật-Tiên còn phải gian-lao, chìm-nổi bao phen và thiệt-thòi mất bao nhiêu kẻ đồng-chí như ông Hoàng Hưng, ông Ngũ Đình-Phương, mới mong có ngày đạt được cái mục-đích của mình. Ta nên xem đến cái lịch-sử của ông Tôn Dật-Tiên.

Tôn Dật-Tiên, hay Tôn Trung-Sơn, hay Tôn Văn, cũng là tên hiệu ông, sinh năm 1868 ở Hàng-châu thuộc tỉnh Quảng-đông. Nhà có hai anh em trai, cha mẹ nghèo-nàn lắm, làm ruộng làm nương quanh năm, đầu tắt mặt tối chẳng đủ ăn, mà Tôn Văn thì cũng hết sức giúp-giập cha mẹ trong việc đồng-áng. Người vốn thông-minh, muốn học mà nhà nghèo, không biết làm thế nào, may sao có một ông chú mở một trường dạy học ở trong làng, thì Tôn ngày ra đồng, tối xay lúa, giã gạo xong, sang chú «si-sô» lấy mấy chữ. Nhưng sự cũng kỳ, Tôn sang học chú thì được ít, mà chú lại cứ nói chuyện cho cháu nghe thì nhiều, mà nói những chuyện gì, rặt một mẩu chuyện loạn-lạc, chuyện chua-cay ức-hiếp của nhà Mãn-Thanh, làm cho Tôn Văn càng nghe đến đâu càng chín người đi đến đấy. Ấy cái lò phục-quốc rấm lên ở óc người trượng-phu từ bấy giờ, bấy giờ mới có 13 tuổi đầu.

Năm Tôn 13 tuổi ấy, thì người anh Tôn cũng đã ra lập một thương-điếm con-con ở phương xa, mới gọi Tôn đến nuôi đỡ cho cha mẹ. Tôn đến chỗ xa-xôi, lạ-lùng, cái gì cũng tò-mò mà xem-xét, sau thấy một trường học của người ngoại-quốc về phái tân-giáo (*Protestant*) bèn xin vào học, rồi lâu dần theo ngay đạo ấy. Người anh Tôn lấy làm giận-dữ lắm, đêm ngày mắng-mỏ thậm-tệ về nỗi bỏ cả tổ-tiên mà theo đạo khác. Bởi vậy chỉ ở với anh được có ba năm Tôn lại phải quay về Quảng-đông.

Về đến Quảng-đông xin được vào theo lớp y-học ít lâu, rồi trúng-cử được sang Đại-học-đường Hương-cảng chuyên-trị năm năm nữa thì tốt-nghiệp ra y-khoa-bác-sĩ. (Có chỗ thuật Tôn là con nhà quyền-quí giầu-có sang du-học tại Mĩ-châu về.)

Quan Bác-sĩ thiếu-niên Tôn Văn mới có 21 tuổi, ra lập phòng chữa bệnh tại Áo-môn để sinh-nhai, ấy từ bấy giờ Tôn Văn mới để chí hẳn vào việc nước, mà đi khuyên-rủ, khuyến-khích đồng-bào lập không biết bao nhiêu mật-hội để bàn quốc-sự. Khi xem chừng thiên-hạ đã tín-phục mình rồi, mới dâng biểu về Triều, xin nhà vua thuận mệnh trời, theo lòng dân, mà cải-lương Triều-chính. Mãn-đình chấp-chiếu, lấp-tức xuống chỉ cho bọn Tôn Văn là phản-nghịch, truy-tầm mà trừ-khử cho hết. Lệnh ấy ra, lòng dân đương thuận đổi ra nghịch dễ lắm, bốn phía mới nhao-nhao cách-mệnh nổi lên cả, Tôn Văn phải theo thời đồ lấy tỉnh Quảng-đông làm căn-bản, nhưng chẳng may bị thất-bại, 50 viên đồng-đảng đều bị thiệt-mạng. Tôn trốn sang Hương-cảng được, đáp tàu đi Âu-Mĩ. Đi ra đến đâu, đồng-bào người người đều kính-phục lắm, hết lòng giúp công giúp của cho Tôn mưu đồ lấy đại-sự cho thành-công. Mãn-triều lấy làm lo ngại về Tôn, liền mật-tư đi khắp mọi nơi bắt lấy Tôn Văn. Khi Tôn đến Luân-đôn, thình-lình có một đứa nội-phản lừa tóm được Tôn, để chực đem về nước hành-hình, may

sao Tôn nhờ được người bạn Anh-cát-lợi, yêu-cầu bản chính-phủ biện-thuyết tại bộ lãnh-sự Tàu bên ấy phải thả Tôn ra. Cho hay người anh-hùng không bao giờ trời để cho thiệt mạng một cách ức-bĩ như thế. Năm 1910, Tôn mới cử-binh về đánh lấy Quảng-đông lần nữa, làm cho tướng Lưu Vĩnh-Phúc (tướng giặc Cờ-đen sang bên ta hồi thất-thủ Hà-nội) một trận tán-lạc. Song thương-hại thay, quân cách-mệnh chỉ giữ tỉnh được vài hôm, thì thiếu lương thiếu đạn, phải bỏ thành mà tháo. Từ bấy giờ trở đi Mãn-Thanh đâm thù, sát hại thiếu-niên anh-tuấn trong nước lắm, giết cả con gái nữa, vì con gái phần nhiều cũng tình-nguyện vào bọn cách-mệnh, như thiếu-nữ Trịnh Dục-Tú bị nạn máy bay mà thiệt mạng, ai cũng từng nghe danh. Nữ-phi-tướng có viết một tập ký-ức rất thú-vị, có bản dịch chữ Pháp ấn-hành năm 1920 tại nhà in *Payot* ở thành *Paris*. Giá bán 7f.50, ta nên mua xem, và giảng cho đàn-bà nhà nghe.

Năm 1911, cách-mệnh lại đột - khởi luôn một kỳ nữa cũng bị thất - bại, thì Tôn Văn lại đành phải ra ngoài cầu-viện lươn-được của đồng - bào di-cư nơi hải-ngoại. Lúc vừa bước chân ra đi, tàu còn lênh-đênh mặt nước, liền tiếp được điện dân-quân ở nhà do Lê Nguyên - Hồng đốc-suất đã thắng-trận hạ được thành Vũ - xương, Tôn mới lại quay về Thượng-hải mà tiến lên Nam-kinh ngày 25 tháng chạp năm 1911. Ấy là cái cơ-đồ của Tôn Văn nung đúc trong hai-mươi năm đến đây mới là thấy kết-quả được bước đầu, mà nước Tàu chịu lấy cái danh-mệnh dân-quốc cũng là từ đây vậy.

Chiếm được Nam-kinh, nhóm quốc-hội lại đó, 17 tỉnh khắp trong nước phái đại-biểu lại dự-hội, duy chỉ Bắc-kinh và mấy tỉnh gần nơi Đế-khuyết thì không có thôi. 17 tỉnh đồng-thanh hoan-hô cử Tôn Văn lên làm lâm-thời Đại-tổng-thống.

. . .

Lâm-thời-chính-phủ đã thành-lập ở phương Nam thì cái thế nhà Thanh cũng là nguy lắm rồi. Ở trong Viên Thế-Khải là một vị đại-thần, mới cùng bạn quan-liêu Đường - Thiệu - Nghi, Phùng Quốc-Chương, Đoàn Kỳ-Thụy, yêu-cầu vua Tuyên - thống nên thuận mệnh trời mà thoái-vị nhường quốc-quyền lại cho Hán-tộc. Ấy là Trung-quốc thoát-ly hẳn vòng Mãn-tộc vậy. Bọn Tôn Văn mới vì nghĩa nước dời chính-phủ lên Bắc-kinh mà nhường quyền chính-trị cho Viên Thế-Khải là người đứng đầu bọn Bắc-dương-quân-nhân đã thuyết được vua Thanh thoái-vị, để trước là cho trong nước được thống-nhất, sau là tạ cái công cánh Bắc-quân.

Tưởng như thế thì Viên đã lấy làm đắc-chí, mãn-nguyện lắm rồi, và các ngài nghe đến đây cũng đã mừng cho cái cơ-hội nước Tàu thế là kết-quả một cách đẹp-đẽ. Nhưng mà không, Viên đã lấy thế làm đủ đâu, làm ông Tổng-thống có được lọn quyền hành-động quốc-sự đâu, còn phải có nghị-viện, có quốc-hội, nên Viên lại mơ-màng đến cái oai-nghi *Thiên-tử*, cho nên mới gây nên cái nông-nổi đồ-thán cho nước Tàu đến ngày nay. Âu ta cũng nên xem đến cái lịch-sử của Viên ra làm sao.

Viên người tỉnh Hà-nam, vốn con nhà qui-phái, cha làm đến chức Tổng-đốc. Viên là con thứ tư, tính-khí ngang-ngược khó bảo, không chịu học-hành, chỉ ham đường võ-nghệ. Khi cha chết rồi, bà mẹ vốn tay học-thức, muốn cho Viên theo lấy nghiệp văn, nhưng viên không nghe, cứ cố tập-tành binh-pháp. Bởi Viên lược lời mẹ thế nên người ta bảo Viên là con bất-hiếu. Nhưng mà phải xét cho Viên thực cũng là có một cái thiên-tư riêng, trông thấy cái hậu-vận của nước Tàu mà cố công theo đuổi nghề võ, để cốt làm cho nước được vẻ-vang mạnh - mẽ như người. Chính

Viên là người đem binh - pháp Âu-Mĩ vào đào-tạo nên tướng-tốt Trung-hoa ngày nay. Viên thủy-chung là một nhà võ-sĩ xuất-thân, thiên-tính thông-minh, nhưng học-hành thì kém. Bởi thế nên sau có người chê Viên là một kẻ võ-biền dốt-nát không phục. Bước xuất-thân của Viên như sau này : Nhờ được một người bạn của ông thân-sinh Viên làm tổng-binh ở Triều-tiên tìm Viên cho làm một tên tì-tướng. Từ đấy Viên hết sức càng luyện-tập binh-khoa ngoại-quốc, rồi sau luồn-lọt vào được bộ tham-mưu của Hoàng - thân Vĩnh - Lộc, là cháu Thái-hậu. Năm 1898 có bọn văn-thân Khang Hữu-Vi, Lương Khải-Siêu, khuyên vua tự-chấp lấy quốc-sự chứ đừng để dưới quyền phụ-chính Thái-hậu nữa, cải-cách quốc-chính và tử-trảm Vĩnh-Lộc đi. Vua Quang-tự thấy Viên là một viên võ-tướng lanh-lợi hợp-thời thì ủy-nhiệm cho cái việc tối-quan-trọng ấy, để đâu Viên lại thiết tư-lợi, đem việc ấy mách cho Vĩnh-Lộc hay thì hắn lập-tức tâu với Thái-hậu thốt-nhiên náo-động Triều-đình, hãm vua Quang-tự vào một nơi, cướp hẳn lấy quốc - quyền, giáng-chỉ chém mất sáu viên cận-thần không trốn kịp. Bởi Viên giúp được một việc to-tát như thế, nên Viên trở nên một yếu-nhân của Thái-hậu. Đã là yếu-nhân của Thái-hậu thì tức là một người quyền-thế nhất nước Tàu bấy giờ. Ít bữa Viên dắc-chỉ phong Tổng-đốc Trực-lệ, rồi từ đấy Viên tìm đường kết-thân với các sứ-thần liệt-quốc, để làm cho rõ-rệt cái uy-danh ra.

Ấy là cái lịch-sử của một vị quyền-thần, đã thuyết được vua Thanh thoái-vị, đã thực-thụ ngôi Đại-Tổng-thống đầu tiên ở nước Tàu, và lại chính là một tay phá-hại nước Tàu, làm cho nước Tàu khổ mãi đến bây giờ chưa yên. Họ Viên đứng đầu sổ những kẻ đắc-tội ở nước Tàu ngày nay vậy.

Thế nhưng sau khi Viên chết rồi, mang cái mộng-tưởng «Thiên-tử» xuống đến tận âm-ti rồi, thì nước Tàu đã trải bao tay minh-đức, xứng-đáng, tín-dụng ra làm Tổng-thống rồi, mà sao còn có những sự Nam Bắc chiến-tranh, địa-phương độc-lập, rối-bời mãi cho đến ngày nay ? Ấy là một câu hỏi chắc người Tàu cũng phải ngượng-ngùng mà đáp vậy. — Là nguyên vì từ họ Viên manh-tâm như thế, nên trong nước không có lòng tin cậy được nhau, mà các yếu-nhân thì bắt đầu chia ra đảng nọ đảng kia, mất hẳn cái tinh-lý cộng-hòa đi.

Song trước đây ta hãy xét xem ai là người đáng mặt ra thay họ Viên mà cầm quyền nước, thì duy có Lê Nguyên-Hồng, nguyên đang làm Phó - Tổng-thống, và chính Lê là người đắc-dụng đã được dân-đảng cách-mệnh kính-phục, giao-phó cho cái chức Đại-Nguyên-súy mà khởi-binh ở Vũ-xương thành-công năm 1911. Họ Lê lên cầm quyền, dân-gian cho làm xứng-đáng lắm ; rồi Phùng Quốc-Chương được bầu làm Phó-Tổng-thống, mà Đoàn Kỳ-Thụy thì vào tổ-chức Nội-các. Lê tuy là một tay võ-tướng, nhưng thuộc về dân-đảng, lấy vận-động làm chủ-nghĩa, thế-lực khôn được oai-phương lắm bằng đám quân nhân. Ta nên xem qua cái lịch-sử của Lê.

Lê Nguyên-Hồng người Hồ-bắc, năm nay chừng 60 tuổi. Từ nhỏ Lê cũng không có ý chuyên về kinh-sử, mà nhất-quyết theo dõi cha tập lấy nghệ thủy-binh. Lê theo học ở Thiên-tân, thực là xuất-sắc mà khốn nỗi mình là người trung-châu, cứ bị bọn quyền-quan nhà Thanh ghét bỏ gìm rập đi. Sau lâu mới tốt-nghiệp được thì cũng cứ phải ở ngôi tiểu-tướng mãi, nhưng Lê cố-chí theo học riết về khoa thủy-chiến của một viên thủy-sư Đức.

Hồi Nhật Trung giao-chiến, Lê được quản-đốc việc phóng-pháo ở một chiếc chiến - hạm, bị thất - bại, thì đã cùng với viên trưởng tàu gieo mình tự-tử.

may lại có người vớt được Lê lên. Sau viên Tổng-đốc Hồ-bắc gọi Lê cho về đào-luyện cơ-binh ở Vũ-xương, thì Lê lập được thành-công, và thỉnh-cầu được cho bọn thiếu-niên sang du-học rất nhiều ở Nhật-bản và Âu-châu. Ấy những bọn học-sinh ấy sau này là nhân-vật của Lê, nên đến năm Tuyên-thống thứ ba, cách-mệnh rộ lên, thì Lê ở Vũ-xương khởi-binh đầu tiên được thành-công, tiếng đi khắp trong nước, hoan-hô kinh-phục lắm. Bởi vậy nên khi dân-quốc thành-lập, Tôn Dật - Tiên lấy nghĩa nhường quyền-vị cho Viên Thế-Khải rồi, chỉ còn Lê được bầu làm Phó-Tổng-thống, mà khi Viên chết thì Lê tiến lên ngôi Giám-quốc.

Lê tiến vị rồi, liền chiêu-tập lại nghị-viện, nhưng khốn Lê là người bản-tâm trung-hậu, thuần-thục quá, thành có ý nhu - nhược, không cả quyết, lại gặp phải Đoàn Kỳ-Thụy, tổng-lý Nội-các, là người thuộc phái Bắc - dương - quân-nhân, có thế-lực lắm, tính-khí lại cả quyết cương-nghị, nên hai đảng làm việc không được hòa-hảo lắm. Chợt đến cái vấn-đề tham-dự Âu-chiến, Đoàn nhất-quyết chủ-trương, mà Lê thì hết sức phản-đối. Đoàn bèn cố tình đem võ-đoán ra có ý bách nghị-viện phải công-nhận cái án tham-chiến, không xong thì Lê đắc-thế liền xuống chỉ bãi - chức Đoàn. Các đốc-quân tán - thành việc tham-chiến được tin ấy, sợ Nội-các Đoàn đổ thì không thành việc, mới đồng-thời khởi-xướng độc-lập để tỏ ý phản-kháng chính-phủ, thậm-chí có tỉnh kéo quân về tham-hặc tận kinh-đô. Lê phát cuống, vội-vàng phải triệu một viên đốc-quân có thế-lực vào kinh để phòng điều-hòa thời-cục. Lê triệu ai? Triệu Trương Huân, nguyên vẫn là một vai dị-dạng trong đám quân-nhân, tuy rằng vào phe dân-quốc, mà trang-phục quân-sĩ vẫn đóc bím, theo lối nhà Thanh. Trương đắc-chí triệu về Kinh giữa lúc này thật là một cơ-hội may cho cái chí định bấy lâu của Trương, nên khi mới tới Thiên-tân hãng bách Lê giải-tán quốc-hội đã, rồi vào đến Bắc-kinh liền thông-điện yêu-cầu các tỉnh thủ-tiêu sự độc-lập đi rồi mới điều-đình quốc-sự. Các đốc - quân cũng nghe theo, Trương tưởng chừng đất nhà mình đã giậy, uy mình đã ra khắp trong nước, mới chẳng điều-đình gì, liền hãm ngay Tổng-thống lại, mà mạo tên Lê phụng-hoàn đại-chính nhà Thanh, thỉnh vua Tuyên-thống phục-vị, đổi quốc-hiệu làm Tuyên-thống cửu-niên, vời những vị cố-lão ra làm quan; mà tự mình thì làm Trực-lệ Tổng-đốc kiêm Bắc-dương đại-thần như Viên Thế-Khải xưa. Nghĩ thế thật đã quái chưa? Hèn chi mà thiên - hạ chả lo thay cho hai chữ Dân-quốc của Tàu!

Nhưng may sao Lê Nguyên-Hồng lại trốn thoát được, ra náu-hình ở sứ-quán Nhật, rồi mật-điện ủy Đoàn Kỳ-Thụy làm quốc - vụ tổng-lý và thỉnh Phùng Quốc-Chương lên vì Tổng-thống thay mình. — Đoàn khi đó đang lánh ra Thiên-tân để hội-họp các đốc-quân mà giải-quyết cái vấn-đề tham - chiến, chợt nghe Trương Huân phục-tích thì liền cùng mấy viên sư-trưởng, hiệp-lực về đánh Bắc-kinh, cờ đề chữ « Thảo-nghịch-quân ». Thảo-nghịch-quân đánh được Bắc-kinh, Trương Huân chạy trốn vào được sứ-quán Hà-lan, thế là yên việc phục-tích. Rồi Phùng Quốc-Chương tiếp điện tiến kinh thực-nhận chức Đại-Tổng-thống, Đoàn Kỳ-Thụy lại vào tổ-chức Nội-các.

Song-le từ hồi Trương Huân phục-tích này thì Chính - phủ trung - ương không còn có giá-trị gì nữa, không ai tin cậy được, các tỉnh như Vân-nam, Quí-châu, Quảng-tây, v. v., đùng-đùng tự-xưng độc-lập, hưởng - ứng với bọn cựu-quốc-hội bị giải-tán, lui cả xuống miền Nam mà lập-thành một Hộ-pháp-quân chính-phủ, cử Tôn Dật-Tiên lên làm Đại-Nguyên-soái để phản-kháng với

trung-ương-chính-phủ. Ấy là cái thời-kỳ Nam Bắc phân-tranh sinh ra từ đấy vậy. Sau dần-dần càng ngày các địa-phương càng sinh sự ra, có ý cự-tuyệt hẳn Chính-phủ trung-ương, mà cùng nhau tổ-chức hẳn nên một Dân-Chính-phủ thật vững-vàng ở Quảng-đông, xin Tôn Dật-Tiên tiến lên vì Tổng-thống. Thế là nước Tàu từ nay có hai ông Tổng-thống vậy. Bởi thế nên mới có câu chuyện nực cười sau này.

Nguyên gặp hồi bên Pháp có kỳ tuyển-cử quan MILLERAND trúng Tổng-thống, thì bên này Tôn Tổng-thống gửi điện sang mừng trước, còn Bắc Chính-phủ thì chưa có điện mừng. Bên Pháp không biết xử-trí làm sao, vì Nam Chính-phủ bên Tàu không được các nước công-nhận. Pháp-đình liền phải điện cho viên Đại-sứ của mình ở Bắc-kinh giục Chính-phủ ấy mừng quan Giám-quốc mới nước Pháp để bên Pháp trả lời Bắc-kinh trước, rồi 24 giờ sau mới cảm-tạ Tôn Tổng-thống, cho trong việc quốc-tế được phân-minh khỏi mếch lòng cả Nam Chính-phủ nữa. — Các ngài nghe thế có rắc-rối không ?

Cái lịch-sử ông Tổng-thống miền Nam thì các ngài đã rõ rồi, còn các ông Tổng-thống miền Bắc, bắt đầu từ Viên Thế-Khải, Lê-Nguyên-Hồng, đến Phùng Quốc-Chương, xin lược qua ra đây các ngài nghe.

Phùng Quốc-Chương người Trực-lệ, còn nhỏ đã theo học trường võ-bị ở Lạc-dương, do Lý Hồng-Chương tổ-chức nên. Khi tốt-nghiệp ở trường Lạc-dương ra, Phùng lại thi đậu văn-khoa tú-tài nữa. Nhưng Phùng ưa nghề võ hơn, nên sung ngay vào cơ binh ở Lạc-dương, lĩnh chức tiểu-tướng, rồi dần-dần thăng Đại-úy, Trung-tá, Triều-đình ủy cho quản-đốc nhiều trường binh mà đào-luyện lấy các sĩ-tốt dũng-cảm theo binh-pháp Âu-châu. — Viên Thế-Khải bấy giờ làm Tổng-đốc, thấy Phùng là người có tài, tiến-cử lên, Triều-đình phong cho Phùng chức Đô-đốc. — Sau Phùng đắc-chỉ về Kinh, đứng đầu bộ tham-mưu và quản-đốc trường võ-bị chuyên dạy dòng quí-phái tại Kinh-đô. Kịp khi xảy ra cuộc cách-mệnh năm 1911, Phùng phụng-mệnh Triều-đình đốc-suất tam-quân ra thắng-trận. Bởi có công ấy Phùng đắc-chỉ phong Quận-công mà chỉ-huy đội vệ-binh. — Khi Chính-phủ cộng-hòa thành-lập thì Phùng được cử ra làm đạo-đài kiêm đốc-lý Bắc-Trực-lệ. Năm 1912, Quốc-dân-đảng dấy binh ở phương Nam, Phùng đắc-lệnh đem quân xuống giẹp yên mà lấy lại được Nam-kinh. Sau Phùng thiên ra Đốc-biện quân-vụ Giang-tô, đến khi Viên Thế-Khải cuồng đại đồ việc đăng-cực thì Phùng liền nổi giận, đem quân về tiễu-trừ Viên. Ấy vì cái lòng trung với nước thế mà bọn tụ-nghĩa ở phương Nam cùng đảng quốc-dân kinh-phục, đồng-thanh bầu Phùng lên làm phó Tổng-thống, cho đến Lê Nguyên-Hồng, vì việc phục-tích, chịu tội với quốc-dân, đem thân về chốn điền-viên, thông-điện mời Phùng lên cầm quyền nước. Phùng tiến-vị được một năm thì lâm-bệnh, khi hấp-hối, còn vì nước mà gửi mấy lời sau này lại cho Từ Thế-Xương là người quốc-dân đã bầu lên làm Tổng-thống thay Phùng :

« Tôi nay nghe trong mình khó sống « được nữa lắm rồi. Thật lúc sinh-thời « tôi đã chẳng làm được việc gì xứng-« đáng cho nước, nên trước khi nhắm « mắt lìa cõi trần, tôi còn có một việc « này xin nói ra : Ngày nay nước ta « chưa thống-nhất được thì dân-gian « còn khốn-đốn lắm. Nếu trong nước « cứ phân-tranh lục-đục mãi, thực chỉ « tổ làm mồi cho những kẻ thù-nghịch « của ta. Cái thế-tình trong nước ta càng « ngày càng bối-rối mãi, tôi chắc rằng « ngài sẽ tận-tụy đem cái tài-lược của « Ngài ra mà điều-hòa được. Hẳn Ngài

« cũng đau-đáu về nỗi thống-nhất trong « nước mà Ngài sẽ làm nên, thì tôi thực « đáng tiếc riêng cho phần tôi chẳng « được sống đến lúc vui-vẻ ấy. Thôi thì « nay tôi nhắm mắt lại mà đã được yên- « tâm về những điều ấy thì cũng đỡ lo « cho những cái tội-lỗi của tôi đã mắc « phải trong khi thờ nước. Ấy là mấy « lời di-ngữ của kẻ hấp-hối, xin ngài « thương-tình mà xét cho. »

Phùng về rồi, Đoàn cũng xin từ-chức, Đoàn từ-chức chẳng phải vì lẽ gì, chính tại nghe dư-luận trong nước có ý không bằng lòng mình từ lúc bách nghị-viện về cái án tham-chiến, vay tiền Nhật-bản, tổ-chức nên đội tham-chiến-binh, thực thì không chủ-ý gì về việc tham-chiến cho lắm bằng để dùng vào việc tiếp-uy cho đảng-phái mình, dự-bị chống với Trực-đảng là đảng của Phùng Tổng-thống, mục-đích chỉ chủ-hòa, mà Quản-đảng của Đoàn thì lại chuyên về chủ-chiến. Bởi vậy Phùng với Đoàn cùng chấp-chính mà ngấm-ngầm ở trong vẫn ố-kỵ nhau, cũng như lúc Lê với Đoàn vậy. Ấy người ta chê Đoàn ở chỗ đó.

Khi Phùng Đoàn về cả rồi, quốc-hội cử một viên lão-thành, không thuộc về đảng-phái nào là Từ Thế-Xương ra làm Đại-Tổng-thống. Lương Sĩ-Di là nhân-vật của Trương Tác-Lâm vào tổ-chức Nội-các. Từ tựu-chức, liền đem cái chủ-nghĩa hòa-bình ra hiệu-triệu các nơi, mới xướng lên cuộc Nam Bắc nghị-hòa. Nhưng việc nghị-hòa này có lắm điều hai bên căng nhau thành chẳng ăn thua gì, thì lòng dân nhao-nhao đổ tội cho Quản-phái chỉ một mực chủ-chiến nên nghị-hòa không thành-hiệu mà gây vạ mãi cho nước. Trực-phái là bọn Tào Côn, Ngô Bội-Phu, giao-hiếu với Phụng-phái Trương Tác-Lâm rồi thông-điện về kể tội Quản-phái. Ngô Bội-Phu dẫn đại-đội binh-mã về để thừa lúc nhân-tâm ác-cảm mà vấn-tội cánh An-phúc. Lại nỗi Từ Thế-Xương thấy Đoàn Kỳ-Thụy đã từ-chức rồi mà trong tay vẫn còn đội Tham-chiến-binh, nay vì Âu-châu đã yên, đổi ra làm Biên-phòng-quân, thao-túng hoành-hành lắm, bèn hạ-lệnh bãi chức Biên-phòng-quân Tổng-tư-lệnh của Từ Thụ-Tranh là nhân-vật của Đoàn. Đoàn tức mình, bách Từ Tổng-thống hạ-lệnh phạt Tào Ngô, thế là cuộc đại-chiến Trực Quản bục ra từ đó. Kết-cục thì Trực-đảng nhờ có Phụng-thiên trợ-lực nên toàn-thắng đánh tan được đảng An-phúc, tức là Quản-đảng của Đoàn. Quản-phái tan thì cái thế-lực của Đoàn cùng đồng-thời tiêu-diệt.

Trương Tác-Lâm nhờ có công lớn trong trận ấy nên đem được Lương Sĩ-Di là người của mình vào tổ-chức Nội-các, chủ-ý mong làm cho bành-trướng cái thế-lực mình ra vậy. Tào Ngô phạt được Đoàn rồi thì kế lấy vị Đoàn mà lại lộng-quyền bằng mười Đoàn, thế mới thảm !

Cảnh Tào Ngô lạm-quyền quá, Từ Thế-Xương chẳng qua cũng như vua Lê với chúa Trịnh ta xưa. Nhưng có điều lạ rằng trước Đoàn có ý thao-túng là vì Đoàn tổng-lý Nội-các, nay Lương chấp-chính, Tào Ngô ở ngoài mà lại có oai-quyền lừng-lẫy mới lạ ! Một tí gì cũng điện cho Tào ở Trực-lệ, cũng điện cho Ngô ở Lạc-dương, nay Tào hạch bộ này, mai Ngô trị bộ kia, chỉ là có ý nhét người mình vào trong chính-giới để bồi đắp lấy thế-lực đảng mình. Thỉnh-thoảng Ngô Tào lại điện về Tài-chính-bộ thôi-thúc tiền để chỉnh-đốn binh-mã. Thực cái mệnh-hệ nước Tàu chỉ là ở trong tay bọn vũ-nhân ; bọn nào mạnh thì làm sỏ, bọn nào yếu thì bị hiếp ; ông Đốc-quân đàn-em thì thu thuế chầm đi một phần lớn cho vào túi mình, còn thừa nộp về ông Đốc-quân đàn-anh, chính thực là chủ mình, chứ cơ-hồ chẳng biết chính-phủ vào đâu cả, chính-phủ chỉ là một vị bù-nhìn thôi, nào có quyền-hành gì ở các địa-phương !

Phụng-đảng Trương Tác-Lâm, thấy người mình đứng Nội-các, công mình

cũng đánh An-phúc thế mà Trực-đảng hình như dành mất cả, hành-động chính-sự không có ý kiêng-nể gì mình, mới thông-kết với các đảng ở ngoài như Việt-đảng Tôn Dật-Tiên cùng các đảng linh-tinh bé nhỏ khác họp cả với đảng An-phúc nữa, để tu-binh mãi-mã chờ ngày quyết đánh Tào Ngô. Tào Ngô vốn cũng đã đề-phòng và thật ra cũng có ý muốn triệt hết các đảng mà làm chúa-tể, nên binh-bị cũng sẵn-sàng lắm. Bởi hai bên cùng rắm cái ngòi chiến-tranh thế, nên chỉ hơi thoảng qua có một luồng gió con con, tức-khắc hai bên can-qua nổi lên đùng-đùng. Kết-cục thì Phụng-đảng thua, mà Trực-đảng thắng. Phụng-đảng thua là chắc ở đồng-minh và thủ-hạ của mình, thì chẳng may đảng nọ lại bị nội-tình biến-đổi, cánh kia lại bỏ mình giở giáo qua bên nghịch, vả tướng-tá thao-luyện chưa được tinh-thông chiến-trận lắm. Trực-đảng thắng là sở-dĩ cái thanh-danh Ngô Bội-Phu mấy năm nay đánh đâu được đấy, khéo thu-phục ba quân, không xảy ra sự nội-biến bao giờ, và Ngô lại siêng-năng tài-lược, dùng được nhiều tay tướng-tá lanh-lợi, như bọn Phùng Ngọc-Tường.

Phụng-thiên đại-bại rồi, thế-lực Trực-đảng thực là lừng-lẫy lắm, liền bỏ Từ Thế-Xương đi mà thỉnh Lê Nguyên-Hồng ra phục-vị Tổng-thống. Xin kể qua cái lịch-sử của Từ Tổng-thống.

Từ Thế-Xương người Trực-lệ, bạn đồng-cán với Viên Thế-Khải.

Còn nhỏ, Từ đã thâm-hiểu sử-ký và triết-lý. Sau khi đậu Hàn-lâm rồi, thì Từ giốc lòng chuyên về khoa chính-trị. Hồi Viên Thế-Khải phụng-mệnh Thanh-triều đào-tạo sĩ-tốt theo qui-thức Âu-châu, có triệu Từ đến trợ-lực cho.

Năm 1900 Từ-hi Thái-hậu xuống chiếu dùng anh-tài, thì Viên và Từ đều được viên Tổng-đốc Hồ-bắc tiến-cử. Từ được sung vào chân tiên-thẩm-ủy-viên hội-đồng cải-lương chính-trị, cái danh-hiệu Từ tỏ rạng ra từ đấy. Năm 1901, Từ lại kiêm cả chức chưởng-binh đội quân Hộ-vệ nữa. Năm sau vào tiên-thẩm-ủy-viên ban tài-chính. Sau dần-dần thăng Thị-lang bộ Binh, cố-vấn-lão-thần, Mãn-châu Thượng-sứ, rồi đến năm 1906 thì lên Nội-vụ-bộ Thượng-thư. Năm sau là năm 1907 lại sang Tổng-đốc Mãn-châu làm cho xứ ấy được hưng-thịnh mọi đường, người Mãn-châu ái-mộ nhớ ơn lắm. Ở Mãn-châu 2 năm lại có lệnh triệu về sung Giao-thông-bộ Tổng-trưởng thì Từ hết sức mở-mang bưu-cục và lập một trường chuyên-môn về khoa thiết-lộ, tuyển cho học-trò sang Âu-Mĩ để học cho được chu-đáo về khoa ấy. Năm 1911 thì thụ-chức Phụ-chính, rồi năm sau thì làm Phó-Thủ-tướng.

Sau Từ phải mệt, xin cáo-hồi về dưỡng-bệnh; ngày ngày tiêu-dao túi thơ bầu rượu, rõ ra một mặt thi-ông.

Kịp đến khi Dân-quốc thành-lập, Viên Thế-Khải lên làm Tổng-thống liền triệu Từ ra đứng vào một chân Cố-vấn, chỉ bảo cho các việc quốc-chính. Nhưng đến khi Viên giở chứng xưng đế thì lập-tức Từ phản-kháng mà bỏ Viên ngay. Ấy là cái lịch-sử của quan Tổng-thống Từ Thế-Xương.

Từ Thế-Xương bị khước-vị rồi, quay về rũ sạch cả chính-sự không tưởng tới; còn Lê Nguyên-Hồng được Trực-đảng rước ra, tưởng là đắc-dụng lắm, ai ngờ lại chính tay Tào Ngô hiếp đuổi đi lần nữa, trốn-tránh khổ-sở mới thoát thân, vợ con còn tiếc miếng đỉnh-chung, cứ vác ấn-tỉ chạy quanh mãi. Ấn mà làm gì? Tỉ mà làm gì? Tiếc làm gì cái miếng thịt bụng ấy, rõ đàn-bà cũng ít suy nghĩ! Mà ông Lê Nguyên-Hồng kia thì từ đây chắc là đúc chuông, tô tượng, tụng kinh, niệm Phật ở nhà thôi, chứ các tiền cũng chả dám ra làm Tổng-thống nữa. Thật thế, vừa đây Đoàn Kỳ-Thụy thỉnh Lê ra dự cuộc Hội-nghị, Lê đã trả lời không có chi rây vào chính-sự nữa.

Tào đuổi Lê rồi, đồ tiền của ra, vác

vũ-lực ra vận-động lên làm Đại-Tổng-thống. Nghị-viên bọn nào vào cánh mình, bọn nào mua chuộc được, Tào cho mỗi vị vài nghìn bạc, còn bọn nào không mua được thì dùng súng lục ô-tô, bắt đến giam cổ vào phải bầu cho mới được. Tào tốn hàng triệu bạc mới mua được cái chức Tổng-thống. Tuy-nhiên cũng có bọn nghị-viên cứng-cổ kéo nhau xuống Thượng-hải triêu-tập Hội - nghị phản-đối nỗi hà - hiếp bất-công của Tào, nhưng ngán thay số nghị-viên ấy lại là số ít, và nước Tàu ngày nay không phải là ngày quốc-vận quang-hưng, nên lòng dân mờ-ám, chỉ theo tả mà không theo chính, mà khiếp sợ cái vũ-lực của Tào Ngô cũng có.

Tào tức-vị rồi, cái thủ-đoạn đầu tiên của Tào là cấm các hí-trường diễn những tích « Cát tu hí bảo », « Huê-dung tiểu-lộ », vì Tào tự-nhận mình là cháu mấy đời Tào Tháo, thì không được làm nhục ông tổ mình. Cái lệnh ấy phát ra, thiên-hạ ôm bụng mà cười, các nhà báo được dịp diễu cợt mãi, làm cho Tào phải thu-hồi cái lệnh ấy về. Ông chúa-tể một nước mà tư-tưởng hẹp-hòi làm sao! Dưới này tôi sẽ kể cái lịch-sử Tào Côn, nay hãy nói Tào lên chấp-chính, ai vào tổ-chức Nội-các? Kể thực nhiều: nào Nhan Huệ-Khánh, nào Vương Chính-Đình, nào Hoàng Phủ, nào Tôn Bảo-Kỳ, nào Cố Duy-Quân, những tay này toàn là tay có học-lực cứng-cáp cả, giả từ Tôn Bảo-Kỳ đã từng làm Đại-sứ tại *Paris*, trẻ như Cố Duy-Quân là người đã có tiếng trong chính-trị và ngoại-giao-giới ở nước Tàu. Tại làm sao mà cái chức Tổng-lý Nội-các về đời Tào Côn thay đổi nhiều thế? Là vì khó chiều-chuộng được bọn vũ-nhân lắm, nhất là Ngô Bội- Phu hạch-lạc luôn luôn, ông Thủ-tướng cứ nay lại lóp-cóp đi Lạc-dương, mai lại lóp-cóp đi Lạc-dương. Nhưng khốn nhất, mà kể cũng sung-sướng nhất là viên Tài-chính Tổng-trưởng, vì viên ấy lo-liệu hết sức cho đủ cung-cấp được cái túi tham của bọn vũ-nhân, dịp nào quẫn thì lo sốt-vó, không ăn không ngủ được, đêm nằm thường thon-thót giật mình tưởng chừng như cái bàn tay sắt nó đã ấn cổ mình vào trong ngục-thất rồi; nhưng dịp nào xoay-sửa được thanh-thỏa, thì thôi tha-hồ mà tiệc-tùng, chỗ này ca-tụng cái tài-lược mình, chỗ kia tán-dương cái công-nghiệp mình. Giữ được bộ Tài-chính lâu nhất có Vương Khắc-Mân, tuy cũng lắm lúc bị cùng quá, phải đôi ba lần xin từ-chức, nhưng Tào thấy Vương là người chu-biện giỏi, nên cố tình lưu Vương ở lại cho. Thế thì Vương cũng là một nhân-vật đắc-dụng cho Tào Ngô lắm vậy.

Trong khi Tào Côn làm Tổng-thống, đối với ngoài được một việc công-nhận Chính-phủ Sô-viết nước Nga, còn phải cái vấn-đề kim-phật-lăng điều-đình mãi với nước Pháp chưa xong, đối với trong thì bốn phương giặc cỏ nổi lên bời-bời, bắt các người ngoại - quốc luôn luôn, dữ nhất là bọn thổ-phỉ ở Lâm - thành. Còn nỗi các địa-phương, thì trước sau ngoài bọn Trực - đảng nhân - vật ra, không đâu tùng-phục Tào mà lại còn hết sức vận-động phạt Ngô Tào nữa. Cãm hơn hết thì có mạn trên Trương Tác-Lâm, đêm ngày tu-binh mãi-mã, đặt máy bay, thửa súng ống, cùng là gửi học-trò đi thao-luyện ở ngoại-quốc, chỉ để chờ ngày dẫn quân vào quan - nội rửa cái hờn năm 1922. Miền dưới thì Tôn Dật-Tiên ra công vận - động việc Bắc-phạt, lẩng-nhẩng mãi là chỉ vì anh Trần Quỳnh-Minh, nó nhờ viện-lực của Ngô Bội-Phu, trước là để chực ụp lại Quảng-đông, sau là làm cho ngăn - trở việc binh của Tôn, chứ không mà đẩng-thẳng ra thì một tay Lý Liệt - Quân đã tiến lên đến đâu rồi! — Còn các nơi khác thì Vân-nam Đường Kế - Nghiêu, từ khi tiễu-trừ được Cố Bình-Thành làm phản rồi thì thế-lực thực là vững-vàng,

lập hẳn ra, — như Mãn-châu của Trương Tác-Lâm, một Vân-nam Chính-phủ cũng có Ngoại-giao bộ, Tài-chính bộ, Giáo-dục bộ, vân-vân, nào còn biết tới trung-ương-chính-phủ là chi-chi nữa? Nói tóm lại thì từ khi Tào Côn lên cầm quyền, khắp trong nước ai cũng ghét giận lắm, mà Tào chỉ cậy vào Ngô, nên các đảng hết sức truy Ngô lắm nữa. Ngô cũng không phải là tay vừa, giăm năm nay đánh đâu được đấy, thiên-hạ nghe danh cũng có ý chồn, nên Ngô quyết-chí đem vũ-lực ra mà thống-nhất lấy nước Tàu. Trước kia thì chủ-chiến có Đoàn Kỳ-Thụy, mà nay thì có Ngô Bội-Phu. Như thế thì tức là trong nước bao giờ cũng đều dự-bị việc chiến-tranh, đảng nào cũng chỉ chờ cơ-hội là dấy binh, để hòng tránh tội với sử xanh mai-hậu. Hay đâu xảy ra việc Giang Triết đấu-trĩ, làm ngòi cho cuộc đại-náo này. Giang Triết giao-chiến, cái tội gây lên là ở Tề Nghiếp-Nguyên, cậy thế Tào Ngô, muốn dành lấy Thượng-hải cho phần Giang-tô kiêm-đốc, chứ không để thuộc phận Triết-giang cai-trị. Ngô giúp quân-lương cho Tề, đảng này thì Trương Tác-Lâm, Tôn Dật-Tiên ủng-hộ cho Lư, nhưng quân Trương chưa gửi xuống, mà quân Tôn thì còn bị nghẽn chưa lên được, đột-nhiên trong hàng-trận Triết-giang có nội-biến vị một tên bộ-hạ Lư nghe lời đứa tì-thiếp mà phản thầy, nên Tôn Truyền-Phương là nhân-vật của Ngô Bội-Phu dẫn quân Phúc-kiến sang thúc đánh đứt quãng Triết-đội ra, thành Lư thua, phải cùng Hà Phong-Lâm chạy sang Nhật-bản.

Cứ cái tình-hình Triết-giang đại-bại như thế này rồi thì tưởng Trương đâm trùng. Thế mà không, Trương liền cất đại-đội binh-mã kéo thẳng xuống Sơn-hải-quan tìm Ngô. Tào Côn bèn hạ lệnh cử Ngô Bội-Phu làm Thảo-tặc-quân Tổng-tư-lệnh, cầm 60.000 sĩ-tốt đi tiễu-trừ Trương, mà đem Mãn-châu về cho trung-ương-chính-phủ. Trong khi thượng-mã-bôi, Ngô hứa ba tháng sẽ định yên Đông-tam-tỉnh, thì ai ai cũng đau-đáu đợi chờ thời-cục, các sứ-thần ngoại-quốc, nhất là Công-sứ Mĩ tin Ngô lắm, có tình với Ngô, thì xem ra có ý chắc phen này Ngô đạt được cái mục-đích nhất-thống Trung-hoa bằng võ-lực. Nhưng riêng nước Nhật, Ngoài mặt thì vẫn tỏ ý giữ cái thái-độ trung-lập như các nước khác, song trong lòng thì rất là lo ngại cho cái quyền-lợi mình ở Mãn-châu, thậm-chí có mấy kẻ nóng tiết ở Đông-kinh xung-đột vào tận ngoại-giao-bộ hỏi xem Nhà nước xử-trí về việc binh-cách này ở Trung-hoa ra sao. Hay đâu Phụng-thiên lại được, mà Trực-lệ bị thua, Trương Tác-Lâm kéo quân xuống tận Bắc-kinh, mà Ngô Bội-Phu thì chạy lạc-lõng đi bốn phương trời.

Nói thế thì rõ-ràng Trương thắng mà Ngô bại, nhưng cứ tuần-tự mà kể ra thì Trương cũng vị-tất đã là đại-thắng, mà Ngô cũng vị-tất đã là đại-bại. Nguyên-lai như sau này: Trong khi giao-chiến, Phụng-quân tuy thắng-thế đôi ba nơi, nhưng chưa lấy gì làm quan-trọng, sau Ngô tiến-binh lên thì mặt trận hai bên lại xoay ra khi lợi khi hại. Đang dùng-dằng thế, bỗng đâu Phùng Ngọc-Tường, bộ-thuộc của Ngô, âm-mưu với các tay chủ-hòa, đêm hôm 23 Octobre 1924, tự hàng trận kéo quân về đóng chặt cửa quan lại, cắt đứt đường giây-thép thông với chiến-địa, bắt Tổng-thống Tào Côn cùng em là Tào Nhuệ giam lại, và truy-nã những nhân-vật của Tào Ngô, như bọn Ngô Cảnh-Liêm, bọn Vương Khắc-mân, v.v., đều phải chạy trốn cả. Phùng bách Tào hạ-lệnh bãi-chiến tiêu cái chức Thảo-tặc-quân Tổng-tư-lệnh của Ngô đi. Xong rồi Phùng mời các tay chủ-hòa cứu-quốc ra lập một Nội-các chấp-sự do Hoàng Phủ đứng đầu, để chờ thỉnh lấy Đoàn Kỳ-Thụy ra dựng lại Trung-ương Chính-phủ cho có giá-trị, mà mời các yếu-nhân trong nước như Trương Tác-Lâm, Tôn Dật-Tiên

đến điều-hòa lấy cuộc thống-nhất. Trong khi Hoàng Nội-các chấp-chính, Phùng dự vào quốc-sự thì trước tiên Phùng xử-trí với phế-đế nhà Thanh một cách dữ-dội quá, là trục vua Tuyên-thống ra khỏi điện-nội và truất hẳn cái danh-hiệu thiên-tử đi. Phùng làm thế viện lẽ rằng nay đã hơi văng-vẳng lại thấy tin phục-tích, thì làm cho tiệt hẳn cái tiếng Hoàng-đế đi cho khỏi ai tưởng đến nữa, sau là cho vua Tuyên-thống được đủ quyền-lợi như một người dân Trung-hoa, muốn ở đâu thì ở, làm gì thì làm, giỗi-giang ra có ngày lại đắc-dụng cho dân-quốc. Cái thuyết thì nó đi như thế, nhưng kể thực là ai-oán cho nhà Thanh quá, thậm-chí có bà cung-nhân trước lăn ra ở trong điện mà chết, nhất-định không muốn để cho binh-lính trục ra khỏi chốn điện-đài của tiên-triều xây đắp nên. Còn vua Tuyên-thống thì nói là được tự-do, muốn đi đâu thì đi, ở đâu thì ở, nhưng thật đêm ngày vẫn ngay-ngáy đến cái tính-mệnh không yên. Hiện nay vua phải trốn ở sứ-quán Nhật-bản, trú tại chính cái phòng Lê Nguyên-Hồng ẩn thân ngày trước.

Phùng xử-trí thế thiên-hạ lấy làm hồ-nghi lắm ; nhất là từ khi Tào Nhuệ đương ở ngục, thốt-nhiên lâm-bệnh chết ngay, người ta mới lại càng ngờ-vực Phùng nữa. Còn Tào Côn thì vẫn bị giam để chờ ngày đem ra công-phán. Xin lược qua cái lịch-sử Tào Côn.

Cái lịch-sử của Tào kể cũng vẻ-vang, vì Tào chỉ là một tên lính thường xuất-thân mà làm nên đến chúa-tể nước Tàu. Khi Tào đăng vào lính, chịu khó chăm-chỉ và tỏ ra người có đảm-lược lắm. Quan trên xem thấy liền gửi cho Tào vào học trường võ-bị ở Thiên-tân. Sau Tào tốt-nghiệp ra, lại được dùng làm giáo-sư ngay trường ấy, Hồi Viên Thế-Khải đứng lên cải-hóa binh-pháp trong nước, Tào cũng đắc-dụng được vào một chân binh-khoa giáo-thụ, ấy là con đường danh-lợi mở ra cho Tào từ đó.

Năm 1902, Tào được thăng Sư-trưởng, rồi sau được cử sang làm Tổng-binh ở Phụng-thiên. Khi cách-mệnh nổi lên năm 1911, Tào đắc-chỉ cầm quân ra thắng-trận, thu-phục được thành Trường-sa, Triều-đình thưởng-công cho làm Tổng-thống Binh-vụ miền Tứ-xuyên Hồ-bắc.

Năm 1916, Viên Thế-Khải dở chứng xưng đế đã chết rồi, Tào được dân-quốc cử ra làm Đô-đốc Trực-lệ. Năm 1918 thì Tào nhậm-chức Tổng-tư-lệnh đốc-suất các đạo quân Tứ-xuyên, Quảng-đông, Hồ-nam, Hồ-bắc ra dẹp đảng cách-mệnh miền Nam. Bấy giờ Tào đã dùng được Ngô Bội-Phu, đứng đệ-tam đoàn-trưởng, ra đánh đâu được đấy, thu-phục được mấy tỉnh Hồ-bắc, Hồ-nam, đã vào tay quân cách-mệnh. Thế là từ đây Tào làm thủ-lĩnh đảng Trực-lệ mà cái oai-danh Tào càng dậy lên từ năm 1922, đánh được đảng Phụng-thiên nữa. Đến năm 1923, thì Tào vận-động lên làm Đại-Tổng-thống cho tới hồi vào ngục-thất. Đến đời Tào là ông Tổng-thống thứ năm ở nước Tàu. Trước nhất Viên Thế-Khải ở ngôi được 4 năm, Lê Nguyên-Hồng ở ngôi lần trước được một năm, lần sau được một năm, cộng là hai năm, Phùng Quốc-Chương được một năm, Từ Thế-Xương được 4 năm, Tào Côn được một năm. Thế là từ khi nước Tàu lập dân-quốc, chưa ông Tổng-thống nào ở ngôi được hết kỳ nhiệm bảy năm. Nhưng trong năm ông Tổng-thống yếu-tướng ấy, thì nghe chỉ có Phùng Quốc-Chương được vì lâm-bệnh mà cáo-hồi, còn thì ông nào cũng bị trục cả, thảm nhất là Lê Nguyên-Hồng hai lần trốn-tránh vất-vả, nay đến Tào Côn thì còn ở ngục, biết sau thế nào. Lại xét kỹ đến 5 ông Tổng-thống nay, thì thật Viên Thế-Khải là một kẻ đắc-tội nhất, làm hại cho nước Tàu lầm-than đến ngày nay. Mà cái điều-ước 21 khoản

làm nhục cho nước Tàu biết là đường nào, cũng là do tội ở Viên Thế-Khải vậy. Chẳng hay năm đứa con trai Viên bâygiờ đã trưởng-thành có biết đái-công thục-tội với nước không ? Sau Viên thì kẻ đắc-tội thứ nhì là Tào Côn, đã tác-ác mãi ra trong nước, làm cho sinh thù sinh oán mãi ở các đảng ra. Còn Lê Nguyên-Hồng, Phùng Quốc-Chương, Từ Thế-Xương, chẳng qua còn ít phúc chưa định được thiên-hạ thôi, chứ kể cũng chẳng mang tội gì với sử xanh sau này cho lắm.

Nay đến Đoàn Kỳ-Thụy ra chấp-chính, chẳng hay có đủ tài-lược hòa-hợp được các đảng-phái, thu-phục được các địa-phương mà thống-nhất lấy nước Tàu cho thành nghĩa lớn không ? Nghe dư-luận thì khắp nước Tàu đều tôn-trọng Đoàn lắm, tuy cái mền-đay làm sao chả có mặt trái, như Đường Thiệu-Nghi còn đang chê hạch Đoàn, không chịu đời Thượng-hải lên Bắc-kinh nhận chức Ngoại-giao Tổng-trưởng mà Đoàn đã ủy tặng cho Đường ; nhưng cứ xem những tay cải thời-thế ở nước Tàu ngày nay là Phùng Ngọc-Tường, Trương Tác-Lâm, tôn-trọng kính-thỉnh Đoàn ra, thì cũng có thể Đoàn đem được tài-lược ra mà lập được công lớn với nước khoa này. Tôn Dật-Tiên cũng đời bỏ Quảng-đông lên Bắc lo việc hội-nghị với Đoàn, và các tỉnh độc-lập cũng đã điện về tùng-phục. Tề Nhiếp-Nguyên là kẻ gây nên cái vạ binh-đao ngày nay thì đã bị chính-phủ triệt-hồi và dân-gian trục ra khỏi địa-phận Giang-tô rồi. Tề hợp với Tôn Truyền-Phương đốc-quân Triết-giang, phản-kháng chính-phủ, nhưng chắc chẳng bao lâu Chính-phủ cũng dẹp yên. Sau nữa là chính Ngô Bội-Phu hiện đương bị bơ-vơ góc bể bên trời, cũng đã mật-điện chúc Đoàn. Như thế tức là Đoàn được khắp trong nước tin yêu vậy. Tuy-nhiên, Đoàn cũng chưa dám nhận chức Đại-Tổng-thống, còn cố chờ lập Toàn-quốc Hội-nghị có thành-công thống-nhất được trong nước mới sẽ hay. Đoàn chỉ đứng đầu Lâm-thời Chính-phủ mà đốc-hiệu quốc-sự, đối với trong với ngoài cho có thể-thống thôi. Nay nên xem đến cái lịch-sử của Đoàn.

Đoàn Kỳ-Thụy người An-huy, năm Quang-tự thứ 11, Đoàn trúng hạch vào học trường võ-bị chuyên-trị về khoa Công-binh. Học bốn năm tốt-nghiệp, Lý Hồng-Chương cử Đoàn sang Đức, vào xưởng *Krupp* học nghề chế súng xong thì đi kinh-nghiệm những pháo-đài quan-trọng và những nơi địa-hiểm ở bên ấy cơ-ngũ ra làm sao. Đoàn ở Đức về được bốn năm thì có việc Nhật Trung giao-chiến, lục-quân thủy-quân Tàu đều bị tan-nát, vua Thanh mới nhận thấy khoa binh-cách cũ của mình là hủ-bại, liền ủy Viên Thế-Khải đem binh-pháp Âu-châu ra đào-luyện lấy lính-tráng. Viên liền tuyển Đoàn vào làm giáo-sư trường Thiên-tân, thao-luyện được binh-sĩ ngày một tấn-tới, sau Đoàn thăng lên trưởng-đốc trường võ-sĩ-quan, khi Lý Hồng-Chương mất, Viên Thế-Khải được lên thay làm Tổng-đốc Trực-lệ, thì Viên dùng Đoàn làm hữ-túc đắc công cho nhà nước lắm, nên Đoàn được phong chức Đô-đốc.

Năm Quang-tự thứ 29, có lập ra một binh-viện thì Đoàn được thụ chức Trung-tướng mà sung Tổng-trưởng viện ấy. Năm thứ 33, bộ Binh cử Đoàn tổng-quản các trường võ-bị và đến năm Tuyên-thống nguyên-niên thì Đoàn phụng-chỉ ra sát-hạch các võ-sĩ du-học ngoại-quốc về. Năm 1911, cách-mệnh nổi lên ở Vũ-xương, Viên Thế-Khải thuyên Tổng-đốc Hồ-bắc dùng Phùng Quốc-Chương làm đệ-nhất sư-trưởng, tâu xin cho Đoàn làm đệ-nhị sư-trưởng, kéo quân xuống miền Nam giẹp giặc. Sau Viên và Phùng đều có chỉ triệu về kinh thì Đoàn lại thay vào Phùng mà cầm quân ra trận. Nhưng

Đoàn nghĩ rằng Nam Bắc cũng là người trong một nước, anh em một nhà, mà cứ đùng-đùng tuốt gươm ra giết nhau thì sao cho đang tâm, dẫu Triều-đình có thắng thì cũng không phải là cứu được nước, hưng được nhà. Ấy là Đoàn đã xét kỹ đến cơ-hội nước Tàu, mới điện xuống giảng-hòa với phương Nam, sau cùng với các yếu-nhân trong nước dâng biểu thỉnh vua Thanh nên vì nước mà thoái-vị. Khi chiếu-chỉ Thanh-triều thoái-vị ra, Đoàn xem thấy ứa nước mắt mà khóc. Người trong nước thì vui mừng hớn-hở, đồng-thanh ca-tụng nước Tàu thành được dân-quốc cộng-hòa đây là nhờ về công-lao họ Đoàn cả. Dân-quốc lập thành rồi, Đoàn vào thự Tổng-lý Nội-các kiêm Binh-bộ tổng-trưởng. Năm 1913, Lê Nguyên-Hồng đắc-cử phó-thống-lĩnh về kinh thụ chức thì Đoàn ra Vũ-xương thay Lê nhận chức Hồ-bắc Đô-đốc; năm sau thì thuyên sang Hà-nam, rồi lại quay về Binh-bộ Thượng thư. Sau lại vào tổ-chức Nội-các cho đến hồi Trương Huân phục-tích thì xin từ; mà đến trận Quản Trực động-binh bị thất-bại thì yên phận về náu hình cho tới ngày nay trong nước rước ra mà chấp-sự.

Kể Đoàn thì thật là một người xứng-đáng ở nước Tàu ngày nay và chắc các nước ngoài cũng đã biết đến Đoàn, vì chính Đoàn đã hô-hào nên cuộc tham-chiến cho Trung-hoa cũng được có mặt ở *Versailles*, ở Hoa-thịnh-đốn. Nhưng biết đâu Đoàn lại chẳng giống Lê Nguyên-Hồng cũng được thỉnh ra chấp-chính rồi lại bị trục bị khu? Dẫu Đoàn cũng là một tay hảo-hán trong đám quân-nhân, nhưng nay binh-tốt không còn, mà Phùng Ngọc-Tường là người tạo nên cái thời-thế này, sẵn hết cả quân trong nước, lại chẳng vần-vơ có bữa đuổi Đoàn hay sao? Phùng Ngọc-Tường, ông tướng theo đạo Thiên-chúa, dễ thật không đối-giá hay sao? Cứ xem cách xử-trí lúng-túng của Phùng bấy nay thì cũng dễ đoán. Phùng ý cũng muốn ngấp-nghé cái ngôi Tổng-thống lắm chứ chẳng không đâu, nhưng chỉ vì khôn hơn Tào Côn, xét phúc mình cũng bạc mà không dám cả gan đấy thôi; chứ kể Phùng cũng cuồng-dại như Viên Tào thì làm gì chả được. Thế mới phải rước Đoàn ra. Đoàn ra thật có cơ hay cho nước Tàu lắm.

Đoàn lên chấp-chính, thi-hành được một điều rất trung-hậu, ai ai cũng kính-phục, là bỏ cái lệnh của Hoàng-các ức-hiếp nhà Thanh quá cho khỏi hại đến cái điều-ước của Dân-quốc đối với phế-đế, rồi lại ân-cần an-ủy vua Tuyên-thống chớ nên trốn-tránh làm gì. Vua Tuyên-thống cũng lấy làm cảm, yên lòng ở lại, nay mới sắp-sửa sang Nhật ít lâu rồi đi du-lịch Âu-châu. Dân-gian lấy việc ấy làm kính-phục Đoàn lắm. Có lẽ phen này Đoàn thành-công được, dẫu rằng miền Dương-tử chưa được yên hẳn cũng chẳng mờn gì cho lắm. Cốt là Trương Tác-Lâm đã tự mình xin miễn chức Thượng-đẳng Đốc-quân Đông-Tam-tỉnh, có ý đem Mãn-châu theo mệnh-lệnh Chính-phủ trung-ương; Quảng-đông thì Tôn Dật-Tiên đã dời bỏ lên lo việc hội-nghị với Đoàn. Nhưng phải cái anh Trần Quỳnh-Minh nay lại dình bò về Quảng-châu để cầu lấy vinh-lợi. Trần đã phong-thanh chủ-nghĩa trung-lập, lấy Quảng-đông làm chúa Quảng-đông cho sung-sướng, không can-thiệp giao-hảo với địa-phương nào mà cũng chẳng theo về trung-ương-chính-phủ nữa. Trần có lẽ cũng muốn được như Đường Kế-Nghiêu ở Vân-nam đây, nhưng Quảng-đông là một miếng thịt nát, quân-tam-tụ-ngũ, dân-sự lại ương-ngạnh, ngay như việc thương-đoàn đột-khởi, gây nên cuộc thiêu-táng gớm-ghê ở Quảng-châu vừa rồi, mà không có những tay thao-lược như Tôn Văn, có uy-linh như Tôn Văn, thì đã dễ mà giẹp yên được sao? Phỏng Trần Quỳnh Minh lại định vào làm chúa Quảng-đông lần nữa có nổi không và có thọ không?

Bọn Hứa Sùng-Trí còn ở đó, và những người có danh-nghĩa như Hồ Hán-Dân, Lý Liệt-Quân, v.v., cũng vẫn còn ở phương Nam cả. Vậy thì về phương Nam, Đoàn Kỳ-Thụy chỉ cần phải điều-đình với Tôn Đạt-Tiên là xong. Chẳng may Tôn nay lại lâm-bệnh, các y-sĩ bảo là đau buồng gan đã 10 năm, giờ phải cần tĩnh-dưỡng lắm mới được, thì có lẽ Tôn vào Bắc-kinh nay mai theo lời thầy thuốc, nghỉ lo đến quốc-sự cho việc điều-trị được có hiệu-nghiệm. Thế thì cuộc Toàn-quốc Đại-Hội-nghị của Đoàn cũng chóng triêu-tập được. Cuộc Hội-nghị này rất quan-hệ cho nước Tàu, cái số-mệnh tương-lai của Trung-quốc là ở trong cuộc Hội-nghị này vậy.

∴

Ta mong cho cuộc Hội-nghị ấy giải-quyết được cái vấn-đề thống-nhất, cho nước Tàu khỏi phải khổ-sở lao-lung nữa, 13 năm trời nay thí-nghiệm nền dân-trị cũng đã là lâu lắm rồi, dân-gian khốc-hại lắm rồi, làm cho người ngoại-cục trông vào đã có phen rơi lụy, có phen chau mày, có phen phải ôm bụng mà cười. Người Tàu cũng đã biết anh em trong nhà đâm nhau giết nhau thì chỉ chết mình, thiệt mình, mang thêm lấy tiếng xấu, tổ cho người ngoài khinh-miệt thôi. Việc trong nhà mình không êm, ra với thiên-hạ ai tin-cẩn được, ngay như cuộc vạn-quốc hội-nghị vừa rồi Tàu có được một chân nào trong hội-đồng trị-sự đâu? Chẳng qua phái-viên của Tàu đến *Genève* chỉ hình như một vị dự-thính thôi, Tàu muốn triêu-tập cuộc hội-nghị quan-thuế, theo như điều-kiện trong hội-nghị Hoa-thịnh-đốn, để đem quyền-lợi quan-thuế về cho Tàu, mà nào liệt-cường có nghe cho đâu, bất hãng giải-quyết vài vấn-đề về việc ngoại-giao cho thanh-thỏa đã. Những việc ấy kể cũng có ức, nhưng phải nên tự xét mình làm ra cho có những cái ức ấy thì còn kêu ai được nữa? Thế mà nước Tàu còn chưa muốn yên, kẻ nọ cứ ghét người kia, vị này cứ chê ông khác mãi, anh nào cũng vơ-vét cho đầy túi tham, thế ra nước Tàu không có người hay sao? Dư-luận Tàu có người bảo rằng nước Tàu to lắm, không thống-nhất được; các đảng đánh nhau lâu dần cũng đến chết hết rồi còn lại đảng nào là đảng ấy lên cầm quyền, bấy giờ sẽ yên nước, ngay như những đời Tam-quốc xưa cũng vậy. Việc chính-trị trong nước tuy rối-bời nát-bét thế, nhưng đường thương-mại kỹ-nghệ cũng không bị ảnh-hưởng thiệt-thòi gì cho lắm, thì cũng chả lấy làm lo! Có người lại còn mê tín rằng đã có điềm trước về việc loạn này còn chưa đến thời-hạn yên-ổn được.

Vậy thì đến năm nào, ngày nào, giờ nào trời mới giải-ách cho thiên-quốc? Mà bảo để các đảng đánh nhau cho chết hết đi thì không trông thấy Trương Tác-Lâm đã có con là Trương Học-Lương, cầm quân ra trận đấy ư? Tôn Đạt-Tiên đã con là Tôn Khoa làm Đốc-lý Quảng-đông đấy ư? Ngô Bội-Phu đổ thì đã có Phùng Ngọc-Tường lên. Tề Nhiếp-Nguyên chạy thì lại có Tôn Truyền Phương giúp đỡ đấy ư? Đời nào cho hết nọc được? Nếu nước Tàu không thống-nhất được thì phải tìm lấy phương-pháp nào thỏa-mãn thích-hợp mà thi-hành chứ cứ để như ngày nay giang-sơn nào anh-hùng ấy thì tài nào khỏi cướp bóc, giặc-giã, ghen-ghét nhau, mà trong nước còn có thể-thống gì nữa? Dẫu rằng đường thương-mại kỹ-nghệ cho phát-đạt đến đâu mà việc chính-trị, việc ngoại-giao không được vẻ-vang thì thời buổi này không đủ mà sinh-tồn được chứ đừng nói đến cái địa-vị mình ở trong vạn-quốc công đồng nữa!

∴

Đấy, từ nãy các ngài nghe cái thời-

cục nước Tàu chuyển-vận trong 13 năm nay như thế khổ-hại cho nước Tàu biết là dường nào, mà công-cuộc vẫn chưa thành, là tại cái học-thuật của người Tàu chưa được chu-đáo mà ra cả. Người ta cho bọn chính-khách quân-nhân ở Tàu toàn là một hạng thiếu-niên hăng-hái nông-nổi cả, chưa dủ lão-luyện mà trị-dân cứu-quốc. Lời diễu bọn ấy là những quân đèn cù thấp-thoáng trên vũ-đài kể cũng chẳng lấy gì làm ngoa vậy. Người An-nam ta nên lấy đấy mà làm gương...

NGUYỄN KHẮC-NGUYÊN

KHẢO VỀ HỌC-THUYẾT MẶC-TỬ

〔墨子考〕

Mặc-tử tên là Địch (翟) họ là Mặc (墨), người thì nói ông sinh ở nước Tống, người thì nói ông sinh ở nước Lỗ, nhưng nay cứ theo lời khảo-cứu của ông Tôn Di-Nhượng 孫詒讓 cho ông là người nước Lỗ (魯).

Muốn biết cái học-thuyết của một nhà thay đổi thế nào, truyền-thụ thế nào, thì trước hết nên xét cái bậc triết-học đã xướng ra học-thuyết ấy sinh vào thời-đại nào. Mặc-tử sinh ở đời nào, xưa nay nhiều nhà khảo-cứu cũng chưa nhất-định. Có chỗ nói ông sinh cùng đời với đức Khổng, như là lời chép về liệt-truyện ở trong *Sử-ký*; có chỗ nói ông là người đời Lục-quốc (六國) đến cuối nhà Chu hãy còn, như là lời *tự* của ông Tất Hãng (畢沅), vân-vân. Hai thuyết trên này nói về thời-đại họ Mặc sai nhau hơn 200 năm, nếu không xét lại cho rõ-ràng, thì dễ khiến người đời ngộ-hội. Nay xin dẫn lời ông Tôn Di-Nhượng biện-bác lời *tự* ông Tất Hãng ra sau này:

« Nay nếu đem bộ sách 53 thiên mà so-sánh lại, thì ông Mặc-tử trước còn kịp gặp được ông Công-thâu-ban (公輸般) và ông Lỗ-dương-văn-tử (魯陽文子) mà vấn-đáp; sau lại còn được thấy ông Điền-hòa (田和), ông Khương-công (康公) nước Tề và khi ông Ngô Khởi (吳起) nước Sở mất. Thế thì thời-đại ông Mặc-tử sau đức Khổng-tử gần được 100 năm, đại-khái đồng-thời với ông Tử-Tư mà có lẽ sinh sau ông Tử-Tư, nghĩa là ông Mặc-tử sinh ra ước năm đầu vua Trinh-Định-vương (貞定王) nhà Chu (trước tây-lịch 468) mà mất ước cuối đời vua An-vương (安王) nhà Chu (trước tây-lịch 376), ông thọ được tám chín mươi tuổi, vân-vân... »

Nhưng sự khảo-cứu của ông Tôn Di-Nhượng không bằng của ông Uông Trung (汪中) có lẽ chánh-xác hơn. Ông Uông Trung nói rằng:

« Ông Mặc-tử thật đồng-thời với vua Huệ-vương (惠王) nước Sở (488—432 trước tây-lịch). Cứ trong thiên *Canh-trụ* (耕柱) *Lỗ-vấn* (魯問) và thiên *Qui-nghĩa* (貴義) thì ông Mặc-tử sinh sau đức Khổng, nhưng còn kịp thấy Ngài. Trong thiên *Phi-công* (非攻) nói về sự Trí-bá (智伯) ưa việc chiến-tranh mà mất nước, sự ấy là ở sau đời Xuân-thu 27 năm, lại nói rằng nước Thái (蔡) mất thì chính thuộc về năm thứ 42 vua Huệ-vương nước Sở (447 trước tây-lịch), trong lúc bấy giờ ông Mặc-tử đều được mắt trông thấy. Trong thiên *Phi-công-hạ* nói rằng: Nay những nước ưa về

sự chiến-tranh là Tề, Tấn, Sở và Việt; lại nói rằng: Đường Thúc cùng Lữ Thượng lập nước Tề và Tấn bây giờ hợp với Sở và Việt mà chia tư thiên-hạ; trong thiên *Tiết-táng-hạ* (節葬下) nói rằng: Các nước chư-hầu ra sức về sự chinh-phạt thì phương nam có vua Sở và Việt, phương bắc có vua Tề và Tấn, thế thì rõ-ràng thuộc về sau Câu-tiễn xưng-bá mà trước khi ông Hiến-công nước Tần chưa đắc-chí, khi ấy thì nước Tấn hãy còn toàn-thịnh, chưa bị bọn Tam-gia phân-liệt, mà nước Tề chưa thuộc về họ Trần vậy...»

« Thiên *Đàn-cung-hạ* (檀弓下) nói rằng mẹ ông Quí-Khương-tử chết, ông Công-Thâu-Ban xin lấy máy đắp nấm, sự ấy không biết thuộc về năm nào, nhưng ông Quí-Khương-tử mất thì về năm thứ 27 vua Ai-công nước Lỗ (468 trước tây-lịch) mà vua Huệ-vương nước Sở thì lập lên từ năm thứ 7 vua Ai-công, ông Công-Thâu-Ban vẫn còn kịp làm tôi vua Huệ-vương; thiên *Công-thâu* (公輸) nói rằng người nước Sở cùng người nước Việt lập trận thủy-chiến đánh nhau, ông Công-Thâu từ nước Lỗ sang chơi nước Sở bày làm cách giây móc để chống-cự nước Việt, công việc ấy cũng thuộc về sau khi nước Ngô đã mất rồi nước Sở cùng nước Việt làm lân-bang với nhau. Vua Huệ-vương làm vua 57 năm, trong sách lại chép rằng: lấy cớ già mà từ ông Mặc-tử (老辭墨子), thế thì ông Mặc-tử cũng là người hưởng-thọ vậy...»

Cứ theo những chứng-cớ đã kể ra trên này thì chúng ta có thể định cho rằng đại-khái ông Mặc-tử sinh ra thuộc về khoảng năm thứ 20-30 vua Kính-vương 敬王 nhà Chu (500-490 trước tây-lịch), mà ông mất trong khoảng năm thứ 1-10 vua Uy-Liệt-vương 威烈王 nhà Chu (425-416 trước tây-lịch). Khi ông Mặc-tử mới sinh ra thì đại-ước đức Khổng-tử đã đến 50 tuổi trở lên hay là 60 tuổi trở xuống (đức Khổng sinh năm 551 trước tây-lịch), mà ông Mặc-tử chết trước ông Ngô Khởi (吳起) ước độ 40 năm vậy.

Chúng ta nên chú-ý về ông Mặc-tử sinh ở nước nào và thời-đại nào, như trên kia đã nói ông là người nước Lỗ và sinh trong lúc Khổng-môn còn dương thịnh, vì vậy cho nên học-thuyết ông chỗ nào cũng có quan-hệ với đạo Nho. Trong sách *Hoài-nam yếu-lược* (淮南要略) nói rằng:

« Ông Mặc-tử học theo cái nghiệp của Nho-giả, chịu cái thuật của Khổng-tử, mà ông cho rằng việc lễ thì phiền-phức không thỏa đẹp, hậu lễ tống-táng đã phí của mà khiến cho dân nghèo, để tang lâu thì hại sự vệ-sinh mà phòng-ngại công việc» (墨子學儒者之業。受孔子之術。以爲其禮煩擾而不悅。厚葬靡財而貧民。久服傷生而害事。)

Nay chúng ta thử xét ông Mặc-tử có phải là học theo nghiệp của Nho-giả chịu cái thuật của Khổng-tử hay không. Điều ấy tuy không thể quyết-định được, nhưng chúng ta có thể nói chắc rằng ông Mặc-tử chịu cái ảnh-hưởng của Nho-giả vẫn nhiều. Tuy vậy mặc dầu, Mặc-tử vẫn thường phản-đối với phái Nho-giả, sự phản-đối ấy không phải là Mặc-tử không phục đạo đức Khổng, vì Mặc-tử không phục cái lễ-tiết phiền-toái của bọn học-trò đức Khổng thường đem ra mà giảng-luận. Từ khi đức Khổng mất rồi, các đồ-đệ Khổng-môn không hề đem cái đại-nghĩa của học-thuyết ngài siển-phát ra mà truyền cho người đời, chỉ ngồi bàn-luận tranh nhau cái lễ-tiết rất nhỏ-mọn, thử xem một bộ *Nghi-lễ* (禮儀) nói toàn những lễ-nghi phiền-phức, thật đủ khiến cho người đời lấy làm quái lạ. Ông Mặc-tử sinh ở nước Lỗ, mắt trông thấy những hiện-trạng quái-lạ như thế, tài nào không phản-đối nhà Nho và tự mình xướng ra một học-phái mới. Ông Mặc-tử công-kích nhà Nho đại-ước có bốn điều như

sau này. Thiên *Công-mạnh* sách Mặc-tử (墨子公孟篇) nói rằng:

« Đạo Nho đủ khiến cho mất thiên-hạ có bốn điều: đạo Nho cho trời là tỏ sáng, quỉ là không linh-thiêng, không nói đến trời và quỉ, điều ấy đủ mất thiên-hạ; hậu lễ tống-táng, tang-chế lâu ngày, phần thì quan-quách cho tốt, khâm-liệm cho nhiều, phần thì đưa-đón khóc-lóc, vân-vân..., điều ấy đủ mất thiên-hạ; đàn ca múa nhảy tập lối thanh-nhạc, điều ấy đủ mất thiên-hạ; đạo Nho cho rằng điều gì cũng có mệnh, nghèo, giàu, thọ, yểu, trị, loạn, an, nguy, đều có cái mệnh nhất-định, không thể thêm bớt được.... điều ấy cũng đủ mất thiên-hạ. »

Một đoạn dẫn ra trên này là chỗ rất trọng-yếu có quan-hệ đến cái học-thuyết của đạo Nho và đạo Mặc. Bởi vì đạo Nho không tin quỉ, cho nên ông Mặc-tử mới xướng ra bài luận « Minh-quỉ » (明鬼); đạo Nho chủ về lối hậu lễ tống-táng và lâu sự tang-chế, cho nên ông Mặc-tử mới xướng ra bài luận « Tiết-táng » (節葬); đạo Nho trọng về lễ-nhạc, cho nên ông Mặc-tử mới xướng ra bài luận « Phi-nhạc » (非樂); đạo Nho tin về thiên-mệnh, cho nên ông Mặc-tử mới xướng ra bài luận « Phi-mệnh » (非命).

Ông Mặc-tử là một người nhiệt-tâm cứu-thế, ông thấy cái thảm-họa sự chinh-chiến của các nước hồi bấy giờ, trong lòng ông lấy làm thương-xót đau-đớn, ông bèn xướng ra bài luận « Phi-công » (非攻); ông cho rằng những chánh-sách bãi-binh từ trước đều là cái phương-pháp làm không có căn-bản, còn như cái căn-bản về sự bãi-binh là cốt làm sao khiến cho người đời ai nấy đều coi nước người như nước mình, nhà người như nhà mình, thân người như thân mình, vì vậy ông mới xướng ra bài luận « Kiêm-ái » (兼愛).

Nhưng ông Mặc-tử cũng không phải chỉ không-dám về cái chủ-nghĩa kiêm-ái mà hi-vọng cho tới cái mục-đích bãi-binh đâu, ông vẫn là một nhà cứu-thế thực-hành cái chủ-nghĩa kiêm-ái và thực-hành cho đạt tới cái mục-đích bãi-binh. Khi bấy giờ ông Công-thâu-Ban đương vì nước Sở làm thứ vân-thê (雲梯) để dự-bị sang đánh nước Tống, ông Mặc-tử nghe nói, bèn từ nước Lỗ khởi-trình đi suốt mười ngày mười đêm mới đến đô-thành nước Sở, vào ra mắt ông Công-thâu-Ban nói cho ông ấy chiết-phục, rồi lại nhờ ông ấy giới-thiệu cho mình vào yết-kiến vua nước Sở, ông hết sức nói cho vua Sở phải nghe theo mà không đi đánh nước Tống nữa. Trong thiên *Lỗ-vấn* (魯問) có nói rằng: « Ông Công-thâu-Ban đối với ông Mặc-tử nói: Lúc tôi chưa gặp ông tôi muốn cho được nước Tống, đến khi tôi đã gặp ông rồi, nếu có người đem nước Tống cho không tôi đi nữa mà tôi xét ra có một tơ-hào gì là bất-nghĩa thì tôi cũng không nhận. Ông Mặc-tử trả lời rằng: Ấy vậy, khác nào như tôi đã đem nước Tống dâng cho ông rồi, nếu ông gắng sức làm sự nghĩa, thì tôi sẽ đem cả thiên-hạ dâng cho ông vậy. »

Chúng ta thử xem như thế thì đủ thấy được tấm lòng khí-khái nghĩa-hiệp của ông Mặc-tử. Trong thiên *Qui-nghĩa* (貴義) chép rằng: « Có một người bạn đến khuyên ông nói rằng người đời bây giờ không ai chịu làm sự nghĩa-khí, ông làm làm chi cho mệt, tôi xin ông thôi đi. Ông đáp lại rằng ví-dụ như có mười người con, chín đứa đã lười-biếng chỉ có một đứa chăm lo cày ruộng, người ăn thì nhiều, người làm thì ít, thế thì một đứa lo cày ruộng kia phải cần gia-công mà cày thêm lên, mới mong có thể bồ-cứu được. Bây giờ thiên-hạ không ai cần làm sự nghĩa-khí, anh nên khuyên tôi gắng sức mà làm thêm cho nhiều sự nghĩa-khí mới phải, vì sao anh lại bảo tôi đừng làm ». Ôi! Cái tinh-thần ấy quí-báu biết là dường nào, cái nhân-cách ấy cao-thượng biết là dường nào.

Tuy về sau thầy Mạnh-Kha có phản-đối ông Mặc-tử mà nói rằng: « Họ Mặc xướng nghĩa kiêm-ái, nếu mài trán đến gót mà lợi thiên-hạ cũng làm, » câu ấy vẫn có ý trách-bị ông Mặc-tử, nhưng kỳ-thực là cái lời kính-trọng ông, khâm-phục ông vậy.

Đạo Nho thường bài-bác cái chủ-nghĩa kiêm-ái của Mặc-tử, nhưng thử xem lời ông Mặc-tử nói với bàn vừa kể trên này, thì thực ông là một người vừa quả-quyết vừa nhẫn-nại thực-hành về đường đạo-đức để cứu đời, ông thấy cái đời ai ai cũng tranh đua về đường quyền-lợi cướp lẫn giết lẫn nhau mà chỉ cầu cái lợi riêng cho mình, về phái vũ-sĩ kia như thế đã đành, còn phái văn-nho thì chỉ khư-khư ngồi nghị-luận những lễ-nghi rất nhỏ-mọn mà vô-ích, nào đưa ma mặc áo gì, nào đám tế dùng lễ gì, nào là y-phục, nào là thanh-nhạc, toàn là những sự làm cho người đời hao tài phí sức, mà không có một chút nào bổ-cứu cho cái thế-giới chiến-tranh, cái nhân-quần lợi-dục cả, khác nào con trong một nhà mười thằng đã bị chín thằng điên cuồng đỗ dại, còn có một mình phải gắng sức mà ra tay cứu vớt, khi bấy giờ ông chỉ biết cái thế-giới nước Tàu như bị một trận sóng cuồng sắp làm cho nghiêng đổ đi, chỉ một mình ông chống-chỏi lại mà ông không hề chán nản, tấm lòng hào-hiệp ấy khiến cho người đời sau cũng nên sùng-bái thi-chúc mà mong rằng những nhân-vật có nghĩa-khí ấy sao được tái-giáng-sinh ra cái đời cạnh-tranh kịch-liệt này mà cứu giúp cho người đời. Ta bàn đến học-thuyết ông Mặc-tử mà thương thay cho nhân-tâm thế-đạo đời bây giờ, người trên thì bác-tước, kẻ dưới thì ô-mị, cùng trong đồng-loại mà hại lẫn nhau để cầu lợi riêng cho mình, không còn biết đạo-đức liêm-sỉ là gì cả, con trong một nhà mười thằng đã hầu hết như thế rồi, nếu có một đứa nào thốt-nhiên mà ở khác với cái tính-nết « hại-quần lợi-kỷ » ấy đi, thì đã ó nhau mà tìm mưu đè nén, lập kế hãm-hại, làm cho nó ngóc đầu không nổi mới lấy làm ưng dạ. Ông Mặc-tử nếu ở đời bây giờ thì tưởng ông cũng phải bị họa về chủ-nghĩa, mà không ai dám nhìn nhận đến ông nữa, nếu ông có nói cho lắm thì đám quân-phiệt Bắc-kinh hay là đám cách-mệnh ở Quảng-đông, họ cũng mời ông vào ngồi nhà pha mà thôi. Tuy vậy, nếu tùy-thời mà ở, ấy là cái phương-pháp « minh-triết » của nhà nho, chứ cái tính-tình hào-hiệp của Mặc-tử thì khác.

Mặc-tử là một nhà tôn-giáo: ông ghét nhà nho đã không tin quỉ-thần mà còn nghiên-cứu đến lễ tế lễ táng, ông bèn nói rằng: « Nếu không tin quỉ-thần mà lại còn học đến lễ tế, thì khác nào như không có khách mà sắm-sửa đồ dọn tiệc, không có cá mà sắm-sửa đồ đánh lưới », vì vậy ông không trọng sự tang-tế mà ông lại rất tin quỉ-thần, cái chỗ ông tin quỉ-thần đấy tức là tin « trời », mà cái « trời » của ông không phải như cái « trời tự-nhiên » của ông Lão-tử, và không phải cái « trời không nói không năng, làm ra bốn mùa, sinh ra trăm vật » của đức Khổng-tử, trời của ông tức là có ý-chí, trời là « chí » (志), nghĩa là cần người đời phải kiêm-ái, phàm việc gì cũng phải lấy thiên-chí (天志) làm tiêu-chuẩn.

Ông Mặc-tử thực-hành về lối tôn-giáo của ông một cách rất khắc-khổ, ông chủ-trương về sự tiết-kiệm, về sự bỏ thanh-nhạc, cho nên ông dạy người đời phải khắc-khổ tu-hành. Ông Trang-tử (莊子) đã có chê ông rằng: « Cái ý của ông Mặc-Địch và ông Cầm-Hoạt-Ly (禽滑釐) thì phải, nhưng mà công việc làm thì không phải, vì là sẽ khiến cho người theo đạo Mặc ngày sau phải tự mình khắc-khổ quá đến nỗi chân tay cuồng dại mà thôi. » Tuy vậy ông Trang-tử cũng phải khen ông Mặc-tử rằng ông

Mặc-tử là người tốt trong thiên-hạ và người có tài, tuy tính-nết khô-khao mặc dầu, nhưng cũng khó lòng mà tìm được một người như thế.

Nay xin lược kể những sách về Mặc-tử. Sách Mặc-tử có 53 thiên, mà trong 53 thiên ấy có thể chia ra làm 5 bộ-phận.

Thứ nhất, từ thiên *Thân-sĩ* (親士) đến thiên *Tam-biện* (三辯) cộng là 7 thiên, đều là những sách người sau giả-tạo, ba thiên trước thì toàn không có khẩu-khí họ Mặc, còn bốn thiên sau là căn-cứ theo những lời dư-luận của Mặc-thị mà làm ra.

Thứ hai những thiên *Thượng-hiền* (尚賢), *Thượng-đồng* (尚同), *Kiêm-ái* (兼愛), *Phi-công* (非攻), *Tiết-dụng* (節用), *Tiết-táng* (節葬), *Thiên-chí* (天志), *Minh-quỉ* (明鬼), *Phi-nhạc* (非樂), *Phi-mệnh* (非命), *Phi-nho* (非儒), cộng là 24 thiên, đại-để là về phái Mặc-học ngày sau suy-diễn những học-thuyết của ông Mặc-tử mà làm ra, và có nhiều những tài-liệu của người sau thêm vào, như thiên *Phi-nho*, *Phi-nhạc*, vân-vân.

Thứ ba: *Thượng-hạ-Kinh* (上下經), *Thượng-hạ-kinh-thuyết* (上下經說), *Đại-thủ* (大取), *Tiểu-thủ* (小取), cộng 6 thiên, tưởng không phải là sách của ông Mặc-tử và không phải là sách của phái Mặc-học suy-diễn học-thuyết của ông Mặc-tử mà làm ra, chúng ta tưởng rằng 6 thiên ấy chẳng qua là về phái « Biệt-Mặc (別墨) làm ra vậy, những học-thuyết trọng 6 thiên ấy quyết không phải những người ở thời-đại Mặc-tử có thể phát-minh ra được, vả lại những lý-thuyết trong 6 thiên ấy hình như lý-thuyết của bọn Huệ-Thi (惠施), Công-tôn Long (公孫龍), cho nên chúng ta tưởng rằng 6 thiên ấy là thuộc về phái Biệt-Mặc ở thời-đại Huệ-thi, Công-tôn Long làm ra. (Phái Biệt-Mặc sau xin sẽ khảo riêng).

Thứ tư: thiên *Canh-trụ* (耕柱), *Qui-nghĩa* (貴義), *Công-mạnh* (公孟), *Lỗ-vấn* (魯問), *Công-thâu* (公輸), cộng 5 thiên là phái Mặc-giả ngày sau góp nhặt những ngôn-hành của Mặc-tử khi sinh-thời mà chép ra, cũng như phái Nho-giả góp nhặt những ngôn-hành của đức Khổng mà chép ra sách *Luận-ngữ* vậy. Vì vậy trong 5 thiên ấy có nhiều tài-liệu sánh với bộ-phận thứ hai kể trên kia lại càng trọng-yếu hơn.

Thứ năm, từ thiên *Bị-thành-môn* (備城門) đến thiên *Tạp-thủ* (雜守) cộng 11 thiên, biên chép những phương-pháp giữ thành đánh giặc của Mặc-thị xướng ra, đối với triết-học không có quan-hệ gì.

Nghiên-cứu học-thuyết của Mặc-thị, tưởng nên trước đọc những sách Mặc-thị về bộ-phận thứ hai và thứ tư, rồi sau đọc đến bộ-phận thứ ba vừa kể ra trên này, còn hai bộ-phận kia thì có thể không cần đọc cũng được.

Phương-pháp triết-học của Mặc-tử.

— Chỗ căn-bản của Nho và Mặc khác nhau là khác về cái phương-pháp triết-học, cách sưu-tập không giống nhau. Xem một đoạn trong thiên *Canh-trụ* sách *Mặc-tử* nói như sau này thì đủ rõ được cái chỗ hai đàng khác nhau là thế nào:

« Ông Diệp Công-tử Cao hỏi đức Khổng-tử rằng chính-trị hay thì ra thế nào. Ngài trả lời rằng: « Chính-trị hay nghĩa là xa làm cho gần mà cũ làm cho mới. » Ông Mặc-tử nghe vậy, bèn nói rằng: Ông Diệp Công-tử-Cao hỏi đã không phải cách mà đức Trọng-ni trả lời cũng không phải cách, ông Diệp Công-tử-Cao có lẽ nào mà không biết chính-trị giỏi thì xa làm cho gần mà cũ làm cho mới ư? Nhưng phải hỏi cách làm thế nào cho được như thế. »

Ấy vậy, chỗ phân-biệt Nho với Mặc là như thế: Đức Khổng-tử là nói về

một cái mục-đích của lý-tưởng mà Mặc-tử là nói về một cái phương-pháp tiến-hành « nên làm thế nào »; đức Khổng-tử là nói về sự « được làm sao » mà Mặc-tử thì nói về sự « làm làm sao. »

Cùng trong một việc mà đạo Nho thì nói rằng việc ấy phải làm như thế ấy, mà họ Mặc thì nói rằng vì cớ gì mà phải làm như thế, xem trong thiên *Công-mạnh* sách *Mặc-tử* có chép một đoạn rằng:

« Ông Mặc-tử hỏi Nho-giả rằng vì cớ gì mà làm nhạc. Nho-giả trả lời rằng nhạc để mà làm nhạc, ông Mặc-tử bèn nói rằng thế thời tôi hỏi mà ông chưa trả lời cho tôi vậy. Nay nếu tôi hỏi rằng vì cớ gì làm nhà mà ông trả lời rằng làm nhà là vì mùa đông tránh cho khỏi lạnh, mùa hạ tránh cho khỏi nắng và để cho đàn-ông đàn-bà ở có phân-biệt, thế thời ông bảo cho tôi biết cái cớ làm nhà đấy. Nay tôi hỏi rằng vì cớ gì làm nhạc, mà ông trả lời rằng nhạc để làm nhạc, thì khác nào như tôi hỏi ông vì cớ gì làm nhà, ông lại trả lời rằng nhà để mà làm nhà. »

Đạo Nho nói về cách nên làm như thế, đạo Mặc nói về cái lẽ phải làm thế nào cho được như thế; đạo Nho nói về việc ấy thì làm như thế ấy, đạo Mặc nói về vì lẽ gì mà việc ấy thì làm như thế, ấy là chỗ phân-biệt ra đạo Nho và đạo Mặc có hai tầng rất trọng-yếu. Đạo Nho thường ưa đem ra một cái tiêu-chuẩn về lý-tưởng rất cao mà để làm cái mục-đích cho sự ở đời của loài người: như luận về việc chính-trị thì nói rằng vua phải đạo vua, tôi phải đạo tôi, cha phải đạo cha, con phải đạo con, hay là nói rằng người gần đẹp lòng, người xa đến phục, ấy đều là cái mục-đích về lý-tưởng, chứ không phải phương-pháp để mà tiến-hành; như luận về lối nhân-sinh-triết-học thời xướng ra một cái mục-đích rất cao là « Chỉ ư chí-thiện » (止乎至善), nghĩa là người đời phải làm cho tới nơi rất lành, nhưng không hề nghiên-cứu đến người đời phải làm thế nào mà được đến nơi chí-thiện ấy. Còn những điều-mục của đạo Nho bày ra, như nói rằng làm vua thì phải nhân, làm tôi thì phải kính, làm cha thì phải từ, làm con thì phải hiếu, ở với người nước thì phải tín, cũng không hề nói đến là lẽ gì mà phải nhân, phải kính, phải từ, phải hiếu và phải tín.

Nói tóm lại, thời đạo Nho chỉ thiên-trọng về một phía động-cơ, không chú-ý đến cái hiệu-quả sự hành-vi thế nào. Xét cho đến cùng tột, thời thành ra như lời ông Đổng Trọng-Thư nói rằng chỉ tránh về nghĩa không cần phải tính đến lợi, và chỉ tỏ rạng về đạo không cần phải tính đến công-hiệu thế nào.

Về phương-pháp triết-học của Mặc-tử thời khác. Mặc-tử chuyện gì cũng cần xét đến chỗ « vì lẽ gì », ví-dụ như làm một cái nhà, trước hết phải cần xét vì lẽ gì mà làm nhà, biết được vì lẽ gì, rồi mới biết được cái chỗ nên làm thế nào, biết được cái cớ làm nhà, nghĩa là mùa đông tránh lạnh, mùa hạ tránh nắng và để cho đàn-ông đàn-bà ở có phân-biệt, như thế thời mới biết được cái cách sắp-đặt gây-dựng thế nào cho khỏi mưa gió lạnh nắng và có nhà trong nhà ngoài cho được phân-biệt, vân-vân.

Như bây giờ nói về sự giáo-dục, ai ai cũng nói rằng cần phải chấn-hưng sự giáo-dục mới được, rồi rủ nhau mở học-trường, gọi học-trò, cho rằng sự mở học-trường và gọi học-trò là mở-mang giáo-dục đấy, nhưng mà không nghiên-cứu vì lẽ gì phải mở-mang sự giáo-dục. Đã không nghiên-cứu đến cái cớ sở-dĩ-nhiên ấy, thành ra sự mở trường và những người đi học, không biết đường nào mà xét được cái lẽ hơn thua và xét được cái phương-pháp cải-lương trong sự giáo-dục.

Ông Mặc-tử cho rằng ở đời không cứ công-việc gì, chế-độ gì, học-thuyết gì và quan-niệm gì, đều có một cái lẽ « vì thế nào », nghĩa là mọi sự mọi vật trong đời, đều có một chỗ ứng-dụng, biết được chỗ ứng-dụng ấy mới có thể biết được sự phải trái về sự-vật ấy. Mà mọi sự mọi vật đã là vì có ứng-dụng mà sinh ra, nếu không thể ứng-dụng được, thì tức là đã sai cái nguyên-ý về mọi sự mọi vật ấy rồi, và cần phải cải-lương lại rồi. Đại-khái như ông Mặc-tử nói về lẽ kiêm-ái (兼愛), ông có nói rằng: « Nếu ứng-dụng mà không được, thời tuy tôi cũng phải chê, song lẽ không lẽ có làm điều thiện mà không thể ứng-dụng được. Ấy vậy, phàm ứng-dụng được tức là thiện, mà thiện tức là có thể ứng-dụng được. Ví-dụ như chúng ta nói rằng cái bút này là tốt, vì lẽ gì mà tốt, nghĩa là vì viết được mới gọi là tốt ». Ấy chính cái nghĩa ứng-dụng của ông Mặc-tử là thế.

Cái chủ-nghĩa ứng-dụng lại có thể gọi cái chủ-nghĩa thực-lợi.

Nhà Nho nói rằng nghĩa là phải « 義也者宜也 », gặp việc này cần phải làm như thế này, ấy là nghĩa. Còn họ Mặc thì nói rằng nghĩa là lợi « 義利也 », nghĩa là gặp việc này mà làm như thế này, mới có thể có lợi được, ấy là nghĩa. Vì làm như thế này mới có lợi cho nên phải làm như thế này. Nghĩa là làm cái việc phải làm mà vì có lợi cho nên mới làm cái việc phải làm.

Chủ-nghĩa ứng-dụng của Mặc-tử, người đời thường hay ngộ-hội, chỉ vì người đời hay giải lầm chữ *lợi* và chữ *dụng*. Còn như chữ *lợi* đây không phải là tài-lợi, chữ *dụng* đây không phải là đồ-vật dùng, chữ *lợi* và chữ *dụng* của ông Mặc-tử chỉ về sự hành-vi của người đời mà nói, như ông nói rằng:

« Lời nói mà có thể thay đổi được nết làm thời chuộng, chứ không thay đổi được nết làm thời đừng chuộng, nếu lời nói không thay đổi được nết làm mà cũng chuộng, ấy là buông miệng mà nói bậy vậy. »

Xem thế thời cái ý-tứ của ông Mặc-tử chủ-trương về lối lý-luận, phàm xét những lý-luận gì, học-thuyết gì, trước hết phải xét rằng có thể cải-lương sự hành-vi của người đời hay không, rồi mới tôn-chuộng, nếu không thể tăng-tiến được sự hành-vi của người đời, thì đáng cho là không có giá-trị vậy.

Ông Mặc-tử lại nói rằng: « Nay nếu người mù mà nó nói rằng chỉ là trắng, mực là đen, thời tuy anh sáng mắt kia không có thể cãi lại được, nhưng để lẫn vật trắng vật đen lại một chỗ, mà bảo anh mù chọn lấy, thời không thể biết được, cho nên ta nói rằng anh mù không biết trắng với đen, là không phải nói nó không biết cái tên, vì nó không biết chọn lấy. Đời bây giờ người ta gọi rằng *nhân*, thì tuy vua Thang, vua Vũ cũng không thể cãi lại được, nhưng mà gồm sự nhân cùng chẳng nhân, khiến người đời chọn lấy, thì họ không biết được, cho nên ta nói rằng người đời bây giờ không biết *nhân*, không phải là họ không biết cái danh, vì không biết chọn lấy vậy. »

Những lời ông Mặc-tử nói trên này thống-khoái biết là dường nào! Đại-phàm người thiên-hạ ai ai cũng biết nói những câu nhân-nghĩa đạo-đức cả, khác nào như đứa mù, tuy không từng thấy sắc đen sắc trắng, nhưng cũng biết nói tới cái giới-thuyết đen và trắng. Ở đời cần phải tới khi ứng-dụng về thực-tế, mới biết được cái giới-thuyết của người đời thường nói trước đầu lưỡi là vô-dụng, chúng ta đừng thấy những bọn cao-đàm đạo-đức nhân-nghĩa mà lầm. Ta thường thấy có lắm bậc đạo-học-tiên-sinh ngồi đâu cũng biện-luận đến lẽ vương, bá, nghĩa, lợi, rất là rành giỏi, nhưng kỳ-thực ngô, khoai, lúa, đậu, cũng mơ-hồ không

thể phân-biệt được. Lúc biện-luận mà bàn lẽ đời, thì phải trái chia từng mảy lông, lợi hại xét từng sợi tóc, đến khi gặp việc, thì tùy-ba trục-lãng, luc-lắc theo thời, nếu không vậy, thì cũng bó chân bó tay chẳng biết cách gì mà xử-trí.

Vì vậy, ông Mặc-tử mới nói rằng người đời chỉ biết mấy cái danh-từ đạo-đức, hay là mấy câu giới-thuyết hư-không, nói cho người ta dễ nghe, bậc ấy không đáng cho là « chân-trí-thức », bậc « chân-trí-thức » là cốt có thể đem cái quan-niệm ra mà ứng-dụng.

Ấy chính là cái phương-pháp căn-bản về triết-học của Mặc-tử, về sau cái thuyết « tri-hành-hợp-nhất » của ông Vương Dương-Minh 王陽明, cũng đồng một lý-thuyết ấy. Nhưng ông Vương Dương-Minh có chỗ không đồng với ông Mặc-tử. Ông Dương-Minh chỉ trọng về phương-diện « lương-tri », cho nên ông nói rằng : « cái lương-tri của người, tức là cái chuẩn-tắc của người, ý-niệm của người để vào đâu, chính là biết điều phải chứ không phải biết điều quấy » ; ông Mặc-tử thì không thế, cái chuẩn-đích về sự phải quấy của ông không phải thuộc về lương-tri trong lòng, chính là thuộc về sự thực-dụng ở ngoài lòng. Nói rõ ra, thì ông Mặc-tử chủ-trương về cái thuyết « nghĩa-ngoại » (tức là sự phải ở ngoài) mà ông Dương-Minh thì chủ-trương về cái thuyết « nghĩa-nội » (tức là sự phải ở trong lòng). Cái thuyết tri-hành-hợp-nhất của ông Dương-Minh, chỉ là cần người đời thực-hành cái mệnh-lệnh của lương-tri ; cái thuyết tri-hành-hợp-nhất của ông Mặc-tử là chỉ cần thực-hành cái chỗ biết của người mà định sự biết ấy chân hay giả, và ứng-dụng sự biết của người mà định sự biết ấy phải hay trái.

Cái phương-pháp căn-bản của ông Mặc-tử thì trọng về chỗ ứng-dụng rất nhiều, mà nơi rất thống-khoái nhất trong sách ông không chỉ bằng một đoạn trong thiên *Phi-công-thượng* (非攻上篇). Nay chúng ta xin dịch ra sau này để làm lời kết-luận cho bài luận phương-pháp triết-học của ông Mặc-tử.

« Nay có một người vào vườn người « ta bẻ trộm đào mận, chúng nghe thấy « thì chê, quan bắt được thì phạt, vì « sao ? Làm hại người mà lợi cho mình ; « ăn trộm gà lợn thì tội nặng hơn bẻ « trộm đào mận, ăn trộm trâu ngựa « thì tội nặng hơn ăn trộm gà lợn, giết « người lấy của thì tội càng nặng hơn « nữa ; vì sao ? Sự bất-nhân càng lắm, « thì tội càng nhiều vậy. Người nào đã « phạm tội lớn như thế, thì ai ai cũng « cho là bất-nghĩa, nhưng ở đời cũng « có người làm việc đại-bất-nghĩa như « là đánh nước cướp thành người ta, « thì người đời lại không biết là trái, « mà ó nhau khen là nghĩa, thế thời « sự nghĩa cùng bất-nghĩa, người đời « hẳn đã biết mà phân-biệt được ru ? « Giết một người thì gọi là bất-nghĩa, tất « có một tử-tội, giết mười người thời « bất-nghĩa gấp mười, tất có mười tử-« tội, giết trăm người thời bất-nghĩa gấp « trăm, tất có trăm tử-tội, điều ấy ở đời « ai ai cũng biết cả. Nhưng đời bây giờ « làm những sự bất-nghĩa đến đánh « giết cả nước người ta mà trở khen « là nghĩa. Nếu thật-tình không biết « là bất-nghĩa mà chép lời khen ấy để « đời, thì không nói làm gì. Còn như « đã biết rằng bất-nghĩa, thì cớ gì không « chép hẳn là bất-nghĩa ? Nay có một « người thấy một ít thứ đen thì cho « rằng đen, đến thấy nhiều thứ đen « thì cho rằng trắng, thế thì người ấy « chắc là không biết biện ra đen trắng ; « ăn một ít đồ ngọt thì cho rằng ngọt, « đến ăn nhiều đồ ngọt thì cho rằng « mặn, thế thì người ấy chắc là không « biết biện ra ngọt mặn. Bây giờ thấy « người ta làm sự trái ít thì chê rằng

« trái, thấy người ta làm sự trái nhiều
« thì khen rằng phải, như thế có đáng
« gọi rằng người đời đã biện rõ ra
« sự nghĩa cùng bất-nghĩa hay không?
« Cho nên ta biết rằng người đời bây
« giờ những chỗ biện ra sự nghĩa cùng
« bất-nghĩa đều là hàm-hồ mà không
« đích-xác.»

AN-KHÊ

MỘT BUỔI ĐI XEM ĐỀN « LÝ BÁT ĐẾ »

Mấy ngày nghỉ Tết vừa rồi, mấy anh em, ông Ngô Vi-Liễn, ông Đỗ Như-Huyên và tôi, rủ nhau đi chơi xa, nhưng chẳng biết đi đâu, bàn đi bàn lại mới định sang làng Đình-bảng thuộc tỉnh Bắc-ninh để xem đền và lăng Lý bát-đế thờ vua nhà Lý là một nhà đã xây vững nền tự-chủ cho nước ta sau khi Bắc-thuộc.

Sáng sớm ăn lót dạ xong, anh em mới mỗi người một cái xe đạp rủ nhau đi. Trời hơi lạnh một chút, nhưng đi một lúc thấy dễ chịu, có lẽ bởi ngày thường chỉ quanh-quẩn trong bốn bức tường nhà giấy, hay đi lại trong thành-phố eo-hẹp mà nay ra chốn quang-đãng nhà quê thì trong mình khoan-khoái. Vừa đi vừa truyện-trò, xe-đạp bon bon chẳng mấy lúc đã qua Gia-lâm, cầu sông Luống, ga Yên-viên... Cách Hà-nội 15 ki-lô-mét thì dừng xe lại để vào xem chùa Cổ-pháp, tục gọi chùa Dặn, là nơi sinh ra vua Thái-tổ nhà Lý. Tục truyền rằng vua Lý Thái-tổ không có cha. Mẹ là Phạm-thị nằm mộng thấy thần-nhân rồi có thai, sợ dân làng bắt vạ mới ra ở chùa Cổ-pháp và sinh ra Lý Công-Uẩn, bởi vậy gọi là chùa Dặn.

Chùa này ở ngay bên đường cái và đường xe lửa Hà-nội sang Bắc. Vào trong chùa xem thì đàng trước cũng có tam-bảo thờ Phật như các chùa, nhưng chỉ khác là không có vị Long-thần, vì tục truyền rằng khi vua Lý Thái-tổ còn nhỏ ở chùa ấy với sư Lý Khánh-Văn thì thường hay nghịch-ngợm những tượng trên chùa, một hôm ông Long-thần báo mộng mách sư ông biết, sư ông mắng Lý Công-Uẩn thì Lý Công-Uẩn viết mấy chữ vào đàng sau tượng Long-thần rằng : « *Lưu tam-thiên lý* ». Thế là có ý đuổi Long-thần đi, vì thế chùa ấy sau này không có Long-thần.

Đàng sau chùa có một cái đền nhỏ thờ bà mẹ vua Lý Thái-tổ. Đối với đền thờ Lý Thánh-mẫu, về tay phải lại có một cái đền nữa, chúng tôi hỏi đấy thờ gì thì sư ông chùa ấy đáp rằng : « Thờ đức thánh Văn, ngài ở ngoại quốc khi mất nước mới sang nước ta và tu ở chùa ấy. » Nghe nói lấy làm lạ, sau vào xem thấy câu đối thờ một bên có câu : « *Dưỡng đế hữu toàn công, nhất niệm quy y thành Phật-tổ* », thì mới biết rằng đấy là đền thờ ông sư Lý Khánh-Văn khi xưa nuôi Lý Thái-tổ.

Chùa Cổ-pháp xem cũng chẳng có cái kiến-trúc mĩ-lệ, cái phong-cảnh thiên-nhiên gì, thế mà xem xong anh em ai cũng lấy làm thích, có lẽ bởi đó là một cái vết-tích cũ về lịch-sử, phàm những nơi có vết-tích cũ thuộc về lịch-sử nước mình thì ai xem tất cũng có cảm-động.

Xem xong chùa Dặn, chúng tôi kéo thẳng lên phủ Từ-sơn. Cách độ hai ki-lô-mét đến phủ, về phía tay trái có một con đường nhỏ (1 đi vào làng Đình-bảng. Đi được một ít thì thấy một khu cây-cối ùm-tum và một dẫy nhà quét vôi trắng xóa : đấy là đền Lý bát-đế. Đi đến nơi thì dẫy nhà ấy

(1) Đi xe tay cũng được

là trường học của làng và trước mặt trường là đền.

Đền ở một khu rộng-rãi có nhiều cây cổ-thụ rườm-rà, người ta cho là cây thiêng. Thoạt vào có một cửa tam-quan, có mấy bậc đá đi lên và hai bên có hai con rồng bằng đá chạm. Đi qua tam-quan thì đến một cái sân rộng, hai bên có hai dẫy nhà hành-lang và ở tay trái có đền thờ bà Lý Chiêu-hoàng. Đi hết sân có hai con voi lớn phục hai bên, trông cũ-kỹ, ngà đã gẫy cả; bước lên vài bậc thì đến đền ngoài. Đền ngoài chỉ có một cái hương-án và trước hương-án có hai tượng trông rất kỳ-dị. Tượng hình hai người không ra đàn-ông hay đàn-bà, cởi trần, chỉ có một cái quần ngắn đến đùi, đầu hình như bới tóc và bịt khăn kín đi, một tay thì cầm một cái roi giơ lên và trên cánh tay lại đeo một cái vòng lớn, như lối các bà đầm đeo vòng trên khuỷu tay. Người ta nói rằng: đấy là những tượng tù-binh người Chiêm-thành mà nhà Lý đã đánh được năm 1044 và 1069. — Trông những tượng ấy thì ra dáng cổ lắm, thế mà trên thềm đền thì lại thấy lát bằng gạch hoa « si-măng », trông thật là lố-lăng, không trách rằng người ngoại-quốc chê mình rằng không biết bảo-cổ, sửa-sang những đền-đài cổ mà chỗ thì bắt một cái khóa tây, chỗ thì đặt một khuôn cửa chớp!

Ở đền ngoài đi vào đền giữa là nơi để tế-lễ, có tám con ngựa vía, thờ tám vị vua, một con đã gẫy nát mà chưa thay; rồi đến một gian có hai ban thờ ở giữa và hai bên có tám cái tượng gỗ là những người thị-thần nhà vua, ăn-mặc theo lối thời bấy giờ. — Hết gian ấy là vào đến trong cung, có tám bài vị thờ tám đời vua: Thái-tổ, Thánh-tôn, Thần-tôn, Cao-tôn, Thái-tôn, Nhân-tôn, Anh-tôn và Huệ-tôn. Ngay ở gian có tượng những người thị-thần, về tay phải lại có một dẫy nhà để tám cái kiệu, ngoài sân có một cái bia dựng từ năm 1604 và ghi những công-trạng hiển-hách của nhà Lý. Về bên tay phải cũng có một dẫy nhà, xưa để tám con ngựa vía để đối với gian để kiệu, nhưng nay bỏ không.

1. Tam-quan
2. Sân
3. Voi
4. Đền ngoài
5. Tượng Chiêm-thành
6. Đền giữa
7. Ngựa vía
8. Bàn thờ
9. Tượng thị-thần
10. Cung
11. Bài-vị
12. Bia
13. Kiệu
14. Gian bỏ không
15. Đền Lý Chiêu-hoàng

Ở ngoài đền Lý bát-đế, về tay trái cạnh trường học lại có một cái đền xưa thờ Lý-thánh-mẫu, nhưng sau đem thờ ở chùa Dặn thì đền ấy bỏ không. Đền ấy trông rất cổ, vì cách kiến-trúc khác hẳn với những đền ngày nay.

Xem xong đền Lý bát-đế, chúng tôi trở ra xem lăng Lý bát-đế hay là « Thọ-lăng » ở gần đấy độ hơn một ki-lô-mét. Mới đi ra chúng tôi tưởng Thọ-lăng cũng có lăng-tẩm để ghi tích lại, nhưng tiếc thay đến nơi chỉ bát-ngát những ruộng-nương và còn lại mấy cái gò đất! Nguyên khi vua Lý Thái-tổ mới lên ngôi, ngài ngự về làng Đình-bảng thăm mộ quốc-mẫu, ngài mới truyền cắm một khu đất thật rộng và trồng cây-cối

thành một cái rừng con (xưa gọi rừng Báng) để làm Thọ-lăng nhà Lý. Trong gần bảy trăm năm, Thọ-lăng vẫn giữ-gìn nguyên vẹn, nhưng từ khi bãi nha Kinh-lược Bắc-kỳ thì những đền thờ vua cùng những lăng-tẩm ở Bắc không có thuộc về quốc-tế, cất người trông coi như trước nữa. Đến năm 1904, thì dân làng đem đốn hết cây-cối ở Thọ-lăng và khai-khẩn thành điền. Những di-tích cũ như Thọ-lăng nhà Lý, là một nhà vua đã làm cho nước ta vẻ-vang trong hơn hai trăm năm, mà nay chẳng còn lại một tí gì thì cũng đáng tiếc thật!

Xem xong, anh em ngao-ngán trở ra về, nhưng nghe nói ở gần đấy về làng Phù-chẩn có lăng vua Uy-Mục nhà Lê, cho nên lại rủ nhau đi xem. Từ đền Lý bát-đế có con đường nhỏ xe tay đi được, đi độ hai ki-lô-mét rưỡi qua làng Đại-đình, đến làng Phù-chẩn, thì có lăng vua Lê Uy-Mục (1504-1509). Đi đến một cái cầu nhỏ trông thấy ở giữa cánh đồng có một cái bia đá thật lớn, thì rẽ vào đến lăng. Lăng vua Lê Uy-Mục ở trên một gò đất thấp, có một con rùa bằng đá, dài ba thước tây và rộng hai thước, đội một cái bia đá cũng cao độ ba thước và chỉ đề có mấy chữ «Lê-triều Uy-Mục Hoàng-đế lăng» và niên-hiệu Minh-mệnh năm 21. Nguyên khi vua Uy-Mục bị Giản-tu-công giết thì đem táng ở làng mẹ và xây lăng gọi là An-lăng. Tục lại truyền rằng: khi vua Uy-Mục bị bắt thì con rùa ấy ở Kinh-đô bò suốt đêm vừa đến sáng đến làng Phù-chẩn thì dừng lại; con rùa ấy ngày xưa đến đem cứ đi quấy nhiều các làng chung-quanh đấy, sau người ta phải chém ba nhát vào đầu nó và đục mắt trái nó đi thì nó mới mất thiêng.

Xem xong lăng vua Uy-Mục mới có mười giờ sáng. Chúng tôi nghỉ-ngơi một lúc rồi lại đi thẳng lên ga Lim để đi xem chùa «Trăm-cửa» cũng làm từ triều nhà Lý. Từ ga Lim rẽ vào tay phải độ năm ki-lô-mét đến làng Long-khám có chùa Bách-môn hay là Linh-cảm-tự. Chùa làm ở lưng chừng núi đất, cách kiến-trúc khác hẳn mọi chùa. Chùa hình chữ *điền* 田, bốn góc có bốn cái tháp và ở giữa có một tháp cao hơn cả. Tháp nọ đến tháp kia đều có nhà đi thông luôn, thành-thử bốn mặt cũng là cửa chùa, và hình chùa vuông, cho nên các cửa đối nhau đều chầm-chặp, mà trông mặt nào cũng như mặt nào, và vào cửa nào cũng có tam-bảo cả. Kể thì chùa chỉ có 60 cửa thật, nhưng chỗ nào cũng có cửa, nên

khách vãng-cảnh trong tưởng chùa có đến một trăm cửa thật.

Tục truyền rằng về Lý-triều có làm hai dẫy cung ở làng ấy, (hiện nay đã đổ nát cả), để các Công-chúa ra chơi. Sau có một bà chúa thấy phong-cảnh đấy đẹp, mới xin tiền kho đào hai cái hồ lớn mà lấy đất vật lên làm tòa chùa ấy.

Đứng ở chùa Linh-cảm mà trông về phía Nam thì thấy dẫy núi đất Kiên-du-sơn trên có chùa cũng nhiều sự-tích về Nam-sử, chúng tôi toan đi xem nhân thể, nhưng ngày đã xế về chiều, cho nên phải để hôm khác, và nghỉ-ngơi xong thì anh em lại rủ nhau về.

Ngày hôm ấy tuy đi chơi mỏi-mệt suốt ngày, nhưng thật là một ngày tiêu-khiển có ích, vì chẳng tốn kém gì mà xem được mấy nơi di-tích của nước nhà, tưởng cũng gọi là một cuộc du-lịch cỏn-con vậy.

PHẠM VĂN-THƯ

CUỘC ĐI CHƠI NĂM TẦNG NÚI

Thuộc tỉnh Bắc-ninh, huyện Tiên-du, xuống ga Cầu-lim đi vào, có năm tầng núi. Một là tầng Hồng-vân-sơn 紅雲山. Hai là tầng Ma-khám-sơn 麻龕山. Ba là tầng Đông-sơn 東山. Bốn là tầng Bát-vạn-sơn 八萬山. Năm là tầng Phật-tích-sơn 佛跡山.

Núi đều là núi đất, lẫn sỏi và đá; những hòn đá thiên-nhiên bày ra la-liệt ở xung quanh sườn núi, sắc đá hơi đen đen, lại thỉnh-thoảng điểm có chỗ trắng; đi ở dưới đường mà trông lên, tựa như hình đàn trâu đàn dê, con thì nằm, con thì ăn, con thì lên núi, con thì xuống núi. Lại thuộc về cảnh xuân-sơ, mưa xuân phơi-phới, đợt cỏ non lún-phún mọc lên, điểm có sắc lục, chen với sắc vàng, tựa như bức tranh du-mục (1), để mà điểm-trang cho xuân-sắc. Cho mới biết cái bút của ông tạo-vật, lúc nào cũng thấy sinh-hoạt tự-nhiên; cho nên cái thú thiên-nhiên ở trong bầu vũ-trụ không có lúc nào cùng. Duy những người hiểu được cái họa-lý (2) cho cao-siêu, đối với ông tạo-vật thường chung một khối tình, mình tức là ông tạo-vật, ông tạo-vật tức là mình, sẽ lĩnh-hội được cái thú ấy.

Mấy giải núi la-liệt trong cõi huyện Tiên-du, thì Nguyệt-hằng-sơn 月恒山 (núi Chè) là đột-ngột nhất, tự phía tây chạy sang phía đông-bắc, liền với giải núi Bát-vạn. Lại riêng ra hai giải về phía bắc là giải Hồ-khám, Long-khám, và giải Đông-sơn. Lại riêng một giải nữa ở phía đông-nam, là giải Phật-tích. Các giải núi nhấp-nhô khởi-phục, khác nào như đợt sóng lớn nổi lên ở giữa đất bình-nguyên.

Đất núi thì cao-cương (3), ít có cây to mọc lên, thỉnh-thoảng ở khe núi hoặc sườn núi có năm ba cây thông già ngoằn-ngoèo cổ-quái mọc lên mà thôi.

Dân-cư ở các chân núi hoặc sườn núi, lập ra các nương chè, các dặng trúc, lèo-tèo khuất-khúc, trông ra phong-cảnh sơn-trại sơn-thôn.

Xung quanh chân núi, phần nhiều là những cánh đồng chiêm, về mùa mưa, khoảng tháng bảy tháng tám, vẫn thường đầy nước, cũng có chỗ sâu như cái hồ, thuyền nan có thể chở thông chỗ nọ sang chỗ kia mà đi lại được. Cho nên trong hạt Tiên-du, quá nửa là phần đồng chiêm, mà quá nửa là cảnh sơn-thủy. Cuộc đi chơi này thuộc về tháng mạnh-xuân, lại vì trời nắng đã lâu, đồng-điền có ý can-hạc, cho nên không được xem cái phong-cảnh ấy. Chỉ thấy những đợt sóng lúa chiêm hãy còn con gái, đương về cái thời-kỳ nảy-nở, có ý mong mưa đó mà thôi. Khác nào quốc-âm ta ngày nay, hãy còn ấu-trĩ, đương về cái thời-kỳ phát-sinh, mà mong có cái cơ-hội phổ-thông, cái địa-vị xứng-đáng vậy.

Đường đi vào núi, thì đã có đường xe, hoặc con đường độc-đạo đi qua cánh đồng chiêm, hoặc con đường lên xuống dốc quanh-co bên sườn núi, kể cũng là dễ đi, tiện cho khách du-lãm.

Anh em ta khi sáu giờ sáng, tự Hàng-cỏ bước lên xe lửa, qua phủ Từ-sơn một chút, trông sang mé tay bên hữu, thì đã thấy ngọn núi Nguyệt-hằng ở mé ngoài lũy trúc nhô ra. Trong xứ Bắc-kỳ

(1) Du-mục = Chăn thả các loài thú ăn cỏ.
(2) Họa-lý = Cái tinh-thần trong phép vẽ.
(3) Cao-cương = Đất cao và rắn, thường nói về chỗ đất sỏi.

ta, đi lên phía bắc, bắt đầu có núi từ đấy. Lại thấy có mấy cái cây ở trên đỉnh núi Nguyệt-hằng, trông xa ra dáng cây thông, ẩn-hiện phất-phơ ở trong luồng vân-vũ. Còn mấy ngọn núi khác, thì ở dáng xa xa, như liền như đứt, tựa có tựa không. Vì cảnh hôm ấy là cảnh mưa xuân, hơi nước ở trong không-khí thấp lắm, mây liền với núi, núi liền với trời; tuy chưa phải là cõi Bồng-lai, nhưng trông ra cũng có chiều phiếu-diểu.

Đến Cầu-lim, xuống xe lửa, lên xe tay. Nghe đâu ở đấy khi xưa có một cái trạm, thuộc về trung-tâm con đường quan-lộ từ Hà-nội lên Bắc-ninh, cho nên tục gọi đây là Cầu-lim. Xe tay thẳng-thẳng đi độ vài mươi bước, bắt đầu lên núi Hồng-vân. Đó là tầng thứ nhất trong cuộc đi chơi núi; rồi từ đó trở đi, một tầng lại một tầng, dần dần bước vào chỗ giai-cảnh. Núi thì còn thấm-thấp, không lấy gì làm cao. Trên núi có một cái chùa, gọi là chùa Hồng-vân 紅雲, xung quanh chùa cũng sẵn-sàng có cây có đá, trông ra cũng hơi có chiều sáng-lãng, có vẻ thanh-u. Ở chân núi có một cái chợ (chợ Lim), kể cũng là một cái chợ khá to, có quan-hệ về đường sinh-hoạt của dân nhà quê ở vùng đó; nhưng không phải là ngày phiên, trông ra thì cũng thấy vắng ngắt như chùa. Cuộc đi chơi này, về giữa ngày mười sáu tháng giêng ta, hội chùa hội núi đã xong rồi. Cho nên không được trông cái quang-cảnh con trai con gái ở vùng ấy nhân dịp du-xuân thì nhau lên hát ở trên núi. Cái quang-cảnh ấy, ký-giả năm nọ đã từng được trông; nhân thuật qua lại ra đây, mà phẩm-bình mấy câu cho vui chuyện.

Đệ-niên cứ đến ngày mười ba tháng giêng ta, ở vùng đây các dân-xã mở ra một cái hội ở trên núi, gọi là hội Hồng-vân 紅雲會. Các con trai con gái ở về tiếp giáp huyện Tiên-du, huyện Yên-phong, phủ Từ-sơn, trong mấy tổng đây, chị nào chị ấy, bất-luận chửa chồng hay đã có chồng, con trai cũng vậy, nhân ngày xuân, thì nhau ăn mặc đi chơi hội. Nhưng toàn là cách-bộ nhà quê, con trai thì chẳng qua cái áo the cái khăn lượt, con gái thì chẳng qua cái thắt lưng chồi, cái yếm cấp hoa, trong khi đua-đả, vẫn có ý mộc-mạc tự-nhiên, chứ cũng không có trang-điểm gì cho lắm. Cứ từng bọn một, bọn thì năm bảy người, bọn thì chín mười người, giản-hoặc cũng có bọn đến hai ba mươi người, rủ nhau lên núi, hoặc đi hoặc lại, hoặc đứng hoặc ngồi, đầy cả ở trên núi; mà bên nam bên nữ vẫn phân-biệt, bọn con trai đi đáng bọn con trai, bọn con gái đi đáng bọn con gái, ít khi có lộn-xộn chút nào. Khi bọn nọ bằng lòng hát thì với bọn kia, dù quen dù lạ mặc lòng, bắt đầu phải có lời chào hỏi nhau ân-cần, rồi đôi bên cùng đưa tận tay nhau mà mời nhau ăn trầu, rồi mới hát. Khi hát, thì bên con trai thường xướng lên trước, mà bên con gái thì họa lại; khi nào con trai cố nhường cho con gái, con gái sẽ xướng lên trước, mà con trai họa lại sau. Trong khi xướng-họa thì cũng có lắm giọng, mà lên xuống cũng thấy có cách-điệu hẳn-hoi, thường là hát đôi, hay hoặc hát ba, để đỡ giọng nhau. Nhưng đều là những giọng dã-ca, nghe ra vẫn quê-kệch bình-thường, không khi nào réo-rắt véo-von được như những khúc ở trong nhạc-phủ, những điệu ở trong giáo-phường. Xét ra thì đại-khái là những lời để đạt cho cái nam-nữ-ái-tình. Tuy du-hí, nhưng hình như vẫn có chiều lễ-nghĩa; tuy nông-nàn, nhưng hình như vẫn có vẻ tự-nhiên, cái không-khí ở trong đám nam-nữ du-xuân ấy, hình như cũng ít thấy có cái không-khí tự-do, đó còn là thuộc về cổ-tục. Nếu thử đem cái cách tự-do thuộc về nam-nữ-ái-tình của kim-thời mà so ra, thì đáng nào là nhã-quan hơn? Điều đó luận-giả cũng chưa dám giải-quyết.

Cuộc thi, thì nối vần nhau mà hát. Bên nào hơn được lối hát, và câu hát đối-đáp được vô-cùng là được. Bên nào kém lối hát, hay hoặc không trả lời được những câu ghẹo câu đố là thua. Nhưng được thua cũng không quan-hệ gì, chẳng qua là nam-nữ bày ra cuộc vui chơi đấy mà thôi, cho nên cũng không cần gì sự thắng-phụ. Đến chiều thì tan hội, nam-nữ bọn nào bọn ấy đều xuống núi mà trở ra về. Khi đi đường, bên nam bên nữ gián-hoặc lại kề ra những lời tình-ái ước-nguyện, vừa đi vừa hát, để tiễn đưa nhau, xem ra lại càng tự-nhiên lắm. Cũng có khi bên nam mời bên nữ về nhà, hoặc bên nữ mời bên nam về nhà, trà bánh cơm rượu, thết-đãi linh-đình, coi nhau như các vị quí-khách vậy. Tuy rằng mai ngõ hạnh, gián-hoặc đi ngang về tắt, tài nào tránh khỏi được những sự nọ kia. Nhưng xưa nay vẫn có câu rằng: *Nữ bất nam bôn, phu vô thê đố.* 女不男奔。夫無妻妬 nghĩa là gái không chim trai, chồng không ghen vợ, ấy là cái bản-tướng của trong cuộc nam-nữ đó.

Cuộc hát ấy, tục gọi là « hát quan-họ ». Quan-họ cũng có một nghĩa tương-truyền rằng con trai con gái họ nhà quan ở triều Lý khi xưa, bày ra cuộc nhã-hí để cho vua xem, về sau dân-gian mới bắt-chước, nghĩa ấy cũng chưa chắc đâu là phải. Lại tục gọi « là hát đúm ». Đúm nghĩa là đám, là lấy nghĩa đình-đám hội-hè. Ngạn có câu rằng: *Tháng giêng ăn tết ở nhà, tháng hai đình-đám tháng ba hội-hè.* Nghĩa ấy có lẽ cũng hơi phải.

Xem ra thì cái cuộc hát quan-họ, là cái cách bình-dân, không phải là cái cách thượng-lưu, là cái tục du-hí, không phải là cái tục ưu-mĩ gì, mà đáng nghi khen. Song, những lời ước-nguyện, những điệu xướng-ca, để đạt ra cái ái-tình, tự xưa đến nay, trừ ra những bậc thái-thượng vong-tình (1), hay hoặc những bậc hạ-giả bất-cập-tình (2) không kể, còn thì ai là không có cái vui ấy. Duy những khách phong-lưu, thì nghe những giọng *Chức-cầm, Tì-bà,* những điệu *Hành-vân, Lưu-thủy,* khi trà chuyên năm bảy chén, khi *Kiều* lấy một đôi câu, tuy là cuộc tiêu-khiển, biết đâu không phải là cuộc tâm-tình. Đến như trong dân-gian, quanh năm chỉ tối, chân lấm tay bùn, đi sớm về trưa, đâu tắt mặt tối, lấy đâu thường được những lúc tiếng kèn chen tiếng hát, tiếng phách lẫn tiếng sênh, mà sự ái-tình trong cuộc nam-nữ, đã lúc nào kịp đi mà chụp ảnh, kịp ngồi mà viết thơ. Chẳng qua nhờ có một vài tháng xuân, hội-hè đình-đám; trên đặm phần gọi là phất-phới có tấm quần lụa bạch, dưới ngõ hạnh gọi là thấp-thoáng có cái yếm nhất-phẩm-hồng. Nào là trai kén vợ, nào là gái kén chồng, gọi là trông thấy mặt nhau, để mà bồ-khuyết cho cổ-lễ một chút. Năm ba câu ca-dao ở trên bãi cỏ, một vài lời ước-nguyện ở dưới gốc cây, miễn là « phát-hồ tình chỉ-hồ lễ-nghĩa » thì thôi. Đã biết đâu những cái lối lấy nê khai-phóng, mượn tiếng văn-minh, tô mặt giai-nhân, điểm mày tài-tử, ngày nào cũng có thể lên cao-lâu, đêm nào cũng có thể vào nhà hát, sớm nào cũng có thể thuê buồng khách-sạn, chiều nào cũng có thể diện xe cao-xu đó thay. Vậy cứ lấy cái cách thượng-lưu, cái bề khuê-các mà so ra, thì cuộc hát quan-họ ấy cũng chẳng bõ nghi khen. Song cứ lấy cái tình tiểu-dân, cái phong mộc-mạc mà xét ra, thì cuộc hát quan-họ ấy cũng không nên khắc-luận.

Rồi vào xem một cái lăng, lăng cũng ở trên núi; nào là cửa đá sập đá, nào là ngai đá bệ đá, nào là voi đá ngựa đá, nào

(1) Thái-thượng vong-tình = Bậc tiên phật quên bẵng thế-tình.
(2) Hạ-giả bất-cập-tình = Hạng ngu xuẩn không biết gì là tình.

là nghề đá phỗng đá, chu-vi chừng độ ngót một trăm bước, tường « đá ong » bốn bề, công-trình to-tát, thể-thế tôn-nghiêm, khiến người còn tưởng-tượng lúc sinh-thời. Kịp xem đến tấm thạch-bi, mới biết rằng là lăng ông Nguyễn Diễn 阮演. Ông ở về đời Hậu-Lê Cảnh-hưng 景興, làm quan đến Thanh-hoa-trấn đốc-đồng 清華鎮督同, tước phong đến Hiệu-trung-hầu 效忠侯. Ký-giả đứng ít lâu, trông mãi quan-tước thì cũng chán, xem mãi voi đá ngựa đá thì cũng buồn, cũng muốn cầu lấy cái lịch-sử ông một chút, thì xét trong sử-sách, tìm trong bi-ký, hình như cũng không có sự gì ảnh-hưởng với đời sau. Ôi! cũng khá tiếc thay!

Cho mới biết phàm tự xưa đến nay, những bậc công-hầu khanh-tướng, thế-lực có, kim-tiền có, sửa-sang gì mà chẳng được. Nhưng sửa-sang cũng có hai lối. Một lối là trở về già sửa-sang lấy cái lăng. Một lối là lúc làm quan sửa-sang lấy cái lịch-sử. Có lịch-sử mà không có lăng, thì cái lịch-sử nghìn năm cũng vẫn chói-dọi ở trên đám nhật-tinh, vẻ-vang ở dưới vùng hà-nhạc; có lăng mà không có lịch-sử, thì cái lăng nghìn năm cũng chỉ tịch-mịch ở trong luồng thu-thảo, nhấp-nhánh ở dưới bóng tà-dương đấy mà thôi. Tuy vậy, hai lối sửa-sang ấy, đều có phí-tổn cả đấy, chửa hề dễ đâu. Sửa-sang cho ra cái lăng ông khanh-tướng, cũng phí-tổn mất vài bốn mươi vạn kim-tiền, mà sửa-sang cho ra cái lịch-sử vị công-hầu, cũng phí-tổn mất vài bốn mươi năm tâm-huyết vậy.

Rồi xuống núi lên xe, trông sang mé tay bên tả, thấy cổng huyện Tiên-du. Huyện-thành sở-tại làng Hoài-bão, Hoài-bão tục gọi là làng Bịu. Huyện ở tiếp-cận về phận sơn-thôn, cho nên trông ra có cái quang-cảnh u-nhàn tịch-mịch, không náo-nhiệt như chỗ quan-tân yếu-lộ (1) ngoài phủ Từ-sơn. Làng Hoài-bão xưa kia có một cụ trạng, tục gọi là cụ trạng Bịu. Cụ là Nguyễn Đăng-Đạo 阮登道, đỗ về Chính-hòa-tứ-niên 正和四年 nhà Lê, có công đi sứ Tàu. Nghe đâu lịch-sử cụ khi đối-đãi với chúa Trịnh, ứng-đáp với quan Tàu, có nhiều chuyện ly-kỳ lắm. Tôi còn nhớ năm nọ người bạn sơn-khách của tôi ở vùng này có nói chuyện với tôi rằng tự văn-chương cho đến chuyện vặt cụ trạng Bịu, nếu kê-cứu mà biên-tập lại, có thể thành được một bộ sách khá to. Tiếc thay cuộc đi chơi này chửa có thì giờ đi lục hỏi xem xét được. Tưởng ra thì cụ trạng Bịu cũng là một ông nhà nho kiết vậy: nào lăng cụ trạng Bịu ở nơi nao?

Đường xe đi xuyên-sáp ngay ở bên làng Hoài-bão, cái cảnh mục-đồng, với cái cảnh Hạnh-hoa-thôn, y-nhiên như vẽ, chỉ cái cảnh tửu-gia hình như hiếm có mà thôi, cũng khi thiệt cho con nhà xuân-hứng cái tứ làm thơ. Nếu ông Đỗ Mục là trạng thơ ở đời Đường sinh ra thì-buổi bây giờ, tưởng cái ngòi thơ dễ cũng phải tịt đi, như pháo tịt ngòi vậy.

Khỏi làng Hoài-bão, thì đã thấy hai trái núi sừng-sực ngay ở đàng trước mặt. Một bên về mé hữu là núi Hổ-khám. Một bên về mé tả là núi Long-khám. Hai trái núi hai bên, đường xe đi ở giữa, lên dốc lại xuống dốc dần-dần. Đó là tầng thứ hai trong cuộc đi chơi núi vậy.

Trông ra tả-hữu hoặc tiền-hậu, chỗ thì um-thùm có mấy cây sim cây châm, chỗ thì loáng-thoáng có mấy cái tường đất cái nhà tranh, chỗ thì cái dặng trúc phất-phơ, chỗ thì cái cổng dong xào-xạc; mà nghe ra thì hình như đã thấy tiếng gà gáy ở trên trời, tiếng chó cắn ở trong mây; ấy cái phong-cảnh chỗ sơn-cư vẫn thường như vậy. Cho nên phàm

(1) Quan-tân-yếu-lộ = Con đường trọng-yếu ở nơi giáp-giới hoặc chỗ bến sông.

vào đến chỗ sơn-cư, vẫn thường được nếm cái khí-vị thái-cổ, mà phảng-phất cái phong-cảnh tiên-gia. Tưởng cái thế-giới máy-móc ở ngoài cõi trần, khéo là cũng chỉ lôi-thôi đa-sự vậy.

Xe đi vòng núi một lát, rồi lên xem chùa Long-khám 龍龕, tức là chùa Bách-môn. Chùa ở về mé đông-nam sườn núi Ma-khám. Trông ra sỏi đá thì lồng-chồng, cỏ-hoa thì trơ-trụi, cây-cối thì ngẳng-nghiu, phong-cảnh chùa này cũng không lấy gì làm vẻ thanh-nhã thâm-u. Chừng những khách xe ngựa áo quần ở thập-phương đi về hương-khói cũng ít. Chẳng qua chỉ vài bác sơn-tăng ngày tháng trụ-trì, và mấy ông thôn-lão rầm mồng một đội oản lên chùa lễ Phật rồi về đấy thôi. Cái phong-vị thiền-môn ở đây, cũng không phải hỏi gì cho lắm. Duy cái chùa thì qui-mô kiểu-cách cổ lắm, và lạ lắm! Đứng ngoài mà trông, thì chùa xây lên vuông và rộng như cái thành, ở chỗ trung-tâm thì xây cao lên ra hình một cái lầu, là nơi tam-bảo, bốn góc lại có bốn cái lầu, hình-thế cũng như giữa, là nơi gác mõ, gác trống, và gác khánh, gác chuông. Vào trong mà xem, thì những cửa là cửa, đi thông bốn mặt, cửa nọ sang cửa kia, ngóc-ngoách như cái tổ mối; bốn mặt đều có tượng Phật để thờ, tựa như bốn cái chùa vậy; duy ở trung-tâm nơi tam-bảo là có trang-nghiêm hơn mà thôi. Trong chùa xem ra lại có vẻ sảng-lãng khác thường. Chùa kể có ngót một trăm cái cửa, mà không có một cái cột nào, cho nên đời gọi là chùa Bách-môn. Chùa này cũng không rõ là làm tự năm nào. Nghe người thức-giả ở vùng ấy nói đời Mạc đã có trùng-tu, thì chùa này hoặc-giả làm ra tự đời Lê đời Lý. Nhưng cũng là lời ước-đạc, chứ cũng không chắc gì. Song dù thế nào mặc lòng, phàm những nơi danh-sơn thắng-tích có dấu-vết của cổ-nhân để lại, đó là nơi phảng-phất quốc-hồn, cái tâm-lý cảm-tưởng đến quốc-hồn, và cái trách-nhiệm bảo-tồn lấy cổ-tích, thì tại người sau.

Nghe dân ở đấy có thuật lại sự mới đây rằng cách mấy năm nay, có một nhà chính-trị là ông Nguyễn Đình-Hòe, khi về nhiệm-chức ở huyện Tiên-du này, có về thăm chùa, trông thấy nếp chùa cổ có kiểu lạ-lùng, mà lại có cơ đổ-nát, mới ra tay đóng-góp cho dân, làm ra phả-khuyến, quan huyện hằng-tâm trước, các nhà hào-phú trong hàng huyện hằng-tâm sau, thứ-chi các khách từ-thiện ở thập-phương, nhiều làm phúc ít làm duyên, cũng được một món tiền khá to, đủ tu-bổ lại được chùa này. Khi tu-bổ thì quan huyện lại gia-tâm giám-đốc, nhất-thiết y như qui-chế cũ mà sửa, kỳ cho cổ-tích vẫn còn cổ-chế hẳn-hoi, thật là đúng với lẽ bảo-tồn lắm.

Ký-giả nhân xét ra, danh-tích nước ta, cũng có nhiều nơi nên tu-bổ. Lạ gì vật đã lâu ngày, tránh sao cho khỏi được những sự mưa lay gió đập, mối đắp bìm leo. Mà những dân sở-tại chỗ danh-tích đó, dân giàu thì ít, dân nghèo thì nhiều. Các ông địa-phương-quan, đối với sự bảo-tồn cổ-tích, tưởng cũng có một phần trách-nhiệm to. Vì rằng phải bình-dân ít có thế-lực, mà phải chính-trị thường có thế-lực; phải tiểu-dân ít có cảm-tình, mà phải thượng-lưu thường có cảm-tình. Như ông huyện Nguyễn Đình-Hòe, há không phải là người có thế-lực mà lại có cảm-tình, khá làm gương cho người khác đấy dư?

Đứng ở cửa chùa Bách-môn mà trông ra đàng trước mặt, cách một đợt đồng chiêm lại đến một đợt núi, tức là núi Đông-sơn. Ngồi trên xe từ-từ đi sang, thì thấy ở vệ núi có chỗ xanh-xanh mà đầm-đậm, tức là mấy cây cổ-thụ um-thùm. Ở vệ gốc cây có năm ba cái lều tranh, bán ẩn bán hiện, tức là một cái chợ nhỏ-nhỏ. Ở lưng-chừng núi có chỗ trăng-trắng mà nhân-nhạt, hình như

cắt đứt núi ra làm đôi, tức là một dải lam-quang. Ở bên đầu núi có chỗ phơi-phới mà mù-mù, tức là đám mưa xuân. Ở mé ngoài núi có chỗ đùng-đục mà sang-sáng, tức là chỗ da trời. Ở mé chân núi có chỗ mênh-mông bát-ngát mà rập-rờn, tức là làn sóng lúa chiêm. Ở bên sệ núi có một người đứng cạnh cái khau, đầu buộc tùm cái khăn vuông, váy xắn lên ngang gối, hai tay chống nẹ, đứng vắt tréo chân, ngảnh mặt trông lên trời, hình như có ý mong mưa, tức là chị nông-phụ.

Ký-giả bình-sinh vẫn thích thơ Vương Ma-Cật, vì thơ ông ấy trong câu thơ có nét vẽ. Lại thích tranh Ngô Thạch-tiên, vì tranh ông ấy trong nét vẽ có câu thơ. Buổi hôm nay, câu thơ tả-chân ấy, nét vẽ hữu-tình ấy, ta không mất một đồng tiền, mà ta mua được, cũng lý-thú thay ! Đó là tầng thứ ba trong cuộc đi chơi núi vậy.

Qua núi Đông-sơn, đến núi Bát-vạn. Mấy trái núi ở vùng này, trừ núi Nguyệt-hằng ở phía tây ra không kể, còn thì cao hơn nhất và to hơn nhất là núi Bát-vạn. Anh em ta trèo lên núi Bát-vạn, đó là tầng thứ tư trong cuộc đi chơi núi. Mà trong cuộc đi chơi núi tầng thứ tư này, có hai điều cảm-khái to-lớn về lịch-sử nước ta, không thể không nói đến được, là một điều ông Triệu Đà 趙佗 từng đóng quân ở đây để dòm nước vua Thục, và một điều ông Cao Biền 高駢 từng làm chúa ở đây để trấn-áp người Nam.

Ông Triệu Đà lấy được nước, là mưu sâu kế độc đánh lừa người, không phải là tài cao sức mạnh chinh-phục được người, thì cái sự được của ông Triệu đáng ghét đáng khinh, chứ cũng không đáng sợ. Vua An-Dương 安陽 mất nước, là cái lỗi thành-thực quá tin người, không phải là cái lỗi ươn-hèn dút-rát không đủ gan đủ sức chống với người, thì cái sự thua của vua Thục đáng thương đáng cảm, chứ cũng không đáng chê hoài. Cái lịch-sử đời bấy giờ, còn thuộc về cái lịch-sử truyền-nghi, chưa tất đã toàn đúng với sự-thực. Nhưng hằng cứ biết trong lịch-sử có câu rằng vua An-Dương có thần-nỗ, bắn một phát giết được quân Triệu một vạn người, bắn ba phát giết được quân Triệu ba vạn người. Thì trái núi Bát-vạn này, tuy đã lở đất long, lìa tay cố-chủ, nhưng cũng đã thấm lấy máu quân Triệu được khá nhiều, khiến cho nghìn năm qua đó, còn thấy mùi tanh, không đến nỗi như giải núi Đô-long 都龍 về hồi Hậu-Lý Phật-tử 後李佛子, phó mặc cho quân Tùy ngựa dẫm người đi. Đến bây giờ, nói đến sự vua An-Dương phải lìa thành, nàng Mị-Châu phải thác oan, tưởng cỏ cây núi này cũng còn biết khóc biết than, đất núi này cũng còn biết cựa, đá núi này cũng còn biết đổ mồ-hôi vậy.

Các quan Tàu sang đô-hộ nước Nam ta khi xưa, thì ông Cao Biền là hách-dịch nhất. Nhưng xem ra, khoan-giảm tô-thuế, cẩn-thận hình-phạt, xét-nét quan-lại, lưu-ý về đường chính-trị, thì không bằng ông Giả Mạnh-Kiên 賈孟堅. Dạy dân hiếu-đễ, dạy dân lễ-nhạc, dạy dân Thi-Thư, lưu-ý về đường giáo-dục, thì không bằng ông Nhâm Diên 任延, ông Tích-Quang 錫光, ông Sĩ-Nhiếp 士燮. Đồ-họa sơn-xuyên, tu-tạo đình-vũ, biên-tập sách-vở, lưu-ý về đường văn-học, thì không bằng ông Triệu Xương 趙昌. Chẳng qua chuyên cậy về một đường vũ-lực, hống-hách ngọn cờ Tĩnh-hải (1), khoe-khoang bức thành Đại-la (2) đấy mà thôi. Lại có một cái thuật

(1) Tĩnh-hải = Tĩnh-hải quân tiết-độ-sứ là quan-tước ông Cao Biền.

(2) Đại-la = Tức là cái ngoại-thành bằng đất ở Hà-nội ngày nay. Trương Chu với Cao Biền nhà Đường đắp lên.

ma-xó nữa, là cái thuật phong-thủy (địa-lý). Khi ông ta ở nước Nam, thường đi dò xét mọi chỗ sơn-xuyên đặt ra các kiểu đất, chỗ nào là chỗ danh-lam thắng-cảnh ông ta thường làm chùa làm miếu, xây tháp phong thần, để yểm lấy những đất quí, muốn cho cái vẻ giang-sơn tú-khí của nước Nam tiêu-diệt dần đi. Tuy cái thuật ma-xó ấy, cũng không có hiệu-nghiệm gì, nhưng sẽ biết rằng cái tâm ông ta đối với người Nam, cũng không phải là cái tâm tốt gì. So với cái tâm ông Nhâm ông Sĩ các ông kia thành-thực giáo-hóa cho người Nam, thật kém xa vậy. Cho nên người Nam ta bấy lâu đối với đền thờ ông Sĩ-Nhiếp, vẫn có bốn chữ yết lên đặc-biệt rằng: « *Nam-bang học-tổ* 南邦學祖 ». Mà đối với thuật-phép ông Cao Biền, vẫn có một câu không có giá-trị rằng: « *Lấy-bầy như Cao Biền dậy non!* » Cho mới biết giống người Nam ta là giống có tuệ-nhãn, không phải là giống ngu-đần, là giống có cảm-tình, không phải là giống bạc-bẽo.

Ngay như ở vùng Tiên-du này, ông ta đã từng có bốn câu thơ thuộc về kiểu phong-thủy rằng: « *Bình-địa đột-khởi bạch-sắc san* (tức Nguyệt-hằng-san); *Bát-vạn sơn trung tối hảo-quan. Ma-khám nhất huyệt chân-long hiện. Nhất chi lai kết Mộc-hoàn-san* 平地突起白色山。八萬山中最好觀。麻龕一穴眞龍現。一支來結木丸山。 Nên chỉ ở núi Bát-vạn này, ông ta cũng đã từng làm ra một cái chùa, gọi là chùa Kim-ngưu 金牛. Nhưng cái chùa ấy mất đi đã lâu rồi. Hiện nay chỉ còn vô-số là những cái tháp hình vuông nho-nhỏ, bằng đất nung ra, bề cao không đầy hai gang tay, bề rộng không đầy một gang tay. Cái tháp có ba bốn tầng, bốn mặt đều như nhau, mặt nào cũng có hình cái của, lại có hình ông Phật ngồi. Cái tháp nào ở dưới tròn cũng có một cái lỗ hổng, sâu độ hơn một ngón tay, có thể tra lọt đầu cái gậy. Kiểu-cách thì mộc-mạc đơn-sơ, khéo lắm cũng như hòn gạch vậy, mà có hình-tượng phù-đồ (1) mà thôi, xem ra cũng không phải là cái đồ mĩ-thuật. Hiện nay thì thấy dân ở đấy đem những cái tháp ấy xây qua lên làm bức tường ở xung quanh cái miếu. Tường thì cũng có chỗ dã long-lở, có nhiều cái tháp bật ra lơ-chơ lông-chông ở chỗ sân miếu hoặc chỗ sau miếu. Cũng có cái tháp nửa chìm nửa nổi ở trên mặt đất, hoặc ẩn hình ẩn dạng ở trong bụi cỏ gốc cây. Kể ra thì còn nhiều, không biết đâu mà kể. Coi cũng lạ mắt, mà cũng có ý lắm thay, khiến cho người xem phải để tâm mà nghiên-cứu.

Nghe người thức giả ở đấy nói rằng những cái tháp ấy, là cái dấu-vết của ông Cao-vương. Khi ông Cao-vương làm xong cái chùa ở núi này rồi, mới nung ra tám vạn cái tháp ở thành Đại-la, đem tám vạn quân, mỗi một người quân vác một cái giáo, mỗi một mũi giáo xóc một cái tháp, tự thành Đại-la kéo về núi, hô một câu rằng: *Thống-vận hoàng-đế* 統運皇帝, rồi hạ những cái tháp, đặt xuống chân núi, rồi tám vạn quân lại tự núi kéo ra thành Đại-la; núi này tự đấy mới thành-danh là núi Bát-vạn. Hiện nay vẫn tương-truyền những cái tháp ấy là thiêng lắm, không ai có thể lấy mà đem về nhà được. Nghe nói thì cũng biết vậy mà thôi, chứ xét ra cũng chưa thật đúng về lẽ gì cả.

Nay xét ra, cái vật thì quả-nhiên là thật, mà cái sự thì tựa như là huyễn. Nay hãng thử tạm cầu lấy cái ý của cái người khi làm ra những cái tháp này, và cái hồn của những cái tháp này đối với cuộc hải-tang trong vũ-trụ ra làm sao.

(1) Phù đồ = Tên cái tháp (chữ nhà phật).

Hồi trung-cổ về trước, dân-tộc nào cũng vậy, thường hay mê-tín những sự thần-dị, dân-tộc ở phương đông này, lại càng thịnh lắm. Cao-vương là người quỉ-quyệt; biết đâu không lợi-dụng những sự thần-dị ấy để dọa người, cái sự tám vạn quân xóc tám vạn cái tháp đi về núi đọc mấy chữ ngô-nghê kỳ-quặc, để làm dấu-hiệu phong-thần đó, thiết-tưởng cũng không phải là sự không. Còn như cái khi xếp đặt tám vạn cái tháp ấy ở bên chùa bên núi thế nào, thì cũng không biết đâu mà giải-thích. Duy trông hình cái tháp, và kể số cái tháp, sẽ biết rằng Cao-vương thật có một cái ý quỉ-quyệt hơn người. Phàm ở trong vũ-trụ, vật gì mà chẳng có lúc hoại, dấu-vết gì mà chẳng có lúc mất đi, chỉ ngắn ngày với dài ngày đấy mà thôi. Ông Dương Hổ đời Tấn khi xưa, muốn ghi lại cái dấu-vết của mình về sau, ký cho dữ-thiên-địa trường-tồn, mới làm ra hai cái bia, một cái dựng lên núi Nghiễn-sơn, một cái đem đánh chìm xuống giữa dòng sông Hán-thủy. Dụng-tâm cũng đã khổ, nhưng cũng chửa lấy gì làm thần-tình. Kia cái tháp của Cao-vương đó, nếu là cái vật chế-tạo tinh-vi, có thể làm đồ chơi được, hay hoặc là cái vật kim-thạch quí-báu, có thể làm đồ dùng được, thì dù chôn kỹ đến đâu, cũng có người móc lên, dù bảo rằng thiêng đến đâu, cũng có người hoại đi, mà dù số nhiều đến đâu, cũng có người nhặt hết dần đi. Duy là cái vật số nhiều, mà lại là cái vật vô-dụng với cuộc đời, chẳng qua cũng như cái hòn ngoan-thạch ở góc núi, dù ai có nhấc lên tay mà ngắm-nghía chăng nữa, rồi cũng lại đặt xuống mà thôi. Tha-hồ mà nắng mưa, tha-hồ mà sương-tuyết, tha-hồ mà bể-dâu. Song, cái tháp ấy tuy là cái vật vô-dụng, mà là cái vật hữu-hồn. Chao ôi! Cái vật hữu-hồn, mà có thể sống lâu ở thiên-địa-gian được mãi-mãi cũng ít có thay! Mới xem thì tưởng cái tháp ấy là ngẫu-nhiên, nghĩ lâu mới biết cái tháp ấy là thần-tình. Chứng cái khi làm ra cái tháp ấy, cũng đã tính được cái thọ-mệnh cái tháp ấy. Kìa như cái cột bằng đồng, há không phải là dấu-vết Phục-ba (1) đấy ư, cớ sao mà mai-một? Này như cái tháp bằng đất, lại há không phải là dấu-vết Tĩnh-hải đấy ư, cớ sao mà không mai-một? Nghiên-cứu cho kỹ ra, cũng có thú-vị vậy.

Dân-cư ở dưới chân núi Bát-vạn là xã Trùng-minh 重明, cũng là một dân-xã nho-nhỏ. Ở đây cũng không có phong-cảnh gì, chỉ ở ven núi có một cái miếu, cột hoa-biểu ở cửa miếu có câu đối khắc rằng: « *Linh-tú khí chung sơn Bát-vạn. Long-hành vận khải nhật trùng quang.* 靈秀氣鐘山八萬。隆亨運啓日重光. » Chừng là miếu thờ sơn-thần. Và trước miếu có một cái ao, sau miếu có vài cái tháp mà thôi. Ở đây là chỗ khảo-cứu, không phải là chỗ du-quan. Muốn thu-thập lấy cả bức họa-đồ vùng núi-non này vào trong nhãn-giới, thì phải trèo lên núi Bát-vạn mới được.

Anh em ta mới trèo lên núi Bát-vạn. Khi đứng ở trên đỉnh núi, hoặc trông về phía Loa-thành, mà tức giận thay cho cậu trẻ-ranh Trọng-Thủy; hoặc trông tả trông hữu trông tiền trông hậu, mà nực-cười thay cho ông ma-xó Cao-Biền. Trên núi có một cái chùa cổ nho-nhỏ, có vài ông bụt đột, mà hương khói cũng vắng tanh. Mấy anh em cười mà hỏi nhau rằng có mệt không? — Không mệt. — Có thú không? — Thú. Cho mới biết trèo non quên mệt mà ngậm gừng quên cay! Cái lịch-sử anh em ta, đối với thế-giới, đối với vũ-trụ, đối với tiền-nhân, đối với lai-giả, còn khuyết-điểm nhiều điều, âu cũng là cái lịch-sử ngậm gừng

(1) Phục-ba = Phục-ba tướng-quân là chức ông Mã Viện, về hồi sang lấu bà Trưng.

cả đó chăng. Anh em ta chỉ xin chúc lẫn nhau rằng giữ lấy tinh-túy của tổ-tiên di-truyền mà quên gàn, lại học lấy văn-minh của Âu-Tây thâu-nhập mà quên dốt, cũng như trèo non quên mệt, thì phải lắm nhỉ. Đến lúc xuống, người thì xuống trước, người thì xuống sau. Duy ký-giả xuống sau nhất, lại theo dải núi mà đi mãi ra đàng phía tây. Khi đứng một mình ở bên kia sườn núi, thì nghe có những tiếng vo-ve như tiếng sáo, dìu-dặt như tiếng đàn, ào-ào như tiếng suối, vui-vẻ như tiếng người reo. Đó là ở bên sườn núi có một cây thông cao, gốc già, thân thẳng, lá tốt, cành dài, phiêu-phiêu-nhiên đứng ở giữa trời cợt-bỡn với gió xuân mà thành tiếng vậy.

Ký-giả nhân nhớ đến câu : « *Kiếp sau xin chớ làm người, làm cây thông đứng giữa trời mà reo.* » Sẽ biết người xưa đã có những lời rất cảm-khái, rất ly-kỳ, để lại cho ta đó. Than-ôi ! trong cuộc đời, cái vinh, cái nhục, cái tròn, cái khuyết, cái khen, cái chê, cái thua, cái được, cái ông, cái thằng, khác nào như người trong chớp-bóng, sự trong chiêm-bao, kiếp người lúc ấy nghĩ mà buồn tênh, tức mình mà bảo rằng xin chớ làm người nữa, nghĩ cũng phải. Nhưng đã không muốn làm người, thì định làm cái gì ? Định làm cái hoa đào, theo ngọn nước trôi mà khinh-bạc hay sao ? Định làm cái bông liễu, theo chiều gió thổi mà điên-cuồng hay sao ? Định làm cái hoa ông-bụt ở bên đường, để ông ếch ông ấy vồ hay sao ? Định làm cây-rêu trong khe đá, để thanh-khiết lấy một mình hay sao ? Hay là định làm cái dây bìm dây sắn, để phụ-họa với đời hay sao ? Định làm cái quả móc-thiều, cái cành tầm-sọng, móc hùm mỏ quạ, để gai-ngạnh với đời hay sao ? Ôi ! muốn làm người thì chớ, đã không muốn làm người, thì làm cây thông là hơn, làm cây thông đứng giữa trời là hơn, làm cây thông đứng giữa trời mà reo, khiến cho còn có vận-sự là hơn. Duy, cái kiếp này đã là cái kiếp dở-dang, chẳng mắt cũng kể là có mắt, chẳng tai cũng kể là có tai, chẳng máu cũng kể là có máu, chẳng tình cũng kể là có tình, chẳng đầu-mỏ cũng kể là có đầu-mỏ, không sao tránh khỏi được nợ đời nữa. Cái ước-nguyện làm cây thông ấy, kiếp này cũng chưa có thể tới được mục-đích, xin để kiếp sau mà thôi. Tuy vậy kiếp này âu cũng phải tu dần đi mới được, tu lấy phẩm-cách cho cao-siêu, tu lấy tâm-thuật cho chính-đại, tu lấy vận-sự cho tiêu-sái phong-lưu, chẳng tu thời cũng như tu khác gì ; cây thông là thầy mình đó, cây thông là bạn mình đó.

Ký-gia thơ-thẩn ít lâu rồi xuống núi. Khi xuống núi, có ý bâng-khuâng, chưa nhận ra chỗ này là chỗ nào. Sẽ biết phàm đi chơi núi, có cái cảnh-tượng hoảng-hốt, mà trong tâm-hồn mình có ý bâng-khuâng mới thú. Gặp một người sơn-tầu đi kiếm củi, mới hỏi lối ra. Vừa mới nhò ra khỏi dặng trúc, thì đã thấy các ông đứng chờ cả ở bên đường núi mé xa-xa, đi gần đến nơi, các ông mới nói bỡn rằng : Bác Tùng-vân, ngỡ bác đi lên mây rồi ! Tôi cười mà tôi nghĩ bụng rằng cái sự đi lên mây thì tôi cũng sẵn lòng, duy các bạn tôi còn lăn-lộn ở trong cuộc đời, tôi đâu đã dám lên mây.

Lại lên xe, đi vào núi Lạn-kha 爛柯 (tức núi Phật-tích), qua một cái sơn-thôn nho-nhỏ, là làng Phật-tích 佛跡, rồi đến chùa. Đó là tầng thứ năm trong cuộc đi chơi núi, mà tầng này lại có nhiều sự cổ-tích ly-kỳ.

Chùa ở về mé nam sườn núi Lạn-kha, gọi là chùa Vạn-phúc 萬福. Chùa thì làm kiểu nội-công ngoại-quốc, kiểu thường như các chùa, không lạ như chùa Bách-môn. Nhưng mà chùa thì thật cổ mà thật to, lại có di-tích tiên-lang, tiên-khách, tiên-nữ, tiên-chúa, và di-tích đế-vương, đến nay còn như tạc như in, rõ-ràng khá xét. Sẽ biết núi Lạn-kha này là

một cái danh-sơn, mà lịch-sử chùa này là một cái lịch-sử có thú-vị vậy.

Xét ra chùa này bắt đầu kiến-trúc lên tự năm Long-thụy 龍瑞 thứ tư triều vua Thánh-tôn nhà Lý (1057), về hồi thế-kỷ thứ mười một, đến nay kể đã gần tới một nghìn năm, đời Lê đã có tu-tạo lại. Hiện nay thì đã có cơ đổ nát, khéo lắm chống với nắng mưa cũng không được mấy ngày. Thậm-chí mấy mặt đồng ở trong chùa, cũng đã phải phá dần đi. Than ôi! vui gì bằng vui cảnh danh-lam, buồn gì bằng buồn nỗi bụt đột. Xem chùa thì chùa rất to và rất cổ, hỏi dân thì dân rất nhỏ và rất nghèo. Cái công-quả bảo-tồn cổ-tích của các ông địa-phương-quan, trên kia tôi đã nói. Còn cái trách-nhiệm của nhà văn-sĩ, thì chỉ giữ được một phần cổ-động khích-khuyến ở trên ngòi bút đó mà thôi. Nghe dân ở đây nói rằng năm nọ có các quan qui-quốc ở tràng Viễn-đông Bác-cổ về xem, xét đến cổ-tích chùa này, có ý đặc-biệt cảm-tình, nhân có hứa với dân rằng nhà Bác-cổ sẽ giúp cho dân năm trăm đồng bạc, khi nào dân khởi-công tu-tạo, thì sẽ được phép ra đó mà lĩnh tiền. Các quan bác-cổ đối với cổ-tích nước Nam, thật là có thịnh-tâm lắm vậy, há người Nam lại không có nhiệt-huyết đấy dư?

Nhân tả qua về phong-cảnh chùa này. Ở đàng sau mà lởm-chởm đó, tức là núi Lạn-kha. Lại ở đàng sau nữa mà mông-lung đó, tức là núi Nguyệt-hằng. Ở đàng trước mà ngoằn-ngoèo đó, tức là cái Tào-khê 漕溪 (tức Ngưu-giang). Lại ở đàng trước nữa mà nước sắc hồng, sóng tiếng vỗ đó, tức là con sông Thiên-đức 天德, tự Nhị-hà phân-lưu chảy sang Lục-đầu. Cảnh chùa này đối với vẻ non sông, không những là có tình, mà lại có khí-sắc nữa. Lại cỏ hoa thì nhàn-nhã, cây đá thì sẵn-sàng, mấy hàng trúc biếc ở trong mây, in được mấy phiếu-diều (1), mấy ngọn thông già ở dưới nguyệt, vẽ được cảnh sắc-không (2).

Chùa này mà có nhiều sự-tích lạ, cũng không phải là không có cớ.

Lại nói qua về sự-tích chùa này. Lịch-sử nước ta, các vua chúa nhiệt-thành về sự Phật-giáo, thì triều Lý là thịnh nhất. Các vua chúa nối đời về sự nhân-hậu từ-bi, thì triều Lý cũng là thịnh nhất. Mà quốc-quyền lừng-lẫy, thiên-hạ thái-bình, thì triều Lý lại là thịnh nhất. Phật-giáo đối với dân-tộc nước ta, không phải là không có công to, không có ảnh-hưởng lớn. Nước ta về hồi Lý bấy giờ, Khổng-giáo chưa thịnh-hành, còn toàn-nhiên là một nước Phật-giáo. Cho nên những nơi danh-lam cổ-tự nước ta, phần nhiều thấy tung-tích nhà Lý. Ngay như chùa Phật-tích này, chính là nơi dưỡng-tâm tu-tính của vua Lý Thánh-tôn 李聖宗. Nhưng cũng không phải là ngài học cái thói thường mà đi xuất-gia, chẳng qua giao cho một vị cao-tăng ở đó trụ-trì, thừa những khi quân-quốc đại-sự có buổi dư-nhàn, thì về đó mà nghe kinh giảng đạo mà thôi. Chứ không như cái lối «xả-thân vi Phật-gia-nô» 捨身爲佛家奴 như ông Lương Vũ-đế nước Tàu. Ngài lợi-dụng cái tinh-hoa của Phật-giáo, ngài không làm nô-lệ cho Phật-giáo. Tu như ngài mới là chân-tu, tu như thói thế-tục «miệng nam-vô, trong bụng một bồ dao găm», thì không phải là chân tu vậy. Hiện nay ở chùa vẫn còn có tượng thờ ngài. Chỗ thờ ngài có bốn chữ đại-tự thếp vàng yết l n ở giữa rằng: «Việt-Nam Lý-đế 越南李帝.» Đôi bên lại có câu đối kèm, câu rằng:

Long-thụy chứng di-bi, triều-thị kỷ kinh tang-hải kiếp. Tiên-châu thành lạc-quốc, lâu-đài bất dẫn đế-vương ky.

龍瑞證遺碑。朝市幾經桑海劫。
仙洲成樂國。樓臺不泯帝王基。

Câu đối ấy cũng là câu đối kim, chứ không phải là câu đối cổ. Nghe đâu câu ấy cũng là người danh-sĩ ở hiện-thời làm ra, mà chữ cũng là tay người

(1) Phiếu-diều = mông-lung phiếu-diều, tựa có tựa không, đều nói về cảnh tiên.
(2) Sắc-không = sắc là không, không là sắc, cái điệu-lý trong đạo Phật.

danh-sĩ ấy viết. Nhân nghĩ đến cái phong Hán-học, từ nay về sau, một ngày một sút dần đi, thì câu văn ấy với nét chữ ấy đối với xã-hội tưởng cũng đã có giá nhất-định rồi, muốn mua cũng không phải mặc-cả mà mua nữa.

Lại xét về cái tâm-lý của các bà phi bà chúa ở đời cận-cổ đối với Phật-giáo trong lịch-sử nước ta. Bà thì nhân sự đi du-lãm mà đặt ruộng vào chùa, để tỏ lòng bố-thí, như bà Đặng Thị-Huệ 鄧氏惠 là vợ ông Trịnh Sâm ở chùa Bách-môn, bà thì chán sự phiền-não mà về chùa thí-phát, để thực-hành cái chủ-nghĩa xuất-gia, như bà Trần Ngọc-Am 陳玉庵 là vợ ông Trịnh Tráng ở chùa Phật-tích. Một là cái tâm-lý từ-bi, đốc một lòng làm phúc, để tế-độ cho chúng-sinh. Một là cái tâm-lý siêu-thoát, coi cái phú-quí như cái phù-vân, mà cầu lấy cái chân-lý bất-tồn bất-diệt 不存不滅 (1). Hai sự đó, tuy là sự đàn-bà, nhưng cái tinh-túy trong Phật-giáo, cũng bất ngoại trong hai đường ấy. Trong nữ-giới nước ta ngày nay, cũng còn thấy nhiều người mộ Phật. Ngay như hội chùa Hương vừa rồi, cái tiếng *Nam-vô A-di-đà-phật*, có thể nhộn cả ở ngoài suối trong hang. Nhưng chẳng biết cái tâm-lý có quả hợp như cái tâm-lý hai bà hay không, hay là chỉ đi cầu tiên cầu Phật, cầu của cầu con, cầu ích cho mình đấy thôi. Hiện nay ở chùa Bách-môn, còn có danh-tiếng bà Đặng; ở chùa Phật-tích cũng còn có dấu-vết bà Trần. Nay hãng xin kể riêng về cái lịch-sử ba Trần.

Bà Trần nguyên là một người con gái bần-hàn ở nhà quê, duyên may phận lạ, lấy được Trịnh-chúa, làm đệ-nhất cung-phi. Nhưng bà coi cái vẻ vinh-hoa phú-quí trong cuộc đời, chẳng khác nào « bức tranh vân-cẩu vẽ người tang-thương » vậy. Bà mới quyết-chí đi về tu ở chùa Phật-tích. Nhưng bà không phải là một giống vô-tình, thỉnh-thoảng bà cũng về thăm chồng, và soi-xét qua việc nhà việc nước. Một hôm bà về thành Thăng-long thăm nhà, chúa Trịnh cố giữ lại ở trong cung, thậm-chí lại hạ-lịnh cấm đò ngang ở bến Ái-mộ mười ngày. Khi đó, bà chỉ xách một cái nón ra đi, đến bến, bà thả cái nón xuống sông để làm thuyền, bà bơi sang bến-ngạn mà về chùa. Trịnh-chúa vẫn không biết, mà cũng không ngờ. Khi Trịnh-chúa sang thăm chùa, thì đã thấy bà ở chùa rồi. Từ đó, Trịnh-chúa mới để cho bà tự-do về đường tôn-giáo, không dám cưỡng-bách nữa. Sự đó vẫn tương-truyền là sự thần-dị. Nhưng xét ra, cái nón nhà sư, gọi là cái nón tu-lờ, to như cái tán, cũng như cái thuyền nho-nhỏ, cũng có thể dung được một người yểu-điệu khinh-thanh. Sự đó tưởng cũng là sự thực, chứ cũng không lạ gì. Chỉ cái điều khinh-tâm phú-quí, với cái nhiệt-độ tu-hành của bà là lạ đấy thôi.

Hiện nay ở ven chùa có một cái miếu, để rằng Tiên-chúa-miếu 仙主廟, tức là cái miếu thờ bà Trần. Trong miếu có hai pho tượng gỗ, đều làm dáng ngồi. Một tượng làm ra dáng khổ-hạnh từ-bi, là tượng truyền-thần, thì cổ. Một tượng làm ra dáng cung-trang yểu-điệu, là tượng mô-phỏng, thì kim. Mười hai dân-xã ở xung-quanh đây, đều được đội ân-huệ bà, đều phụng-sự bà. Cho nên câu đối thờ bà ở trong miếu, có câu khắc rằng: « *Đệ-nhất cung-tần qui phật-địa. Thập-tam đình-vũ thử tiên-hương.* 第一宮嬪皈佛地 十三亭宇此仙鄉 » Trước miếu lại có cái tháp bằng đá, chính là nơi thiêu-hóa ngọc-cốt, mà tàng-trữ tĩnh-hôi (2). Đến bây giờ trông ra đất Thăng-long, nào vương-cung với vương-phủ ở đâu? Coi vào chùa Phật-tích, này ngọc-am với ngọc-tháp ở đây. Sự tồn-diệt đó, người tri-giả cũng nên cân-nhắc.

Phàm khách đi du-lãm, vào đến chùa này, cứ xem ngay mười con vật bằng đá lù-lù ở trước cửa chùa, nào trâu,

(1) Bất-tồn bất-diệt = Chẳng còn cũng chẳng mất, cái chân-lý trong đạo Phật.
(2) Tinh-hôi = Cái tro sạch-sẽ, đã thiêu-hóa rồi.

nào ngựa, nào sấu, nào nghê, nào tê, nào tượng. Và ba bốn mươi cây tháp bằng đá nhấp-nhô ở đàng sau chùa, nào Dung-quang tháp 融光塔, nào Linh-quang tháp 靈光塔, nào Phổ-quang tháp 普光塔, thì chùa này tinh-hoa như thế nào, lực-lượng như thế nào, và cổ như thế nào khắc rõ.

Chùa này lại có sự-tích cô Giáng-tiên 降仙, và núi này lại có sự-tích bác Vương Chất 王質 nữa, đủ khiến cho người đạo gót trèo non, miên-man vô-tận, người cầm bút ký-sự, lãng-mạn vô-cùng.

Kể về sự-tích cô Giáng-tiên. Về triều Lý bấy giờ, ở trước cửa chùa Vạn-phúc, có một cây hoa mẫu-đơn, hoa ấy nguyên là danh-hoa, chắc là phải lấy giống tự đất Giang-nam bên nước Tàu đem về. Cái cây hoa ấy, không những là cảnh của nhà Phật, mà chính là cảnh của nhà vua. Cái người phải đương cái trách-nhiệm giữ-gìn cây hoa ấy, là thầy-trò ông Chuyết-chuyết-thiền-sư 拙拙禪師. Độc-giả phải biết rằng chùa này là chùa vua Lý tu, ông thiền-sư ở chùa này có thế-lực lắm, chẳng khác gì viên cố-vấn đại-thần, chú tiểu-thiền ở chùa này cũng chẳng khác gì viên thị-vệ, mà cây hoa mẫu-đơn ở chùa này, cũng là một cây hoa thần-thánh bất-khả xâm-phạm vậy.

Một hôm nhân có hội chùa, sĩ-nữ du-quan đông lắm. Thầy Từ Thức 徐式 bấy giờ cai-trị huyện Tiên-du, vì phận-sự địa-phương-quan, phải lên chùa coi-sóc. Chợt thấy một chú tiểu-thiền cầm dây trói một người thiếu-nữ tuổi vừa xấp-xỉ xuân-xanh, nhan-sắc tuyệt-trần. Rõ thật :

Đoạn-tràng là số thế nào,
Cầm dây chẳng nghĩ buộc vào tự-nhiên.

Người thiếu-nữ ấy khóc-lóc kêu van, trông mầu hoa lê dã dầm-dìa giọt mưa, mà chú tiểu-thiền vẫn không tha, cứ giang tay trói chặt. Rõ thật :

Làm chi tội-báo oan-gia,
Đào-nguyên lạc lối đâu mà đến đây.

Thầy Từ Thức phải chạy lại hỏi, thì vì rằng người thiếu-nữ ấy vì tính ái-hoa, bẻ cành mẫu-đơn, dắt lên mái đầu, ngờ đâu lại phạm về tội trọng-cấm. Rõ thật :

Phẩm tiên rơi đến tay hèn,
Hay đâu địa-ngục ở miền nhân-gian.

Thầy Từ Thức ta bấy giờ không biết nghĩ thế nào, phép vua cũng phải trọng, mà kẻ đào thơ liễu yếu cũng nên thương. Rõ thật :

Vì chăng duyên-nợ ba-sinh,
Một lòng thì chửa hai tình được sao.

Nhân cởi ngay cái áo cẩm-bào của mình đang mặc ra, tặng cho chú tiểu-thiền, khẩn-khoản với chú, để chú tha tội cho người thiếu-nữ, người thiếu-nữ ấy mới được khỏi tội mà trở ra về. Rõ thật :

May thay giải-cấu tương-phùng,
Gót tiên phút đã thoát vòng trần-ai.

Thầy Từ Thức bấy giờ, âu cũng là thấy kẻ trầm-luân mà ra tay tế-độ đấy thôi, chứ cũng không phải là bóng hồng nhác thấy nẻo xa, mà có ý mặn-mà với xuân-lan thu-cúc chi cả. Nhưng nghĩ cho kỹ ra, thầy Từ Thức đối với người thiếu-nữ, không phải là cái tình-dâm 情淫, nhưng cũng là một cái tình-hiệp 情俠 (1) ; người thiếu-nữ đối với thầy Từ Thức, không phải là cái tình-ái 情愛, nhưng cũng là một cái tình-duyên 情緣.

Cho hay là thói hữu-tình,
Đố ai dứt mối tơ-mành cho xong.

Muốn xem sự ấy kết-quả ra làm sao, thì đã có câu truyện « *Từ Thức ngộ-tiên* » lưu-hành ở đời, chứ ở đây không thể kể phiền ra được. Chao ôi ! người thiếu-nữ ấy là ai ? tức là nàng Giáng-tiên ở trên Ngọc-quán Huyền-đô (2)

(1) Tình-hiệp = Cái tình hào-hiệp hay cứu người.
(2) Ngọc-quán huyền-đô = Chỗ chư-tiên thường ở.

xuống chơi hạ-giới đó. Giáng-tiên! Giáng-tiên! nước đời ở hạ-giới, có lạ-lùng khắt-khe không? Cũng phải nếm mùi hạ-giới một tí chứ! Giáng-tiên! Giáng-tiên! nhân-vật ở hạ-giới, có hào-hoa phong-nhã không? Cũng phải chung tình hạ-giới một tí chứ! Huyện này thành tên là huyện Tiên-du, âu cũng là vì sự đó.

Ký-giả chép truyện đến đây, nhân có mấy câu khôi-hài phê-bình rằng: Thầy trò ông Chuyết-chuyết thiền-sư, tức là ông nguyệt-lão. Chùm hoa mẫu-đơn đó, tức là chùm hồng-điệp. Cái dây trói nàng tiên đó, tức là cái dây xích-thằng. Thầy huyện Từ Thức khi cởi cái áo gấm ra, coi cũng trơ-trẽn bình-thường, đố ai biết là ông phụ-mẫu. Chú tiểu sơn-môn khi mặc cái áo gấm vào, coi cũng đường-phết chểnh-chện, đố ai biết là chú tiểu-hầu.

Dân ở đây cứ đệ-niên đến ngày mồng bốn tháng giêng ta, là ngày trăm hoa mới mở miệng, mở ra một cái hội, gọi là « hội Mẫu-đơn » 牡丹會, để kỷ-niệm về sự đó. Hội ấy, ký-giả cũng chưa từng được xem. Nhưng cũng biết rằng cái lòng quốc-dân ta đối với cổ-tích còn đạm-bạc lắm, hội ấy chưa chắc đã lấy gì làm vui. Nếu là cái hội rước rồng, cái hội bơi-trải, thì cũng bất-luận hội ấy là hội kỷ-niệm về sự gì, mà cũng thấy « dập-dìu tài-tử giai-nhân, ngựa xe như nước áo quần như nêm » vậy. Xét ra cái hội mẫu-đơn này, thật là có thú-vị với con nhà tình-duyên, con nhà nghĩa-hiệp, con nhà văn-chương. Tôi còn nhớ năm nọ Hán-học còn thịnh-hành, các nhà văn-hào ở vùng tỉnh Bắc-ninh thường lấy cái đầu bài « Vịnh Mẫu-đơn hội » ra thơ để tập thường cho học-trò. Tôi còn nhớ trong một cái giải nhất có câu thơ truyền-tụng rằng: «*Hoa như vô chủ thâu hà tội, Bảo khả vi duyên giải diệc tình.* 花如無主輸何罪, 抱可爲緣解亦情. » Nghĩa rằng cái hoa nếu là vô-chủ, thì bẻ cũng chẳng tội gì, nhưng là cái hoa hữu-chủ, thì bẻ hoa là tội xâm-phạm tôn-giáo. Cái áo bào cởi ra nguyên là sự cứu người, nhưng vì sự đó mà tạo ra được cái nhân-duyên thì sự cởi áo bào cũng là một mối tình có giá-trị. Con nhà Hán-học, cũng tôn-giáo lắm thay! cũng tình-tự lắm thay! cũng phong-thú lắm thay!

Kể về sự-tích bác Vương Chất: Vương Chất cũng không rõ là người đời nào. Chỉ thấy trong sách *Hoàng-việt-địa-dư-chí* 皇越地輿志 có chép lại rằng: « Thủa xưa có một người đi kiếm củi, tên là Vương Chất, vào núi Phật-tích, thấy hai ông cụ già ngồi đánh cờ ở dưới gốc cây thông, bác ta đặt cái rìu xuống ở bên cạnh mình mà đứng xem, mải xem mãi, đến lúc cuộc cờ tan, mới ngảnh lại trông cái rìu, thì thấy cái rìu đã nát tự bao giờ. Đời mới gọi núi ấy là núi Lạn-kha» (lạn là nát, kha là rìu). Sự ấy chẳng biết có hay không. Nhưng cũng là nghĩa tỏ ra ngày tiên dài mà đời trần ngắn đó mà thôi. Ký-giả nay cũng xin dùng mấy lời lãng-mạn, để tán truyện chơi, đạt-giả cho là thế nào?

Cái rìu của bác Vương Chất, cũng như cái khánh của ông Khổng-phu-tử, cái gươm của ông Nữ-phá-luân, cái gậy của người đạo-sĩ, cái bút của người văn-nhân. Cái rìu đó, không những là cái đồ làm tính-mệnh, làm lịch-sử cho Vương Chất, mà chính là cái thần tự-do, cái hồn lạc-thú của Vương Chất. Cái rìu của bác Vương Chất, thụ-dụng trong cuộc đời tưởng còn dài lắm, há những chỉ trong một ván cờ mà thôi. Vì bác mải sự chiêm-bao mà nhãng sự thực. Cái rìu kia đối với bác đã không quan-hệ gì, thì còn sao được mà chẳng nát. Than ôi! người đi kiếm củi mà nhãng cái rìu, khác nào người đi truyền đạo mà nhãng cái khánh, kẻ anh-hùng nhãng cái gươm, người đạo-sĩ nhãng cái gậy, kẻ văn-nhân nhãng cái bút; cái rìu khi đã nát, khác nào cái khánh khi đã rè, cái gươm khi đã nhụt, cái gậy khi đã cộc, cái bút khi đã cùn. Cái bút đã cùn, cũng như con *mã* đã bị cắn,

cái gậy đã cộc, cũng như con *pháo* đã bị mất ngòi ; cái gươm đã nhụt, cũng như con *tướng* đã ly-cung ; cái khánh đã rè, cũng như con *xe* đã khuất mặt, mà cái rìu đã nát, cũng như con *tốt* đã lụt, lơ-láo bất-thành-công. Người ta xem đến sự « lạn-kha » này, ai cũng hăm-hở sự đánh cờ tiên. Tôi xem đến sự « lạn-kha » này, tôi chỉ tiếc cho cái rìu của bác. Người ta bảo rằng ngày tiên dài mà đời trần ngắn. Tôi bảo rằng ngày tiên rất ngắn mà đời trần rất dài. Nếu bác cứ giữ lấy cái rìu, mà bác múa-mang với non sông, tiêu-dao với vũ-trụ, thì ngày xuân của bác, còn có thể đánh ba vạn sáu nghìn ván cờ. Bác Vương Chất, bác cũng hở lắm nhỉ, cũng hở lắm nhỉ !

Anh em xem chùa xong, mới cùng nhau lên núi Lạn-kha. Núi ở vùng Tiên-du này, thì Lạn-kha-sơn là nhiều đá hơn cả, mà đá cũng thấy có lắm hòn kỳ-quái ngô-nghê. Xem đến Long-trì 龍池, thì Long-trì đã cạn. Xem đến Thạch-thất 石室, thì Thạch-thất cũng vừa mới đổ nát trong mấy năm nay. Chỉ có một cái am xây cuốn bằng gạch, còn trơ-trơ ở trên vùng cỏ, tương-truyền là chỗ chư-sư hồi Lý ngồi giảng-kinh mà thôi. Cái di-tích của lịch-đại ở trên núi này, chắc cũng một ngày một lờ-mờ dần đi, coi đó cũng cảm-khái thay ! Lại đi lên, lên đến đỉnh núi, thì thấy có một hòn đá ở ngay giữa trên đỉnh núi, hình hơi dài-dài, một đầu cũng hơi vuông-vuông, rộng vào độ hơn hai chiếc chiếu, mà mặt thì lại phẳng, có thể trèo lên mà ngồi được. Người thổ-hào trỏ vào hòn đá ấy mà bảo chúng ta rằng : Bàn cờ tiên đấy. Chợt nghe câu ấy, thì tưởng như là cái rìu của bác Vương Chất còn dựng ở đâu đây. Nhưng mà cây thông thì cũng không thấy nữa, chỉ có cái bàn cờ đấy thôi. Mới cùng nhau, người thì trèo, người thì nhảy, đứng lên cả ở trên cái bàn cờ ấy. Ông Phạm Quỳnh nói rằng : Dễ chúng ta là tiên cả đây chắc ! Tôi nhân đếm ra, thì cái số cũng vừa đúng bát-tiên. Phạm-tiên Quỳnh là một. Nguyễn-tiên Hữu-Tiến là hai. Với Trần-tiên Thúy, Ngô-tiên Vi-Liễn, Phạm-tiên Văn-Thư, Nguyễn-tiên Đôn-Phục, và hai người thổ-hào cũng dự-đăng nữa là tám. Chúng ta chẳng tiên được ở lúc khác, chứ lại chẳng tiên được ở lúc này ư, chẳng tiên được ở đâu, chứ lại chẳng tiên được ở đây ư ? Ừ thì tiên ! Nhưng mà mới là kiểu bát-tiên đăng-sơn, chứ chưa phải là kiểu bát-tiên quá-hải. Có chăng chỉ Phạm-tiên Quỳnh năm nọ đi Pháp-du, đã từng qua Ấn-độ-hải, Hồng-hải và Địa-trung-hải đấy thôi, còn chư-tiên thì chửa ai đã từng dự-cuộc quá-hải cả.

Mới nhân bày ra kiểu quần-tiên hội-ẩm, ngồi xuống cả trên cái bàn cờ. Nào cốc đấy cốc đây, nào quả này quả khác, nào hộp nọ hộp kia, bày ra cả ở trên bàn cờ, chẳng khác gì cái quân cờ của người tiên thủa xưa đều la-liệt đó. Khi uống rượu, đặt cốc đấy, nhắc cốc đây, thay hộp này, đổi hộp khác, hết quả nọ, còn quả kia, lại chẳng khác gì cái quân cờ của người tiên thủa xưa đều hoạt-động đó. Đang cuộc rượu khuyên nhau uống, ép nhau uống, cốc rượu đưa lại đưa đi, lại chẳng khác gì cuộc cờ của người tiên thủa xưa đang xô-xát đó. Khi cuộc rượu sắp tàn, người thì chịu lui mà uống ít, người thì gắng sức mà uống nhiều, lại chẳng khác gì cuộc cờ của người tiên thủa xưa đã phân thắng-phụ đó. Rượu xong, người thì ngồi ở trên hòn đá nọ, người thì đứng dựa ở bên hòn đá kia, lại chẳng khác gì một bộ «xa-lông» bằng đá của ông thợ Tạo bày-đặt ra đó.

Trong cuộc rượu, cũng có nhiều câu chuyện lý-thú sỗ-sàng, ký-giả khi về, cũng quên mất cả, không thể chép lại được. Nhưng đại-khái là những câu chuyện cười mây cợt gió, mắng đá thét hoa, quên giận quên lo, quên hờn quên tủi, ít có câu chuyện cà-kê về kim-tích, lai-láng về cuộc đời. Cho mới biết những mầu thắng-tích, những cuộc đăng-lâm, có quan-hệ về phần hồn người ta lắm. Anh em ta khi lên núi Bát-vạn, thì người nào người ấy đều có ý lặng-lẽ,

khi lên núi Lạn-kha, thì người nào người ấy đều có vẻ vui-cười.

Chơi ít lâu, lại cùng nhau xuống núi. Xuống đến cửa chùa Vạn-phúc, lại tưởng như là cảnh mẫu-đơn còn đẹp-đẽ tốt-tươi, mà cô Giáng-tiên dễ thường đang xắm-nắm dang tay ra bẻ. Nhưng chỉ hiềm rằng trong bọn anh em ta, không người nào có cái áo gấm nào. Nếu người nào có cái áo gấm nào, thì cũng lại đường-phết coi ra quan huyện Từ Thức ngay đấy.

Cuộc đi chơi này, thế là đã đủ năm tầng núi, mà móc túi bấm ra, thì trời đã xế chiều. Lại đi qua trong làng Phật-tích, cùng nhau đi bộ một chút, lên đường xe, trở ra về. Cảnh ngày hôm ấy là cảnh mưa xuân, lúc nào cũng như lúc nào, cảnh sớm cảnh chiều, không có thay đổi, chỉ lúc nào cũng thấy ở đàng xa-xa, cây núi lù-mù, in mầu mực lạt, lại gần thì mới thấy đậm dần ra mà thôi. Cũng nhân vì cảnh đó, mà nhận rõ ra được nét mực của ông tạo-hóa.

Khi ấy ngồi trên xe mà trông về các ngọn núi, đã hình như kẻ cố-nhân. Cho nên cứ đi một quãng rồi lại muốn dừng xe, người thì tạt qua vào chơi trong trại Vân-khám, người thì rẽ qua vào chơi trong đình Hoài-bão, đến bốn giờ chiều, lại cùng gặp nhau. Nhân ở đình Hoài-bão buổi chiều lại có cuộc hát đúm nho-nhỏ, tức là cái trận gió xuân ở hội Hồng-vân còn rớt lại đó, các ông lại được xét qua cái phong-tục hát quan-họ ở vùng này. Chuyện-trò một lúc, đến năm giờ chiều, người thì lên xe lửa về Hà-nội, người thì còn ngủ ở trong sơn-trại đến sáng ngày mai mới về. Xem ra cảnh sơn-trại cũng là một cảnh có thú-vị riêng ở trong cõi đời, nhân tả qua về cảnh sơn-trại.

Xưa nay làm thơ mà khéo tả về cảnh ở núi nhất là ông Vương Ma-Cật đời Đường. Ông có câu thơ rằng: *Hoa lạc gia-đồng vị tảo, điểu đề sơn-khách do miên* 花落家童未掃。鳥啼山客猶眠. Nghĩa là hoa rụng tơi-bời, kẻ gia-đồng chưa quét sạch, chim kêu vàng-vít, người sơn-khách còn ngủ ngon. Mới nghe thì rõ ra một lũ người nhà lười-biếng, với một ông chủ nhà ngủ trưa, cái quang-cảnh chỗ sơn-cư, với cái lịch-sử ông sơn-khách, tưởng cũng không phải hỏi nữa. Nhưng biết đâu, cái vận-sự trồng hoa ở trong núi thanh-kỳ lắm, cái sự-nghiệp cày ruộng ở trên núi vất-vả lắm. Thanh-kỳ mà hành-vi được tự-thích, vất-vả mà thức ngủ được tự-do. Đó là cái hạnh-phúc thứ nhất ở trên đời. Người đứng ở vành ngoài, người kém thì vị lợi, người kha-khá thì vị danh, người cao hơn bậc nữa thì vị tình-ái, vị trách-nhiệm, muốn học cũng chưa có thể mà học được. Ôi! Nét hoa đỏ ối ở mặt đất, thật là tay thiên-nữ rắc ra, vàng-bạc nào đẹp mắt bằng, kẻ gia-đồng lười-biếng mà chửa quét cũng là phải. Tiếng chim véo-von ở đầu núi, thật là khúc thiên-nhạc tâu lên, đàn hát nào êm tai bằng, người sơn-khách ngủ ngon mà chửa dậy cũng là phải. Chốn sơn-trại ở vùng ấy, có một vài ông sơn-khách, thuộc về phái nhà nho. Ký-giả nhân cuộc đi chơi núi vào thăm qua, thì thấy có chè ngon, có gà béo, có khoai ngọt, có trám chua, có vợ trồng hoa, có con đọc sách, có câu chuyện danh-sơn (1), câu chuyện cổ-tích, có tửu-hứng, có thi-tình.

Năm Khải-định thứ mười (1925), *sau ngày rằm tháng Mạnh-xuân. Trước-giả ký.*

TÙNG-VĂN

(1) Danh-sơn = Trỏ nghĩa là sách cổ, phàm sách qui đời xưa hay để ở chỗ núi-non có danh tiếng, người ta hay gọi sách cổ là danh-sơn.

LOÀI VẬT HAY

Tiểu-tự

Chúng ta ở đời mà động nghe nói đến cái tiếng vật, thì đã có ý khinh-bỉ xem thường. — Tại sao mà khinh-bỉ xem thường? Là bởi vì giống vật không có óc khôn tri-thức, biết đường ăn lễ ở, cho xứng-hợp với cương-thường đạo-lý ở đời, như giống người được, ngoài những sự ẩm-thực mẫu-tẩn, thì chả còn biết gì là gì nữa, cứ u-u minh-minh, tối như đêm, dầy như đất, tuy có bộ máy cử-động hàng ngày, nhưng cũng là khối thịt hồn-nhiên, do khí thừa cặn-gợn của tạo-hóa đúc sinh ra đó thôi. Thế thì thực đáng khinh đáng bỉ lắm.

Nay xét ra thì giống vật tuy cũng có nhất-điểm-minh, như là hổ lang cha con, ong kiến vua tôi, hươu nai bầu bạn, hồng nhạn anh em, và nhất về phần có ích như là tằm nhả tơ, ong gây mật, gà gáy sớm, chó xủa đêm, những cái ấy đều có ảnh-hưởng đến luân-lý, bổ-ích cho công việc ở đời đó thực, nhưng cũng chẳng qua là bản-tính cố-nhiên của loài nó, trời đất phú cho nhất-định là thế mãi, chớ có được như trí khôn linh-động của loài người bao-la cả sơn-hà vũ-trụ đó đâu.

Nên người ta tổng-kết loài nó mà mục chung một tiếng rằng « vô-tri » cũng phải.

Nay ở trong đám vô-tri ấy mà lại có những con vật xuất-sắc đặc-biệt, khôn-ngoan chẳng khác chi người, nào trung-hiếu, nào tiết-nghĩa, nào nhân-trí, nào lễ-nhượng, những việc làm cho mắt thấy tai nghe, có quan-hệ đến phong-hóa, đủ làm gương dạy đời, thì có đáng biểu-dương ra không? Đáng lắm thay!

Nên tập Loài vật hay *của tác-giả mới dám đem ra công-bố.*

Những chuyện mà tác-giả chép đây, đều là sự thực cả, do việc làm có thế nào thì tả ngay ra thế ấy, chớ không phải như những chuyện hoang-đường: cáo tiên, khỉ thánh, rắn yêu - tinh, dị-kiến dị-văn, làm rối tai mắt, xin chư-độc-giả lượng xét.

Tác-giả chỉ xin dịch một câu ở chữ Hán mà kết rằng: « Có lẽ người lại không bằng vật sao? »

L. G.

I. — Ngựa rợ Hồ

Tiết thu lạnh-lẽo, gió bấc hắt-hiu, hí hí hí, hí hí hí, một con ngựa cất đầu trông hướng gió mát mà kêu, nét mặt buồn-bã, ấy chính là con ngựa của rợ Bắc-hồ đem dâng vua Hán Vũ-đế, nuôi tại vườn Thượng-lâm, nó là một con ngựa hay có tiếng, từ lúc sang ở nước Tàu, đem lòng tư-tưởng cố-thổ, ít khi kêu, chỉ những khi gió bấc thổi mới kêu, mà tiếng kêu ra ý ai-tư lắm; nên thơ Đường có câu: « 胡馬嘶北風 *Hồ-mã tê bắc-phong* », nghĩa là ngựa Hồ kêu gió bấc.

Kia mối sầu nhân gió bấc khêu,
Ngựa Hồ cám-cảnh nghiến răng kêu.
Tấm thân khách-địa này ai đó?
Lữ-quán ngăn sao giọt lệ nhiều!

LỜI PHÊ

Cô-thân khách-địa, xúc-cảm sinh-tình, ngựa còn biết thế, huống chi những người li-biệt đối với cảnh đêm thu mưa gió, ngọn đèn quán cơm, thì

sầu-tứ bút nào tả hết, cũng đáng thương thay!

II. — Chim nước Việt

Khu vườn Thượng-uyển, cảnh đẹp cây to, một cành la-lả về hướng nam, có con chim đậu rủ tại đấy, ra ý nghĩ-ngợi điều gì, ấy chính là con Bạch-trĩ của vua Hùng-vương nước ta đem tiến cho vua Thành-vương nhà Chu, nó từ khi theo sứ sang Tàu, phải ki-lưu lại, được nhờ ơn nuôi-nấng rất hậu, dùng làm cảnh chơi, nó quen lắm, thả được, nhưng nó tính rất kỳ, hễ đậu cây nào, tất tìm cành chồng về hướng nam mới đậu, chớ như những cành lả về hướng khác, thì không hề bám chân đến; đã nhiều phen, người ta thử xét xem thì đều như thế cả, nên thơ Đường cũng có câu: «越鳥巢南枝 *Việt điểu sào nam-chi*», nghĩa là chim Việt đậu cành nam.

Xa trông nước Việt cách non xanh,
Quấn-quít cành nam tỏ chút tình.
Cũng muốn cất mình tung thẳng cánh,
Nương người riêng giận kiếp dư-sinh!

Lời phê

Muôn dặm tử-phần, tấc lòng cố-quốc, chim còn nghĩ đến, trách nào những người gặp bước sinh-li! Đối với cảnh quê người đất khách, nước quán cơm hàng, thì mối sầu tư-quốc tư-gia, chẳng đợi vò cũng rối!

III. — Voi Minh-hoàng

Mã-ngôi xùi-xụt, Kiếm-các gập-ghềnh, loan-giá vua Minh-hoàng đã dời sang đất Thục; nhà Đường gặp khi vận bĩ, chốn Trường-an nghiêm-nhiên một chế-độ tân-triều. An Lộc-Sơn tiếm xưng đế-hiệu, bá-quan la-bái tại sân rồng. Khi ấy có con voi ngự của vua Minh-hoàng nuôi rất quen, biết cả quì, cả lạy, ngài yêu lắm; vì lúc loạn-ly, không đem theo được. Lộc-Sơn vốn biết nó thế, nên lúc đăng-tôn, bắt nó quì lạy mừng mình. Nó trông thấy khác chủ, vùng-vằng không chịu quì lạy. Lộc-Sơn cưỡng-bách thế nào cũng chẳng nghe, đành cắm tức mà chịu thôi.

Sau khi Túc-tôn thu-phục lưỡng-kinh, đức Minh-hoàng ở Thục về, nó trông thấy long-nhan, lại mừng rỡ lạy quì như trước. Quí-hóa thay! Khôn-ngoan thay!

Ngán nỗi Trường-an cát bụi pha!
Đỉnh đầu duy có một vua cha.
Lòng son bôi nhọ chàng to bụng,
Quì lạy xem khinh kẻ hốt ngà!

Lời phê

Đứa quyền-gian cướp nước, voi kia còn chẳng chịu khuất-tất lạy quì; thế thời những kẻ mũ cao áo rộng, đai ngọc hốt ngà, mà cứ bôn-xu dưới cửa, tự hiến thân làm trâu ngựa, chả đáng thẹn lòng lắm sao!

IV. — Khỉ Chiêu-tôn

Vận Lý Đường suy, Chiêu-tôn án-giá, chốn Thần-kinh đổi khác qui-mô. Chu Ôn đã tiêm-đoạt ngôi trời, bắt con khỉ của vua Chiêu-tôn nuôi trước, đã được phong chức Cung-phụng, tung-hô quì lạy mừng mình, vì biết nó là vật khôn, thạo các ngón hay ấy.

Nó trông thấy Chu Ôn, biết không phải là chủ cũ, liền trợn mắt nhìn, không chịu quì lạy; rồi thừa-thế sấn đến trước ngai vàng xé rách cả long-bào của Chu Ôn. Khẳng-khái thay! Lẫm-liệt thay!

Xuênh-xoang áo mũ chớ nên cười,
Một tấm lòng son gấp mấy người.
Giận kẻ tôi gian nhăn-nhó mặt.
Tiếng thơm Cung-phụng nức muôn đời.

Lời phê

Không phải chủ, khỉ còn nhăn-nhó

mặt, liều chết để mua trung, thế thời những kẻ giá áo túi cơm, mặt dầy mày dạn, sớm vua tối thù, nay Đường mai Tấn, chẳng quản gì tai tiếng, có đáng thẹn không?

V. — Xích-thố-mã

Xích-thố-mã là một con ngựa chiến thiên-lý của Lữ Bố dùng khi lâm-trận, sau trận Bạch-môn-lâu, về tay Tào Tháo, không ai cưỡi được, đành nuôi không đó. Đến lúc Hạ-bì thất-thủ, nhận ước Thổ-sơn, Quan-công mới chịu hàng. Tháo nhân cho con ngựa ấy, để mua chuộc lấy lòng, ấy là nó đã gặp chủ.

Từ đấy mà đi, quá quan chém tướng, vượt cõi tìm anh, tung-hoành đất Kinh Sở, huyết-chiến ba-mươi năm, mã-đáo thành-công, nó cũng dự một phần vinh-hiển. Chẳng may trận đánh Kinh-châu, tướng-tinh thất-hãm, nó bị Mã Trung bắt được, đem về nước Ngô. Nghe tin ngài đã hiển-thánh tại Ngọc-tuyền-sơn, liền không chịu ăn uống, trong ba ngày mà chết.

Đỏ cả mùi lông đỏ cả lòng,
Theo vì mặt đỏ giúp non sông.
Tiếc thay sao tướng sa non Ngọc,
Tam-quốc còn ai đáng chủ-ông?

Lời phê

Trước sau cũng một chủ nuôi, cũng một lần chết, sao lại không tuẫn-thân theo Lữ Bố mà theo Vân-Trường? Xích-thố-mã thực có nhãn-lực! Thế thời ngày nay các đền Quan-đế có tượng kỷ-niệm, hưởng hương lửa của thế-gian phụng thờ, cũng đáng.

VI. — Trại-phong-câu

Trại-phong-câu là một con ngựa chiến của Tiết Nhân-Quí cưỡi lúc chinh-đông, rất là đắc-lực. Trong khi bị-hãm tại U-cốc, Nhân-Quí an-nhân vô-sự, nên nó cũng thả ăn giong không cưỡi đến. Có một hôm Nhân-Quí đang nằm, thân-thở về cảnh-ngộ thân-thế của mình, thì bỗng thấy ở đàng sau nó chân cuốc miệng hí, ầm-ỹ cả lên, vội-vàng chạy ra xem, rồi thẳng yên vào cưỡi, khi mới bước chân lên khỏi mình, thì nó liền phóng đại, không sao ghì nổi, đành chịu tùy ý nó, muốn đi đâu thì đi.

Chốc lát đưa đến một chỗ, thì thấy vua Đường Thái-tôn bị hãm dưới sa-lầy, Cáp Tô-Văn đương bắt viết chiếu nhường thiên-hạ. Nhân-Quí liền xông thẳng đến, đánh giết Tô-Văn, cứu thoát vua Đường. Ấy cũng bởi sự tiên-kiến của con Trại-phong-câu, mà thành ra một truyện: áo trắng cứu bào vàng, rồng xanh bị hổ trắng, ở pho truyện *Chinh-đông* đó.

Cuốn gió mây tung trổ sức hay,
Ngậm-ngùi chân-chúa bị tai bay!
Cũng vì hổ trắng xông-pha đến,
Cho để rồng xanh luống đắng cay!

Lời phê

Ngọn lửa đốt rừng, vì hổ trắng đã ẩn thân U-cốc, không dự đến cuộc Chinh-đông nữa; nếu không có sự tiên-kiến của Trại-phong-câu, thì thiên-hạ Lý-Đường đã vào tay rồng xanh cướp mất, còn đâu truyện mộng-hiền khóa-hải.

VII. — Đóm đưa đường

Tối trời sâm-sầm, chẳng có trăng sao, nhấp-nhoa nhấp-nhoáng, đàn đóm bay trên, có hai người thiếu-niên giắt tay nhau cùng đi, trông theo cái ánh sáng tờ-mờ mà tìm lối gập-ghềnh bước thấp bước cao, ra ý ưu-tư buồn-bã lắm, ấy chính là vua Thiếu-đế nhà Hán cùng với em là Trần Lưu-vương, nhân vì trong Trường-an có xẩy ra một sự biến lớn, Đại-tướng-quân Hà Tiến mưu giết lũ Thập Thường-thị là Trương Nhượng không xong, mà gây ra việc binh-hỏa

tàn-nhẫn ; nên hai ngài đang đêm phải lánh ra ngoài thành để tị-nạn, may có đàn đóm chỉ dẫn, mới rõ lối đi, không thì thất-lạc.

Ngọn lửa Viên-Lưu cháy đã tàn,
Lần mò đêm tối bước gian-nan.
Buồn trông đàn đóm nương theo sáng,
Đuốc ngọc kia đâu chói bệ vàng.

LỜI PHÊ

Trong bước gian-nan đàn đóm kia còn có lòng nghĩ đến vua chúa, lòe ánh sáng để đưa đường, thế thời những kẻ vẫn nương theo bóng sáng của mặt trời mặt trăng, há lại chẳng nên rọi đèn thắp đuốc mà đi tìm, để đáp nghĩa đền công, cho đáng đạo làm thần-tử sao ?

VIII. — Chim dẫn lối

Con chim bay trước, ngựa cuốc theo sau, mù-mịt cát bay, xa vòng quân-sĩ, ấy là ông Hoàng Chín nhà Triệu-Tống thoát nạn qua sông, lập nên cơ-nghiệp trung-hưng vậy.

Nguyên trước Kim Ngột-Truật sang đánh Tống, hạ được trung-nguyên, thấy ngài ngộ-nghĩnh, bắt nuôi làm con, thương yêu lắm.

Có một hôm Truật ngồi chơi, ngài đứng hầu, bỗng có con chim đậu ở mái đình, kêu rằng : «Triệu Cấu, Triệu Cấu, ư thử thời hà bất tẩu, » nghĩa là Triệu Cấu, Triệu Cấu, lúc này sao chẳng chạy. Ngài nghe rõ, biết ý liền lắp cung tên, bắn vở một mũi, nó cắp lấy tên rồi vỗ cánh bay thẳng ra ngoài cửa đình. Ngài vội nhảy lên ngựa để theo tìm, nó càng bay riết thì ngựa ngài càng phóng tràn, ra khỏi vòng quân đóng, đến tận bên sông Hoàng-hà, đã ngót một ngày Truật vô-tình không biết là trốn, nên mới thoát - nạn về Tống được.

Bánh xe triều Tống chạy sang Kim,
Mặt đất Thần-kinh luống đắm chìm !
Đưa chúa qua sông nhờ ngựa đắt,
Mở đường công trước ở nơi chim.

LỜI PHÊ

Thương vận nước suy-đồi, Trung-nguyên chưa có vua nối nghiệp, con chim kia còn biết lên tiếng để đưa đường, nữa là những người làm thần-tử, nghĩ đến ơn xưa, chả nên hết sức ưng-đương, trổ tài bằng-cử, để kéo lại ý trời sao !

IX. — Chó săn vua

Nước biếc núi xanh, áo vàng tự-chủ, vua Lê Thái - tổ xướng nghĩa ở Lam-sơn, đã hạ được các châu - thành ; tin cáo-cấp ấy đến tai vua Thành-tổ nhà Minh, liền phái lũ Trần Trí sang đánh cướp lại.

Trí có hai con chó ngao, cao 4 thước, biết lựa theo ý chủ xuýt bảo, tài đánh hơi săn người, dùng đi hàng-trận, gấp mấy lần kiện-tướng hùng-binh.

Trận đánh ở Trúc-viên, Lê Thái-tổ thua to, hàng chư-tướng thất-lạc cả, chỉ còn trơ có một người một ngựa, đằng sau thì quân Tàu xuýt chó ngao đuổi riết, làm cho ngài vô - kế thoát-thân, phải chạy vào khóm rừng mây để trốn, thế mà chó ngao cũng biết, sấn ngay đến xung-quanh, miệng xủa chân cào, tỏ ý báo hiệu cho người Tàu biết. Thực là nguy-cấp thay cho ngài lúc ấy.

Núi Lam nay đã nẩy chồi Lê,
Phận ở thiên-thư định một bề.
Mặc lũ chó Ngô khoe sức giỏi,
Rồng thiêng nào có ngại chi hề.

LỜI PHÊ

Phận thiên - thư trời đã định cho rồng Lê, thì lũ chó Ngô kia dù có khôn-ngoan tài giỏi, muốn lăm-le cắn nuốt người nước Nam, cũng khó lòng hà miệng nhe nanh được.

X. — Cá cứu chúa

Gươm đao sông Bắc, khói lửa núi Tây, nhân cơ-nghiệp chúa trái điêng, thừa-cơ nổi dậy. Đức Cao-hoàng ta mang lòng trung-hiếu, xướng cờ nghĩa trung-hưng, đóng quân tại Đăng-giang, chống nhau với Tây-sơn, bị vi-hãm, đương đêm ngài muốn vượt bể lánh nạn, khi thuyền ra đến nửa vời, có con cá sấu ngăn đón không cho đi, ngài phải lộn lại, cho đó xem thì quả có quân phục của Tây-sơn; ấy là một sự may.

Lại một lần nữa, ngài thua to, chỉ còn trọi một mình phải cưỡi trâu cày lội qua sông lánh nạn, khi đến giữa sông trâu mệt quá bị chết đuối, ngài vu-vơ chìm nổi sắp đến cơ nguy, may lại có cá sấu nổi lên cứu vớt đưa vào tận bờ, nên mới thoát nạn.

Ấy hai lần nhờ cá sấu cứu-giá, nên ngài mới được hung-trung phùng-cát mà khôi-phục lại giang-sơn, mở ra bản-đồ Nam Bắc nhất-thống cho bản-triều ta nay.

Bể rộng tung-hoành tiếng liệt-oanh,
Vì dân Hàn Dũ tế nên vân.
Hai lần cứu-giá sông Đăng đó,
Cuộc Bắc Nam xưa một mối thành.

LỜI PHÊ

Vận nước chìm nổi, cá sấu kia còn biết cứu vớt, nữa là những người muốn ôm cánh phượng, vin vầy rồng, mắt trông thấy cuộc đời dâu bể, há lại chẳng nên lấy nghĩa ong kiến, đem công trâu ngựa mà báo-đáp lại sao?

(Còn nữa)

LÊ GIỤ

TUỔNG NGUYỄN-TRÃI[1]

III

HỒI THỨ IV

Nghi hồ-tướng trở về bến Giản,
Gặp Tiên-nương lại đến núi Lam.

1. — Cảnh rừng núi

Trải ra nói : — Ngán nỗi cho tôi bây giờ, nước làm vậy, nhà làm vậy, nào là bè-bạn rủ-rê, nào là thần-tiên trỏ-bảo, vậy cho nên một mình lận-đận, muôn dặm hiểm-nghèo, nằm sương gối đất cũng liều, miệng hổ hang beo chẳng ngại, khi thì ăn quả xim quả ngái, khi thời nằm bụi lách bụi lau, cha anh đâu vua lại đâu đâu, bao luận quân-thần phụ-tử, hà.

VĂN NAM :

Quân-thần phụ-tử,
Nặng đôi vai gánh chữ quân-thân.
Kim-lăng muôn dặm phong-trần,
Lam-sơn biết hội long-vân ngày nào.
Mịt-mù hầm cả non sâu,
Rồng nằm rắn quận ở đâu chốn này?

Hát rồi, trông lên núi nói : — Chà-chà! *Thanh-sơn giai-khí, uất-uất thông-thông, thử gian định hữu anh-hùng*, âu là ta tới tận nơi ngó thử, chẳng hà.

Vừa đi vừa ngâm rằng :

Trải mấy sương in với tuyết pha, thế mà,
Núi non đứng đó vẫn chưa già.
Ta,
Như nay nhờ gió đưa chân tới,
Hỏi chủ-trương ai ở đó mà.

(Ngâm rồi hạ)

---

(1) Xem N.P. số 88, 89.

Một tiều-phu ra nói : — Vô-danh vô-tước, chỉ hữu lưỡng kiên song cước, mỗ gọi chú tiều, khi lên đầu núi, lúc xuống chân đèo, hái củi cả sớm chiều hai buổi, bởi vậy cho nên :

Đôi vai một gánh gió trăng,
Non cao rừng rậm thung-thăng đợi chờ.
Được thua coi một cuộc cờ,
Đổi thay cán búa bao giờ ai hay.

Hát rồi trông lên núi nói : — Nào đi chặt củi, kẻo mặt trời gần xế rồi đây.

Trãi ra nói : — Chà-chà ! Ta đi mấy ngày đường nay, chỉ nghe những chim kêu vượn hót, bây giờ mới nghe thấy tiếng người. Ấy kìa ai trên núi kia ơi ! xin ra mặt cho tôi được hỏi.

Tiều-phu trông xuống nói : — Ừ ai dưới ấy, việc gì mà hỏi đến tôi, tôi đương bận, tôi chưa rồi nói chuyện.

Trãi nói : — Dám thưa bác, như tôi nay, sa chân lỡ bước, đường cùng chót lạc vào đây, gặp được nhau xin bảo cho hay, cho khỏi chốn sơn-cùng thủy-tận.

Tiều-phu nói : — Coi dáng thầy này ra khổ người đồng-bằng, khéo đi đâu mà vờ-vẩn tới đây, hỏi đường đất muốn thăm dò chi tá ? Tôi xưa nay không quen người lạ, tôi không biết vạch lối cho hươu, thầy tìm ra thầy chớ tìm vào, kẻo lầm chốn miệng hùm hang rắn.

Lại nói : — Thôi-thôi chẳng chuyện lôi-thôi, củi đã chặt rồi, ta gánh về mai bán.

(Nói rồi gánh củi hạ)

Trãi vừa đi vừa hát :

Chim bay bỗng chốc lạc đàn,
Tìm cây chưa thấy thấy ngàn rừng cây.
Nỗi lòng biết tỏ cùng ai ?
Nước non ngơ-ngẩn gặp người ngẩn-ngơ.

(Hát rồi hạ)

Một người liệp-hộ đeo cung tên ra nói : — Như tôi nay, vui thú sơn-lâm, vốn nhà liệp-hộ, cũng có lúc vào rừng bắn hổ, cũng có khi lên núi săn hươu, giương cung lên vượn thấy kêu gào, buông tên ra nhạn bay rơi xuống.

Lại nói : — Như nay, đương lúc gió quang mây tĩnh, núi lặng rừng êm, âu là ta đi tìm muông thú muông chim, kiếm một cái chi-chi về làm đồ hạ-tửu, chăng hà.

Ngâm rằng :

彎角弓兮如滿月。

Loan giác cung hề như mãn-nguyệt,

發羽箭兮若流星。

Phát vũ tiễn hề nhược lưu-tinh.

虎豹潛匿兮猿　哀鳴。

Hổ báo tiềm nặc hề viên chửu ai minh,

蹬蹬擺兮殺猩猩。

Ế phật-phật hề sát tinh-tinh.

直欲射天狼兮掃儀徐。

Trực dục xạ Thiên-lang hề tảo Xâm-thương !

(Hát rồi giương cung chực bắn)

Trãi ra nói : — Dám chào tráng-sĩ.

Liệp-nhân giật mình ngảnh lại nói : — Khách tòng hà-xứ, lai đáo thử-sơn, đi đâu mà hỏi-hỏi han-han chi tá ?

Trãi nói : — Dám thưa tráng-sĩ, như nay tơi-bời bốn bề, kẻ anh-hùng không chốn lánh mình, tôi nay là một kẻ thư-sinh, gặp đời loạn phải tìm nơi tị-loạn, may tới đây gặp người hảo-hán, xin bảo cho biết chốn dung-thân, nghĩa đồng-bào tứ-hải tị-lân, một lời nói cũng là ân thiên-cổ.

Liệp-nhân nói : — Chà ! trông dáng người ra khổ lo toan, hai con mắt như có ý tìm-tòi chi chưa được ; ừ nhưng mà, thấy người lỡ bước, nghe nói động lòng, ở trong kia có một phú-ông, mở trang-trại lấy canh-nông tri-phú, âu chỉ cho vào mà tạm-trú, lánh khỏi cơn mưa gió xông-pha, khỏi núi này vào đó

không xa, thấy nhà cửa ấy là có chủ.

(Vừa nói vừa chỉ : Đi quanh sườn núi này, sang núi kia kia.)

Lại nói : — Thôi thôi, bảo đường cho rõ, để mỏ lên ngàn.

(Nói rồi hạ)

(Trãi hạ)

II. — Cảnh nhà nông trong núi

Bọn điền-tốt ra nói : — Anh em tôi điền-tốt, làm công cho ông chủ ở đây, ban ngày giở việc cày cày, tối về lại ăn no ngủ kĩ, thế nào là nhất nông nhì sĩ, anh em ta ai cày thì cày cho kĩ, ai cuốc thì cuốc cho sâu, ai chăn trâu thì chăn trâu, ai cắt cỏ thì cắt cỏ, còn người nào thì về xách rổ mang cơm, cơm vào dạ thì việc phải chăm, ông ta đã cắt, ai việc nào đi việc ấy, vậy anh em vừa làm vừa nghỉ, ta hát một câu làm ruộng chơi.

Cùng hát rằng :

Cày sâu cấy lúa cho thưa,
Giống không phải lúa thì bừa ngay đi.
Ruộng làm cũng phải đợi thì,
Tư-cơ đã có việc gì chẳng xong.
Được mùa ta cũng có công,
Bảo nhau hết sức giúp ông chủ nhà.
Trời cho mưa gió thuận-hòa,
Sẵn kho sẵn đụn giở ra ăn dần.

Trãi ra vừa đi vừa ngâm rằng :

羞念爲儒遂世難。

Thùy niệm vi nho phùng thế nạn,

行蹤無處不青山。

Hành-tung vô xứ bất thanh-sơn.

Đành lòng đâu có phàn-nàn,
Gặp ai ta sẽ bàn-hoàn cùng nhau.

Hát rồi, đứng nhìn phong-cảnh, nghĩ một lúc, lại nói một mình rằng : — Chà-chà ! Mừng mới là mừng, sợ đà khỏi sợ, nhờ bữa nọ Tiên-hương-thần-nữ, trỏ bảo phân-minh, hễ thấy đâu thả mục thả canh, ấy là người tích-cốc luyện binh ở đó ; như ta tới đây nhìn xem cho rõ, hẳn có người chân-chúa không sai, âu là ta tới điền-phu, hỏi một hai lời, cho biết nẻo tới nơi trại chúa, chăng hà.

Nói rồi đi đến điền-phu hỏi rằng :

— Các chú kia ơi ! Các chú kia ơi ! Hãy nghỉ tay tôi hỏi một lời, chớ các chú đây làm ruộng cho ai, ông chủ ở đâu, các chú bảo cho tôi vào làm công với chú ?

Một người điền-phu nói : — Cái gì, mà chú-chú với bác-bác, đi đâu mà ngơ-ngơ ngác-ngác đến đây, ở đây chỉ biết đi cày, chẳng ai đi học đâu mà chực vào dạy học.

Một người nữa nói : — Trông dáng thầy này lụng-thụng, quần dài áo rộng, chừng làm biếng mà chỉ chực ăn ngon, ở đây chân lấm tay bùn, chẳng ai chứa được những người dài lưng tốn vải.

Lại một người nữa sẽ bàn riêng với nhau rằng : — Trông dáng người này như giếng, miệng rộng như loa, tới mắt sâu đây hẳn có ý-tứ chi mà, chẳng bằng tính quách đi cho khỏi.

Một người nữa nói : — Chớ chớ, ông ta đây là người rộng-rãi, ai đến đây cũng đãi hẳn-hoi, trông người này chữ-nghĩa hẳn nói, âu là ta bảo vào họa ông ta dùng coi sổ-sách chăng.

Một người nói : — Ừ cũng phải.

Người ấy nói rồi, trông ông Trãi nói : — Á thầy kia, trông thầy là người tử-tế, hẳn sa-cơ thất-thế chi đây, ông tôi đây làm chủ chỗ này, kể thầy tớ cũng không có thiếu, ái-ngại thầy tay mềm chân yếu, lại gặp cơn lạc nẻo gian-truân, nhà ông tôi vào đó cũng gần, bảo tìm cho tới để dung-thân ngày tháng.

Trãi nói : — Giã ơn các chú, các chú đã trỏ, tôi biết chỗ tôi vào.

(Nói rồi hạ, điền-tốt hạ.)

III. — Cảnh nhà ông Lê Lợi ở bên núi

Trãi ra đi hát rằng :

Biết đâu cho hết được trời,
Còn non còn nước còn người chủ-trương.

Chợt trông thấy nhà ông Lê Lợi nói rằng : — Chà chà ! Qui-mô quảng-đại, khí-tượng vạn thiên, ở lâm-tuyền mà cách khác lâm-tuyền, cảnh ẩn-dật không ra người ẩn-dật.

Lại nói : — Thực phải rồi, thực phải rồi, thế mới bõ công mình tìm-tòi lận-đận, âu là ta giả làm ngơ-ngẩn, vào tận nơi cho tường-tận xem sao.

(Nói rồi ngơ-ngẩn, vừa đi vừa nghe, ở ngoài cửa.)

(Lê Lợi cùng hai đứa gia-đình ra.)

Lê Lợi gọi rằng : — Nào gia-đình đâu?

(Gia-đình dạ.)

Lê Lợi nói : — Chứ chúng con, ruộng-nương cày cấy sao, trâu bò chăn dắt nơi nao, kho tàng thóc lúa ra vào, mỗi việc phải cắt nhau ra mà trông coi cho cẩn-thận, nghe !

Gia-đình nói : — Dám trình tôn-chủ, như chúng con nay, nghĩa làm thầy tớ, tình vì cha con, đạo kính thờ vững dạ sắt son, việc coi-sóc bền gan vàng đá, lệnh ông đã hạ, phận làm tôi đâu dám hững-hờ, anh em xin cắt nhau đâu đã có đấy.

Lê Lợi lại nói : — À chúng con, vừa rồi liếc mắt, như có tên nào, đứng vẩn-vơ ngoài cửa trông vào, con ra ngó xem, rồi nhủ nó vô ta hỏi, nghe.

Gia-đình dạ, ra trông Trãi hỏi rằng : — Kỳ-quái kỳ-quái, chú này trông lạ mặt thế này, ở đâu mà dám tới đây dò-dẫm, chốn này nghiêm-cấm, sao dám xông-pha, chú đi mau vào tới trong nhà, để ngài tôi ra hỏi.

Nói rồi cầm tay ông Trãi lôi vào nhà nói : — Đi mau, đi mau.

(Trãi vào qui trước Lê Lợi làm cách sợ)

Lê Lợi trông Trãi hỏi rằng : — Chứ như ngươi, ngươi ở đâu mà ngươi mới tới đây, ai bảo cho ngươi tới nước non này, có việc chi ngươi phân ta hiểu.

Trãi nói : — Trăm lạy tôn-chủ, như tôi nay thư-sinh thất-lộ, tên gọi Nguyễn Vi, nhà Bắc-thành gặp bước lưu-ly, sách khôn nấu cho nên phải bôn-y tầu-thực, nghe người đây khoan-nhân đại-đức, vậy tìm vào hiệu-lực dung-thân, xin thương cho chút phận phong-trần, qua đặng buổi gian-truân là cậy.

Lê Lợi nói : — Như ta nay, Lê mỗ, chủ thử Lam-sơn, lòng những mong trăm họ được yên, tay muốn dựng muôn năm nên nghiệp, đem nghìn dặm giang-sơn thu-xếp, hợp một nhà thần-thiếp vui-vầy, như nay đương chăm việc cấy-cày, ai tới đó ta cũng tùy-tài dụng-sử, coi nhà ngươi, cũng ra người độc-thư thức-tự, đã tới đây cho ở lại đây, việc bạ-thư giao phó một tay, coi sổ-sách cho làm thư-ký, nghe.

Trãi dạ nói : — Dám xin vâng mệnh.

Lê Lợi nói : — À gia-đình, ta đã phân-phó, cho đưa thư-ký, vào chốn thư-phòng, sổ ra vào đăng-ký ngày thường, phải chăm đó chớ đường biếng trễ, ta đây vào nghỉ, con phải y lời.

(Gia-đình dạ)

(Lê Lợi ha)

Gia-đình Giáp nói : — Thầy ký kia ơi ! thầy ký kia ơi ! thầy mới tới đây, mà thầy lại được làm việc nhẹ, ở phải cho tử-tế, thầy chớ ngồi tựa bàn tựa ghế mà chơi, tôi lại nhủ thầy cặn-kẽ một lời, chớ lếu-láo mà đi đời nhà ký.

Ất nói : — Thầy ký kia ơi ! ký ở đây phải ký hẳn ký hoi, đừng có như các thầy làng tôi, mà gọi là ký-cách.

Giáp nói : — Thế nào là ký-cách ?

Ất nói : — Anh không biết, năm xưa trời làm lụt, bọn lếu làng tôi, rủ nhau đi chặt trộm tre, nhà chủ ở trong nhà nghe thấy tiếng, mới hỏi những đứa nào ký-cách ngoài ấy, chả phải ký-cách là gì.

Giáp nói : — Đó là bọn ăn trộm, sao lại gọi là thầy ký.

Ất nói : — Thế tôi quên quách rồi, làng tôi có một người làm ký nhà bò, người ta gọi là thầy ký bò, ngày ăn cắp thịt đánh no, bán thịt lại luồn xu đút túi, chủ biết chủ hỏi, đánh trận đòn mê, đá đít đuổi về, mất sở làm mới gọi là thầy ký-cách.

Giáp nói : — Thôi ngài đã dạy xin mời thư-ký vào nghỉ thư-phong, anh em ta cứ giữ việc thường, chăm coi-sóc kẻo ngài ra ngài quở.

(Rồi cùng hạ.)

Trãi vào rồi lại quanh ra hát rằng :

— Tưởng chừng lỡ bước,
Nào ngờ lại được tới đây.
Chim rừng tìm đã thấy cây,
Vũ lông rẽ cánh đợi ngày bay cao.

(Hát rồi hạ)

IV. — Cảnh bàn thờ nhà ông Lê Lợi

Lê Lợi ra nói : — Nhớ ngày kỵ-nhật, áy- náy bên lòng, gia-đình đâu sửa lễ mau xong, cho ta cáo tiên-công cho phải.

(Gia-đình dạ, hai, ba người đem đồ lễ đặt lên bàn thờ.)

Lê Lợi quì khấn rằng :

追念生成。事死如生。

Truy niệm sinh thành, sự tử như sinh,

如聞其聲。如見其形。

Như văn kỳ thanh, như kiến kỳ hình.

歲月流易。感不勝情。

Tuế-nguyệt lưu dịch, cảm bất thắng tình.

燕山凄愴。來享微誠。

Huân cao thê thảng, lai hưởng vi-thành.

(Khấn rồi ra ngồi, gia-đình đem lễ xuống, Lê Lợi làm cách ăn uống thô-tục, Trãi ra đứng trông làm cách bất-bình, trở vào.)

Lê Lợi ăn rồi, gọi gia-đình nói : — Nay là ngày huý-nhật, gần xa có ai đến đó, chúng con phải khoản-đãi như nghi, nghe.

(Gia-đình dạ, Lê Lợi hạ.)

Phụ-lão 2, 3 người đem đồ lễ vào, trông gia-đình nói : — Nay nhớ ngày tôn-húy, chúng tôi xin vào dâng lễ tiên-công, chú trình vào cho tới nhà trong, cho đặng tỏ tấm lòng dân-sự.

Gia-đình nói : — Ừ, như các lão đã tới đây, trước là lễ tổ, sau ăn cỗ sẽ về, đồ lễ những gì, ngài đã dạy giao cho thầy ký.

(Nói rồi đem cỗ cho phụ-lão ăn, phụ-lão bảo nhau ăn cỗ.)

Trãi ra, gia-đình trông Trãi nói : — Đó đồ lễ người ta đem đến đây, này tiền bạc, này vàng hương, này giầu cau, này sáp nến, ngày nay những thứ chi-chi, thầy vào sổ biên ghi cho rõ.

Trãi nói : — Chú thu cho đủ, tôi đây biên rõ mọi đồ.

Phụ-lão ăn xong, xin về nói : — Xin chào thầy ký, chào các bác gia-nhân, chúng tôi thôn-dã tình-chân, no say rồi, tôi xin cáo-thoái.

(Nói rồi hạ)

Gia-nhân bảo nhau rằng : — Bây giờ công-việc xong rồi, ta dọn-dẹp ta lui vào nghỉ, chăng.

Nói rồi dọn bàn thờ vào, chỉ còn ông Trãi ở lại, làm cách buồn đi hát rằng :

Nghĩ mình mỏ-mịt mơ-màng,
Thấy thau mà ngỡ rằng vàng chất-chiu.
Lầm này kể biết bao nhiêu,
Lấy đâu đủ sắt đúc theo cái lầm.

Hát rồi nói : — Thôi ta lầm quách, lầm quách! Có vỏ mà không có ruột, thôi tại ta cũng là thằng-thốt, chớt nghe thần lại chớt nghe tiên, người đâu thấy những lực-điền, thô-lỗ vậy làm nên sao đặng, hoài công trải mấy phen mưa nắng; bây giờ lại lẳng-đẳng ra về, hay cơ trời chưa đến lúc bình-thì, âu đành vậy để chờ khi bĩ-cực.

(Nói rồi hạ)

V. — Cảnh bến Giáp

Trãi ra đi nói : — Ấy mới thực là

vơ-vẩn vẩn-vơ, nào là Ông-Trọng ở đâu, nào là Tiên-Dung ở đâu, bà Liễu-Hạnh ở đâu, có biết mình đi lận-đận thế này không, nói dối nhau chi cho quá khổ lắm vậy, mình đã vậy, còn như bác Trần Hãn, không biết rằng có thấy gì không. Cha-cha ôi là khổ!

Nói rồi hát rằng :

Loanh-quanh thấy những sông cùng [núi.
Núi sông hỡi? Tôi hỏi một lời.
Núi sông có biết truyện đời,
Gặp nhau xin bảo nhau chơi một điều.

Lại nói : — Ừ đây là bến đò Gián đây, bên kia là núi Địch-lộng đó, ừ như lối này cũng tiện đường về Sơn-nam hạ-trấn, âu là ta qua Tiên-hương hỏi lại bà thần-nữ xem sao, trông lên ngọn núi cao-cao, mặt trời đã gác chừng bóng núi, âu là ta nghỉ đây một tối, đến sớm mai ta sẽ qua đò.

Nói rồi hỏi nhà hàng cơm rằng : — Chứ bác hàng ơi, bác hàng, nhà còn rộng cho tôi vào nghỉ?

Hàng cơm nói : — Ơ ai hỏi đó, tôi đây mở hàng chứa trọ, đón khách qua đường, trong nhà ngoài cửa thênh-thang, thiệt là rộng, nhưng không chỗ ngủ.

Lại nói : — Nói thế nhưng mà nhà tôi đây, nồi đồng củi nổ, chiếu nhỏ giường cao, cầu ao sau nhà, đàn-bà sắp chân, đồ ăn thiệt sạch - sẽ tiêm-tân, nhưng khách một thời tôi không chứa.

Trãi nói : — Ấy cái bác này mới là dỡ chứ, thế xưa nay bác chỉ chứa rặt những khách hai người à?

Nhà hàng cơm nói : — Thế thì thầy không biết, buổi này có chứa hai người một, thì mới được lắm tiền, thầy nhà quê thầy chưa biết chốn tỉnh-thành, thầy không thấy những phòng « sãm » Hà-nội, à?

Lại nói : — Nói thế nhưng mà, thương người viễn-khách, gặp bước đường xa thôi mời thầy vào nghỉ trong nhà, kẻo nữa chồn chân mỏi gối.

Trãi nói : — Giã ơn lòng bác, được chốn chứa chân.

(Nói rồi vào nhà nghỉ, hạ)

. . .

Hai người Tàu (Minh) ra trỏ lên trời xem thiên-văn.

Một người nói : — Tướng-tinh hiện, tướng-tinh hiện!

(Trãi ra sẽ nghe.)

Một người Minh nói : — Như - hà, như-hà?

Người trước nói : — Hồ-tướng thô-ác, đa-sát đa-sát.

(Nói roi hai người Minh hạ)

Trãi nghe người Minh nói nghỉ-ngơi đi ra, đứng ở bên sông, nói một mình rằng :

— Rõ-ràng mắt thấy, chẳng phải chiêm-bao, tưởng những người tính-cách thô-hào, coi ra dáng phú-ông là phải, nhưng vừa rồi nghe nói, lòng lại hồ-nghi, biết trở về hay lại tìm đi, ấy mới thực khó cả đôi đường tiến-thoái, như bây giờ biết gặp ai mà hỏi, luống ngẩn-ngơ bối-rối bên lòng, *ngẩn-ngơ bối-rối bên lòng, một mình thơ-thẩn bên sông canh chầy*, ừ thôi thì đành dạ mà thôi.

(Nói rồi đứng lặng rồng lên núi.)

Liễu - Hạnh hiện hình trên núi hát rằng :

Kia ai khao-khát mây rồng,
Sao chưa chưa thỏa tấm lòng ngày xưa.
Rồng bay còn đợi mây mưa,
Cá vừa gặp nước lại vừa lặn ra.

Trãi nghe tiếng rồi nói : — Ấy tiếng ai văng-vẳng trên non, lúc canh khuya giọng hát véo-von, một là thần-tiên, hai là hồ-quỉ, có thiêng chăng thần - linh hiện-thị, bảo cho tôi hành-chỉ cho rành.

kẻo một mình lại nghĩ một mình, quyết sao đặng đôi đường lui tới, hà.

Liễu - Hạnh hiện - hình trông Trãi cười nói : — Á có phải Nguyễn Trãi đó hỡ em? Em đi đâu mà đường xá một mình, đứng thơ-thẩn lúc thâm-canh viễn-lộ, hở em?

Trãi nửa mừng nửa sợ nói : — Chà-chà! chị chị với em em, có phải ma khôn hay lại là ma dại đấy hở?

Liễu-Hạnh nói : — Này này em, có phải ma dại, đã chẳng trỏ đường cho em tới tận nơi, em hỡi.

Trãi nói : — Ái chà - chà! ối chị ơi là chị ơi! thực phải chị đấy ư, sao chị nói dối em như thế mà thôi, chị làm cho em lội nước lặn ngòi, không biết vượt bao nhiêu là rừng, trèo bao nhiêu là núi, chị ơi! Chị có cái gì đền em hay không, em thực mất lắm công về chị.

Liễu-Hạnh nói : — Thế như em đã đến chỗ chị trỏ hay chưa?

Trãi nói : — Đã, chị nhủ em vào cái chỗ thả-mục thả-canh chứ gì, em đã tìm tới, nhưng mà em chán lắm, em lại trở về đây.

Liễu-Hạnh nói : — Chứ em thấy làm sao, mà em vội bỏ?

Trãi nói : — Có thấy...

Liễu-Hạnh nói : — Em thấy sao?

Trãi nói : — Em thấy ruộng-nương vườn-tược rộng, nhà cửa trang-trại to, giống người thời ít, lắm giống trâu bò, còn thóc lúa không biết mấy mươi kho mà kể.

Liễu-Hạnh nói : — Thế em có thấy ông chủ không?

Trãi nói : — Có thấy, thấy ông chủ thật là ghê-gớm.

Liễu-Hạnh nói : — Ông chủ sao?

Trãi nói : — Ông chủ rõ ra dáng nhà giàu, tai to miệng rộng, ăn rồi phệ bụng ra ngồi, ngày hôm nọ tôi đứng tôi coi, thấy vừa bốc vừa ăn, một chốc hết đó năm cân thịt, thế chị tưởng em có chán hay không?

Liễu-Hạnh nói : — Á em, đó thực là oai hổ, đương lúc tiềm-long, kẻ anh-hùng mới biết anh-hùng, hai mắt em thế, sao em không có biết, này chị nhủ, muốn hữu-vi thì nên chiết-tiết, chớ vội-vàng nữa thiệt công đi, âu là em lộn lại một khi, chị nghe người sắp tới kỳ cử-động đó mà, em nghe.

Trãi nói : — Chà-chà! chị lại nói dối em lần nữa chăng? Thực thế thì chị phải đi cùng em mới đặng.

(Nói rồi dắt áo bà Liễu-Hạnh lôi đi.)

Liễu-Hạnh nói : — Sao em vô-lễ làm vậy?

Trãi nói : — Em dám đâu vô-lễ, tại chị bảo ông ấy là hổ, em đi một mình em sợ, cho nên em muốn cả chị đi đó mà.

Liễu-Hạnh nói : — Ừ, thế cho em đi trước, để chị đi sau.

(Trãi đi trước, Liễu-Hạnh đi sau, rồi Liễu-Hạnh biến, hạ)

Trãi đi vài bước, ngảnh lại không thấy Liễu-Hạnh, kinh-ngạc nói : — Quái quái! chiêm - bao đâu mà lẩn-quất bên mình, có phải thần-tiên, cũng công đâu mà bảo mãi làm vậy, vả nghe nói tướng-tinh đã thấy, hợp như lời hồ-tướng giáng-sinh, âu là ta lộn lại cho đành, coi tường-tận kẻo còn nghi-tự.

Trãi nói : — Như bây giờ, tiếng gà đã gáy, bóng thỏ hầu tàn, mảnh chinh-y vừa đặm giọt sương, đường lai-lộ lại e hơi nắng, âu là ta giã chủ-nhân ta gắng lên đường, chàng hà.

(Hạ)

VI. — Cảnh nhà ông Lê Lợi ở Lam-sơn

Trãi ra nói : — Quá ngán nỗi! đường xa đặm thẳm, bỗng dưng mà đi đi lại lại một mình, khi đêm khuya, khi quãng

vắng, lúc tàn canh, bởi đâu mà tính quẩn lo quanh cho mệt, hà.

HÁT NAM :

Tính quẩn lo quanh cho mệt,
Biết cùng ai ai biết cùng ta.
Chung quanh vẫn nước non nhà,
Gió bay cát bụi hóa ra lạ-lùng.

Lại nói : — Cỏ cây quen mặt, đường đất vui chân, nhà chủ-ông coi đã gần-gần, âu ta lại tới nơi trình diện.

Trãi đến cửa Lê Lợi đứng trông vào. Gia-đình ra thấy Trãi nói : — A thầy ký kia, thầy đi đâu từ hôm nọ đến giờ, tưởng thầy mảng, đã toan trình ông cò đi bắt, đi đâu thì về mà thú thực, kẻo nữa mà gần đất xa trời, thầy vào đây, tôi phải trình ngài, ngài có hỏi liệu đường mà nói.

(Nói rồi một người đắt tay ông Trãi, một người nói : Để tôi vào bẩm ngài. — Hạ)

(Lê Lợi ra ngồi).

(Trãi quỳ).

Lê Lợi nói : — Thầy ký.

(Trãi dạ)

— Chứ như việc giấy mực ta đã giao-phó, cớ làm sao ngươi bỏ ngươi đi, hay nhà ngươi có ý-tứ chi-chi, nói thủy-chung cho mỗ tường bản-mạt.

Trãi nói : — Trăm lạy tôn-chủ, như tôi từ khi vâng mệnh, giữ việc văn-thư, sổ tiền lương xuất-nhập thừa-trừ, chi-dụng độ hoặc dư hoặc khiếm, cứ sổ sách tôi xin biên-kiểm, giữ việc thường chẳng dám đơn-sai, gặp bữa kia êm-ả chiều trời, tôi lẻn bước ra chơi núi nọ, phải lúc ấy vui lòng quá-bộ, lạc vào rừng chẳng tỏ nẻo ra, bây giờ vừa tìm được tới nhà, trăm chịu lỗi nhờ lượng trên soi xét.

Lê Lợi nói : — Đó cũng là nhân khi thong-thả, quá bước đi chơi, nghe nói lời xem cũng phải lời, đà biết lỗi trở về nhận lỗi, âu là cũng khoan cho không hỏi, thôi cho vào sớm tối việc thường, nghe.

(Trãi dạ, theo Lê Lợi vào, gia-đình vào),

. . .

Lê Thụ ra nói : — Như ta nay, nương mình ngân quế, cũng một cảnh lẻ, thú sơn-lâm quen nẻo đi về, tình tang-tử thường khi trò-truyện ; chứ như nay, vụ nhàn tuế án, vừa lúc sơ-đông, mai trên ngàn thấp-thoáng một hai bông, sen dưới nước lơ-thơ giãm bảy lá, được ngày thong-thả, dạo cảnh sơn-trang, mừng được mùa thóc lúa thu tàng, âu ta tới thăm ông điền-chủ chơi, chăng hà.

Đi hát rằng :

Bông mai thấp-thoáng trên ngàn,
Dưới khe mấy lá sen tàn phất-phơ.
Trời đông cây cỏ ngẩn-ngơ,
Hoa xuân còn hãy đợi chờ gió xuân.

Lại nói : — Thanh-sơn phủ tích tuyết, nghi thị ngọc long phi 青山浮積雪。疑是玉龍飛。 cửa sơn-trang coi đã gần kề, âu ta hướng môn-tiền nhất-vấn, chăng à.

Gõ cửa gọi nói : — Chú nào trong ấy, trình với chủ-ông, ngày nay được buổi thong-dong, có Lê Mỗ qua chơi nhàn-thoại.

Gia-đình ra mở cửa nói : — Tạm-thỉnh tiên-sinh đình-bộ, xin vào thông-báo chủ-ông.

(Gia-đình hạ)

Lê Lợi ra nói : — Gia-đình đâu, thỉnh quí-khách vào chơi tương-thoại.

Gia-đình ra đón Lê Thụ nói : — Xin mời tiên-sinh vào.

Thụ vào nói : — Xin chào quí-chủ.

Lê Lợi nói : — Thỉnh tiên-sinh an-tọa.

Thụ ngồi, Lê Lợi nói : — Đương khi sương-tuyết lạnh-lùng làm vậy, mà tiên-sinh thừa-hứng qua đây, mới thực là : *tuyết mãn sơn-trung cao-sĩ ngọa, phong hàn lâm hạ hữu-nhân lai,* 雪滿山中高士臥，風寒林下友人來。 lạc thậm lạc thậm, gia-đình đâu, ôn-tửu tiêu-hàn đây.

(Gia-đình dạ, bưng rượu lại. Thụ với Lê Lợi cùng uống.)

Lê Lợi nói : — Như tiên-sinh qua chơi đây, đương lúc phong-hàn tuyết-lãnh, xin nghỉ đây dạ-tĩnh đàm-tâm, chăng à.

Thụ nói : — Dám xin thừa-giáo.

Lê Lợi nói : — Gia-đình đâu, sửa chốn tĩnh-phòng, cho ta đặng với tiên-sinh nhàn-thoại.

(Gia-đình dạ, hạ. Trãi ra nghe trộm rồi hạ)

Gia-đình ra nói : — Dám gửi tĩnh-phòng đã sửa, thỉnh nhị-vị thong-dong.

(Lê Lợi cùng Thụ và gia-đình hạ)

VII. – Cảnh nhà gác trong rừng

(Lê Lợi cùng Thụ đi lên gác, Trãi theo phục ở dưới, nghe chuyện.) Thụ giang tay làm cách bỏ con toán tính rằng : — Năm nay chửa hợp. — Lê Lợi hỏi rằng : — Thế nào ? — Thụ nói : — Đến năm này mới hợp. — Lại giang tay nói : — Đến bấy giờ là vừa mười năm nữa. — Lê Lợi nói to lên rằng : — Chà ! mười năm nữa, thì mình già, dân hết, mình đã chết, dân cũng chẳng còn.

Trãi ở dưới nghe thấy Lê Lợi nói to mới trèo lên nhà gác, Lê Lợi thấy Trãi lên, giật mình, rồi vỗ gươm toan chém.

Trãi nói : — Trăm lạy chúa-công, cho con nói một lời, rồi con xin chịu tội.

Lê Lợi nói : — Cho nói mau.

Trãi nói : — Trăm lạy chúa-công, như tôi nay : thực tên Nguyễn Trãi, Trần Thái-học-sinh, vì giặc Ngô bắt mất cha anh, lại đồ-độc sinh-linh làm vậy, chỉ những rắp trồng tre nên gậy, chưa gặp người đúc sắt làm rùi, nhớ cha anh ngày tháng ngậm-ngùi, nghĩ đất nước ngược xuôi chẳng quản, nghe chúa-công chỉ bình họa-loạn, vậy tìm vào theo ngựa cầm roi, chờ kinh-luân gặp lúc vân-lôi, chửa cơ-hội cho nên hãy nương mình chờ đợi, nay cơ trời đã tới, thấy mưu thần vừa lại hợp mưu, vậy quyết liều lần bóng đi theo, dám xin hiến thốn-tri một chút.

Lê Lợi nói : — Ừ, đã là Trần Thái-học-sinh, hẳn là người học-vấn thông-minh, vừa rồi bàn *Thái-ất thần-kinh*, ngươi có biết ngươi tính ra thì ta tha tội.

Trãi nói : — Dám gửi đó là : *cửu-thiên thái-thượng, định-vận thiên-cơ*, vừa rồi nghe số thừa-trừ, lầm một toán, hạ-thần xin toán lại.

Lê Lợi nói : — Thư-ký giỏi, thư-ký giỏi, ừ đã biết thì ngươi phải nói, cho ngồi lên, tính lại cho mình.

Trãi ngồi, giơ tay tính nói rằng : — Phép toán này có hành-niên hành-nguyệt, hễ sai thì tháng hóa ra năm, mới rồi bỏ tính e lầm, chậm mười năm là sai mười tháng đó, dám thưa.

Lê Lợi nói : — Thực rồi, thực rồi, thế mới hay rằng hữu nhõn bất-thức Thái-sơn, từ rầy cho dự việc luận bàn, tài thao-lược trước phải tận kỳ đề-nẫu, như giờ trăng tà sao lặn, hãy lui chân về chốn thư-phòng, để nay mai bộ-ngũ sẵn-sàng, việc binh-cơ hãy giao cho huấn-luyện, nghe.

(Trãi dạ, hạ. Lê Lợi và Thụ hạ)

(Còn nữa)

DƯ-LUẬN VỀ THANH-NIÊN

I

Một cảnh đáng buồn cho bọn thiếu-niên.

Cảnh đáng buồn này, không phải của bậc thiếu-niên còn đi học, trí-não đương mở-mang hăm-hở về hậu-lai ; cái buồn này là buồn cho những bậc đã ra đời, đã có chức-phận, đã gọi là ông nọ, quan kia, nói tóm lại đã « đi làm các sở ». Chắc những bậc trung-lưu hay là thượng-lưu của xã-hội ta này, lúc ở nhà trường ra, thì cũng lăm-lăm những xây lâu-đài ở mấy tầng không-khí, nhưng khi đã « nhập-tịch » rồi thì cũng như trăm nghìn người đã bước trước mình, mà cũng theo đuổi cái đời lửng-lơ nhạt-nhẽo, « sớm vác ô đi, tối vác về » mà thôi.

Thật vậy, thử ngắm một « quan » nào đó, lấy cái vẻ lên xe xuống ngựa, nhà rộng cửa cao, đến sở thì kẻ thưa người bẩm, đối với quốc-dân tưởng cũng đã vẻ-vang rồi ; nhưng thử xét kỹ sự-nghiệp đối với đời, đối với giang-sơn Cổ-Việt, đã có gì chưa ? Thứ nhất so với thiếu-niên nước khác thì lại một trời một vực. Mà không có gì thật : ngày hai buổi ở « sở » về, bỏ cái khăn hay cái mũ ra, ăn bữa cơm, đánh giấc ngủ, thế là hết ngày. Tối đến thì chơi với con, chuyện với vợ, bình-phẩm bà nọ ông kia mới mua được họ, mới tậu được nhà, hoặc là bảo-ban thằng nhỏ con đòi, đánh đôi đèn, lau bộ đỉnh, dán lại mấy bức tranh ; ông nào có chim họa-mi, có núi non-bộ thì ve-vuốt, tỉ-mỉ. . . Ấy là những ông vui cảnh gia-đình, còn ông nào không thích cảnh nhà thì lại đi tìm giăm bảy anh em chơi một cuộc tổ-tôm hay bài bạt (1), một hai giờ sáng mới về, hôm sau lại thế, hết ngày nọ đến ngày kia, rầy lần mai lữa, mà cả đời cũng như một ngày thôi. Cái đời nhạt-nhẽo lửng-lơ, trôi hoài như nước dưới cầu, mình sống mà không ai biết có sống, ở cõi đời mà không có dấu-vết trên đời, không có một chút gì làm mô-mốc mà đánh dấu lấy tháng ngày, nên cứ phàn-nàn là đời ngắn-ngủi. Đời như thế có nhạt không ? có đáng buồn không ? Nếu bao nhiêu thiếu-niên của nước nhà cũng lờ-mờ nhân-ảnh như vậy, mà đời nọ kế đời kia cũng thế cả, thì rồi sẽ ra làm sao ? Ngoài những cuộc cờ-bài để cắt ngắn thì-giờ đi đó, có họp nhau mà bàn luận, thì phần nhiều là câu chuyện mua cười, hay là mấy lời chế-bác gièm-pha đằng nọ với phái kia trong một trường hay một sở. Có bàn xa ra một chút, thì phần nhiều là nghe : việc tăng-lương, việc khiển-trách, ông nọ mới được Hàn-lâm, ông kia có giấy tưởng-lục, hay là quan Chánh sắp về Tây, quan Đốc sắp đi khám, v.v..., nghĩa là câu chuyện tầm-thường, nói để mà nói, nói cho khỏi ngồi im, kẻo lúc gặp nhau nhạt-nhẽo. Còn những chuyện long trời lở đất ở trong nước hay ở lân-bang, những tình-thế thịnh-suy ở ngoại-quốc, của dân-tộc đồng hội đồng thuyền, thì ta không hề biết đến. Có nhiều người nói : « Biết để làm gì ? Có làm được gì mà cần biết ? » Phải, ta chưa có ý-tưởng « biết để mà biết », học cho mở-mang trí khôn, cho sáng con mắt, cho thỏa cái óc minh ; ta hễ học không có cận-lợi là không học : đỗ xong được cái bằng « Thành-chung » hay « Cao-đẳng », thế

(1) Đây chỉ bàn về bậc thiếu-niên có học-thức, còn lương-tâm, yêu lẽ phải, mà cũng xu đuổi đời một cách đáng buồn, chứ không nói đến những bậc sa-đà cờ bạc hoặc say-mê tửu-sắc, lại là một phương-diện khác.

là đủ rồi ; bao nhiêu sách cho vào hòm cả ! Thôi thế là trung-tâm thế-giới, có nghĩ đâu đến cái bằng đó bất-quá là thứ giấy chứng-chỉ cho một cậu học-trò « ngoan », có một mớ học lề-lối nhà trường, để có thể nhờ đó mà mở rộng kiến-văn ra được. Còn muốn biết việc đời thay đổi, sô-sát hàng ngày, phải cần xem rộng, xem nhật-trình, xem tạp-chí, xem cổ - kim-thư ; không những xem ý-tưởng xếp ở trên tờ giấy mà cần phải xem cả quyển sách đời mở ra trước mắt nữa.

Ta không cần xem để biết đến những việc đó, tại ta cho là không cần mà nản chí. Ta nản chí là tại chưa nếm được cái thu-vị của ý - tưởng kia. Con ếch trong đáy giếng không cần ra đến ngoài, một là quen tính ở chỗ eo-hẹp, hai là tưởng ngoài cũng như chỗ nước bùn đáy giếng thôi. Gia biết được bầu trời còn rộng, nước non cây cỏ bao-la, cá lặn chim bay, vẫy-vùng đến tận cung mây rốn biển, thì ếch ta cũng cố tìm ra khỏi chỗ đáy hầm. Vì ở đời cái lòng sở-ước thường hay đi với trình-độ tư-tưởng kiến - thức : hễ trình - độ càng cao bao nhiêu thì cái sở-ước càng rộng bấy nhiêu. Con ếch ở trong đáy giếng tối mò, nhặt được một hạt cơm nguội của người gánh nước thả xuống, đã mãn-túc lắm rồi ; chứ chim hồng chim nhạn, bay tít cung mây, thì mấy hạt cơm rơi sao chịu xuống nhặt !

Đã không thích biết ý-tưởng của sách, ta lại ít được nhiều sách mà xem, ít được ngồi đông mà đàm-luận. Đại-khái như ở các tỉnh nhỏ, lắm lúc muốn xem các sách lạ thì khó lắm. Thứ nhất, ai muốn mon - men đến công việc khảo-cứu thì lại càng phải bó tay, vì không phải là những vật-liệu mà một người có thể mua đủ được. Thành ra cái chí muốn biết muốn học, cũng phải nhụt dần, rồi tiêu-tán mà trôi vào những cuộc tiêu-khiển hão. Cũng bởi cái chí nhụt ấy mà phỏng có hội nào bày ra thư-viện, hội-quán, thì đêm nào cũng chỉ thấy một ngọn đèn mờ, vài chồng sách ẩm, hai dẫy ghế bỏ không mà thôi, vì độc - giả đã không năng đến thì hội không đông, hội không đông thì sao đứng vững được, cho nên lâu dần cũng đến tiêu-tán như những trí-não của bậc thiếu-niên kia mà thôi.

Có người nói cuộc chơi phiếm vẫn lắm người ham hơn là ngồi bàn những vấn-đề kia với lý-tưởng nọ. Nhưng tưởng bình văn đọc sách cũng không phải là việc chán, chơi-bời phóng-phiếm chưa chắc đã là cuộc vui ; cái vui, cái chán ở lòng ta mà ra cả. Phàm những điều đam-mê, bất-cứ hay dở cũng giống nhau. Một người mê tửu-sắc, mê cờ-bạc với một người mê một quyển sách, một ý-tưởng, một tôn-chỉ, có khác gì ; hành-động của tâm-lý như nhau cả. Người mê quân bài có thể quên ăn, quên ngủ thì người mê quyển sách cũng có thể quên ngủ, quên ăn. Một anh chàng quá say cặp má-hồng mà quên cả nắng mưa sớm tối, ví với một ông mê toán-học quá đến nỗi trông cái xe ngựa sơn đen tưởng cái bảng treo ở tường cứ chạy theo mà viết tính, thì cũng không khác gì nhau, duy chỉ có cái kết-quả là hay hay dở ; ấy là luân-lý phân-biệt cuộc mê đắm, chứ tâm-lý không phân-biệt. Vậy thì cũng là mê cả. Nếu ta chịu khó lúc đầu mà tìm cái mê hay thì cuộc đời ta không đến hão-huyền mà có khi đem đổi cái mê nọ sang mê kia cũng được.

Có nhiều người nói ở đời cốt yên phận ; yên được phận là nhất rồi ; có đủ tiền nuôi vợ nuôi con là hạnh-phúc. Phải, lý-thuyết ấy ai cũng chịu, vì « dân dĩ thực vi tiên », mà « có thực mới vực được đạo ». Nhưng nếu bao nhiêu những trường lập ra, nào Cao-đẳng, Trung-đẳng, mà chỉ cốt đào-luyện lấy một bọn thiếu-niên Nam-Việt sau này kiếm đủ cho vợ con ăn, thì tưởng chẳng cần gì phải có trường Trung-đẳng Cao-đẳng-học nữa. Một người cày sâu cuốc

bẫm, không biết một chữ nào cũng đủ cho vợ con no ấm, vì cái sướng khổ ở đời bao giờ cũng tương-đối, chứ không thể tuyệt-đối được; và cái « học kiếm gạo » ngày nay cũng đã hết thời-kỳ rồi. Nếu bao nhiêu những cậu thiếu-niên mơn-mởn, tráng-kiện, thanh-tân, đương hớn-hở với sách đèn, với hi-vọng, mà đã dành sẵn cho một « bữa gạo » để nuôi vợ nuôi con thì cũng đáng tủi cho cái hồn Đại-Việt lắm nhỉ!

Khi người ta đã không có hi-vọng, không có mục-đích, chỉ cần lấy một chút yên thân thì dễ bị sai khiến lắm. Cũng như một cậu bé dễ chiều: nhà có việc rộn-rịp, cậu bé vòi thì người lớn cho một « tờ giấy bao hương » với một gói kẹo là cậu lấy làm hả. Giấy đẹp gián lên tường, kẹo bày ra « cúng cụ », thế là thủ-thỉ cả ngày, không khóc mà cũng không vòi nữa. Ấy là nhà bận công việc, chứ dù bán cả nhà đi thì cậu cũng bình-tâm, vì cái sở-ước của cậu là gói kẹo ngọt với tờ giấy xinh là đủ: cần gì phải biết đến nhà của bố mẹ hay nhà của ai!

Cảnh-tượng của cậu bé đó đối với cậu thì đã sướng lắm rồi. Song những người hơn tuổi, những người có kiến-thức trông xa ngẫm cậu thì chắc cũng buồn cho cậu, giá có muốn chiều lòng bố mẹ thì cũng khen cho cậu một tiếng « ngoan ».

Vậy muốn làm một cậu bé khó chiều, một cậu bé cứng cổ, không để cho phí hoài cái tuổi xanh vì một gói kẹo, thì phải có học-vấn kiến-thức, phải đủ tài-lược, phải có mục-đích ở đời, có tôn-chỉ riêng của một dân-tộc, để tránh cho khỏi nỗi buồn lơ-lửng trên kia.

Luận-giả viết bài này không có ý gì công-kích; nhân khi văn-phong vắng-vẻ, xem chuyện cổ-kim, xét thấy nhiều điều khuyết-điểm của mình và của bạn mà lo buồn, lo buồn mà chưa giải được buồn, nên đem bày tỏ ra, muốn nhờ bạn thiếu-niên giải hộ, bạn thiếu-niên tính sao?

Một thiếu-niên mới « nhập-tịch ».

S.-A.

II

Thanh-niên ta có ai biết buồn đâu!

Người ta ở đời, nếu không đem thân vào nơi khoái-lạc, thì ắt bước chân vào chốn sầu-bi, cái vui với cái buồn là hai điều phải đối nhau, người đã không ở chốn này thì sang chốn kia, đấy là lẽ tất-nhiên trong vòng thiên-diễn.

Từ xưa tới nay, không kể người nước nào xứ nào, ngôn-ngữ tuy không đồng, thói tục tuy có khác, nhưng cái vui cái buồn thì đâu đâu cũng thế. Con trẻ lên ba lên bốn, cho đến ông già sáu-mươi bảy-mươi, cũng vui vui buồn buồn, không ai ra khỏi cái phạm-vi ấy.

Nhưng xét ra thì sự vui sự buồn ở phường thanh-niên thường mãnh-liệt hơn; vì rằng lúc bấy giờ sức đương mạnh, tuổi vừa tuần, ví như ngành hoa buổi sáng, mùi hương còn ngao-ngát hơn, ví như mặt trăng đêm rằm, ánh sáng còn rực-rỡ hơn vậy. Nên chi ta thường thấy ở phường thanh-niên, người đã vui thì vui không chừng, người đã buồn thì buồn quá-độ, không mấy ai giữ mực tầm-thường cả.

Bọn thanh-niên ta bây giờ, cũng đương gián thân vào hai chỗ vui buồn ấy. Thanh-niên ta có buồn hay không? Họ buồn ra thế nào? Bấy lâu nay ta đã thường nghe các nhà bàn về vấn-đề ấy. Người thì hỏi « thanh-niên có nên buồn không?», người thì nói « bệnh buồn của bọn thanh-niên »; tôi thiết-nghĩ rằng ai bảo bọn thanh-niên ta buồn, là vì hiểu lầm mà chưa xét kỹ. Họ chỉ lấy nét mặt âu-sầu, giọng nói buồn-bã, mà cho làm buồn, họ chỉ nghe lời văn ai-oán, ngọn bút khóc-than, mà cho làm buồn, chứ chưa xét đến cái tâm-lý bọn thanh-niên ra thế nào, hành-vi bọn thanh-niên ra thế nào, mộng-tưởng bọn thanh-

niên ra thế nào, mà cho ngay làm buồn, không biết đó chỉ là cái buồn ngoài mà thôi. Như ta thường thấy các quan lớn hay mặc áo gấm, rồi bao nhiêu người mặc áo gấm cũng cho làm quan cả, thấy người bệnh lao hay ho, rồi nghe ai ho đôi tiếng cũng cho làm bị bệnh lao cả, không xét thử người mặc áo gấm có phẩm-hàm gì không, người hay ho đã bị vi-trùng ăn phổi chưa, mà cho ngay làm quan lớn, làm người bệnh ho lao được. Thiếu chi người trong lòng ngàn thảm muôn sầu, mà cũng nói nói cười cười, vui là vui gượng; lại thiếu chi người ngoài mặt ủ ủ rầu rầu, mà trong lòng nhiều điều tự đắc-ý, điều vui điều sướng, một mình mình biết một mình mình hay. Vậy nên xem nét mặt bọn thanh-niên, nghe lời nói bọn thanh-niên mà đoán cái vui buồn của bọn thanh-niên thì sai, xét cái tâm-lý, sự hành-vi của bọn thanh-niên mà đoán cái vui buồn bọn thanh-niên mới phải.

Vẫn có nhiều người nhân ở đời không được thích-chí, hoặc tủi nỗi nhà, hoặc thương nỗi nước, rồi hình-dung tiều-tụy, cái can-tràng sầu-thảm, xuất-hiện ra ngoài; ở các người ấy thì buồn ngoài là ảnh-hưởng cái buồn trong thật. Bọn thanh-niên ta có ai biết cái buồn ấy không ?

Gặp cái cảnh-ngộ nên buồn mà buồn, đã buồn thì sinh nghĩ, đã nghĩ thì lo sao cho làm được chí mình, vậy nên nhiều người nhân buồn mà lo kiếm cách chữa buồn, rồi ra dứt tay hay thuốc, đổi buồn làm vui; các người ấy nếu không làm được chí mình, thì dầu đến chết mà khối sầu vẫn mang xuống tuyền-đài mãi. Buồn như thế mới là buồn, mới gọi là biết buồn. Nếu bọn thanh-niên mình mà biết buồn, thì nước mình dân mình có hạnh-phúc biết chừng nào !

Đời xưa đã biết bao nhiêu người buồn.

Như ông Nã-pha-luân, khi phải đày ở đảo *Elbe*, nghĩ thân mình tài-lực không kém ai, kiến-thức lại hơn người, còn mong đánh đông dẹp bắc, nuốt cả toàn-Âu ai biết sa cơ ruổi đuổi ngựa, thất thế kiến tha bò, đem chí tang bồng, làm tù dị-vực; nghĩ đến lúc trên ngựa múa gươm, trước cờ đón dạn, anh-hùng biết chừng nào ! ra một lịnh có mấy vạn quân-sĩ vâng, nói một lời có mấy nước cường-bang sợ, oai-nghiêm biết chừng nào ! Mà bây giờ bốn bên trời nước, một đứa cô-tù, bể thảm ngàn sầu, nét buồn khôn tả; nên không thà mạo-hiểm mà kiếm một cái chết, chứ buồn đến nỗi thế, mặt nam-nhi nào chịu được đâu. Ông vẫn nghĩ đêm nghĩ ngày, lo kiếm cơ-mưu để gỡ cơn buồn, mới nhân một hôm trốn về nước Pháp, mở mặt với giang-sơn một lần thứ hai nữa.

Như vua Chiêu-thống đời Lê-mạt, gặp phải lúc nước đổ nhà tan, vua tôi đem nhau chạy sang Tàu mà cầu viện. Lúc ở nhà thì vinh-hoa phú-quí biết chừng nào ! Đất-đai mấy ngàn dặm, thị-nữ mấy trăm người, ngồi giữa miếu-đường, hưởng cái lạc-thú, đến thế tưởng cũng đã cực vậy. Mà nay dầm mưa dãi gió, mấy dặm quan-sơn, non sông mình đã về tay ai, cửa nhà mình đã về quyền ai; mình còn để thân đất khách, sống gửi thịt, thác gửi xương, chưa biết thế nào mà hẹn. Ôi chao ôi ! mảnh tình tử-lý, giọt lệ tha-hương, khóc càng hồ ngươi, cười ra nước mắt. Vậy nên đêm ngày vua tôi chỉ bàn định cùng nhau, than khóc cùng nhau, ngoài việc đuổi tan quân giặc, khôi-phục cơ-đồ, không có tư-tưởng gì khác nữa. Nhưng than ôi ! Một mình không quyền bạch-thủ, nếu không cậy sức người ngoài giúp-đỡ, thì khôn lẽ làm sao. Sau xin mãi mà Tàu không giúp quân, rồi vua tôi người thì tự-tử, người thì mang khối giận xuống hoàng-tuyền, cái buồn đến chết cũng không nguôi được.

Xưa tôi nhà Sở có ông Bao-Tư, lúc Sở mất nước, giang-sơn cố-chủ, đã làm

nơi mục-mã của Hồ-nhi, cái buồn của nước Sở là cái buồn của ông, cái giận của vua Sở là cái giận của ông; vì ông ơn vua lộc nước, trải bấy nhiêu năm, nếu không lo chữa cái buồn mình để mở mày mặt cho non sông, thì cái nợ nam-nhi, chưa trả hết được. Vậy nên ông sang nhà Tần xin cứu-viện, vua Tần đâu không thuận giúp, rồi ông dựa thẳng góc tường, khóc-lóc suốt bảy đêm ngày; ông cũng nghĩ rằng nước nhà gặp buổi truân-chiên, vua đã nhuốc thì tôi phải chết, vì buồn mà khóc, toan đem giọt lệ cố-thần dị-vực, mà báo-đáp cho non sông, không còn hi-vọng gì việc khôi-phục cơ-đồ nhà Sở nữa. May đâu vua thấy ông trung-nghĩa, mới động lòng kính yêu, rồi giúp quân lương cho ông. Về sau nhà Sở lấy lại được giang-sơn, công cái buồn của ông Bao-Tư thiệt là lớn-lao lắm.

Lại xem như nước ta có ông Nguyễn Trãi, há không đủ làm gương một cái buồn có giá-trị cho bọn thanh-niên ta ru? Lúc cuối đời nhà Hồ, cha ông Trãi là ông Phi-Khanh phải quân Tàu bắt về Tàu. Xót tình mẫu-mủ, nghĩ nghĩa sinh-thành, ông Trãi mới theo cha tới cửa Nam-quan, cũng toan sống thác với cha, cho trọn lòng hiếu-tử. Ông Phi-Khanh mới lấy lời đức mắng, bảo ông Trãi nên lo báo-thù cha rửa thẹn nước, chớ học cách nữ-nhi. Nghe lời cha, ông Trãi mới bái-biệt ra về. Nghĩ lúc bấy giờ mà thảm thay! nước nhà tan-nát, cha bắc con nam, bóng tang-du ngàn dặm quan-hà, sự sống thác toàn nhờ tay kẻ địch. Cảnh buồn đến thế, tưởng cũng không có buồn nào lớn hơn nữa. Ông mới vâng lời phụ-huấn, về lo báo-thù, đêm ngày những kiếm người đồng-chí, thao-luyện binh-thư, theo ngọn cờ Lam-sơn mà dấy nghĩa. Về sau giúp ông Lê-tổ đuổi được quân Tàu, lấy lại được cơ-nghiệp, ơn cha báo-đáp, nợ nước đền-bồi. Thế là nhân cái buồn mà gỡ được cái buồn, mua một cái vui cho nòi giống Lạc-Hồng hưởng chung, cho non sông Nam-Việt mở mặt. Buồn của các bậc anh-hùng hào-kiệt làm nên được công-danh sự-nghiệp lớn-lao như thế thì chẳ nên buồn lắm ru?

Cái buồn của bọn thanh-niên ta là về hạng buồn nào? Xét ra thì người vui nhiều hơn người buồn vậy. Ấy là vì cảnh-ngộ ta không phải cảnh-ngộ ông Nguyễn Trãi, địa-vị ta không phải địa-vị ông Bao-Tư hay sao? Sao mà người buồn lại ít như thế?

Phần nhiều thanh-niên chúng ta, thường cầm hai chữ khoái-lạc làm chủ-nghĩa, họ tự cho họ đã ở một nước đại-văn-minh, gặp một thời-đại thái-bình rồi. Cái vấn-đề đệ-nhất của họ là ăn cho ngon, mặc cho sang, chơi-nhởn cho thích chí, dẫ gián thân vào chốn ấy thì lại bao giờ buồn. Phường « Công-tử-bột » ngày nay lại nhiều lắm. Mặc bộ áo thì ngắm trước ngó sau, sao cho đúng «mốt», cái «cờ-ra-vát» chưa được thẳng, cái « phó-côn » không được trắng, là không bằng lòng. Lúc đi ra đường, ngó bộ thiệt là hớn-hở, miệng lầm-bầm vài câu thơ tây, tay cầm một con «ba-toong» tự-phụ là người thượng-lưu-xã-hội rồi! Trong bụng vẫn cũng có lo, nhưng cái lo đó chẳng qua là ngày sau làm ông Đốc, ông Tham, thì phải theo lối nào cho hợp cách văn-minh; khi ngồi trò-chuyện cùng nhau, thì những là bộ áo này đẹp, cô gái nọ xinh, toàn là giọng sướng giọng vui, không có giọng buồn nào.

Dầu ở nhà cha mẹ nghèo đói mặc lòng, miễn là thân mình được vinh-hoa phú-quí là đủ, vậy nên nào là vui-thú với mấy ả má đào, nào là tiêu-khiển với mấy con bài «bất», cách tiêu tiền thật là xa-xỉ, nếu có ai lấy điều nên lẽ phải mà khuyên nhủ, thì lại nói rằng: «Nhân sinh qui-thích chí, phú-quí hà vi!» Thường ta hay gặp nhiều ông cụ già hay là bà

cụ già phàn-nàn con về việc ấy. Nhiều cụ nói rằng : « Mình nuôi con những tưởng để nó dỡ-dần trong khi vãn-cảnh, ai biết nó chỉ vui chơi hoài. »

Nước hèn cũng mặc lòng, dân ngu cũng mặc lòng, các bậc « tân-học » hơi đâu mà lo những việc nhỏ-nhen như thế! Non sông buồn là cái buồn của non sông, chứ không can-hệ gì đến phường « tân-học »!

Như thế thì nghĩ bọn thanh-niên ta vui quá độ, chứ có buồn đâu ; vui mà quên cả gia-đình xã-hội, thì cái vui ấy tưởng cũng cực-điểm vậy.

Nói cho thật, xét cho hết, thì bọn thanh-niên ta cũng có đôi cái buồn thật : hoặc là khi trong đám tình phải cơn trắc-trở, hoặc là khi trong bể lợi gặp bước không may, rồi nào là giọng văn than-khóc, nào là nét mặt âu-sầu, không khác gì ông Câu Tiễn ở nước Ngô, ông Hạng Vũ ở Cai-hạ vậy. Nhưng cái buồn các ông có khó gì chữa đâu. Lấy thuốc tình mà chữa bệnh tình, thuốc lợi mà chữa bệnh lợi, thì chẳng bao lâu các ông lại bình-phục ngay.

Lại có một hạng người trong bụng vui-vẩy mà ngoài mặt ra ý buồn-bã, giọng nói ra cách thở-than. Trong lòng nuôi cái hi-vọng rằng : ngày sau mình làm ông nọ, ăn tiền lương cao, hỏi lấy vợ đẹp, ngoài ra lại nhiều thú vui nữa, để hưởng cái lạc-sự vô-cùng. Cái tâm-lý của các ông vui, cái hi-vọng của các ông vui, mà ngoài miệng chỉ nói rằng : « Mình sinh buổi bây giờ, dầu phú-quí cũng không lấy gì làm vinh-hạnh », chứ các ông không chịu lấy cái can-trảng thành-thực mà bộc-lộ cho người ta hay. Các ông chỉ lấy cái « khoái-lạc » xử mình, mà lấy cái « sầu-bi » đãi người, thành ra trong bụng một đường, ngoài mặt một nẻo, không có liên-lạc gì với nhau cả.

Nếu hạng người ấy mà cho là buồn thì không khác gì thấy người ho vài tiếng mà cho làm bệnh lao, bận áo gấm mà cho làm quan-lớn vậy.

Không những là họ không biết buồn, mà họ lại cho làm không nên buồn. Nếu thấy một vài người vì nhân-quần xã-hội mà buồn, thì họ lại cho làm người không biết tùy-thời.

Xem như thế thì cái « bệnh vui » của bọn thanh-niên ta nguy lắm ; nào ai có thuốc gì chữa được, thì nên kíp kíp, dơ tay tế-độ mà vớt người trầm-luân !

TÔN QUANG-PHIỆT
Sinh-viên trường Cao-đẳng Sư-phạm

LỜI KHUYÊN CON (1)

(Mấy bức thư của TĂNG VĂN-CHÍNH *viết cho các con)*

II

8. — Thư cho Kỷ-Trạch

Hôm mười-sáu thầy tiếp được cái thư và hai bài phú của con, thầy xem văn con độ này tiến-bộ nhiều, thầy mừng lắm.

Không cứ văn-nhân đời xưa hay văn-nhân đời nay, ai hạ-bút đặt câu cũng phải lấy bốn chữ « Châu-viên ngọc-nhuận » (tròn như hạt châu, nhuận như hòn ngọc) làm cốt. Không cứ lối chữ đời xưa

(1) Tiếp *N.-P.* số 89.

hay lối chữ đời nay, ai cầm bút tập cũng phải lấy bốn chữ « châu-viên ngọc nhuận » làm cốt. Vì thế nên trước kia thầy viết thư bảo con chỉ chuyên một chữ *trọng*, là để cứu cái khuyết-điểm của con, và một chữ *viên* là để mong cho con thành tài đấy.

Thế giặc ở tỉnh Giang tỉnh Triết núng lắm. Tỉnh Giang-tây chẳng mấy nổi nữa cũng nguy, hai tỉnh Hồ cũng nhiễu-loạn cả, thế quân tuy nguy thật, nhưng lòng thầy vẫn thản-nhiên, không có nghi-ngại gì cả. Con nên thưa với mẹ con cứ yên-tâm. Phàm người ta ai chẳng chết, chỉ cần làm sao cho lúc h íp-hối không có điều gì thẹn-thùng hối-hận, thế là thỏa. Nhà ta cũng cứ yên lặng, đừng có làm thêm nhà-cửa làm gì cho lắm.

9. — Thư cho Kỷ-Trạch

Thầy mới tiếp được cái thư con bẩm từ hôm hai-mươi-nhăm tháng một, còn hai cái viết ngày giằm và mười bảy thì chưa bắt được.

Thầy thấy con bẩm rằng mình con yếu lắm và ho nhổ ra đờm, thầy lo lắm. Nhưng con cũng đừng uống thuốc vội, vì rằng thuốc hay chữa được sống người, cũng hay làm hại người. Người thầy thuốc giỏi chữa trong mười người, thì sống được bảy người mà làm hại mất ba người, người thầy thuốc hèn thì chữa mười người chỉ sống được ba người mà hại đến bảy người. Thầy xem ở làng ta và ở xứ ngoài, mắt trông thấy phần nhiều là thầy hèn cả, thầy rất ngại bọn họ làm hại, nên gần ba-mươi năm nay quyết không uống thuốc nữa. Bài thuốc của thầy thuốc ở đây, thầy xem cũng không nên uống, duy có bài của ông thầy ở làng, xét phải lẽ mà nói cũng đúng bệnh, con nên chuyên theo mà chữa.

Thầy xem nhà dưỡng-sinh có một phép rất hay, là cứ ăn cơm rồi đi tản-bộ và nghìn bước, con nên bắt-chước phép ấy, cứ ăn cơm rồi đi lên phố Đường-gia hay đến nhà chú Trừng, chừng được hơn ba nghìn bước, làm thế độ ba tháng tất có công-hiệu,

Con xem xong bộ *Hậu-Hán* rồi, nên xem lại bộ *Thông-giám* một lượt.

Gần nay con đi đứng đã được hơi trọng-hậu chưa ? Nói-năng đã thuần chưa ? Con phải lưu-tâm lắm mới được...

10. — Thư cho Kỷ-Trạch

Thầy tiếp được cái thư của con bẩm, biết rằng con sao bộ *Thuyết-văn* và xem bộ *Thông-giám*, một mực có thường, không bỏ sao-nhãng, thầy bằng lòng. Năm ngoái thầy đã dạy con phải giữ bốn phép : xem, đọc, viết, làm, không được thiếu phép nào. Nay con mới xem được bộ *Thông-giám*, thế mới là làm được phép xem, sao được bộ *Thuyết-văn*, thế mới làm được phép đọc. Ngoài ra có còn chịu tập thiếp không ? Có tập thì lấy giấy bóng viết phỏng lối chữ đứng của cụ Âu cụ Liễu, vì có chịu tập chữ thì mới chữa khỏi được cái bệnh yếu-ớt của con, nên cái công-phu tập chữ, con không thể thiếu được. Trong mười năm nay con đã từng đem sao những chữ tinh-thần trong bộ *Văn-tuyển* ra từng mục, để làm cái cốt làm văn, bây giờ còn sao được như thế không ? Đã làm xong chưa ? Hoặc đem sao những lời văn hay trong pho *Văn-tuyển* ra từng mục, hoặc sao những câu thích-nghĩa trong bộ *Thuyết-văn* ra từng mục, vì rằng con ngày thường biếng làm văn, thì phải lấy cách sao ấy mà thay phép làm mới được, không thể thiếu được. Từ năm con lên mười đến nay, đã hai-mươi tuổi, chỉ lêu-lổng qua ngày, nếu bây giờ biết đem bốn cách xem, đọc, viết, làm, làm cho chăm-chỉ, thì còn có thể thành-tài được. Con nói-năng lắp-bắp, cử-chỉ hấp-tấp, gần nay đã hết sức làm hai chữ « trì-trọng » để chữa cái nết xấu ấy chưa ?

Việc quân ở đây vẫn được bình-yên, hôm mười-chín và hôm hai-mươi-mốt quân giặc đến cứu-viện đánh rát mặt

hào sau, đều phải quân ta đánh thua chạy cả. Hôm hai-mươi-hai giặc lại đánh giữ, từ giờ tị đến canh năm vừa mười một lần, cũng bị quân ta hết sức đánh phải lui cả. Từ nay trở đi có thể yên được. Yên-khánh cũng có thể lấy lại được. Thầy tuy không có bệnh gì nặng, nhưng phải chứng lở chửa khỏi, gãi suốt cả đêm ngày, không được nghỉ tay. Ở Cán-nam có cánh quân họ Tả họ Trương, ở Giang-tây có cánh quân họ Bão, không có ngại gì, duy ở Yên-khánh này hơi núng, nhưng qua được ngày hai-mươi-hai rồi cũng không lo gì sự sóng gió nữa.

11. — Thư cho Kỷ-Trạch

Hôm hai-mươi tháng tám thầy tiếp được cái thư của mẹ con, của chú Trừng và của con, mọi việc thầy đã rõ cả.

Anh Sái-ngũ chết trận ở Kinh-khẩu, đáng thương quá mà đáng lấy làm lạ quá, thầy đã đưa cho ba lạng lương và hai-mươi lạng bạc cứu giúp nhà hắn rồi. Bà mẹ ông Chu Vân-Tứ tiên-sinh về chầu Phật, thầy gửi về tám lạng bạc làm lễ phúng. Đến mùa đông này có Huệ-nương cho cưới con cháu, thầy gửi về mười lạng bạc làm lễ mừng. Ở nhà cứ theo y số mà đưa cho đủ. Đến mồng ba tháng chạp này nhà cho cưới con em lớn, nhà họ Viên đã đưa thiếp định lễ lại chưa? Thầy định cho hai trăm tiền để sắm-sửa đồ cưới, nay hẳng gửi về một trăm để sắm các đồ và may vá quần áo, còn một trăm nữa lần sau thầy sẽ gửi về. Còn như tiền thuê xe kiệu từ nhà ta đến nhà họ Viên và phí-tổn sắm đồ cưới con cháu đều để đến lần sau gửi cả một thể.

Phép trị nhà duy có tần-tiện mới bền được, ở lúc đời loạn-thế này lại càng phải răn sự xa-xỉ lắm. Quần áo không nên may nhiều lắm, mà cũng không nên sắm vòng xuyến gấm vóc lòe-loẹt quá. Con bảo các em con biết kính nghe lời thầy dạy, mới mong có lẽ lâu bền được.

12. — Thư cho Kỷ-Trạch

Hôm qua thầy tiếp được một quyển chia mục từng vần thích nghĩa từng chữ ở trong bộ *Thuyết-văn* ra của con, biết rằng con năm nay học có tiến-bộ nhiều, thầy mừng lắm. Thầy lại đưa cho ông bạn thầy phê chữa cho những chỗ lầm. Nay thầy gửi cả bộ ông ấy phê chữa cho và bộ thầy chữa cho về nhà cho con xem, và gửi về năm-mươi lạng bạc nữa để sắm đồ cưới cho con em lớn, chia ra hai trăm sắm đồ hồi-môn, năm mươi lạng để tiêu vặt, nhà không nên bù thêm mà làm xa-xỉ quá. Gặp lúc loạn-lạc thế này, giàu sang đến đâu cũng không chắc được, chỉ cốt biết siêng-năng tần-tiện thì mới bền được. Thầy lại gửi hai lọ thuốc để cho mẹ con uống. Con ở nhà có thường dậy sớm không? Các em gái còn có theo thế không? Nói-năng có thong-thả, đi-đứng có trọng-hậu không? Con phải nhớ mà xét luôn mới được.

13. — Thư cho Kỷ-Trạch

Hôm hai-mươi thầy tiếp được cái thư của con bẩm, biết rằng cả nhà bình-yên và việc cưới con em thứ ba đã xong cả, thầy yên lòng.

Trong thư con bẩm rằng rất lo thằng em rể họ Viên hư, thầy không ngờ nó hư chóng thế, để rồi thầy viết thư răn bảo nó ngay. Các con ở nhà đừng có tỏ ra mặt ghét bỏ vội. Phàm người ta sở-dĩ còn biết giữ thể-diện là cốt để cho người kính-trọng, nếu đã bị phải người khinh-bỉ ghét bỏ ra mặt, thì thế-tất phát khùng, không còn đoái đến sự xấu-hổ nữa, nhất-định không cần gì nữa mà sinh lòng thù người phải, như thế rồi không sao cứu được nữa. Nội những người trong nhà ta bất-cứ ai đối với anh rể họ Viên cũng phải lễ-phép tử-tế, không được sơ-sài, nếu thế mà mãi vẫn không chửa thì rồi thầy cho đón đến dinh với thầy và mời thầy dạy-dỗ cũng được. Nói tóm lại những con em nhà thế-gia, tiền không cho nhiều

được mà ăn mặc cũng không cho quá xa-hoa được, tuy là nhỏ-mọn mà quan-hệ rất to kia đấy, con ạ.

14. — Thư cho Kỷ-Hồng

Thầy nghe tin con thi ở tràng huyện, may được đỗ đầu, thầy vui mừng. Những bài thi của con thầy xem cũng chải-chuốt và đắc-thể cả, hôm qua thầy tiếp được cái thư của ông Dịch-chi tiên-sinh, biết rằng con đã đến ở tỉnh rồi. Chốn tỉnh-thành là chốn phồn-hoa, con nên yên ở nhà trọ, không nên ra ngoài chơi-bời dua-đòi cho lắm. Nay thầy đã viết thư nhờ ông Quách Ý-Thành giật tạm nhà Đông-chính-cục bốn trăm lạng bạc giao cho con để tiêu việc học-phí, còn đâu chia ra làm ba, đưa tạ thầy học con là ông Đặng Dần một trăm lạng, đưa làm quà Đặng thế - huynh mười lạng để giúp tiền mua sách, còn thừa ba-mươi lạng để mà tiêu vặt và may thêm ít quần áo.

Phàm con nhà thế-gia, áo mặc cơm ăn, lúc dậy lúc ở, cái gì cũng nên tập như người học-trò nghèo, thì mới thành-tài được, nếu nhiễm cái thói quan sang giàu có, thì khó lòng thành-tài được. Thầy nhờ ơn vua làm đến chủ-tướng mà đồ mặc vào mình giá không nổi ba trăm tiền đấy. Thầy mong rằng các con thường giữ lấy cái thói tần-tiện ấy, cũng là đạo tu-phúc kia đấy. Còn như những món đáng tiêu, thì cứ chiếu lệ mà đưa, đừng có lận quá. Con vào lễ Thánh, rồi ra chào mấy nhà khách, song nên về làng ngay. Khoa thi hương năm nay con đừng đi vội, vì sức học con còn non và sức-vóc con còn yếu, e không chịu nổi khó-nhọc được.

15. Thư cho Kỷ-Trạch

Thầy tiếp được cái thư của con, biết rằng nhà được bình-yên, thầy mừng. Ông thân-gia họ La qui-tiên, nên đưa lễ phúng năm-mươi đồng và một bức trướng, đến lần sau thầy gửi về. Còn như tính-nết anh rể họ La hư-hỏng, cũng đáng lo thật, nhưng sự-thể thế cũng không làm thế nào được, con nên khuyên em con phải cứ nhu-thuận cung-kính, chớ có ngang trái một điều nào. Trong đạo tam-cương, vua cầm giường mối cho bầy tôi, cha cầm giường mối cho con, chồng cầm giường mối cho vợ, có thế thì nền đất mới vững-vàng, đạo trời mới tôn-nghiêm. Cho nên truyện có câu rằng : vua như trời, cha như trời, chồng như trời, phép kinh *Lễ* dạy rằng : vua là ngôi rất tôn, cha là ngôi rất tôn, chồng là ngôi rất tôn, vua dù bất - nhân, bầy tôi cũng phải giữ đạo trung, cha dù không lành, làm con cũng phải giữ đạo hiếu, chồng dù không hiền, vợ cũng nên giữ đạo thuận. Nhà ta là nhà làm quan, nhà đi học, đời đời phải giữ lễ-phép, con phải nên khuyên-răn con em lớn và con em thứ ba nên giữ đạo nhẫn-nhục thuận-thụ làm cốt mới được. Thầy sắm-sửa và cho chúng nó ít thật, nếu chúng nó nghèo thật thì thầy cũng chu-cấp cho. Như bây giờ có nhà họ Trần hơi túng, còn nhà họ La họ Viên, có lo gì nghèo. Con nên khuyên ngăn các em con nên lấy sự chịu khó-nhọc nhịn khí tức làm cốt luôn mới được, Thầy làm quan bấy nay cũng chỉ thường làm mấy chữ «chịu khó-nhọc, nhịn khí tức» đấy thôi.

16 — Thư cho Kỷ-Trạch

Hôm hai-mươi-mốt tháng hai, thầy ở Vận-tào tiếp được hai cái thư của con và hai cái thư của chú Trừng, biết rằng nhà được bình-yên cả, thầy mừng, việc tang bà cô và chú Quý bây giờ tưởng xong rồi chứ ? Con bị ngã ở cầu Vi-sơn không phải đau nặng, thế là may lắm, thầy nghe ý mẹ con và chú Trừng muốn sửa lại làm cầu đá, con viết thư bảm lại xem thế nào rồi thầy lại gửi ở dinh về nhà cũng được. Kinh *Lễ* có nói rằng : đi đường nên đi đường cái, không nên đi đường tắt, đi thuyền đi thẳng ngay không nên lượn dong. Các cụ xưa kia

nói đến đạo hiếu, cốt nhất là giữ mình, những đường-sá ở làng thì chật hẹp, cầu thì siêu mảnh, từ giờ trở đi con cháu nhà ta, hễ đi qua cầu phải đi bộ, không được ngồi kiệu hay cưỡi ngựa. Ý thầy nhớ con, cũng muốn cho con đến dinh xum họp, nhưng vì bây giờ sóng gió nguy-hiểm, thầy không muốn mong con lại nữa, để đến tháng chín, sương xuống nước cạn, sóng gió yên lặng, rồi thầy lại gửi thư bảo lại. Bây giờ con ở nhà, nên chăm-chỉ, xem sách, gìn-giữ thói nhà. Ở lúc loạn-lạc, mà được ngày giờ nhàn-hạ như thế, khó lắm kia đấy, con đừng bỏ phí cái bóng quang-âm quí-báu ấy mới được.

17.— Thư cho Kỷ-Hồng

Thầy tiếp được cái thư của chú Trừng viết hôm mồng-mười tháng bảy và cái thư của con gửi cho anh Kỷ-Trạch biết rằng con đã khởi-hành theo hầu mẹ con và ba em gái và anh để họ La cùng lại thăm thầy từ hôm mười-chín tháng tám rồi. Nhưng bây giờ thành Kim-lăng chưa lấy lại được, hai phía nam bắc tỉnh Cán trộm giặc như rươi, mẹ con và các em con có lại cũng không ở lâu được. Chị cả nên ở nhà họ Viên hầu - hạ mẹ chồng, cho hết đạo hiếu, đáng lẽ không nên cùng lại Yên-khánh làm gì, nhân vì có anh Du-sinh ở đây, nên thầy không viết thư ngăn lại ; còn như chị ba và anh ba thì lại càng nên ở nhà thờ mẹ, không nên cùng lại làm gì. Thầy thường thấy con gái đã đi lấy chồng, còn ham mến nhà mình giàu sang, quên đạo thờ bố mẹ chồng, sau tất là không khá ; các con gái nhà ta phải nên dậy cho biết đạo hiếu-thuận với bố mẹ chồng, kính-thuận chồng, chớ có bắt-chước thói đời bạc-bẽo trọng nhà mình khinh nhà chồng mới được. Nếu vợ chồng anh ba còn ở trong địa-phận huyện-thành hay trong tỉnh-thành thì con nên bảo trở về nhà họ La thờ mẹ chồng mẹ đẻ, không nên lại tỉnh Cán. Nhược-bằng đã chót đi rồi, không trở lại được nữa, thì cứ cùng lại Yên-khánh ở độ một vài tháng, rồi thầy lại sai người đưa về. Còn anh hai và chị hai thì cứ ở Tràng-sa, không nên theo lại, đợi đến lúc việc quân ở đây bình-yên rồi, thì thầy gửi thư cho đón lại.

18. — Thư cho cháu là Kỷ-Thụy.

Dạo trước bác tiếp được cái thư của cháu, thấy nét chữ tươi-tốt, biết rằng cháu độ này học tiến-bộ lắm, Kỷ-Hồng đi hầu bác gái lại đây, bác hỏi chuyện biết rằng nay cháu đã trưởng - thành, hiếu-thuận cẩn-thận, bác vui lòng quá.

Nhà ta nối đời siêng-năng tần-tiện, từ cụ Phụ-thần-công trở lên thì bác không được kịp biết, còn cụ Cảnh-hy và cụ Tinh-cương thì cứ chưa sáng đã dậy, suốt ngày không để lúc nào rồi.

Trước kia cụ Cảnh-hy còn bé, tháng giêng lên nhà thờ họ Trần học, cụ Phụ-thần đưa cho một trăm đồng tiền để tiêu vặt, đến tháng năm trở về chỉ tiêu hết có hai đồng, còn thừa những chín mươi tám đồng đưa trả bố, ấy đấy, các cụ tần-tiện như thế đấy.

Lúc bác được vào viện Hàn-lâm mà cụ Tinh-cương còn tự trồng rau nhặt phân. Còn như sự cụ Thúc-đình siêng-năng tần-tiện, các cháu cũng được mắt trông thấy cả đây, chứ gì !

Bây giờ cơ-nghiệp nhà đã hơi khá rồi, nhưng anh em cháu cũng chớ có quên cái công khó-nhọc của đời trước, có phúc cũng đừng cậy là sướng mà mặc sức chơi cho thích, có thần-thế cũng đừng có cậy là thần-thế mà láo-sấc.

Làm cái công-phu siêng-năng, thứ nhất phải dậy sớm, thứ hai phải có thường ; làm cái công-phu tần-tiện, thứ nhất chớ có ăn mặc xa-hoa, thứ hai không được nuôi nhiều đầy-tớ đứa ở.

Phàm làm tướng không cứ giống nào, thánh-hiền hào - kiệt cũng không cứ

giống nào, chỉ cốt mình lập được chí mình thì làm gì cũng được.

Các cháu được cái cảnh-ngộ rất thỏa-thuận, đương giữa lúc tuổi rất khỏe-mạnh, sang năm lại theo được ông thầy rất giỏi, nếu lập được chí thì làm việc gì chẳng được, làm bậc nào chẳng được. Bác mong rằng các cháu nên sớm biết chịu khó gắng sức mới được.

Được ấm-sinh cũng là được cái lối ra làm quan thì vào chức ngự-sử rồi, đợi đến lúc cháu độ mười-tám mười-chín tuổi, cùng đi vào Kinh thi với Kỷ-Trạch cũng được, nhưng bây giờ cháu nên chăm-chỉ học sách chớ có cậy cái ấm-sinh làm cốt mới được, cốt sao hay thì hương thì hội đều được trước bảng mới vẻ-vang cửa-nhà chứ.

Bác lại nghe Kỷ-Quan cũng thông-minh lắm, cháu cũng nên lấy hai chữ lập-chí mà anh em cùng khuyên gắng nhau, thì ngày càng tiến-bộ đến đâu.

19 — Thư cho Kỷ-Hồng.

Từ hôm con bước chân đi, gió nam to luôn trong năm hôm nay đổi ra gió đông-bắc, không biết rằng con đã đến châu Nhạc-châu chưa?

Hôm hai-mươi-nhăm thầy đến Kim-lăng, chú Nguyên mệt cũng đã khỏi hẳn. Hôm hai-mươi-tám đốt thây chúa giặc là Hồng Tú-toàn, hôm mồng sáu đem chính-pháp tướng giặc là Chung-vương. Hôm mồng tám tiếp được tờ tư của phủ tướng-quân biết rằng thầy được phong tước hầu, chú Nguyên được phong tước bá, còn chỉ phê cho thầy thì chửa tiếp được, không biết những người cùng làm việc với thầy được thưởng những gì, nhưng phần nhiều ước chừng được vào bậc thứ năm cả.

Thầy nhờ sức người, trộm được chức thưởng nhất, trong lòng rất là không yên, con ở ngoài nên lấy mấy chữ nhún-nhường cẩn-thận làm chủ mới được.

Con em nhà thế-gia, danh-giá thịnh quá, ai cũng dòm-nom, lúc đi thầy đã bảo ba điều răn và hai điều đầu cuối và hết sức bỏ cái thói láo-lếu lười-lĩnh, con nên nhớ lấy cho kỹ.

Trước khi vào trường thi, không nên đi lại với các quan châu huyện mà cũng không nên đưa danh-thiếp, lúc mới tiến-thân ra đời phải biết tự-trọng. Đương lúc nóng dữ càng phải nên giữ mình lắm mới được.

20 — Thư cho Kỷ-Trạch và Kỷ Hồng

Thầy bắt đầu từ hôm mồng bốn tại Thiện-bá khởi-trình đi, đến hôm mồng tám thì đến đất sông Thanh-giang. Nghe đâu bọn giặc có là người Trương Nhiệm và người Lưu Tam-Cổ cùng kéo đến giải đất Mông-đình. Dinh Phương-bá ở Chĩ-hà bị vây, Dị Khai-Tuấn ở Mông-thành cũng bị giặc vây cả hai mặt, khó vận được lương vào. Thầy đã bàn cho Xương-Kỳ đem quân thủy đi từ hồ Hồng-trạch đến đất Lâm-hoài, còn thầy thì hãy còn đóng lại, chờ quân bộ của họ Lưu họ La đến rồi mới đến Từ-châu.

Các con hầu mẹ ở nơi nhà trọ, phải lấy mấy chữ siêng-năng tần-tiện để tự răn mà tiếp-đãi người phải nhún-nhường cẩn-thận.

Phàm những nhà thế-gia mà không siêng-năng, không tần-tiện, cứ xem ngay vợ con là biết hết. Thầy ở nhà cũng chỉ lo có một điều rằng đàn-bà con gái nhiễm phải thói xa-xỉ lười-lĩnh. Hai con lập-chí duy-trì nếp nhà phải dạy bảo chỉnh-đốn vợ con trước mới được.

21. — Thư cho Kỷ-Trạch

Hôm mười-một con phải cảm, đến hôm mười-sáu hãy còn mỏi-mệt vâng-vất, chẳng hay giờ đã khỏi hẳn chưa?

Thầy làm việc gì cũng chỉ giữ một phép: hết sức mình, còn ra sao mặc trời. Phép dưỡng-sinh cũng thế, sức khỏe nên bắt-chước như người giàu,

chừa cái xa-xỉ thì lại càng giàu thêm, sức yếu nên bắt-chước như người nghèo, biết dè-dặn thì rồi cũng đủ. Cách dè-dặn không những là giữ-gìn cái thói ăn chơi liều thôi đâu, ngay như đọc sách, tính việc, cũng phải gìn-giữ không được quá lắm. Trong bài đặt tám điều cốt của thầy làm có nói phép dưỡng-sinh nên lấy sự ít tức giận làm cốt, lại thường bảo con đừng có để một tấm lòng ăn-năn, phải thản-nhiên và vui-vẻ mà sang-sở, để nuôi lấy cái sinh-cơ, cũng là một cách trừ cái tức giận.

Đã biết kiêng răn sự tức giận, lại biết dè-dặn chừng-mực, thì phép dưỡng-sinh ở trong tay mình giữ được hết rồi đấy. Ngoài ra sống lâu hay chết non, ốm hay khỏe, nhất-thiết mặc trời, không cần sinh lòng mơ-tưởng những cách để ngăn-ngừa được. Phàm thuốc-men cầu-cúng đều là mơ-tưởng cả.

Những việc không cần thuốc-men cầu-cúng đều là thầy nhớ ở trong những lời di-huấn của cụ Tình-cương ra mà đem giảng-giải cho rộng thêm ra, để dạy các con đấy, các con nên thường thường nói cho trong ngoài đều biết.

22.— Thư cho Kỷ-Trạch và Kỷ-Hồng

Hôm hai-mươi-sáu thầy tiếp được cái thư bẩm của Kỷ-Trạch và những quần áo rách-vở của Kỷ-Hồng gửi lại, hôm nay thầy đã cho người ra lấy rồi. Kỷ-Trạch phải chứng khí gan tức đau, nay đã khỏi hẳn chưa ?

Con đáng lẽ không mắc phải chứng ấy thì phải, chỉ là vì nguyên-khí suy-yếu, các bệnh dễ sinh, mình-mẩy yếu-ớt mà nghĩ-ngợi quá nhiều đấy thôi. Lần trước thầy đã viết thư bảo cách dè-dặn chừng-mực, không nên dụng-tâm quá, con đã nghiệm mà hiểu được chưa ?

Trong quyển *Thông-huấn tế-ngữ* của ông Trương Văn-Đoan làm ra điều nào cũng là điều dạy con cả. Trong sách ấy nói những cách nuôi mình chọn bạn, ngắm nghía cảnh non nước hoa trúc, lời nào cũng thuần là có những cái cơ sinh-hoạt vui-thú cả, con nên xem luôn. Mình-mẩy anh Kỷ-Hồng cũng yếu-ớt, cũng phải nên xem sách ấy.

Thầy dạy anh em con không cần nhiều sách, chỉ dạy hai quyển *Đình-huấn cách-ngôn* của Thánh-tổ và quyển *Thông-huấn tế-ngữ* của Trương-công thôi, vì trong hai quyển ấy câu nào cũng là câu trong lòng bụng thầy muốn nói cả. Từ bây giờ trở đi các con ở nhà thì vun hoa tưới trúc, ra ngoài thì ngắm cảnh nước non. Trong rằm dặm thành Kim-lăng, nên chơi xem cho khắp.

Sách tính đừng có học nữa, các sách khác cũng chỉ nên xem nửa ngày thôi, từ giờ mùi trở đi nên nghỉ-ngơi chơi xem. Người đời xưa lấy trừ lòng tức, nên lòng muốn, làm cái cốt nhất trong phép dưỡng-sinh, trừ lòng tức, là cái thư trước thầy bảo ít tức-giận, nên lòng muốn tức là cái thư trước thầy bảo nên dè-dặn chừng-mực đấy. Nhân thích cái tiếng khen, ham cái sự hơn người mà dụng-tâm quá cũng là lòng muốn cả. Thuốc tuy có lợi, song cũng có hại, không nên uống càn.

23. — Thư cho Kỷ-Hồng

Con tập thiếp bắt-chước được cái gần chữ thì lại mất cái tinh-thần kết-cấu, tập được phép mở ra mà chưa tập được phép thu lại.

Thiếp cổ rất khó tập thật, nhưng con mới tập được nửa tháng, đã lấy đâu tốt cả được, hiệu nhanh chóng thế được. Ngày xưa thầy tập thiếp *Nhan-tiểu*, viết phỏng đến hai ba trăm tờ giấy, còn không được một chữ nào hệt, đến khi thầy đã ngoài bốn mươi tuổi, ở Kinh tập chữ, cái gân-guốc, cách thu mở đều không ưa nhìn cả, thầy tự lấy làm thẹn mà cũng tự cho là đáng xấu-hổ. Từ khi bốn-mươi tám tuổi trở đi,

tập những thiếp của ông Lý Bắc-Hải mới thấy hơi kha-khá, ấy chỉ có thế mà cũng trải đến tám năm trời dằng-dẳng viết phóng đến một nghìn tờ giấy kia đấy. Nay con mới dụng công chưa được một tháng mà đã đòi đến bậc thần-diệu sao được.

Thầy làm việc gì cũng chỉ dùng một cách: « Tự bắt buộc mình cho khốn-khó, cho chặt-chẽ, để cho phải cố nghĩ cho biết mà cố sức làm. Con không nên cầu danh vội quá mà cầu có công-hiệu nhanh quá được. Từ rầy trở đi, cứ mỗi ngày con tập thiếp ông Liễu một trăm chữ, ngày lẻ thì lấy giấy trắng viết tập, ngày chẵn thì lấy giấy dầu viết phóng, viết tập thì viết thong-thả, viết phóng thì viết cho nhanh, chuyên chỉ tập lấy cách mở ra, độ vài ba tháng rồi, tay càng vụng, chữ càng xấu, ý-thú càng lạt, lúc bấy giờ là lúc khốn-khó đấy, đang lúc khốn-khó thế, chớ có bỏ sơ-sài, hễ qua được lúc khốn-khó ấy là thấy khá ngay; lại tập nữa lại thấy khốn-khó nữa, thì mình lại phải chăm-chỉ lại cố sức, thế thì tất có lúc tinh-tiến hanh-thông. Không cứ phép tập chữ là phải dùng cách ấy đâu, phàm làm việc gì cũng có cái cực khó, cái cực khốn, mình đánh đổ được mới là tài giỏi chứ! Thầy cũng không bắt con học nhiều, mỗi ngày chỉ tập độ một trăm chữ, xem độ năm tờ sách, học thuộc độ một nghìn chữ (học phải thật thuộc, gấp sách đọc chơn mới được, mà học phải học cho to-tát giông-giạt).

Gặp ngày ba ngày tám thì làm một bài văn hay một bài thơ. Ấy chương-trình học chỉ ít-ỏi thế, mỗi ngày chỉ dùng công hai giờ đồng-hồ là xong cả bốn phép xem, đọc, viết, làm rồi, còn thì giờ nào mặc ý con.

24.—Thư cho Kỷ-Trạch và Kỷ-Hồng

Chú Nguyên con phải chứng đau chân, nay đã khỏi hẳn, thầy mừng lắm, chỉ e rằng cái độc tiêu ngay, không biết nó có sinh ra chứng gì nữa không?

Làng ta sửa lại nhà tế hàng huyện, cử con làm văn bia. Con học còn kém, văn còn chậm, đáng lẽ không nên nhận, nhưng cũng không nên từ cả, một lẽ vì rằng việc là việc công hàng huyện, nhà ta lại là nhà có tiếng, không thể không hết sức giúm-giúp được, hai lẽ là vì con lười làm văn, mượn việc này có thể bắt buộc phải làm mấy bài được. Phàm việc trong thiên-hạ không vì cớ gì mà tự-nhiên làm được thì rất ít, vì có cái tham cái lợi mà làm nên được một nửa, vì việc chọc tức, vì việc bắt buộc phải làm nên được một nửa. Con sao bộ *Thiện-vận* xong, nên gia công nghiền bộ *Cổ-văn*. Thầy không giỏi về nghề làm văn mà lại có chút tiếng là văn giỏi, rất lấy làm xấu-hổ, văn con còn kém hơn nữa mà cũng được cái tiếng hão, càng không nên lắm.

Bạn thầy có soạn một bộ *Huyện-chí*, là một quyển chép việc rất hay bây giờ, ngoài ra lại lấy thêm mấy bộ chí-sự có tiếng nữa để làm cái cốt mà bắt-chước, nhưng hãng để thầy xét đã rồi con hãng làm.

NGUYỄN HỮU-KHA *dịch*

VĂN-UYỂN

THƠ VĂN CŨ

Thơ cụ NGUYỄN CÔNG-TRỨ

I

Đương cơn khổ-nhục lắm người khinh,
Hễ vốn làm người nhục có vinh.
Vận đỏ nghe người cho muối cá,
Hồi đen lắm kẻ xóc xương kinh.
Đại-nhân bao quản đường chênh-lệch,
Quân-tử khôn nài chốn đá đanh.
Thôi hãy đợi trời bình-trị đã,
Gặp thời vỗ cánh mới ra danh.

II

Trời đất đâu mà mãi rứa ru?
Xin tha nhau với chớ trêu nhau.
Bể đào xông-xổ dầu tầm cá,
Mặt nước mông-mênh mặc sức bèo.
Đã gớm hỏi tay chủ chẳng bắt,
Mấy trò liếm mặt chó không trêu.
Quản bao miệng thế lời khôn dại,
Dại trước khôn thời để lại sau.

∴

Thơ cụ NGUYỄN VĂN-GIAI triều Lê

Nằm co

Ba gian lều cỏ dãi che sương,
Rét phải nằm co hả phải cuồng.
Cả cả nép vây miền Bắc-hải,
Rồng thiêng uốn khúc mái Nam-dương.
Một lòng trung-hiếu bo còn giữ,
Hai chữ công-danh uổn chửa vuông.
Có khuất bao nhiêu thời có ruỗi,
Ra xuân đầm-ấm sẽ xuênh-xoang.

Nói khoác

Tớ con ông Trạng (1) cháu ông Nghè,
Nói khoác trên trời dưới đất nghe.
So sức Hạng-vương tầy nửa đấm,
Đánh cờ Đế-Thích chấp hai xe.
Vượt ngay ra biển giằng tàu lại,
Tốc thẳng lên non bắt khải (2) về.
Mai mốt đem quân vào phủ chúa,
Ra tay diệt Mạc để phù Lê.

LÊ VIẾT-LƯỢNG *sao-lục*

∴

Quan-công cưỡi Tào (3)

Tôi chúa đôi phương cảnh quạnh-hiu,
Cũng vì một chút nghĩa liêu-điêu.
Ân Tào vì nấn ngon cân nặng,
Nợ Hán còn mang một gánh trìu.
Đuốc ngọc canh khuya trời một góc,
Vườn đào nguyền cũ ruột trăm chiều.
Vẫn ai muốn biết đầu đuôi thế,
Xin hỏi chàng Trương nỗi khúc-khiêu.

Chê gái lấy chồng già (4)

Tôi chi hơn tội lấy chồng già,
Duyên nợ mó mà mãi thế a?
Ngán nỗi tráng tà lồng bóng liễu,
Buồn tình ong quyện rút bông hoa.
Thường thường tuy có mà không mãi,
Thoáng thoáng nên chăng mới họa là.
Đầu bạc tóc xanh dang-dở quá,
Ra đường ai biết bạn hay cha.

ĐOÀN NGỌC-MẠNH *sao-lục*

∴

Bài sai Tổ tôm (5)

Giáo đầu: Sắc-sắc lôi-lôi, đồng đã vào ngồi, nằm ngôi ông Tổ, chia làm sáu cỗ, đốt tổ hai đèn, bài nọc bốc lên, quân đỏ quân đen, bày lên đủ vị. Ăn khàn ăn bi, bắt người trái bỉ, bắt kẻ treo tranh. Bài ông thập-thành, có anh Cửu-vạn, có

(1) Hoặc làm chữ cống. — (2) Hoặc làm chữ cọp. — (3) Bài này đề là « Ngự-chế », không biết của Ngài nào. — (4) Bài này không biết của cụ nào. — (5) Không rõ của ai làm.

chàng Bát-sách, có hàn Chi-chi, các tướng phù-trì, đánh đâu được đấy. Lòng thầy sở-cậy, một chú Thất-văn, xin chớ ai ăn, xin đừng ai phỗng. Quân nào vô-dụng, tống cổ nó đi, các tướng phù-trì, đánh đâu được đấy.

Nhang-hoa thỉnh : Thầy sai quan tướng Chi-chi, Cửu-vạn Bát-sách tướng thì ù ngay. Tôm lèo tướng đã đến đây, bốn ông thua hết, một thầy được ăn. Thầy sai quan tướng Thất-văn, Tam-vạn Tam-sách nó dần vào phu. Tướng Tôm tướng đã hạ ù, bốn ông chịu phép phải thua một thầy. Thầy sai Bạch-định bài này, hai-mươi tướng cái trắng rây lại đen. Phải quân Ông-lão bốc lên, sinh ra kính cố làm phiền các cô. Thầy sai quan tướng thư-phù, trong tay thầy sẵn mười phu thập-hồng. Phen này chắc được như không, thò tay bốc nọc phải ông cụ già. Trong lòng thầy nghĩ xót-xa, giơ đùi vỗ vế chịu là ù suông. Bài thầy mười ván được dồn, trong tay thầy sẵn ván tôm ván lèo. Chẳng may gặp lúc đen-nghèo, bốc quân trong nọc quần-quèo như lươn. Trông lầm thầy tưởng Thất-văn, Tam-vạn Tam-sách chắc rằng được ăn. Hay đâu giống nó quèo-quần, trông ra hóa chú Cửu-văn rõ-ràng. Dô hời dô hời dô khoan, thầy trình bốn cụ thầy sang chèo đò. Tướng đâu tướng chẳng thư-phù, cái ma tổ tép làm thua bài thầy.....

Hồ Sĩ.Nam *sao-lục*

...

Bài phú thi hỏng(1)

Than rằng : Ai biết chăng ai : hỏng ơi là hỏng.

Việc khoa-cử khen ai khéo đặt, lừa anh-hùng đến đầu bạc chưa thôi :

Áng công-danh là số-phận khôn lường, trêu sĩ-tử đầu gan vàng cũng nùng.

Nhớ hồng xưa : Sách-vở tớ-mờ : văn chương phấp-phỏng.

Lúc thiếu-niên nghĩ mình nhanh-nhẹn, từng bút nghiên vùng-vẫy với anh-em ;

Tới tuổi già nào biết thua-chồn, dám trường-ốc đua-tranh cùng bạn chúng.

Thấy tân-chỉ nhất-nhị-trường miễn-duyệt, mon-men nộp quyển vào thi ;

Giở cựu-văn năm ba thể ra coi, chắp-chềnh luyện hơi lấy giọng.

Vợ con đành dạ, bán thóc bán bông ;

Đầy-tớ theo chân, gánh lều gánh chõng.

Bút khách Tam-nguyên nhất-thủ, Tứ-lợi Chân-đông ;

Cơm hàng mười bát hai quan, Hai-cơ Mĩ-trọng.

Sắp đồ viết tối, đầy phè-phè hai rưỡi lọ dầu ;

Sửa bộ quả trưa, chật ninh-ních một ngăn bánh bỏng.

Gọi đến tên co cổ vác lều ;

Vào lĩnh quyển khoanh tay bỏ ống.

Chen-chóc đóng ria Thập-đạo, để chực nghe hơi ;

Sẵn-sàng tức-tốc hai hồi, còn hòng hỏi lóng.

Thấy đầu bài mắt đỏ đồng-quang ;

Cầm ngọn bút tay run lóng-cóng.

Nghề sách mít lộn phèo lộn phổi, sáo mép chính-văn tập-chú, lít-nhít lăng-nhăng ;

Giọng văn cùn viết cối viết chầy mùa mồm hậu-cổ tiền-đề, lơ-chơ lỏng-chỏng.

Thầy bóp bụng trong trường ngồi nặn, mặt chầy li-li ;

Tớ dừng chân ngoài cửa đứng chờ, mũi xưng bong-bóng.

Đến khi : Đệ-nhị biền cheo ; hai nghìn số trúng.

Kẻ ra miệng mếu tầy gầu ; người đỏ mũi to bằng thúng.

Con nào biết bố ta đốt đặc, lên mặt cậu Nho (2) ;

Vợ tưởng rằng thầy nó hay-ho, mầm lòng bà Cống.

Đã tần-ngần như quan-thị mất giải ;

(1) Không rõ ai làm (2) Chữ nho có bản làm chữ *chiêu*.

Lại lôi-thôi như gái-đi già mồm.
Hỏi-han lũ nọ người kia, ai không có ta thì co khổng (1).
Đi qua phố phải người mỉa-móc, giả cách làm thinh ;
Về tới nhà mắc vợ vò-đầy, tìm đường nói chống.
Thương ôi ! thời chưa cập-hành ; vận còn đương hùng.
Cờ-tướng đương khi nước bí, thế phải rút xe ;
Tổ-tôm chưa đến hội ù, thời đứng bắt phỗng.
Trời đất còn niên nay niên khác, người thì ta hãy còn thì :
Công-danh ai có kém ai đâu, trước hỏng sau này chẳng hỏng.

Hồ Sĩ-Nam *sao-lục*

THƠ VĂN MỚI

Khai-bút

Ngày xuân tay cất bút,
Để vịnh dạ càng mê.
Nền-nếp nên theo tục,
Văn-chương phải giữ lề.
Hiếu trung ngòi bút mới,
Non nước tấm lòng quê.
Nay tuổi xuân chưa mấy,
Mau-mau kẻo nữa hè.

Xuân

Tiết trời xuân đã tới,
Phong-cảnh hữu-tình thay !
Rực-rỡ chùm hoa nở,
Tưng-bừng lũ bướm bay.
Vườn đào oanh riu-rít,
Cành liễu gió lung-lay.
Vớm hỏi xuân sao nhỉ ?
Non sông một gánh đầy.

Mừng xuân

Cành đào hớn-hở gió xuân lay.
Kìa cái xuân về đã tới đây.
Non nước tiêu-tan hơi lạnh phủ,
Cỏ cây ngào-ngạt thức hương bay.
Thơ đề vách phấn nghênh - ngang nét,
Khói tỏa lư trầm phất-phới mây.
Vớm hỏi trăm năm xuân mãi tá ?
Lòng son bút sắt nước non này.

Hỏi khách chơi xuân

Ngày xuân nghĩ lấy hỏi ai ơi,
Kẻo nữa xuân qua lại lỡ thời.
Cúc-dục mau đền ơn chín chữ,
Giang-sơn còn nặng gánh đôi vai.
Hãy trông cho tỏ kia hai lối,
Giả dại làm chi phí một đời.
Rồi lúc trăm năm râu tóc bạc,
Hiếu-trung nợ vỗ nhục chàng ai ?

Dạo gót vườn xuân

Vườn xuân dạo gót lúc xuân sang,
Một mối xuân-tình những vấn-vương.
Hớn-hở cành Hồng hoa điểm sắc,
Rập-rìu cỗi Lạc bướm tìm hương.
Vườn xưa vớm hỏi ai gây dựng,
Cảnh cũ nào là khách điểm-trang ?
Một cảnh vườn con xuân mấy độ ?
Non xanh nước biếc tấm can-tràng.

Đêm

Kim-ô bóng đã lặn lâu rồi,
Mù-mịt thương thay nỗi cõi đời.
Muôn dặm mênh sương che kín đất,
Năm phương lưới tối phủ vây trời.
Ngọn đèn luân-lý khôn loe sáng,
Tiếng trống văn-minh chửa thấy hồi.
Mong đợi vầng đông đà mỏi mắt,
Đêm sao đêm thế thế thì thôi !

---

(1) Câu này ngờ còn thiếu không; rõ của ai làm.

Đêm suông

Đêm suông suông cả mấy gian buồng,
Suông tình suông tình cảnh cũng suông.
Non nước nằm phương người chửa tỉnh,
Gió mưa mấy độ dạ càng thương.
Ngọn đèn ngán nỗi khôn che gió,
Chồi nụ buồn thay chửa hé sương.
Thế-thái nhân-tình sao tẻ ngắt,
Đỏ đen suông cả đến phường tuồng.

MAI VĂN-LIÊM

∴

Xuân-nhật

Trời xuân ai khéo điểm nên tranh?
Cảnh-sắc như in mọi vẻ xinh.
Lóng-lánh đầu non sương tỏa trắng,
Rập-rờn mặt đất lá khoe xanh.
Hồn hoa phảng-phất hương lồng gió,
Bóng điệp xênh-xang sắc gợn tình.
Thế-lộ đường trường xuân chẳng mấy,
Ngày xuân sao nỡ phụ cho đành!

Hỏi xuân

Xuân tuổi năm nay đã mấy rồi?
Mà xuân vẫn giữ được màu tươi?
Cuộc trần đã mấy lần dâu bể?
Cõi thế đà bao trận khóc cười?
Kim-cổ gương chung chứng mấy mặt?
Á-Âu danh mãi biết bao người?
Giống nòi Hồng-Lạc sao xuân nhỉ?
Liệu có cùng xuân thọ vạn đời?

Khai-bút

Năm nay tuổi đã đến hăm ba,
Chưa lão chưa ông thế chửa già!
Ngọn bút muốn tô nề-nếp cũ,
Tấm thân mong báo nước non nhà.
Sao cho có chút thanh-danh lại,
Mà giữ không mùi thế-tục pha.
Chí cả bao giờ xong nợ lớn,
Mau-mau kẻo nữa tuổi xuân qua!

NGUYỄN VĂN-NĂNG

∴

Họa bài trên

Hai chục lần xuân thiếu lẻ ba,
Tuổi xuân chưa mấy vẫn lo già.
Lòng son luống nặng ơn trời đất,
Trí cả chưa xong nợ nước nhà.
Nét bút mong tô nền cũ lại,
Mảnh gương đâu để bụi trần pha.
Kiếp người phỏng được bao xuân nhỉ,
Gặp lúc xuân về chớ bỏ qua.

MAI VĂN-LIÊM

∴

Đêm không ngủ

Mở mắt trông trời đã rạng đông.
Đêm mù thôi thế thế là xong!
Nhớ người chưa ráo đôi hàng lệ,
Đợi nước thêm đau một tấm lòng.
Sự-thế thăng-trầm chưa hết nợ,
Cuộc cờ thắng-bại chửa thành-công.
Phen này tỉnh dậy xem sao đã,
Nam-tử sao đành phụ núi sông!

Đời người

Cỏ khâu một nấm ở bên đường,
Lai-láng nào ai kẻ xót thương!
Bia đá mai-mòn theo sóng nước,
Bằng vàng tan-tác với phong-sương.
Công-hầu để-bá trăm năm trắng,
Phú-quí vinh-hoa một giấc vàng.
Trong cuộc hơn thua ai đã chắc,
Hơn nhau non nước tiếng còn vang.

Bè bạn đời nay

Nghĩ truyện đời nay lắm đoạn sầu.
Bạn bè nào được mấy ai đâu!
Khi vui tay vỗ đông đông lạ,
Lúc nạn chân dời bước bước mau.
Cảnh thế trắng đen ai nhuộm sắc,
Bể trần chìm nổi tớ riêng đau.
Lưu Dương thủa nọ đâu đâu nhỉ?
Có thuốc gì hay bảo giúp nhau!

NGUYỄN VĂN-NĂNG

∴

Vấn nguyệt

(*Nguyên-xướng*)

Đêm thu buồn lắm chị Hằng ôi!
Tri-kỷ trên trời có những ai?
Chẳng sợ thê-lương mình nại-lãnh,
Không thương luân-lạc khách bi-hoài.

Mây lành gió mát vui cùng cuội,
Thảng đợi năm chờ khổ một tôi.
Muốn biết mùi tình cay, đắng, ngọt,
Cung Thiềm xin chỉ lối lên chơi.

T. T.

Nguyệt đáp

(Họa nguyên-vận bài trên của ông T. T.)

Này hỡi thi-nhân hạ-giới ôi,
Lẳng-lơ đừng có bỡn đùa ai.
Nguyệt hoa phải dứt tình si-luyến,
Ưu ái nên ghi dạ cảm-hoài.
Thêm sắc non sông là phận khách,
Làm gương kim cổ ấy phần tôi.
Tang-bồng hãy trả cho xong nợ,
Cung Quế tha-hồ khách dạo chơi.

Đề ảnh

(Bạn là nữ-học-sinh ngồi xem sách)

Một hai nghiêng nước với nghiêng thành.
Mai tuyết tinh-thần một vẻ thanh.
Thu-thủy trong veo làn sóng gợn,
Xuân-sơn phảng-phất nét mày xanh.
Đoan-trang đã đáng nền khuê-các,
Yểu-điệu còn ra dáng học-sinh.
Thợ tạo vẽ chi người quốc-sắc?
Để ai dạ sắt cũng si-tình.

Lữ-khách cảm-hoài

Lênh-đênh bao quản phận bơ-vơ,
Nhớ nước thương nhà dạ thẫn-thờ.
Cái bả lợi-danh đành đã ngán,
Bóng gương ưu-ái vẫn chưa mờ.
Buồn cùng non nước mình e-lệ,
Thẹn với giang-sơn khách vật-vờ.
Dẫu lắm tài cao thừa chí cả,
Thời quai cũng chịu tiếng chê khờ.

BĂNG-TÂM NỮ-SĨ

. . .

Tự-trào

I

Hành-niên nay đã được năm mươi,
Mỗi việc làn nay mỗi lạ đời.
Ngược nước đi thuyền ai cũng ghét,
Giương gàu tát bể chúng thêm cười.
Nghe bàn danh-lợi càng long óc,
Thấy giả văn-minh lại hổ ngươi.
Lẩn-bẩn rồi đây lên thượng-thọ,
Để làm con mọt phá cơm chơi.

II

Ngồi buồn càng nghĩ lại càng ghê,
Tuổi đã năm mươi cứ lớp B.
Tuy ở học-đường không giá trọng,
Nhưng nơi chính-giới có tên đề.
Lưu-ngôn mặc kẻ đàn ti-ti,
Cao-ngọa đây ta ngày khẻ-khè.
Mong đợi ngày kia thầy sát-hạch,
Phải cho lên lớp quấy cho về.

Hồ giả hổ-oai

Chồn cáo *sao mà khéo cớ trêu?*
Giả không ra cọp *chẳng ra* beo.
Giấu hình mi-nữ nhăn răng chuột,
Mang lốt sơn-quân trợn mắt mèo.
Hiền-mị nghề quen hay thỏ-*thẻ,*
Dương oai nộ hầm ngó cheo-*leo.*
Rung cây nhác khỉ làm chi thế,
Lừa-*đảo xưa nay vốn hiểm-nghèo.*

HỒ TÁ-BANG

. . .

Nhớ nhà

Thấm-thoát xuân rồi hạ lại qua,
Niềm quê đất khách bận lòng ta.
Đỉnh Mản (1) *mờ-mịt cơn mây tỏa,*
Nước Khóng tràn-trề giọt lệ sa.
Cây cỏ núi sông đành vẫn thế,
Vật người phong-cảnh biết chăng là.
Năm canh mơ ước giang-sơn cũ,
Thử hỏi đường về mấy dặm xa?

NGUYỄN THỊ-HẢO

Vientiane (Laos)

---

(1) Núi Giăng-mản.

Dịch bài tựa truyện « Tuyết-hồng lệ-sử »

I

Đại-phàm : Kẻ tao-nhân lạc bước, thương đời nên lắm giọng bi-ai ; người tài-tử lỡ thời, oán phận mượn câu văn cảm-khái. Chàng Lý-Hạ mảnh tiên rơi máu thảm ; gã Giang-Lang ngọn bút nảy hoa sầu. Một thiên Sử-ký não-nùng, cũng vì lẽ ấy ; mấy đoạn Ly-tao réo-rắt, ôi há vì đâu. — Kìa như Hà-tử Mộng-hà, buổi cùng-đồ góp biên lời nhật-ký ; mà được Từ-quân Trầm-á, dưới vân-song xếp nên bộ hồng-từ. Nghe câu truyện cũ, nỉ-non tiếng địch mái Tây-lâu ; cảm cảnh người xưa, rầu-rĩ câu văn nơi họa-ốc. Rọt m.u đỗ-quyên đêm vắng, góp nhặt nên lời ; tiếng kêu hồng-nhạn trời đông, véo-von trong truyện. Phàm người thương-tâm đọc đến, ai chẳng động lòng. — Than ôi ! giận muốn hỏi trời, hỏi sao cho được ; sầu đem đong dấu, lắc lại càng đầy. Một tiếng đau lòng, ta người đa-hận ; nghìn thu rõ mặt, chàng bậc kỳ-tài. Há như ai tiếng khóc cùng-đồ, bày trò Nguyễn Tịch ; nên phải cố đem lòng báo-quốc, theo dấu Ban Siêu. Tuy liệt-phách phải về theo hiệu-kiếp, mà hùng-công còn lưu lại với sử xanh. Đáng quí lắm sao ! Đáng kính lắm thay ! — Bộ « Tuyết-hồng-Lệ-sử » này : ai-cảm chiến-miên ; tình-từ uyển-chuyển. Nhẹ-nhàng như núi Sở tuôn mây ; sáng-suốt như dòng Xương tắm nguyệt. Phương-chi lại là truyện : chết mà chết vì việc nước, nức lòng hào-kiệt kẻ thư-sinh ; sống đành sống ở xa nhà, động chí anh-hùng người mặc-khách. Thì ắt từ đây : sách đẹp người càng thêm đẹp, tiếng để trong đời ; người thơm sách cũng thêm thơm, gió đưa ngoài bể.

II

Thầy Âu-Dương Tu có nói rằng : « Không phải tại thơ làm cho người ta đau-đớn, nhưng người ta có trải mùi đau-đớn rồi mới hay thơ ». Câu nói ấy nay ta đem nghiệm vào bạn ta là Từ Trầm-Á thì quả không sai. Vì rằng Trầm-Á chính là một người rất đau-đớn trong khoảng trời đất, cho nên phát ra thơ văn, chan-chứa những giọng ai-cảm bi-oán. Ôi ! Làm trai đội trời đạp đất ở đời, mà không tế-độ được sinh-dân, ghi công vào bia đá, bất-đắc-dĩ phải đem nỗi lòng tấm-tức cứu đời, tả ra câu văn thương thời ai-oán ; thậm-chí chẳng quản đem mình lầm than như ông Cơ-tử, gào khóc như thầy Giả-sinh, thì con người ấy cũng đáng thương lắm vậy.

Ta biết Từ-tử mang lòng đau-đớn đã lâu, nên ta thường khuyên rằng : « Chàng chưa đầy ba-mươi tuổi mà mắt « đã lòa, đầu đã bạc, là bởi lo buồn uất « bức cho nên đến thế. Nhưng người ta « có biết cập-thời hành-lạc mới là người « khôn. Như chàng trên có mẹ già, dưới « có con nhỏ, trong nhà có sách để xem, « ngoài vườn có hoa để ngắm ; mấy gian « nhà cũ, đủ che gió mưa, mấy mẫu « ruộng mùa, đủ chi cơm áo ; cảnh chàng « thật là một cảnh thần-tiên trong đời « vậy. Thôi, đừng lo làm chi, buồn nữa « mà làm chi ! »

Trong khi ta nói, Từ-tử cứ lặng-lặng cúi đầu, bồn-chồn như hóa dại. Ôi ! Từ-tử thật cũng dại lắm thay !

Ta đây cũng đã năm chín bảy nổi, lận-đận thành sầu, bỏ gối trông trời, ngày qua tháng lọn. Chẳng mấy lúc mà cái xuân-quang như hoa như gấm kia đã bỏ ta mà đi ; chẳng mấy lúc mà ngọn thu-phong như than như khóc kia lại thêm cho ta một tuổi nữa. Vò đầu tóc nhuốm sương mai, ngổn-ngang trăm mối dùi-mài một thân, hỏi thăm bạn cũ xa gần, trong giây phút đã chia phần âm-dương ! Cho nên ta thường nói rằng : những người không biết tự tìm lấy cách mua vui, bỏ phí mất cái thời-quang quí hóa, đều là một bạng

người rất dại trong thiên - hạ, không những một Từ-tử mà thôi đâu.

Sau ngày rằm tháng bảy năm Ất-mão, ta đánh xe đến chơi nhà Từ-tử. Anh em chung bóng đèn khuya, câu truyện tri-kỷ đang nồng-nàn thì Từ-tử bỗng đưa ta xem quyển *Tuyết-hồng-lệ-sử*. Ta chưa đọc được một nửa đã thấy nước mắt cùng nước mực dầm-dìa lai-láng không sao ngăn giữ được. Than ôi ! *Thạch đầu* truyện cũ, lại giở ra đây ; giấc mộng hoa Lê, chép thành sử mới. Đó chính là lệ hòa với huyết, quánh lại như keo, mà mối sầu của Đông-hải Tam-lang (1) cũng không bao giờ giải-kết được nữa.

Thôi thôi, tơ sầu vấn-vít, gỡ nó không ra ; bệnh sầu có ma, thuốc nào chữa được. Người làm truyện với người trong truyện đã cùng lúng-túng trong một cảnh sầu thì ta biết khuyên-giải làm sao được ? !

NGUYỄN KIỂM *dịch*

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Tình-hình Nội-các Herriot. — Tòa Nội-các HERRIOT là thuộc về đảng cấp-tiến. Các bạn đọc báo cũng nhớ rằng đảng này kỳ tổng-tuyển-cử ngày 11 tháng 5 năm ngoái được đại-thắng và chiếm được đa-số ở Nghị-viện là nhờ kết-liên với đảng xã-hội. Từ đấy, đảng xã-hội tuy không tham-dự vào Chính-phủ, nhưng đối với Nội-các của đảng cấp-tiến, vẫn ra sức giúp đỡ, gọi là giữ cái « chính-sách phù-trì » (*politique de soutien*). Các đảng phản-đối ở ngoài vẫn chỉ chực có dịp làm cho hai đảng kia phân-lìa nhau, thời tất là đánh đổ được Nội-các. Nhưng cái mưu đó không thành, vì hai bên dẫu một đôi khi có điều không đồng-ý nhau, nhưng đến những việc lớn thời bao giờ cũng đề-huề với nhau ; ở Nghị-viện những khi quyết-nghị các việc to, bao giờ đảng xã-hội cũng bỏ vé cho Chính-phủ. Gần đây, đảng xã-hội có họp đại-hội-nghị (*congrès socialiste*) ở *Grenoble*, để định cái phương-châm và chính-sách của đảng-nhân ở Nghị-viện thế nào và đối với Chính-phủ thế nào. Khi ấy đã có kẻ mong rằng ở hội-nghị thế nào cũng có kẻ bàn ra bàn vào, và chưa chắc đại-hội trong đảng đã chịu theo bọn đại-biểu ở Nghị-viện mà giúp cho Nội-các HERRIOT mãi. Kịp đến khi hội-nghị họp thời số nhiều quyết-nghị cứ nên giữ cái « chính-sách phù-trì » và không đổi thái-độ đối với Nội-các. Thế là thế-lực tòa Nội-các HERRIOT lại càng thêm vững vậy. Song những đảng phản-đối vẫn chưa chịu. Một kỳ trước đã nói rằng ông Giám-quốc cũ MILLERAND mới đứng lên lập một đảng mới công-nhiên phản-đối với Nội-các. Hiện ông đi diễn-thuyết ở khắp các tỉnh để cổ-động cho nhiều người theo. Song xem ra cũng chưa có thế-lực gì cho lắm, không đủ làm nguy-hiểm cho Nội-các. Các đảng phản-đối muốn vận-động để khuynh-đảo Nội-các về hai vấn-đề sau này : một là vấn-đề thừa-nhận Chính-phủ Sô-viết nước Nga, cho thế là đề-huề với bọn quá-khích có tai-hại cho xã-hội nước Pháp ; hai là vấn-đề bỏ tòa sứ Pháp tại cung Giáo-hoàng ở La-mã, cho thế là xâm-phạm đến quyền tín-giáo tự-do, và gây ra sự tôn-giáo-cạnh-tranh ở trong nước. Thuộc về vấn-đề thứ nhất, thì Nội-các trước không chịu nhận Chính-phủ quá-khích nước Nga ; Nội-các này

---

(1) Biệt-hiệu của Từ Trầm-á.

nhất-quyết thừa-nhận, nói rằng bất-luận chính-thể nước Nga ngày nay hay dở thế nào, nước Nga là một nước lớn, nước Pháp cũng là một nước lớn, hai nước lớn không thể không giao-thiệp với nhau được, nước nào tuyệt-giao là nước ấy thiệt. Cái thuyết ấy tưởng cũng hợp với lẽ phải lắm, nếu khi đem ra thảo-luận ở Nghị-viện, Nghị-viện bỏ vé khả-quyết. Thuộc về vấn-đề thứ nhì thì Nội-các trước có đặt một chức đại-sứ ở cung Giáo-hoàng (tức bên giáo gọi là Tòa Thánh) La-mã, là lấy cái cớ rằng Giáo-hoàng có quyền chúa-tể về tinh-thần đối với cả các giáo-dân Gia-tô trong thế-giới, mà nước Pháp là nước phần nhiều người theo đạo Gia-tô, không thể không có người đại-biểu ở gần ông Chúa-tể đạo Gia-tô được. Chính-phủ mới lên cầm quyền thời định bãi-bỏ chức đại-sứ ấy đi, nói rằng chức ấy vô-ích, vì phàm một cường-quốc đặt lãnh-sự, công-sứ hay đại-sứ ở đâu là toàn nơi có chính-phủ chính-thức cả, chứ như Tòa Thánh ở La-mã thì không phải là một chính-phủ chính-thức, không có quyền-lợi gì thuộc về thực-tế, đặt đại-biểu cũng không được việc gì. Hai cái thuyết ấy đã xung-đột nhau trong các báo, làm tổn mất bao nhiêu giấy mực, gây thành cuộc tranh-luận rất dữ-dội. Mới đây mới đem ra thảo-luận ở Nghị-viện : đảng phản-đối có những tay nào là hùng-biện đều đem ra để quyết-chiến ; ông thủ-tướng HERRIOT phải tự mình ra đương-trận, kết-quả lại được phần nhiều trong nghị-viện bỏ vé khả-quyết. — Thế là trong hai việc ấy Nội-các đều được thắng cả. Mong rằng nay cái thế-lực đã vững-vàng, sẽ cầm quyền được lâu để thi-hành cho trọn cái chương-trình của đảng cấp-tiến. Đảng này đối với thuộc-địa vốn vẫn có một cái thái-độ rất khoan-dung đại-độ, khi còn thuộc về phe phản-đối vẫn thường có dịp tỏ lòng bênh-vực các dân thuộc-địa, nay đã được cầm quyền chắc sẽ gia công quyền-cố. Một kỳ trước đã nói về cái chính-sách của ông DALADIER, là Thuộc-địa-bộ-tổng-trưởng. Nếu Nội-các được sống lâu thì có lẽ ông DALADIER sẽ thi-hành được một vài điều hay vậy.

.·.

Ông Albert Sarraut. — Trong báo nhiều lâu vẫn có tin ông ALBERT SARRAUT sẽ trở lại Đông-Pháp làm Toàn-quyền lần nữa. Gần đây mới có điện ông được bổ làm đại-sứ ở Thổ-nhĩ-kỳ, trụ-trát tại kinh-đô mới nước ấy là thành *Angora*.

Ông từ khi thôi làm bộ Thuộc-địa và không ra ứng-cử nghị-viên nữa thời vẫn thường có dịp làm văn cùng diễn-thuyết về thuộc-địa. Trước khi bổ làm đại-sứ ở Thổ-nhĩ-kỳ, nhân trường « Cao-đẳng Xã-hội-học » (*Ecole des Hautes Etudes sociales*) có mở một khoa học về thuộc-địa, ông có làm một bài diễn-thuyết khai-khoa nói về cái chính-sách của nước Pháp ở Thuộc-địa. Bài diễn-thuyết ấy các báo bên Tây khen là hay lắm. Đại-khái cũng là những cái ý-kiến ông đã từng diễn-giải nhiều lần, như trong bài diễn-văn khi ông còn làm thượng-thư đọc ở trước mặt vua Tỉ-lợi-thì, bản-chí đã đăng và dịch trong phần Phụ-trương độ trước. Trước hết ông nói rằng cái vấn-đề thuộc-địa ngày nay là một vấn-đề tối-quan-hệ, đối với phương-diện quốc-gia, đối với phương-diện quốc-tế cũng vậy. Đối với phương-diện quốc-gia thì thuộc-địa có thể giúp cho sự sinh-hoạt của Mẫu-quốc về đường kinh-tế nhiều lắm. Đối với phương-diện quốc-tế thì ngày nay các dân-tộc dị-sắc (*les races de couleur*) mỗi ngày một tiến-hóa, sẽ có ảnh-hưởng sâu đến cuộc sinh-hoạt chung của vạn-quốc. Bởi thế nên những cường-quốc đối với thuộc-địa không thể theo cái chính-sách duy-kỷ, cái chính-sách trục-lợi như trước được. Sự khai thuộc-địa ngày nay phải có một cái ý-nghĩa quảng-đại và cao-thượng hơn. Nước Pháp thời lấy cái chủ-nghĩa « nhân-loại liên-đái » (*solidarité humaine*) làm gốc cho cái chính-sách đối với các thuộc-dân. Chính-sách ấy chuyên-chủ nhất về hai khoản : một là gìn-giữ lấy cái « của nhân-loại » (*la richesse humaine*)

hai là gìn-giữ lấy cái « của kinh-tế » *(la richesse économique)*. « Của nhân-loại », tức là người bản-dân các thuộc-địa, phải dùng phép vệ-sinh, dùng phép giáo-dục mà giúp cho phát-đạt lên, vừa về thân-thể, vừa về tinh-thần. « Người » cũng là một cái «của», của ấy có đầy đủ thì các của khác mới phong-phú được. « Của kinh-tế » tức là các tài-sản vật-liệu của thuộc-địa, Mẫu-quốc phải bày phương đặt kế mà khai-khẩn thu-hoạch lấy để lợi-dụng về đường công-thương vừa cho mình vừa cho thuộc-địa nữa — Trong liệt-cường bây giờ có nước dân-số nhiều quá, cách làm ăn khó quá, ấy cũng là một cái nguy-hiểm cho sự hòa-bình trong thế-giới. Nhưng vạn-quốc càng ngày càng có liên-hệ với nhau, nếu biết hiệp-lực mà khai-khẩn những tài-sản tích-lũy trên mặt địa-cầu này để cung-cấp cho sự cần dùng của mình, thì cũng dễ mà giữ được sự hòa-bình trong quốc-tế. Ông SARRAUT kết-luận nói rằng các nước Âu-châu có thuộc-địa ngày nay nên cùng nhau hội-họp lại mà bàn định xem cái phương-pháp khai thuộc-địa thế nào là hay là lợi, thế nào đủ làm cho các thuộc-dân được hưởng-thụ cái ích-lợi của văn-minh Thái-Tây mà đem lòng cảm-phục kính sợ.

* *

Điều-ước nước Nhật với nước Nga. — Nước Nhật vừa ký điều-ước với Chính-phủ Sô-viết nước Nga. Việc này là việc quan-hệ nhất trong thời-cục Á-Đông gần đây. Ta nên xét qua xem cái nội-dung nó thế nào. — Điều-ước Nhật-Nga ký ngày 20 tháng giêng năm 1925 tại sứ-quán Nhật ở Bắc-kinh, đại-biểu hai nước là ông KARAKHAN đặc-sứ của Chính-phủ «Sô viết» ở Bắc-kinh, và ông YOSHIZAWA, công-sứ Nhật ở Bắc-kinh. Các điều cốt-yếu trong điều-ước đại-khái như sau này: Nước Nhật công-nhận Chính-phủ Sô-viết nước Nga. Hai nước sẽ đặt đại-sứ ở *Tokyo* và *Moscou*. Bao nhiêu những điều-ước của Nga-hoàng cũ ký với Nhật-bản thời bãi-bỏ hết, trừ có hòa-ước *Portsmouth* liễu-kết cuộc Nhật-Nga-chiến-tranh không kể. Thuộc về vấn-đề thương-mại, hàng-hải cùng vấn-đề các khoản nợ cũ của Nga thời sẽ định-ước điều-đình sau. Nga cũng thuận trả ít nhiều cho Nhật, nhưng trả bao nhiêu thời sẽ tùy cái số trả các nước khác chịu công-nhận chính-phủ Sô-viết. Điều-ước mới này bảo-hộ cho quyền-lợi của người hai nước thuộc về sự trụ-cư, sự thông-hành và sự doanh-nghiệp ở Nhật và ở Nga. Sang mùa xuân này nước Nhật sẽ rút hết quan-quân ở đảo *Sakhaline* và giao lại đảo ấy cho quyền « Sô-viết » cai-trị. Duy bù lại thời chính-phủ « Sô-viết » sẽ nhượng quyền cho Nhật khai mỏ dầu và mấy mỏ khác. Hai nước cam-đoan không được tuyên-truyền cổ-động gì để phản-đối nhau, và không được ký điều-ước với một nước ngoài có hại đến quyền-lợi của nhau. — Báo *Le Journal ở Paris* lược-thuật điều-ước Nhật-Nga như trên đó, có bàn thêm mấy lời như sau này: « Ngày 20 tháng giêng nước Nhật ký điều-ước với Chính-phủ Sô-viết, là một ngày đáng kỷ-niệm trong lịch-sử Á-châu. Muốn hiểu rõ việc ấy quan-hệ là đường nào thời phải biết rằng hiện nay cả nước Tàu tựa-hồ như ở dưới quyền Sô-viết vậy. Trong bè-đảng nào Sô-viết cũng có dự hết. Đối với Chính-phủ của Tào Côn mới đổ, Sô-viết đã từng có giao-thiệp. Đối với Trương Tác-Lâm, là chúa đất Mãn-châu, thời Sô-viết cũng có kết-liên thân-mật. Mà Tôn Dật-Tiên ở Nam-phương thì lại là người nhiệt-thành với chủ-nghĩa Sô-viết lắm lắm. Vì cái tình-thế như thế, nên Nhật khuynh-hướng về Nga, cũng là lẽ tất-nhiên vậy. Người Nhật trước khi quyết như thế cũng đã từng phân-vân lắm. Một là quyết ra tranh lấy cái thị-trường nước Tàu với người Nga, tất là phải xô-sát nhau dữ, mà có lẽ kết-quả chỉ làm lợi cho bọn Anh Mĩ mà thôi; một là để huề với người Nga để cùng mưu lợi ở đất Tàu, đàng nào hơn, người Nhật cũng đã nghĩ lắm mới quyết. Cho nên hai bên thương-thuyết với nhau kể đã hàng năm hàng tháng tới giờ. Tuy trung-

gian có xảy ra vài việc phân-tranh, như vấn-đề bồi-thường những người Nhật bị giết ở *Nikolaïevsk*, vấn-đề nhượng-quyền đánh cá và quyền khai mỏ dầu ở *Sakhaline*, hai nước cũng có điều bất-bình với nhau, nhưng chắc là không phải vì mấy việc nhỏ-nhặt đó mà điều-ước đến chậm thành như thế. — Nay cái tình-hình nội-chính nước Nhật cũng có ảnh-hưởng đến ít nhiều. Từ thủ-tướng HARA bị giết, Nội-các TAKEHASHI bị đổ thời đảng *Seyukaï* (Chính-hữu-hội) là đảng bảo-thủ của Công-tước ITO lập ra khi xưa, mỗi ngày một sút kém thế-lực, bấy giờ chính-trào nước Nhật xoay hẳn về bên tả. Hai Nội-các lập lên tự tháng 6 năm 1922 đến tháng 12 năm 1923 là Nội-các của thủy-tướng KATO và Nội-các của thủy-tướng YAMAMOTO đều khuynh-hướng về bên tả. Bấy giờ người có thế-lực nhất trong Chính-phủ là Nam-tước GOTO công-nhiên chủ-trương sự dễ-huề với Chính-phủ Sô-viết. Đương khi ấy thì xảy ra việc mưu ám-sát Nhiếp-chính-vương, bấy giờ trông thấy cái nguy cách-mệnh mới tổ-chức ra Nội-các KIYURA để ngăn-ngừa lại. Nhưng ngăn cũng không được mấy. Cái phong-trào bình-đẳng tự-do mỗi ngày một mạnh, đến hồi tháng sáu năm ngoái thì được toàn-thắng, bấy giờ mới lập Nội-các KATO hiện đương cầm quyền bây giờ. Nội-các ấy lên cầm quyền thời lại hồi-phục cái chính-sách dễ huề với Nga như trước. Nhưng cớ sao phải đợi đến sáu tháng mới ký ước với Sô-viết ? Là vì Chính-phủ Nhật muốn theo sau liệt-cường Âu-châu, chứ không muốn đi trước. Thấy nước Anh hồi Nội-các MACDONALD đã sắp sửa thừa-nhận chính-phủ Sô-viết, lại thấy Nội-các HERRIOT nước Pháp gần đây công-nhiên thừa-nhận, nước Nhật bấy giờ mới quyết. Ý đã quyết rồi, chỉ còn phải lập-ước nữa mà thôi. Nay thế là ước đã ký xong rồi. Ta lại nên nhớ rằng ước này ký là ký tại Bắc-kinh, và hai đại-biểu hai nước là công-sứ Nhật ở Bắc-kinh, ông YOSHIZAWA, và đại-sứ Sô-viết ở Á-Đông ông KARAKHAN. Chính-phủ Sô-viết ở Á-châu ngày nay lại có thế lực mạnh hơn là Chính-phủ của Nga-hoàng khi xưa. »

. . .

Nhật với MĨ. — Vấn-đề Nhật với Mĩ, tuy gần đây không thấy nói đến, nhưng không phải là đã giải-quyết xong đâu. Có một nhà làm báo thường ký tên là « Tử-tước NAGAYAMA », mà nghe đâu chính là người Tây chứ không phải người Nhật, nhưng thuộc việc Nhật-bản và việc Á Đông lắm, gần đây có một bài báo nhắc lại về vấn-đề người Nhật ở Mĩ và nói rõ cái nguyên-nhân sâu-xa nó thế nào, xin lược-dịch mấy đoạn như sau :

« Người Nhật ngụ-cư ở Mĩ có 111.000 người, trong số đó thời 72.700 đàn-ông và 38.300 đàn-bà. Người Mĩ coi bọn Nhật-kiều đó như một hạng cùng-đinh hạ-bộ vậy. Nói rằng vì khác giống, nên khác lòng, nhưng kỳ-thực cái vấn-đề chủng-tộc không có quan-hệ gì vào đó, vì ở Mĩ hiện còn có tới 224.500 người Ấn-độ thuộc nước Anh, và cũng là người giống da vàng như người Nhật, chứ khác gì. Nếu người Mĩ sợ rằng người dị-sắc pha lộn với người mình không tốt thời cớ sao còn dung ở trong nước tới 5.000.000 người Hắc-chủng? Cớ sao không đuổi bọn đó ra ở đất *Libéria* tại Phi-châu kia, đất nay chính là một công-ti Mĩ lập ra thành dân-quốc tự năm 1822 ? Người Hắc-chủng ở Mĩ cũng lấy đàn-bà da trắng chứ có phải không đâu, mà lấy như thế lại đẻ ra những con nhuôm-nhuôm và bạc-tạp hơn là những con của người da vàng với da trắng lấy nhau. Xem thế thì đủ biết rằng người Mĩ khinh-miệt và bạc-đãi người Nhật, không phải vì cái vấn-đề chủng-loại, vấn-đề này đối với người Hắc-chủng thì không thấy người Mĩ nói đến bao giờ, chỉ thấy miệng tự-xưng là một dân-tộc bình-đẳng tự-do mà thực vẫn dùng bọn hắc-chủng làm tôi đòi, nể hơi phong-vận thấy phạm tội gì thì tha-hồ đánh chết, thậm như cái lối dã-man gọi là lối *Lynch*, như thế thì bình-đẳng với tự-do, công-lý với nhân-đạo để đâu cả ? — Chỉ là vì người Hắc-chủng

đề-hèn, chịu nhẫn nhục làm thân tôi-đòi trâu ngựa, nên người Mĩ để cho ở nước mình, còn người Nhật không chịu để cho người làm mất nhân-cách mình nên người Mĩ không ưa. Cứ thực mà nói, vấn-đề này rồi tất-nhiên thành cái hấn chiến-tranh nước Nhật với nước Mĩ, không khỏi được, dù có lấy cái cớ gì ở ngoài để gây việc binh-đao với nhau trong Thái-bình-dương này, rút cục cũng chỉ vì đó mà thôi. »

.·.

Sự võ-bị ở các trường học Nhật. — Cũng vì muốn dự-bị sự chiến-tranh tất-nhiên đó, nên mới đây Chính-phủ Nhật mới hạ một cái lệnh, trong nước nghi-luận lắm. Lệnh ấy là bắt học-sinh các trường phải theo học võ-bị như ở quân-đội cả, mà nghe đâu Chính-phủ muốn thi-hành ngay tự năm 1925 này. Từ trước đến nay thì trong chương-trình dạy thể-thao ở các trung-học-hiệu cũng có dạy tập võ một ít, như tập trẩy quân, tập giễu quân, tập bắn súng, tập bày trận; nhưng cách dạy như thế là tùy-ý học-trò, không có cưỡng-bách và lại mỗi tuần-lễ chỉ vài ba giờ mà thôi, và người dạy thời là những quân-quan về hưu. Nhưng mà muốn dạy võ-bị mà dạy sơ-sài như thế thôi, thời chắc là chưa đủ, cho nên theo chương-trình mới có ý chặt-chẽ hơn và công-nhiên là một môn dạy võ như trong quân-đội, chứ không phải là dạy thể-thao mà thôi. Những nguyên-nhân sở-dĩ đặt ra lệ mới đó, đại-khái tóm-tắt lại mấy điều như sau này: 1) Cái tinh-thần thượng-võ ở trong nước thấy mỗi ngày một kém sút, cần phải luyện ngay bọn thiếu-niên để vãn-hồi lại; 2) Vì lẽ tỉnh quân-phí phải bãi bớt đi 4 sư-đoàn, quân-đội giảm kém đi như thế, phải dùng cách khác để bù lại; 3) Hạn binh-dịch ngày nay có 2 năm, không đủ luyện được quân-lính tốt; có lẽ sau này lại phải rút xuống 18 tháng, vì cái khuynh-hướng trong xã-hội và vì sự yếu-cần về tài chính, như thế thì quyết là không đủ, vậy phải nghĩ cách tập-luyện thêm ở ngoài; 4) Hiện đã bãi 4 sư-đoàn từ cuối năm ngoái, thành ra 1400 người quân-quan không có việc; trong tháng 3 năm 1925 lại bãi về 250 người nữa. Những người ấy sẽ dùng để làm thầy dạy võ ở các trường, không đến nỗi phải vô-dụng. — Bởi thế nên Chính-phủ định rằng: 1) phàm các trung-đẳng-học-hiệu, hiện có 1200 cái, bất-luận là trường công hay trường tư, đều phải thêm một khoa võ-bị vào chương-trình, mỗi tuần-lễ là mấy giờ, sau sẽ định; 2) dạy khoa võ bị ấy là các quân-quan thuộc về ngạch thường-bị (tức là các quân-quan không có việc vì giảm quân-đội như trên kia đã nói), và các quân-quan ấy không thuộc quyền các hiệu-trưởng mà thuộc quyền các quan võ trên mình. Những quân-quan dạy võ ở các trường trung-đẳng thì lấy trong hàng thiếu-tá, và dạy ở các trường chuyên-môn thì lấy trong hàng đại-tá; 3) những học-sinh đã theo lớp dạy võ ở các trường trung-học thời đến tuổi chỉ phải tại-ngũ một năm mà thôi; học-sinh các trường sư-phạm thời phải tại-ngũ 6 tháng, và học-sinh các trường cao-đẳng và trường chuyên-môn phải 10 tháng. — Chính-phủ xướng ra cái nghị này là muốn làm một việc mà được lợi ba đường: vừa giữ được bọn quân-quan các sư-đoàn bị bãi; vừa giảm được binh-phí trong nước; lại vừa dạy được võ-bị cho bọn thanh-niên. — Nhưng cái nghị đó, quốc-dân Nhật xem ra không lấy làm hoan-nghênh, chỉ trừ trong quân-giới mà thôi. Học-giới thời không hoan-nghênh, phần nhiều là vì trong nghị định rằng các thầy dạy võ không thuộc quyền giám-đốc của các hiệu-trưởng. Đảng tự-do, lĩnh-tụ là Oziki Yukio, thời phản-đối nói rằng Chính-phủ làm việc đó là làm một điều quái lạ, tuổi thanh-niên là tuổi đương cần phải học nhiều thứ còn chưa đủ, lại có rảnh thì-giờ mà dạy cái nghề giết người! Lại đến chính bọn học-sinh, nhất là học-sinh các trường chuyên-môn và trường

sư-phạm, đều nhất-quyết không chịu, nếu Chính-phủ cố cưỡng bắt thì tất bọn đó vận-động bãi học.

. . .

Điều-ước nước Pháp với nước Xiêm. — Chính-phủ Pháp với Chính-phủ Xiêm đã mấy lâu nay thương-thuyết để định-định một cái điều-ước, kể bắt đầu từ khi tòa Nội-các POINCARÉ còn cầm quyền, mãi đến trung-tuần tháng 2 tây năm nay mới xong, mới có điện nói rằng điều-ước đã ký rồi. Nước Pháp bắt đầu ký ước với nước Xiêm từ điều-ước ngày 15 tháng 7 năm 1867, nước Xiêm cam-đoan nhận quyền bảo-hộ của Pháp ở Cao-miên, mà Pháp thì nhường cho Xiêm hai tỉnh *Battambang* và *Angkor* (hai tỉnh này rồi điều-ước ngày 26 tháng 4 năm 1907 lại trả lại cho Pháp.) Từ đấy hai bên đã nhiều phen định-ước với nhau, như ký bản phụ-ước (*acte additionnel*) ngày 14 tháng 7 năm 1870 định những thuế-ngạch các nhà cùng xưởng lập lên ở trên bờ « Bể hồ » (*Grand Lac*) để đánh cá; rồi đến điều-ước ngày 3 tháng 10 năm 1893, Chính-phủ Xiêm cam-đoan không xâm-phạm đến các đất ở tả-ngạn sông Cửu-long cùng các cù-lao ở trên sông; rồi đến điều-ước ngày 13 tháng 2 năm 1904 định rõ-ràng địa-giới nước Xiêm cùng các hạt thuộc về Đông-Pháp, và kể tường các quyền-lợi trách-nhiệm của hai bên; sau hết đến điều-ước ngày 23 tháng 3 năm 1907, hoàn lại cho nước Pháp ba tỉnh *Battambang*, *Siemréap* và *Sisophon*. Nay đến cái ước vừa ký mới rồi thời đối với nước Pháp có được điều gì mới lạ không? — Nước Xiêm trong khoảng mấy năm sau này, theo gương nước Nhật-bản, đã thấy tấn-tới được nhiều, có người lo xa trông thấy thế tưởng là một sự không hay cho Đông-Pháp ta. Nước Xiêm tấn-tới nhất về đường kinh-tế và đường quân-bị (1). Cứ số thống-kê gần đây thời dân-số tăng lên mau lắm, năm 1907 mới có 7 triệu rưỡi, năm 1909 tăng lên 9 triệu rưỡi, mà số buôn-bán xuất-cảng nhập-cảng thời cứ mỗi năm một tăng lên đều-đặn. Lại tiền thuế tàu mỗi năm cũng tăng, mà số tàu-thuyền xuất-nhập ở cửa *Bangkok* hiện nay mỗi năm hơn 2 triệu tấn. Còn về đường quân-bị thời như kỳ trước đã nói, quân-đội nước Xiêm ngày nay đã chỉnh-bị lắm, khiến cho có người ngờ nước ấy có cái chí xâm-lược gì. Nay cái điều-ước vừa rồi có lẽ cũng đủ làm cho yên được bụng lo ngờ đó. Điều-ước vừa rồi là ông thủ-tướng HERRIOT nước Pháp cùng với thân-vương CHAROON nước Xiêm ký ở *Paris*. Nhưng việc tự tay ông thân-vương PURACHATRA là em vua Xiêm bây giờ đã dự-bị từ trước. Điều-ước buộc hai nước Pháp và Xiêm phải tôn-trọng bờ-cõi của nhau trong bán-đảo Ấn-độ-Chi-na, vì muốn phòng sự dụng-binh để gây việc chiến-tranh thời bắt hai bên phải đặt quân xa nơi địa-giới ra; lại khi nào hai bên có việc gì phân-tranh thời cam-đoan với nhau phải đem ra tòa án Vạn-quốc ở *La Haye* xử, không được nhân đó làm cớ đánh nhau. Điều-ước lại nhận cho nước Xiêm được quyền độc-lập về thuế thương-chánh, và khi nào các cường-quốc khác cũng thuận thế thì được quyền tự-do hành-động đối với thương-nghiệp nước Pháp. Hiện nay nghe đâu mới có một nước Đức thuận cho nước Xiêm như thế, Đức đã ký với Xiêm một cái thương-ước lợi cho Xiêm lắm. Không những thế, Đức lại thuận cho người Xiêm được đãi bằng-đẳng với người Đức về đường quốc-tế. Đức làm thế là muốn lấy lòng Xiêm để thu-phục lấy cái địa-vị của mình trước khi chiến-tranh — Một điều nữa trong điều-ước cho người Pháp được quyền mua điền-thổ ở Xiêm. Điều-ước năm 1907 cũng đã nói rằng: « Phàm dân bảo-hộ của Pháp ở Xiêm đều được đãi bằng-đẳng như người bản-dân nước Xiêm, thứ nhất là

(1) *Về quân-bị nước Xiêm, xem* Thời-đàm *kỳ trước.*

được quyền sở-hữu về điền-thổ ». — Còn quyền thẩm-phán của lãnh-sự Pháp được xét xử người Pháp phạm tội ở đất Xiêm, quyền ấy định trong điều-ước năm 1904 (điều thứ 12) và năm 1907 (điều thứ 5), thì trong điều-ước mới này định bãi-bỏ. Điều - ước năm 1907 cũng đã từng nói rằng : « Phàm người dân thuộc quyền bảo-hộ nước Pháp ngụ-cư ở Xiêm có phạm-tội thời thuộc các tòa án Xiêm xử ». — Xem như thế thì điều-ước này là điều-ước giao-hiếu hai nước Pháp Xiêm với nhau và có trực-tiếp quan-hệ với cõi Đông-Pháp này. Hai nước đã có tình tốt với nhau như thế thì việc Đông-Pháp chắc không phải lo-lắng gì, và những người lo xa rằng sự «ở láng giềng» với nước Xiêm có cơ nguy - hiểm cho Đông-Pháp, tưởng có thể từ nay yên tâm trong lâu năm vậy.

Theo các báo Tây thời điều-ước này tuy giữ được sự yên-ổn cho Đông-Pháp, nhưng lợi nhất là cho nước Xiêm, từ nay được hoàn-toàn độc-lập, không phải hạn-chế gì vì người ngoài nữa. Lợi nhất là về hai khoản : một khoản là bãi quyền thẩm-phán của lãnh-sự ngoại - quốc, tức trong Vạn-quốc-công-pháp gọi là « trị ngoại pháp-quyền » (*exterritorialité*), nghĩa là từ nay bao nhiêu người ngoại-quốc, — tức đây là người Pháp, — trú - ngụ ở địa - hạt nước Xiêm phải theo pháp-luật và quyền thẩm-phán của Xiêm cả, không có như trước ở nước người mà vẫn theo luật - pháp riêng của nước mình, vì trước kia liệt-cường đối với nước Xiêm vẫn coi như một nước dân em, cho luật-pháp còn khiếm-khuyết, chưa đủ xử - xét người ngoại - quốc được công-bằng, nên không chịu phục, nay chịu như thế tức là đãi Xiêm bằng-đẳng với mình, thật cũng là một điều vẻ-vang cho Xiêm vậy ; — một khoản là Xiêm được quyền tự-do định thuế thương - chánh về các đồ hàng Pháp vào nước mình, không bị các thương-ước cũ hạn - chế, vì trước kia đồ hàng Pháp cũng như đồ hàng của nhiều nước Âu-châu khác được đặc-lệ trả thuế thương - chánh rất nhẹ, nhẹ hơn cả quan - thuế của Tàu và Thổ - nhĩ - kỳ, như thế thiệt cho công - khố nước Xiêm nhiều lắm, nay đặc-lệ ấy các nước lục-tục chịu bãi dần, và nước Pháp thời trong điều-ước này đã công-nhiên bãi vậy. Thế là từ nay nước Xiêm được rõ ràng đứng vào bậc liệt-cường ở Á-Đông. Vẻ - vang thay cho nước Xiêm !

. . .

Thời-cục nước Tàu (*theo báo Tàu*). — Gần đây về phương Bắc nước Tàu đã trừ hết được thế-lực phái Trực-lệ, nhưng lại khởi lên ba phái có thế-lực lớn : 1o Phụng-phái (Trương Tác - Lâm) ; 2o Quốc-dân-quân phái (Phùng Ngọc - Tường) ; 3o Đoàn-phái (Đoàn Kỳ-Thụy). Trong ba phái ấy vẫn sợ có điều xung-đột với nhau, đã ước-định trước rằng trừ hết được Trực-phái rồi, thì quân Phụng-thiên không được tiến vào cửa quan nữa ; mà Đoàn Kỳ-Thụy thì không được dùng những người cũ về đảng An-phúc. Quốc - dân-quân thì tán - trợ các phái ở Thiên-tân, triệu-tập quốc-hội để giải-quyết thời-cục. Nhưng về sau quân Phụng-thiên vẫn tràn vào Tân Kinh, đã xuýt nữa hẳn-học sinh-sự với quốc-dân-quân đóng ở Trực-lỗ, mà Đoàn thời vẫn bị phái An-phúc họ bó-buộc, cái thái-độ không được như trước.

Lý Cảnh - Lâm 李景林 là phái quân Phụng-thiên muốn giữ lấy Trực - lệ làm phần địa-bàn của mình, bách quốc-dân-quân Tôn Nhạc 孫岳 phải đem bộ - quân mình ra khỏi đất Bảo-định. Nhưng Tôn Nhạc không chịu lui, lại rút cả cánh quân sắp đi Hà-nam đem về đóng ở Bảo-định. Một mặt thì cho các tướng-lĩnh xin với Chính-phủ bổ-nhiệm Tôn làm Trực-lệ tỉnh-trưởng, để duy-trì giữ lấy binh-quyền ở Bảo-định. Nhưng Trương Tác-Lâm thì có ý bênh Lý mà đè nén Tôn. Phùng Ngọc - Tường, Hồ Cảnh-Dực thì bênh-vực cho Tôn. Chánh-phủ Tàu phải liệu-thế điều-đình cho hai phái khỏi xung-đột nhau. Đối với đảng Phùng Ngọc - Tường thì bổ-nhiệm Trương Chi-Giang 張之江 làm Đô-thống Sát-cáp-nhĩ, Lý Minh-Chung 李鳴鐘 làm Đô-thống Tuy-

viễn, và để cho Phùng làm đốc-biện biên-phòng đem quân giữ về phía tây-bắc. Đối với đảng Trương Tác - Lâm thì để cho Trương làm đốc-biện biên-phòng về phía đông-bắc. Còn như Lý Cảnh-Lâm (đảng Trương) với Tôn Nhạc(đảng Quốc-dân-quân) tranh nhau giữ Trực-lệ, thì vấn đề cho Tôn đóng quân ở Trực-lệ, để liên-lạc với Quốc-dân - quân đóng ở Kinh-Hán thiết - lộ. Nhưng một mặt lại bổ-nhiệm cho Tôn Nhạc làm Tổng-tư-lịnh ở Hà-nam, Thiểm-tây, Cam-túc. Đó là ý vẫn để phần Trực-lệ cho Lý Cảnh-Lâm. Chính-phủ Tàu điều-đình như thế cũng rất là khó-tâm. Nên ngày 11 tháng giêng năm 1925 Trương đã rút quân về Phụng-thiên, mà ngày 13 thì Phùng Ngọc-Tường cũng rút quân đi tuần-thị về phía tây-bắc, như thế thì hai đảng có thế-lực lớn ở phương Bắc mới không đến nỗi xung-đột nhau.

Thiện-hậu hội-nghị. — Đoàn Kỳ-Thụy từ khi mới vào làm lâm-thời tổng-chấp-chính có tổ-chức ra một hội-nghị thiện-hậu, cứ theo điều-lệ thứ hai phân ra các hạng người tư-cách dự-hội như sau : 1) Có huân-lao lớn với nhà nước như Tôn Văn, Lê Nguyên-Hồng hai người; 2) Các thủ-lĩnh có công về việc phá đồ bọn ăn hối-lộ mà bầu Tào Côn ; 3) Các trưởng-quan hiện-nhiệm ở các tỉnh Mông, Tàng, Thanh-hải ; 4) Các người có tư-cách phẩm-vọng học-thuật kinh-nghiệm. Gồm tư-cách bốn hạng người trên đó ước độ một trăm ba-mươi người, đã thông-điện cho mời định vào đầu tháng hai trở lại thì hội-nghị ở Bắc-kinh. Nhưng cái tư-cách hội-nghị thiện-hậu này khác với quốc-dân hội-nghị, nên cũng có nhiều người phản-đối tạ-tuyệt không vào dự-hội. Còn Tôn Văn chính là quốc-dân-đảng thủ-lĩnh thì chỉ yêu-cầu cho toàn-thể quốc dân được chín hạng người được cử đại-biểu vào dự-hội, chứ tự mình thì không có tranh gì cái danh-dự hội-nghị. Nhưng về đầu tháng hai này chưa biết cái hội-nghị ấy đã quyết-định xong được việc gì chưa.

Mặt Trường-giang. — Mặt Trường-giang từ khi Đoàn Kỳ-Thụy vào làm tổng-chấp-chính cũng không có phản-đối điều gì cả. Nhưng vẫn còn quyết-liệt tranh nhau. 1) Hồ-bắc là thuộc về phần Trường-giang thượng-du, hồi tháng chạp năm ngoái Hồ Cảnh-Dực 胡景翼 có đem toàn quốc-dân-quân tự phương bắc kéo xuống, định xâm vào Võ-xương Hán-khẩu. Nhưng toàn-tỉnh Hồ-bắc phản-đối không muốn cho thế-lực ngoài xâm vào. Tiêu Diệu-Nam 蕭耀南 cùng với các đảng quân-nhân ở Hồ-bắc cũng đã dự-bị binh-lực để chống giữ. Một mặt thì thông-điện lên Bắc-kinh xin chỉ-chỉ các mặt quân đừng có xâm vào, vì thế mặt Hồ-bắc cũng tạm yên. 2) Giang-tây là thuộc về đoạn giữa Tràng-giang, hồi tháng chạp năm ngoái Đàm Diên-Khải 譚延闓, (về đảng quân bắc-phạt của Quảng-đông), nhân khi Phương Bản-Nhân 方本仁 đem quân đi đuổi Sài Thành-Huân 蔡成勳, thì Đàm đem quân theo sau đánh lấy Chương-châu rồi tràn vào Cát-an. Khi ấy Tôn Văn nhân ở Thiên-tân có nói với Đoàn Kỳ-Thụy xin cho Lý Liệt-Quân 李烈鈞 làm Giang-tây tỉnh - trưởng để cho thêm thế-lực về đảng-phái của mình. Nhưng Đoàn trước đã đính-ước với Phương Bản-Nhân, cứ để cho Phương đốc - biện Giang-tây. Phương lại kết-liên với Lâm Hổ 林虎 đánh đuổi quân của Đàm Diên-Khải về Quảng - đông, thu-phục lại Chương - châu và Cát-an, mặt Giang-tây như thế cũng tạm yên. 3) Giang-tô (tức Nam - kinh) là thuộc về phần Trường-giang hạ-du. Lúc Tề Nhiếp-Nguyên 齊燮元 bỏ Nam-kinh đi Thượng-hải, thì do Hàn Quốc-Quân 韓國鈞 thu xếp việc Giang-tô. Lư Vĩnh-Tường 盧永祥 đem quân Phụng-thiên đóng ở Từ-châu cũng không xuống miền Nam nữa. Nhưng chỉ vì Trần Lạc-Sơn 陳樂山 về ngày 24 tháng chạp năm ngoái tự-xưng là phụng mật-lịnh chính-phủ cho đến Tùng-giang làm chức sư-trưởng sư-đoàn thứ tư. Song Tôn Truyền-Phương 孫傳芳 không thấy tin thông-báo trước, sợ rằng Trần Lạc-Sơn đem quân xâm vào Chiết-giang, liền phái binh đánh đuổi quân Trần, thừa-cơ lại kéo đến Thượng-hải. Vì thế Lư Vĩnh-Tường đóng ở Từ-châu cũng

đem quân Phụng-thiên tiến xuống miền Nam. Ngày 10 tháng giêng Lư tiến quân vào Nam-kinh. Tề Nhiếp Nguyên ở Thượng-hải vận-động bọn sư-đoàn thứ 6 và thứ 19 của Cung Bang-Đạc 宮邦鐸 nổi lên đuổi Cung đi. Tề lại liên-lạc với Tôn Truyền-Phương đem quân đuổi cả Trương Doãn-Minh 張允明 ở Thượng-hải đi. Tề, Tôn hai người chiếm-giữ Thượng-hải, chống cự lại quân Phụng-thiên. Ngày 17 tháng giêng năm 1925 quân Tề ở Chấn-giang có giao-chiến với quân Phụng-thiên. Quân Tề thua chạy về Vô-tích. Chính-phủ Trung-hoa thấy gây ra chiến-sự như thế, liền hạ-lịnh ủy-lạo Tôn Truyền-Phương. Một mặt thì cho Lư Vĩnh-Tường đốc-biện Giang-tô quân-vụ, và sai Ngô Quang-Tân 吳光新 đem quân Phụng-thiên xuống miền Nam tra hỏi việc Tề Nhiếp-Nguyên, làm cho Tôn Tề phân-ly ra thì chiến-sự ở Giang-tô mới yên được.

Tôn Văn lên miền bắc. — Tháng 11 năm ngoái Tôn Văn tiếp được thông-điện mời lên Bắc-kinh. Ngày 4 tháng 12 Tôn mới đến Thiên-tân, thì các lĩnh-tụ dân-đoàn ở Thiên-tân hoan-nghênh một cách rất long-trọng. Khi Tôn vào đến Bắc-kinh thì Chính-phủ Trung-hoa cũng phái người ra hoan-nghênh trọng-thể. Tôn lưu ở kinh còn phải chữa bệnh, theo lời thầy thuốc dặn cũng không có tiếp tân-khách nào cả. Duy có đảng quốc-dân theo Tôn vào đó vẫn phản-đối hội-nghị thiện-hậu mà thúc-giục khai quốc-dân-hội-nghị.

Gần đây được tin Tôn đã mắc bệnh nặng và tạ-thế tại Bắc-kinh, hiện còn quản ở chùa Bạch-vân-tự đợi xây lăng ở Nam-kinh rồi đem về chôn ở đấy. Thế là ông tổ Cách-mệnh ở nước Tàu đã lìa trần trước khi trông thấy cái công-nghiệp của mình được hoàn-toàn vậy.

Việc trong nước

Đông-Pháp đối với vấn-đề nha-phiến. — Bản-chí đã mấy lần nói về vấn-đề nha-phiến và Hội-nghị « cấm-yên » ở *Genève*. Hội-nghị này họp từ cuối năm ngoái, nhưng bàn-bạc phân-vân, chưa quyết-nghị ra thế nào. Trong vấn-đề nha-phiến, quan-hệ đến nước Pháp duy có Đông-Pháp. Ở Đông-Pháp thời không sản thuốc phiện, nhưng bán thuốc phiện là Chính-phủ giữ chuyên-quyền. Cái quyền chuyên-mãi đó, mỗi năm cống-hiến cho công-khố được ngót hai-mươi triệu bạc. Nay ví nhất-đán bỏ đi lại hại cho tài-chính của bản-xứ nhiều lắm. Nhưng thuốc phiện là một chất độc hại người, vạn-quốc vì nhân-đạo phải họp hội-nghị để nghĩ cách hạn-chế lại. Chính-phủ Pháp phải làm thế nào để cho vừa hạn-chế được sự tiêu-dùng nha-phiến, lại vừa không hại đến tài-chính của Đông-Pháp ? Đó là cái vấn-đề các đại-biểu Pháp phải quyết-nghị ở *Genève*. Nước Pháp trước có phái một ông quan bộ Ngoại-giao làm đại-biểu, nhưng Hội-nghị bàn mãi không quyết xong, sau phải phái hẳn ông Thuộc-địa bộ Tổng-trưởng Daladier để thay mặt Chính-phủ Pháp ở *Genève* cho có giá-trị hơn. Nay muốn biết vấn-đề ấy phiền-phức là đường nào, xin lược-dịch mấy bài báo của một ông nghị-viên Pháp thường chuyên về các việc ngoại-giao và việc thuộc-địa. Ông nghị Edouard Néron, có chân hội ủy-viên xét việc Thuộc-địa ở Thượng Nghị-viện, có viết mấy bài về « Đông-Pháp đối với vấn-đề nha-phiến » trong báo *Annales Coloniales*, đại-khái nói rằng : « Hội-nghị nha-phiến bàn mãi không xong, ngày 15 tháng 12 năm ngoái đã tạm đình lại ít lâu, nay nước Pháp phái ông Daladier, nước Anh phái Lord Cecil, hai người đều là tay yếu-nhân trong chính-giới hai nước, chắc chuyến này việc phải quyết-nghị xong. — Xét về đường nhân-đạo, thì vấn-đề nha-phiến không có quan-hệ cho đất Đông-Pháp mấy tí, vì Chính-phủ đã đặt cách hạn-chế cho cái thói xấu hút thuốc phiện không lan rộng ra trong dân-gian được ; và người dân tuy vậy cũng không hút mấy tí và không ưa gì cái ác-tật đó. — Số nhiều người hút là người Tàu, bất-quá là khách tạm-trú, chỉ đến để kiếm lời rồi vét của đem về nước mình, chứ không có hòa lẫn với

người dân bản-xứ. Hạng đó, Chính-phủ địa-phương liệt vào hạng « Á-châu ngoại-dân » (*Asiatiques étrangers*), đối-đãi một cách nghiêm-khắc, đánh thuế thân, thuế môn-bài cùng các thứ thuế khác rất nặng ; nhất là ở Nam-kỳ và Cao-miên, một khoản thuế người Khách mỗi năm cũng thu được nhiều. Như thế thời bọn Khách nào giàu-có mới có thể ở được, bọn đó tất là có tiền mà hút thuốc, hút bao nhiêu càng lợi cho công-khố bản-xứ bấy nhiêu, vì khác nào như khấu-trừ lại được một phần cái tiền của Khách họ vét đem về nước họ, nếu không thì họ cũng đem đi hết. Những tiền thu được ấy là thu vào khoản « thuế gián-tiếp » (*Contributions indirectes*), và khoản « Chuyên-mãi-cục » (*Régie*) mà hai khoản ấy lại là phần dồi-dào nhất trong công-khố Đông-Pháp. Xét ra những một khoản thu-nhập về thuốc phiện, mấy năm trước kia cũng được mỗi năm tới 20 triệu bạc mà ngay năm ngoái đây còn được hơn 14 triệu. Nếu nhất-đán bãi khoản ấy đi, thì mỗi năm thiếu cho công-khố bấy nhiêu tiền, lấy ở đâu mà bù vào ? Tất phải tăng thuế người dân, vừa dân bản-xứ vừa dân Tây. Nhưng thuế bây giờ đã nặng rồi, người dân đã thấy phàn-nàn rồi, tăng thêm lên nhiều nữa không được. Nếu nay hạ-lệnh nhất-luật cấm thuốc phiện, hay là giảm đi dần-dần theo như luật ngày 12 tháng 7 năm 1916, thời không khỏi ảnh-hưởng đến việc tài-chính mà lại cũng không thấy lợi gì về đường nhân-đạo. Vì khởi ra nghị cấm-yên là tự nước Tàu và nước Anh, rồi nước Mĩ và các cường-quốc Âu-châu khác cũng đua theo, nhưng giả-danh là vì nhân-đạo mà kỳ-thực là nước nào cũng muốn giữ lấy lợi-quyền của mình. Tàu và Ấn-độ thuộc Anh đều là những xứ sản nha-phiến nhiều cả, nay xướng-suất lên việc cấm-yên chẳng qua là lợi-dụng cái lòng trọng nhân-đạo của Hội Vạn-quốc để mưu cho các nước khác phải hạn-chế mà tự mình được tự-do. Nói về sự hạn-chế thì hiện ở Đông-Pháp vẫn đã có hạn-chế rồi, duy cấm hẳn thì hại cho tài-chính mà không lợi gì về nhân-đạo, vì hiện nay Chính-phủ giữ quyền chuyên-mãi còn có cách giám-đốc, tức là hạn-chế được sự sản-xuất và sự tiêu-dùng thuốc phiện, chứ nếu không can-thiệp nữa mà chỉ hạ-lệnh cấm suông mà thôi, thời người nghiện không thể nào cấm cho không nghiện được, và trong một cõi đất to rộng như thế cách canh phòng cũng không sao cho xiết được, chỉ tổ làm cái ngòi cho phường buôn lậu mà thôi. Ngay như nước Mĩ, việc cảnh-sát hoàn-bị hơn ở Đông-Pháp biết bao nhiêu, mà lệnh cấm rượu cũng không thi-hành được hoàn-toàn, kẻ buôn lậu rượu vẫn còn nhiều, huống là Đông-Pháp. Việc cấm-yên muốn cho thực thành-hiệu, thì phải các nước thực-ý đồng lòng với nhau, và Hội Vạn-quốc phải có cách đàn-áp những nước nào sai ước. Hiện nay chưa được như thế, thời chỉ nên định cái đại-cương để mỗi nước tùy tình-thế riêng của mình mà thực-hành được tới đâu hay đó, không nên miễn-cưỡng vậy. » — Ấy ý-kiến ông nghị-viên Nérson về vấn-đề nha-phiến như thế. Nhưng ra đến Hội-nghị thời đại-biểu nước Mĩ cứ khăng-khăng xin Vạn-quốc định một hạn mười năm, các nước phải cam-đoan cấm tiệt thuốc phiện trong địa-hạt mình. Ông Daladier thay mặt Chính-phủ Pháp cũng phải tuyên-bố rằng nước Pháp xin cam-đoan trong hạn 15 năm cấm tiệt thuốc phiện trong địa-hạt Đông-Pháp, nhưng phải rằng trước hết và trong hạn hai năm sau khi giải-tán hội-nghị các lân-bang phải hoặc là cấm hẳn trồng nha-phiến, hoặc là giảm sự sản-xuất nha-phiến đi rất nhiều mới được, mà sự cấm hay giảm ấy phải có hội-đồng Hội Vạn-quốc công-nhiên chứng-nhận mới được. Ông Daladier lại xin với Hội-nghị đặt một hội ủy-viên 16 người chọn trong đại-biểu các nước ở Hội-nghị nha-phiến kỳ thứ nhất và thứ nhì, để nghiên-cứu và thảo-luận về lời bàn của các đại-biểu Mĩ, Pháp và Anh. Hội ủy-viên ấy xét xong thời sẽ làm tờ trình cho Hội-nghị sẽ đặt đại-hội-đồng để quyết-nghị. Hội ủy-viên hiện đã tổ-chức xong rồi, khi nào làm việc xong và đem ra cho đại-hội-đồng quyết-nghị thì lập-tức sẽ ký hiệp-ước ngay. Ông Daladier lại sẽ thay mặt Chính-phủ Pháp mà ký ước với Vạn-quốc.

. . .

Quan Toàn-quyền Merlin về Pháp, quan Thống-sứ Monguillot sang thay. — Quan Toàn-quyền Merlin

đến trung-tuần tháng 4 tây sẽ về nghỉ bên Pháp và nhân-thể thương-thuyết với quan Thuộc-địa về mấy việc quan-trọng ở Đông-Pháp, như việc mộ quốc-trái để làm đường xe lửa. v.v.. Có tin quan Thống-sứ Bắc-kỳ MONGUILLOT sẽ sang quyền chức Toàn-quyền trong khi quan Toàn-quyền về nghỉ. — Quan Toàn-quyền MERLIN từ khi sang lĩnh trọng-chức ở bên này tới nay, mới được 20 tháng, chưa đủ thì-giờ làm được nhiều việc to-tát, nhưng có một việc quốc-dân ta cũng nên nhớ ơn ngài là việc sửa đổi lại chương-trình tiểu-học, cho ba năm đầu được học bằng chữ quốc-ngữ, lại đặt ra một khóa thi sơ-học-yếu-lược để chuẩn-chứng cho sự học quốc-ngữ ấy. Việc cải-cách này nếu các nha Học-chính chịu tất-lực thi-hành cho đến nơi đến chốn thời sẽ có ảnh-hưởng trong dân-gian lắm. Sau này, nếu được kết-quả tốt, thật là công của quan Toàn-quyền MERLIN đã không quản lời dị-nghị của kẻ nọ người kia mà quyết-nghị một việc hợp với dân-tình bản-xứ.

. . .

Thể-lệ thi bằng sơ-học yếu-lược bằng quốc-ngữ. — Sự cải-cách của quan Toàn-quyền MERLIN và quan Học-chính DE LA BROSSE về bậc sơ-đẳng tiểu-học bằng quốc-ngữ, đã thấy lục-tục thi-hành. Nha học-chính Bắc-kỳ và Trung-kỳ đã định thể-lệ thi bằng sơ-học yếu-lược, quan Toàn-quyền đã duyệt-y rồi. Nay lục đăng các thể-lệ thi ở Bắc-kỳ như sau này :

Cứ mỗi niên-học, bắt đầu từ ngày 1er Mai trở đi, thi cấp văn-bằng Sơ-học yếu-lược (Certificat d'études élémentaires indigènes).

Kỳ thi sẽ mở ra ở thành-phố hay là các tỉnh trong hạt Bắc-kỳ, học-trò tỉnh nào thời thi tỉnh ấy, mà kỳ thi tỉnh nọ phải xê-xích kỳ thi tỉnh kia mấy ngày, để tiện cho các viên giám-khảo, và thứ nhất là quan Thanh-tra các trường, được dự vào các hội-đồng sát-hạch.

Trước hôm thi, thì học-trò phải đầu-đơn ít ra là một tháng rưỡi. Những thí-sinh phải đúng *mười tuổi* (tính theo tuổi tây) là kể đến ngày 31 décembre trong năm mình đi thi. Những học-sinh trường công và trường tư thuộc về tỉnh nào, thì cứ thi ở tỉnh ấy, cấm không được sang tỉnh khác.

Những học-trò học ở trường công và trường tư thì đệ đơn lên ông đốc-học; còn những học-trò không học trường nào, mà tình-nguyện đi thi, thì nộp đơn đến lý-trưởng hay là trưởng-phố để đệ lên tỉnh.

Hội-đồng chấm thi thì do quan thanh-tra các trường ở mỗi địa-phương đề-cử, để quan Đốc-lý hay là quan Công-sứ định. Hội-đồng ấy có một quan thanh-tra các trường hay là một quan Tây làm chủ-khảo, một quan ta (hoặc tri-huyện, tri-phủ, tri-châu) làm phó chủ-khảo và các nam-nữ giáo-viên, tùy theo số thí-sinh nhiều ít mà định, làm hội-viên.

Chương-trình thi tức là chương-trình học ở lớp Sơ-đẳng trong các trường sơ-học Pháp-Việt. Thi viết và thi vấn-đáp, đều bắt buộc phải thi bằng quốc-ngữ, còn bài thi chữ Tây thì tùy ý chứ không ép.

Những bài thi viết như sau này:

A. Bài thi bắt-buộc

1o Một bài ám-tả độ 8 hay 10 dòng, có chừng năm câu hỏi.

2o Một bài luận dễ (tả-cảnh, ký-sự, viết thư, vân-vân).

3o Hai bài tính đố về bốn phép và phép đo, có cả lời giải.

4. Thi bài ám-tả tức là thi cả viết tập.

B. Bài thi tình-nguyện

5 Bài ám-tả bằng chữ tây dễ, độ 8 hay 10 dòng, tập dịch ra quốc-ngữ.

Mỗi bài thi viết chỉ hạn có 45 phút thôi.

Kỳ vấn-đáp như sau này :

A. Thi bắt-buộc

1. Tập đọc một bài quốc-ngữ dễ, quan-trường hỏi mấy câu.

2. Hỏi về luân-lý, lịch-sử và địa-dư.

3. Hỏi về phép tính miệng và những điều thường-thức như là vệ-sinh, canh-nông, nuôi súc-vật vân-vân.

B. Thi tình-nguyện

4. Đọc một bài tập đọc bằng Pháp-văn có câu hỏi.

Một bài thi vấn-đáp chỉ hạn chừng 5 phút mà thôi.

Điểm số các bài, thì cứ tính từ 0 cho đến 10. Người thí-sinh nào thi kỳ viết mà tính cộng điểm số được 20 thì mới được vào vấn-đáp. Tổng-cộng hai kỳ được 35 điểm thì mới được đỗ.

Những người học-trò nào được cấp văn-bằng Sơ-học yếu-lược này thì khi vào học lớp nhì (cours moyen) không phải thi nữa.

Giới-thiệu sách mới. — *Âu-học tùng-đàm.* — Gần nay sách quốc-ngữ xuất-bản cũng đã nhiều, các báo-chí không mấy ngày là không giới-thiệu sách mới, nhưng xét ra những sách có bổ-ích về đường thể-dục, đức-dục, tri-dục cho các bạn thiếu-niên, thì thực là hiếm có. Bản-chí vẫn ước mong các bậc lão-sư túc-nho lưu-tâm đến việc trước-thuật, đem những điều tinh-hoa quốc-túy mà soạn-thuật ra quốc-văn, để cho mọi người đều được phổ-thông, đọc những truyện ích cho thần-trí, còn hơn là đọc những tích hoang-đường thêm rối trí khôn; đọc những truyện bổ cho luân-thường, còn hơn là xem những tích thương đến phong-hóa. Nay mới thấy quyển *Âu-học tùng-đàm* của cụ Lương Văn-Can hiệu là Ôn-như mới xuất-bản. Trong sách chia làm ba mục: 1° là Thể-dục nói về những sự-tích làm cho thân-thể khỏe mạnh; 2° là Đức-dục nói về những truyện luân-lý cương-thường; 3° là Tri-dục nói về những truyện làm cho mở-mang tri-khôn. Cuối cùng lại có phụ một bài về quốc-sử nữa. Phàm những tích xưa truyện cũ, có ích cho phong-hóa luân-thường, không thiếu một chuyện gì, lời văn gọn-gàng, ý-tứ khuyên răn chu-chí, ai cũng nên xem đó mà làm gương, nhất là các bạn thanh-niên hậu-học phải nên xem những sách có ích cho thể-dục đức-dục tri-dục ấy hơn là xem những sách vô-ích. Sách in hơn một trăm trang, chữ rõ dễ xem, in bán tại nhà in Thụy-ký, giá bán 0$30.

—*Sản-dục yếu-khoa.* — Là Sách nói về khoa sản-dục của đàn-bà, của ông Nguyễn Di-Luân chủ hiệu bào-chế Song-hoa ở Nho-quan tỉnh Ninh-bình, mới soạn ra, trước nhất nói về cách phòng-bị lúc sinh đẻ, rồi đến mục hoài-thai, sau lại phụ thêm những điều về cách nuôi con. Sách có hai phần: một phần chữ nho, một phần quốc-ngữ, in tại nhà in Đông-kinh ấn-quán hàng Gai Hà-nội, giá bán 0$40.

TẬP KỶ-YẾU CỦA HỘI KHAI-TRÍ-TIẾN-ĐỨC

Giấy xin vào Hội. — *Trong tháng mới rồi có những ông kê tên sau này có giấy xin vào Hội, hạn hai tháng, trong các hội-viên ngài nào có điều gì dị-nghị xin viết thư về cho Hội biết.*

Xin vào chân chủ-trì

1. — *Ông Nestor Gouyen (Nguyễn Trọng-Tuệ), commis de Chancellerie H. C, attaché au Cabinet du Gouverneur Général de l'Indochine, Hanoi.*

2. — *Ông Nguyễn Đức-Nhuận, buôn-bán, làng Thuận-vi, tổng Thuận-vi, huyện Thư-trì, tỉnh Thái-bình.*

3. — *Ông Nguyễn Trọng-Điềm, giáo-học, Phố Hàng Quạt, số 20 Hà-nội.*

4. — *Ông Nguyễn Văn-Thái, secrétaire à la Compagnie du Yunnan, 46 rue Jules Ferry, Hanoi* (do ông Nguyễn Cao-Cương giới-thiệu).

5. — *Ông Đặng Chí-Hiếu, hiệu Phúc-long, buôn-bán, 7 Rue des Caravanes, Lao-kay* (do ông Nguyễn Cao-Cương giới-thiệu).

6. — *Ông Trương Văn-Đắc, hiệu Vạn-phúc, buôn-bán, 93 Rue Broni, Hanoi,* (do ông Nguyễn Cao-Cương giới-thiệu).

7. — *Ông Bùi Mạnh-Trý, thư-ký sở Hỏa-xa Vân-nam. 1 ter Rue du Pont-en-bois, Hanoi* (do ông Nguyễn Xuân-Lan giới-thiệu).

8. — *Ông Bùi Hữu-Quế, secrétaire principal à la Compagnie du Yunnan, à Tche-ts'ouen (Chine)* (do ông Nguyễn Xuân-Lan giới-thiệu).

9. — *Ông Lê Quang-Trác, secrétaire comptable à là Compagnie du Yunnan (Service V. et B), voie 75, n° 4 (suite boulevard Gia-long prolongé).* (do ông Nguyễn Xuân-Lan giới-thiệu).

10. — *Ông Vũ Ngọc-Cửu, secrétaire à la Compagnie du Yunnan (V. et B.) 122, Route de Huế* (do ông Nguyễn Xuân-Lan giới-thiệu).

11. — *Ông Nguyễn Văn-Tác, tham-tá nha Thương-chính, 92 Rue des Eventails, Hanoi* (do ông Nguyễn Truân giới-thiệu)

12 *Ông Nguyễn Xuân-Tảo, Comptable chez MM. Chanson et Cie, 58, Rue Poul Bert, Hanoi* (do ông Nguyễn Thành giới-thiệu).

13. — *Ông Trần Trung-Hòa, Công-chính chuyên-môn tá-sự, phố nhà Thờ số 9 Hanoi.* (do ông Nguyễn Thành giới-thiệu).

14. — *Ông Phan Bá-Cần, buôn-bán,*

ở phố Hàng Gai, số 82 bis, Hà-nội (đã có chân thường hội-viên).

15 — *Ông Nguyễn Trọng-Thạc, 34 tuổi, thư-ký sở Kho bạc, 44 phố Hàng Tre Hà-nội.*

16 — *Phạm Gia-Khánh, 25 tuổi, thamtá sở Kho bạc, 77 phố Hàng Bồ, Hà-nội.*

17. — *Ông Nguyễn Văn-Thiệp, 25 tuổi, thư-ký Sở kho bạc, 50 phố Hàng Bè Hà-nội.*

18. — *Ông Trần Tấn-Thọ, 23 tuổi, thư-ký sở Kho bạc, 17 phố Résident de Miribel, Hanoi.*

19. — *Ông Ta Văn-Thất, 33 tuổi, thư-ký sở Kho bạc, 163 Route de Huế, Hanoi.*

20. — *Ông Nguyễn Văn-Khoát, 24 tuổi, thư-ký sở Kho bạc, 31 phố Hàng Bạc, Hà-nội.*

∴

Hội-viên mới. — *Những ông kê tên sau này có giấy xin vào Hội, đã đăng báo số 89 (Novembre 1924), nay hết hạn hai tháng không có ai đi-nghị được nhận vào Hội kể từ ngày 1er Avril 1925.*

Vào chân chủ-trì. — *Ông Đoàn Tinh-Canh, — Đỗ Văn-Tuy, — Hoàng Kiều-Trường, — Lê Viết-Lượng, — Nguyễn Khắc-Tụng, — Phạm Quang-Diễn.*

∴

Danh-dự hội-viên Tây. — *Trong tháng mới rồi Hội ta mới thêm được mấy ông danh-dự-hội-viên Tây như sau này :*

1. — *M. Krauthsimer, Résident Supérieur [illegible] i. au Tonkin* (Hội tặng chức danh-dự hội-trưởng)

2. — *M. F. Brachet, inspecteur de l'Instruction publique.* (vừa vào chân chủ-trì hội-viên nữa).

3. — *M me Changeant, directrice de l'Ecole franco-annamite des jeunes filles, boulevard Doudart de Lagrée.*

4. — *Mme Duron, directrice de l'Ecole Brieux* (vào chân chủ-trì, đã đóng 20$)

5 — *M. Imbert, directeur de l'Ecole normale d'Instituteurs* (vào chân chủ-trì)

6. — *M. Lafferranderie, chef du Service de l'Enseignement au Tonkin* (vào chân chủ-trì).

7. — *M. Pergier, Résident de Franco à Hưng-yên* (vào chân chủ-trì, đã nộp 20$).

8. — *M. C. Rosmann, Professeur à l'Ecole normale d'Intituteurs* (vào chân chủ-trì)

9. — *M. Wilkin, directeur de France Indochine,* (vào chân chủ-trì).

∴

Xin ra Hội. — *Ông Lưu Đức-Trinh, buôn-bán ở Fort-Bayard, có chân chủ-trì, nay đổi sang ở bên Lào, xin ra Hội. Vậy kể từ ngày 1er Mars 1925 ông không có chân Hội Khai-Trí nữa.*

∴

Biên-bản kỳ hội-đồng quản-trị ngày 15 tháng 3 năm 1925.

Ngày chủ-nhật 15 tháng 3 năm 1925, hồi 3 giờ chiều, Hội-đồng Quản-trị Hội Khai-trí họp tại nhà Hội để xét các việc sau này :

1/ Việc ông quyền Hội-trưởng sắp về Tây ;

2/ Định ngày đại-hội-đồng và dự-bị về việc đại-hội-đồng ;

3/ Vấn-đề di-dân lên mạn ngược (lời thỉnh-cầu của ông Nguyễn Tất-Tế);

4/ Vấn-đề ấu-trĩ-viên ;

5/ Việc linh-tinh.

Có mặt những ông sau này : Hoàng Trọng-Phu, Nguyễn Năng-Quốc, Nguyễn Văn-Vĩnh, Phạm Quỳnh, Lê Văn-Đính, Nguyễn Tất-Tế, Vũ Ngọc-Oánh, Nguyễn Lễ, Lê Văn-Phúc, Phạm Huy-Lục, Nguyễn Văn-Luận, Trần Trọng-Kim, Lê Thanh-Ý, Nguyễn Thành.

Các ông có giấy cáo : Trần Văn-Thông, Mai Trung-Cát, Dương Bá-Trạc.

Ông quyền Hội-trưởng Marty chủ-tọa.

1. — *Ông Marty trình với hội-đồng rằng đến 15 tháng 4 tây ông sẽ về Tây nghỉ. Ông nhận quyền chức Hội-trưởng là vì ông Hội-trưởng Hoàng mệt-nhọc, muốn nghỉ việc ít lâu, nay đã khỏi xin lại phục chức cũ. Hội-đồng cũng đồng-thanh xin với ông Chánh Hội-trưởng đến tháng sau ông Marty về Tây thời lại nhận chức cũ. Ông Chánh Hội-trưởng bằng lòng.*

2. — *Hội-đồng định kỳ đại-hội-đồng thường-niên vào ngày chủ-nhật 3 tháng*

5, và định chương-trình đại-hội-đồng như mọi năm. Đại-hội-đồng năm nay phải bầu lại 12 ông trong Hội-đồng quản-trị bị rút thăm năm ngoái. (Nguyễn Văn-Vĩnh, Từ Đạm, Marty, Phạm Huy-Lục, Lagrèze, Lê Trung-Ngọc, Nguyễn Hữu-Thu, Mai Trung-Cát, Nguyễn Năng-Quốc, Trần Văn-Thông, Đặng Đức-Cường, Nguyễn Tất-Tế). Hội-đồng xét ra trong 12 ông ấy có nhiều ông vì mắc bận hay vì ở xa, không mấy khi đến họp việc Hội, vậy định kê thêm 2 ông tây và 2 ông An-Nam nữa để đại-hội-đồng lựa chọn mà thay vào: hai ông Tây là Lafferranderie và Bonifacy; hai ông An-Nam là Vi Văn-Định và Trịnh Văn-Hợi. — Hội-đồng lại cử hai tiểu-hội-đồng một hội-đồng để kiểm quĩ chánh, có ba ông: Trịnh Xuân-Nghĩa, Phạm Văn-Duyệt và Lê Nguyên-Úc: một hội-đồng để kiểm quĩ và đồ-đạc nhà Cercle, có ba ông: Nguyễn Lễ, Nguyễn Truân và Trịnh Văn-Hợi. Hai Hội-đồng ấy phải làm biên-bản đọc cho đại-hội-đồng biết.

3. — Ông Nguyễn Tất-Tế, Tuần-phủ Cao-bằng, bàn với Hội nên cổ-động việc di-dân trung-châu lên mạn ngược, và mở lạc-quyên để giúp sự di-dân ấy. Ông nói ông sẵn lòng xin thí-nghiệm ở tỉnh Cao-bằng. Ông Marty nói rằng tối hôm qua họp hội-đồng bảo-trợ tây đã bàn qua về việc ấy, thời ý-kiến của phần nhiều ông Tây là việc di-dân lên thượng-du khó lắm, họa may lên miền trung-du còn có thể được, nhưng phải sức nhà-nước mới làm được, chứ một Hội dẫu có thế-lực thế nào cũng không đương nổi. Ông Hoàng Trọng-Phu, Nguyễn Năng-Quốc, Lê Văn-Đinh, Vũ Ngọc-Oánh, Nguyễn Văn-Vĩnh, Nguyễn Thành, đều thảo-luận về vấn-đề ấy một hồi lâu, nhưng kết-luận thì ai cũng cho là việc khó, phải nghiên-cứu cho tường-tận, có chắc làm được thời hẵng nên khởi-hành. Vậy Hội-đồng xin ông Nguyễn Tất-Tế dự-thảo một cái chương-trình tường-tận để mở một cuộc điều-tra trong các hội viên về vấn-đề di-dân xem ý-kiến chung thế nào.

4 — Ông Marty bàn với Hội-đồng nên sửa lại điều-lệ ấu-trĩ-viên, hiện nay khi phiên, và đặt ra một ban ủy-viên 10 người coi về việc ấu-trĩ-viên. Hội-đồng định cử các ủy-viên như sau này:

Chánh ủy-hội	Ông Lafferranderie.
Phó ủy-hội	Ông Nguyễn Năng-Quốc.
Phó ủy-hội	Ông Vũ Ngọc-Oánh.
Ủy-viên	Bà Duron.
«	Bà Đào Huống-Mai.
«	Bà Nguyễn Lễ.
«	Ông Janvier.
«	Ông Trần Trọng-Kim.
«	Ông Nguyễn Qui-Toản.
Thư-ký	Ông Lê Thành-Ý.

Lại cử một người tổng-quản-đốc các Ấu-trĩ-viên là bà CHANGEANT.

5. — Hội-đồng xét đơn của ông Hoàng Hữu-Đôn Tri-phủ Thái-ninh (Thái-bình) xin trợ-cấp 300$ cho làng Trực-nội hạt ấy để làm một sở ấu-trĩ-viên, và đơn của ông Nguyễn Lễ đốc trường Thể-dục xin trợ-cấp 300$ cho trường ấy. Ông Marty bàn với Hội-đồng nên chuẩn-y cho hai món trợ-cấp đó. Hội-đồng bằng lòng.

5 giờ rưỡi Hội-đồng giải-tán.

Thư-ký	Hội-trưởng
Phạm Quỳnh	L. Marty

. . .

Họp hội-đồng bảo-trợ Tây. — Hội ta từ khi lập Hội-đồng bảo-trợ Tây (Comité de patronage français) chưa họp bao giờ, vậy ông quyền hội-trưởng Marty, tối ngày thứ bảy 14 Mars 1925, có họp cả các qui-quan có chân hội-đồng để trình các công-việc Hội cho các ngài biết. Các ông đến dự hội-đồng như sau này: Tissot, Lafferranderie, Marquet, Brachet, Bonifacy, Delsalle, Paris, Wilkin, Janvier, Crévost, Vayrac, De Feyssal, Boudet, Favreau, MMmes Changeant et Duron. Các ông trị-sự Hội: Hoàng Trọng-Phu, Nguyễn Hữu-Thu, Bạch Thái-Bưởi, Nguyễn Năng-Quốc, Phạm Quỳnh, Lê Văn-Phúc, Nguyễn Văn-Vĩnh, Đỗ Thận, Trần Trọng-Kim, Lê Thành-Ý, Nguyễn Thành, cũng có đến dự. — Ông Marty kể tường về công-việc Hội cho Hội-đồng nghe thì Hội-đồng đều biểu-đồng-tình cả, và khuyên tòa trị-sự nên cứ theo đường-lối như thế mà làm. — Làm Chánh Hội-đồng bảo-trợ là quan nguyên-khâm-sứ Tissot.